

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
Đàm thoại, vấn đáp	Đưa một số nội dung quan trọng liên quan đến nội dung bài học có tính thời sự, để người học thảo luận.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Nêu vấn đề, gợi mở	Định hướng nội dung giúp người học đi đúng trọng tâm của bài.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
Kết luận và giao bài tập về nhà	Thông nhất các quan điểm của người học, đưa ra quan điểm đúng nhất.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO7, CLO8

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Bài học	Nội dung	CĐR học phần
[Bài 1] [2 tiết]	ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN HỌC 1. Đối tượng nghiên cứu 1.1. Nghiên cứu về đường lối quân sự của Đảng 1.2. Nghiên cứu về công tác quốc phòng an ninh 1.3. Nghiên cứu về quân sự và kỹ năng quân sự cần thiết 2. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu 2.1. Cơ sở phương pháp luận 2.2. Các phương pháp nghiên cứu 3. Giới thiệu về môn học giáo dục quốc phòng,- an ninh 3.1. Đặc điểm môn học 3.2. Chương trình 3.3. Đội ngũ giảng viên và cơ sở thiết bị dạy học 3.4. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
Bài 2] [4 tiết] [LT2 tiết]	QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHIẾN TRANH QUÂN ĐỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC 1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí	CLO1 CLO2 CLO5 CLO7

<p>[TL2 tiết]</p>	<p>Minh về chiến tranh.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về chiến tranh. 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh. 3. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội. <ol style="list-style-type: none"> 3.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về quân đội. 3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội. 4. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về bảo vệ Tổ quốc. <ol style="list-style-type: none"> 4.1. Bảo vệ Tổ quốc XHCN là một tất yếu khách quan. 4.2. Bảo vệ Tổ quốc XHCN là nghĩa vụ, trách nhiệm của toàn dân tộc, toàn thể giai cấp công nhân và nhân dân lao động. 4.3. Bảo vệ Tổ quốc XHCN, phải thường xuyên tăng cường tiềm lực quốc phòng gắn với phát triển kinh tế - xã hội. 4.4. Đảng cộng sản lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN. 5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. <ol style="list-style-type: none"> 5.1. Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN là một tất yếu khách quan. 5.2. Mục tiêu bảo vệ Tổ quốc là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, là nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi công dân. 5.3. Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc, cả nước, kết hợp với sức mạnh thời đại. 5.4. Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. 6. Thảo luận. 7. Hướng dẫn nghiên cứu. 	<p>CLO8</p>
<p>[Bài 3] [4 tiết]</p>	<p>XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, AN NINH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Vị trí, đặc trưng nền QPTD, ANND. <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Vị trí. 1.2. Đặc trưng. 2. Xây dựng nền QPTD, ANND vững mạnh để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Mục đích xây dựng nền QPTD, ANND vững mạnh hiện nay. 2.2. Nhiệm vụ xây dựng nền QPTD, ANND vững mạnh hiện nay. 2.3. Xây dựng tiềm lực QPAN ngày càng vững mạnh. 2.4. Xây dựng thế trận QPTD, ANND vững mạnh. 	<p>CLO5 CLO7 CLO8</p>

	<p>3. Một số biện pháp chính xây dựng nền QPTD, ANND hiện nay.</p> <p>3.1. Thường xuyên thực hiện GDQPAN.</p> <p>3.2. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của nhà nước, trách nhiệm triển khai thực hiện của các cơ quan, tổ chức và nhân dân đối với xây dựng nền QPTD, ANND.</p> <p>3.3. Nâng cao ý thức, trách nhiệm công dân cho sinh viên trong xây dựng nền QPTD, ANND.</p> <p>4. Hướng dẫn nghiên cứu.</p>	
<p>[Bài 4] [4 tiết]</p>	<p>CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA</p> <p>1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.</p> <p>1.1. Khái niệm chiến tranh nhân dân.</p> <p>1.2. Quan điểm CNMLN về Chiến tranh nhân dân.</p> <p>1.3. Lịch sử chiến tranh nhân dân của ông cha ta.</p> <p>2. Mục đích, đối tượng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.</p> <p>3. Tính chất, đặc điểm của chiến tranh nhân dân Việt Nam bảo vệ Tổ quốc.</p> <p>4. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.</p> <p>4.1. Tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc, lấy LLVTND làm nòng cốt. Kết hợp tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của các binh đoàn chủ lực.</p> <p>4.2. Tiến hành chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá và tư tưởng, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để giành thắng lợi trong chiến tranh.</p> <p>4.3. Chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực để đủ sức đánh được lâu dài, ra sức thu hẹp không gian, rút ngắn thời gian của chiến tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt.</p> <p>4.4. Kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa kháng chiến vừa xây dựng, ra sức sản xuất thực hành tiết kiệm giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng, ta càng đánh càng mạnh.</p> <p>4.5. Kết hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hành động phá hoại gây bạo loạn.</p> <p>4.6. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5</p>

	<p>huy tinh thần tự lực tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới.</p> <p>5. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.</p> <p>5.1. Tổ chức thể trận chiến tranh nhân dân.</p> <p>5.2. Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân.</p> <p>5.3. Phối hợp chặt chẽ chống quân địch tiến công từ bên ngoài vào và bạo loạn lật đổ từ bên trong.</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ.</p>	
<p>[Bài 5] [4 tiết]</p>	<p>XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VIỆT NAM</p> <p>1. Đặc điểm và những quan điểm nguyên tắc cơ bản xây dựng LLVTND.</p> <p>1.1. Khái niệm.</p> <p>1.2. Đặc điểm liên quan đến xây dựng LLVTND.</p> <p>1.3. Những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng LLVTND trong thời kỳ mới.</p> <p>2. Phương hướng xây dựng LLVTND trong thời kỳ mới</p> <p>2.1. Xây dựng quân đội, công an nhân dân theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.</p> <p>2.2. Xây dựng LLDBĐV.</p> <p>2.3. Xây dựng LLDQTV.</p> <p>3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng LLVTND.</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5</p>
<p>Bài [6] [4 tiết]</p>	<p>KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VỚI TĂNG CƯỜNG CUNG CỐ QUỐC PHÒNG - AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI.</p> <p>1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng-an ninh.</p> <p>1.1. Cơ sở lý luận của sự kết hợp.</p> <p>1.2. Cơ sở thực tiễn của sự kết hợp.</p> <p>2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay.</p> <p>2.1. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.</p> <p>2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ.</p> <p>2.3. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu.</p> <p>2.4. Kết hợp trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ</p>	

	<p>quốc.</p> <p>2.5. Kết hợp trong hoạt động đối ngoại.</p> <p>3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế- xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh ở Việt Nam hiện nay.</p> <p>3.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lí nhà nước của chính quyền các cấp trong thực hiện kết hợp tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng- an ninh.</p> <p>3.2. Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kinh nghiệm kết hợp tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh cho các đối tượng.</p> <p>3.3. Xây dựng chiến lược tổng thể kết hợp tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh trong thời kì mới.</p> <p>3.4. Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách có liên quan đến thực hiện kết hợp tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh trong tình hình mới.</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ</p>	
<p>[Bài 7] [6 tiết] [LT4 Tiết] [TL2 tiết]</p>	<p>NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ LỊCH SỬ NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VIỆT NAM</p> <p>1. Mục đích, yêu cầu.</p> <p>2. Nội dung.</p> <p>2.1. Truyền thống và nghệ thuật đánh giặc của cha ông ta.</p> <p>2.1.1. Đất nước trong Bài đầu lịch sử.</p> <p>2.1.2. Những yếu tố tác động đến việc hình thành nghệ thuật đánh giặc.</p> <p>2.1.3. Các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh chống xâm lược.</p> <p>2.1.4. Nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta.</p> <p>2.2. NTQS Việt Nam từ khi có Đảng.</p> <p>2.2.1. Cơ sở hình thành NTQS Việt Nam.</p> <p>2.2.2. Nội dung NTQS Việt Nam từ khi có Đảng.</p> <p>2.3. Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về NTQS vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới và trách nhiệm của sinh viên.</p> <p>2.3.1. Quán triệt tư tưởng tích cực tiến công.</p> <p>2.3.2. NTQS toàn dân đánh giặc.</p> <p>2.3.3. Nghệ thuật tạo sức mạnh tổng hợp bằng lực, thế, thời và mưu kế.</p> <p>2.3.4. Quán triệt tư tưởng lấy ít đánh nhiều, biết tập trung ưu thế lực lượng cần thiết để đánh thắng địch.</p> <p>2.3.5. Kết hợp tiêu hao, tiêu diệt địch với bảo vệ vững chắc</p>	<p>CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7</p>

	<p>các mục tiêu.</p> <p>2.3.6. Trách nhiệm của sinh viên.</p> <p>3. Thảo luận</p> <p>4. Hướng dẫn nghiên cứu.</p>	
<p>[Bài 8] [4 tiết]</p>	<p>Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới</p> <p>1. Mục đích yêu cầu.</p> <p>2. Nội dung</p> <p>2.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia</p> <p>2.1.1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia</p> <p>2.1.2. Nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia</p> <p>2.2. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia.</p> <p>2.2.1. Biên giới quốc gia</p> <p>2.2.2. Nội dung xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia</p> <p>2.3. Quan điểm của đảng và nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.</p> <p>2.3.1. Quan điểm</p> <p>2.3.2. Trách nhiệm công dân trong xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia. Mọi công dân Việt Nam đều có nghĩa vụ, trách nhiệm xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia Việt Nam.</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5</p>
<p>[Bài 9] [6 tiết] [LT 4 tiết] [TL 2 tiết]</p>	<p>XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ, DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN VÀ ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG</p> <p>1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ.</p> <p>1.1. Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ.</p> <p>1.2. Nội dung xây dựng dân quân tự vệ.</p> <p>1.3. Một số biện pháp xây dựng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay.</p> <p>2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên.</p> <p>2.1. Khái niệm, vị trí vai trò, những quan điểm nguyên tắc.</p> <p>2.2. Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên.</p> <p>2.3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên.</p> <p>2.4. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên.</p> <p>3. Động viên công nghiệp quốc phòng.</p> <p>3.1. Khái niệm, nguyên tắc, yêu cầu động viên công nghiệp quốc phòng.</p>	<p>CLO3 CLO4 CLO5</p>

	<p>3.2. Một số nội dung động viên công nghiệp quốc phòng.</p> <p>3.3. Thực hành động viên công nghiệp quốc phòng.</p> <p>3.4. Một số biện pháp chính thực hiện động viên công nghiệp quốc phòng.</p> <p>4. Thảo luận.</p>	
<p>[Bài 10] [4 tiết] [LT 2 tiết] [TL 2 tiết]</p>	<p>XÂY DỰNG PHONG TRÀO TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC</p> <p>1. Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.</p> <p>1.1. Quan điểm về quần chúng nhân dân và vai trò của quần chúng nhân dân trong bảo vệ an ninh Tổ quốc.</p> <p>1.2. Nhận thức về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.</p> <p>2. Nội dung phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.</p> <p>2.1. Nội dung cơ bản của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.</p> <p>2.2. Phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.</p> <p>3. Trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.</p> <p>3.1. Mỗi sinh viên phải có nhận thức đúng đắn đầy đủ về trách nhiệm công dân đối với công cuộc bảo vệ an ninh – trật tự của Tổ quốc. Đây là một nhiệm vụ quan trọng để giữ gìn cuộc sống bình yên cho nhân dân và làm cơ sở nền tảng cho sự phát triển đất nước.</p> <p>3.2. Mỗi sinh viên tự giác chấp hành các quy định về đảm bảo an ninh trật tự của nhà trường và của địa phương nơi cư trú.</p> <p>3.3. Tích cực tham gia vào các phong trào bảo vệ an ninh trật tự của địa phương.</p> <p>3.4. Luôn luôn nêu cao ý thức cảnh giác, tích cực tham gia hoạt động phòng chống tội phạm ở địa phương, phát hiện những hiện tượng tiêu cực, những hành vi vi phạm pháp luật xảy ra trong nhà trường và nơi cư trú kịp thời, cung cấp cho cơ quan công an để có biện pháp ngăn chặn và giải quyết.</p> <p>4. Thảo luận.</p>	<p>CLO3 CLO4 CLO5</p>
<p>[Bài 11] [3 tiết]</p>	<p>NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ AN NINH QUỐC GIA VÀ GIỮ GÌN TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI</p> <p>1. Các khái niệm và nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.</p> <p>1.1. Các khái niệm cơ bản.</p>	<p>CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6</p>

<p>1.2. Nội dung bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>2. Tình hình an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.</p> <p>2.1. Một số nét về tình hình an ninh quốc gia.</p> <p>2.2. Tình hình về trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>3. Dự báo tình hình an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trong thời gian tới.</p> <p>3.1. Tình hình quốc tế trong thời gian tới sẽ diễn biến phức tạp hơn.</p> <p>3.2. Tình hình khu vực Đông Nam Á vẫn còn tiềm ẩn nhiều nhân tố mất ổn định.</p> <p>3.3. Những thuận lợi và khó khăn trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội ở Việt Nam trong những năm tới</p> <p>4. Đối tác và đối tượng đấu tranh trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội..</p> <p>4.1. Đối tượng xâm phạm an ninh quốc gia</p> <p>4.2. Đối tượng xâm phạm về trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>4.3. Các tai nạn, tệ nạn xã hội.</p> <p>5. Một số quan điểm của Đảng, Nhà nước trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>5.1. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, nhân dân làm chủ, công an là lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>5.2. Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ xây dựng với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.</p> <p>5.3. Bảo vệ an ninh quốc gia phải kết hợp chặt chẽ với giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>6. Vai trò trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.</p> <p>6.1. Quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>6.2. Trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.</p>	<p>CLO7</p> <p>CLO8</p>
--	-------------------------

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR học phần	Trọng số
1	Điểm quá trình (<i>Chuyên cần</i> + <i>Kiểm tra giữa học phần/2</i>)	- Lên, xuống lớp đúng thời gian. Thực hiện tốt tác phong mang mặc, nội quy quy định trong giờ học. Không vắng học, bỏ tiết... - Một vài nội dung cơ bản về “Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam”.	Suốt quá trình học Kết thúc bài 6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO8	Chuyên cần 20% Kiểm tra 20%
3	Thi cuối kỳ	- Thi tự luận (online, trực tiếp) - Nội dung: Kiến thức và bài tập của toàn bộ chương trình học phần 1 “Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam”.	Theo kế hoạch của Trung tâm	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: NGUYỄN THANH NGỌC
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Email: nguyenthanhngoc@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0905295050

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: VŨ ĐỨC LUÂN
- Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân GDQP
- Email: vuducluan@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0986874724

9.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: LÊ ANH TUẤN
- Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân GDQP
- Email: tuandhqn@yahoo.com.vn Điện thoại liên hệ: 0906292753

9.4. Giảng viên 4

- Họ và tên: PHẠM VĂN HÀ
- Chức danh, học hàm, học vị: Trung tá. Cử nhân Quân sự

- Email: phamvanha@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0985013319

9.5. Giảng viên 5

- Họ và tên: TRẦN MINH THUẬN
 - Chức danh, học hàm, học vị: Trung tá. Cử nhân Quân sự
 - Email: tranminhthuan@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0934706076

9.6. Giảng viên 6

- Họ và tên: PHẠM VĂN KHƯƠNG
 - Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân GDQP
 - Email: phamvankhuong@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0987082240

9.7. Giảng viên 7

- Họ và tên: NGUYỄN HUY BẢO HOÀNG
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Email: nguyenhuybaohoang@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0974059719

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	- Giảng dạy đúng giờ, đúng số tiết quy định - Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình môn học.
Yêu cầu đối với sinh viên	- Tích cực, chủ động trong học tập. Làm bài tập và chuẩn bị bài đầy đủ
Quy định về tham dự lớp học	- Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học
Quy định về hành vi trong lớp học	- Nghiêm túc trong học tập, tích cực chủ động tham gia xây dựng bài. - Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định - Sinh viên tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người học khác.
Quy định về học vụ	- Các vấn đề liên quan đến bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, phúc khảo được thực hiện theo quy định hiện hành Trung tâm
Các quy định khác	- Thực hiện theo quy định đào tạo của Trung tâm.

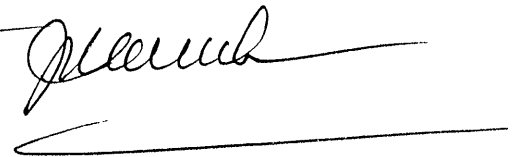
Bình Định, ngày 25 tháng 1 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

P.GIÁM ĐỐC





ThS. Nguyễn Thanh Ngọc

ThS. Nguyễn Thanh Ngọc

TS. Nguyễn Thanh Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: Công tác quốc phòng, an ninh

Mã học phần: 115002

Tên tiếng Anh: National Defense and Security Works

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: **Công tác quốc phòng, an ninh**
- Mã học phần: 115002 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Sinh viên phải được học về “Đường lối Quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam”
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động: Tổng: 30 tiết
 - + Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp:
 - + Thảo luận: 08 tiết
 - + Thực hành, thực tập:
 - + Hoạt động theo nhóm:
 - + Tự học:
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Chính trị - Quân sự/Trung tâm GDQPAN

2. Mô tả học phần

Học phần được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

3. Mục tiêu của học phần

- Kiến thức

+ CO1: Nắm được những quan điểm của Đảng về quốc phòng - an ninh trong phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam.

+ CO2: Hiểu và phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; bảo đảm trật tự an toàn giao thông; tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm người khác; vi phạm pháp luật trên không gian mạng. An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.

- Kỹ năng

+ CO3: Xác định hình thành và phát triển năng lực tư duy, phê phán, giải quyết vấn đề. Rèn luyện được một số kỹ năng xã hội cơ bản như làm việc độc lập, làm việc nhóm, hợp tác, chia sẻ, thích ứng.

+ CO4: Có kỹ năng vận dụng lí luận, phương pháp và phân tích các vấn đề chính trị, xã hội; kỹ năng nêu gương, kỹ năng đối thoại, thuyết phục các vấn đề chính trị xã hội.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Nắm vững đối tượng, phương pháp, nội dung nghiên cứu môn học GDQPAN, rèn luyện, tu dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực. Trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc và CNXH, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

+ CO6: xác định trách nhiệm, động cơ đúng trong học tập môn học GDQPAN. Tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền QPTD, ANND ngay từ khi đang còn học tập, rèn luyện trong nhà trường và ở mỗi vị trí công tác tiếp theo.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao.

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
Kiến thức				
CO1 CO2	CLO1	Phân tích kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng về quốc phòng-an ninh trong phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam.		M

CO1 CO2 CO3	CLO2	Xác định được một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam.		M
CO1 CO2 CO3 CO4	CLO3	Xác định được các nội dung về phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; bảo đảm trật tự an toàn giao thông; tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm người khác; vi phạm pháp luật trên không gian mạng. An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.		M
Kỹ năng				
CO2 CO3 CO4 CO5	CLO4	Nhận thức được vai trò quan trọng của đường lối quan điểm của Đảng đối với quốc phòng an ninh.		M
CO2 CO3 CO4 CO5 CO6	CLO5	Xây dựng khả năng tự tìm kiếm tài liệu liên quan đến môn học và thực hiện được các nội dung của tài liệu;		M
CO2 CO3 CO4 CO5 CO6	CLO6	Có kỹ năng làm việc nhóm, khả năng tự học, tự nghiên cứu, có khả năng phân tích, phản biện xã hội; kỹ năng phản biện xã hội, kỹ năng thuyết phục khi gặp các vấn đề liên quan đến chính trị xã hội và quốc phòng an ninh.		M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO1 CO2 CO3 CO4 CO5 CO6	CLO7	Nhận thức được bối cảnh xã hội tác động đến an ninh quốc phòng và vận dụng kiến thức quốc phòng, an ninh vào thực tiễn. Chủ động nghiên cứu đối tượng, phương pháp, nội dung môn học GDQP-AN		M

CO3 CO4 CO5 CO6	CLO8	Xây dựng được lối sống lành mạnh, ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong quân đội. Vận dụng xây dựng, củng cố nền QPTD, ANND ngay từ khi đang còn học tập, rèn luyện trong nhà trường và ở mỗi vị trí công tác tiếp theo sau khi ra trường.	M
--------------------------	------	--	---

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	<p>[1] Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng. Nhà xuất bản Giáo dục 2016.</p> <p>[2] Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2012.</p>
Tài liệu tham khảo:	<p>[1] Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII”, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.</p> <p>[2] Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.</p> <p>[3] Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.</p> <p>[4] Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.</p> <p>[5] Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.</p> <p>[6] Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.</p> <p>[7] Điều lệnh quản lý bộ đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.</p> <p>[8] Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục quân huấn, BTTM, năm 1997.</p> <p>[9] Sách dạy bắn súng trung liên RPĐ, Cục quân huấn, BTTM, năm 2000.</p> <p>[10] Sách dạy bắn súng diệt tăng B41, Cục quân huấn, BTTM, năm 2002.</p>
Các loại học liệu khác	

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1 CLO2, CLO3 CLO4, CLO5
Đàm thoại, vấn đáp	Đưa một số nội dung quan trọng liên quan đến nội dung bài học có tính thời sự, để người học thảo luận.	CLO1 CLO2 CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Nêu vấn đề, gợi mở	Định hướng nội dung giúp người học đi đúng trọng tâm của bài.	CLO1 CLO2, CLO3 CLO4, CLO5
Kết luận và giao bài tập về nhà	Thông nhất các quan điểm của người học, đưa ra quan điểm đúng nhất.	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4, CLO5, CLO7, CLO8

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Bài học	Nội dung	CĐR học phần
[Bài 1] [4 tiết]	<p>1. PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC “DIỄN BIẾN HÒA BÌNH”, BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM</p> <p>1. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội.</p> <p>1.1. Khái niệm.</p> <p>1.2. Sự hình thành và phát triển của chiến lược “Diễn biến hoà bình”.</p> <p>1.3. Bạo loạn lật đổ.</p> <p>2. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam.</p> <p>2.1. Âm mưu thủ đoạn của chiến lược “Diễn biến hoà bình” đối với Việt Nam.</p> <p>2.2. Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng</p>	CLO1 CLO5 CLO6

	<p>Việt Nam.</p> <p>3. Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm và phương châm phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, Bạo loạn lật đổ của Đảng, nhà nước ta.</p> <p>3.1. Mục tiêu.</p> <p>3.2. Nhiệm vụ.</p> <p>3.3. Quan điểm chỉ đạo.</p> <p>3.4. Phương châm tiến hành.</p> <p>4. Những giải pháp phòng, chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay.</p> <p>4.1. Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế.</p> <p>4.2. Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ.</p> <p>4.3. Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân.</p> <p>4.4. Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt.</p> <p>4.5. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh.</p> <p>4.6. Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của địch.</p> <p>4.7. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động.</p>	
<p>Bài [2] [6 tiết] [LT4tiết] [TL2tiết]</p>	<p>Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam</p> <p>I. Mục đích yêu cầu.</p> <p>II. Nội dung</p> <p>1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc.</p> <p>1.1. Một số vấn đề chung về dân tộc</p> <p>1.2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam và quan điểm chính sách dân tộc của Đảng Nhà nước ta hiện nay</p> <p>2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo.</p> <p>2.1. Một số vấn đề chung về tôn giáo</p> <p>2.2. Nguồn gốc của tôn giáo</p> <p>2.3. Tình hình tôn giáo trên thế giới và quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin về giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa</p>	<p>CLO2</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p> <p>CLO8</p>

	<p>2.4. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay.</p> <p>3. Đấu tranh phòng chống lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam.</p> <p>3.1. Âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch</p> <p>3.2. Thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch</p> <p>3.3. Giải pháp đấu tranh phòng, chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch</p> <p>4. Thảo luận.</p>	
<p>[Bài 3] [4 tiết]</p>	<p>Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường</p> <p>3.1. Các khái niệm về môi trường</p> <p>3.1.1. Môi trường</p> <p>3.1.2. Thành phần và chức năng của môi trường</p> <p>3.1.3. Quan hệ giữa môi trường và phát triển</p> <p>3.2. Những vấn đề môi trường trên thế giới và ở Việt Nam.</p> <p>3.2.1. Những vấn đề môi trường trên thế giới.</p> <p>3.2.2. Những vấn đề môi trường ở Việt Nam.</p> <p>3.3. Các biện pháp phòng chống vi phạm pháp luật về môi trường</p> <p>3.3.1. Luật bảo vệ môi trường</p> <p>3.3.2. Các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường</p> <p>3.3.3. Các biện pháp phòng chống vi phạm pháp luật về môi trường.</p> <p>3.3.3. Trách nhiệm của sinh viên về môi trường.</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ.</p>	<p>CLO3</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p> <p>CLO8</p>
<p>[Bài 4] [4 tiết]</p>	<p>Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông</p> <p>1. An toàn giao thông và các khái niệm.</p> <p>2. Các yếu tố ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông</p> <p>3. Nguyên tắc đảm bảo an toàn giao thông đường bộ</p> <p>4. Các hành vi bị nghiêm cấm</p> <p>5. Quy tắc giao thông đường bộ</p> <p>5.1. Quy tắc chung</p> <p>5.2. Hệ thống báo hiệu đường bộ</p> <p>5.3. Quy tắc riêng</p> <p>6. Phương tiện và người điều khiển phương tiện tham gia giao thông</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p> <p>CLO8</p>

	đường bộ	
<p>[Bài 5] [4 tiết] [LT2tiết] [TL2tiết]</p>	<p>Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác</p> <p>5.1. Những vấn đề lý luận và lịch sử về các tội xâm phạm nhân phẩm danh dự của con người.</p> <p>5.1.1. Khái niệm các tội xâm phạm nhân phẩm danh dự của con người.</p> <p>5.1.2. Các dấu hiệu pháp lý hình sự của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.</p> <p>5.1.3. Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người theo quy định của luật hình sự một số nước trên thế giới.</p> <p>5.2. Quy định của bộ luật hình sự năm 2015 và thực tiễn áp dụng các quy định về các tội xâm phạm nhân phẩm danh dự của con người.</p> <p>5.2.1. Quy định của bộ luật hình sự năm 2015.</p> <p>5.2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định về các tội xâm phạm nhân phẩm danh dự của con người.</p> <p>5.3. Các hành vi vi phạm tội xâm phạm nhân phẩm danh dự của con người.</p> <p>5.3.1. Các biện pháp ngăn ngừa, xử lý các hành vi vi phạm tội xâm phạm nhân phẩm danh dự của con người</p> <p>5.3.2. Trách nhiệm của sinh viên với công tác phòng chống các hành vi vi phạm tội xâm phạm nhân phẩm danh dự của con người</p> <p>6. Thảo luận.</p>	<p>CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8</p>
<p>[Bài 6] [4 tiết] [LT2tiết] [TL2tiết]</p>	<p>An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng.</p> <p>1. Sự cần thiết ban hành luật an ninh mạng.</p> <p>1.1. Sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ, không gian mạng.</p> <p>1.2. Sự bùng nổ của công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo đã làm thay đổi không gian mạng sâu sắc kể cả chất và lượng.</p> <p>1.3. Luật an ninh mạng của các nước trên thế giới.</p> <p>1.4. Luật an ninh mạng của Việt Nam.</p> <p>2. Mục đích, ý nghĩa ban hành luật an ninh mạng.</p> <p>2.1. Mục đích ban hành luật an ninh mạng.</p> <p>2.2. Ý nghĩa ban hành luật an ninh mạng</p> <p>3. Nội dung cơ bản của luật an ninh mạng.</p>	<p>CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8</p>

	<p>3.1. Các hành vi bị nghiêm cấm về an ninh mạng</p> <p>3.2. Quy định xử lý các hành vi trên.</p> <p>3.3. Phòng ngừa, xử lý các hành vi xâm phạm an ninh mạng.</p> <p>3.4. Hoạt động bảo vệ an ninh mạng.</p> <p>4. Một số quy tắc khi sử dụng mạng xã hội.</p> <p>4.1. Nhận diện, kiểm chứng thông tin trên mạng xã hội.</p> <p>4.2. Nguyên tắc ứng xử khi tham gia mạng xã hội.</p> <p>5. Trách nhiệm của sinh viên với việc sử dụng không gian mạng.</p>	
<p>[Bài 7] [4 tiết] [LT2tiết] [TL2tiết]</p>	<p>An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam</p> <p>1. Mục đích, yêu cầu</p> <p>2. Nội dung</p> <p>2.1. Khái niệm</p> <p>2.2. Mục tiêu an ninh phi truyền thống</p> <p>2.3. Nội dung về an ninh phi truyền thống</p> <p>2.3.1. Kinh tế</p> <p>2.3.2. Môi trường</p> <p>2.3.3. Chính trị</p> <p>2.3.4. Xã hội</p> <p>2.3.5. Văn hóa</p> <p>2.4. Tác động của toàn cầu hóa đối với an ninh phi truyền thống</p> <p>2.5. Đấu tranh và giải pháp an ninh phi truyền thống ở VN</p> <p>2.5.1. Nguy cơ</p> <p>2.5.2. Giải pháp</p> <p>3. Thảo luận</p> <p>4. Hướng dẫn nghiên cứu</p>	<p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p>

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR học phần	Trọng số
1	Điểm quá trình (Chuyên cần +	- Lên, xuống lớp đúng thời gian. Thực hiện tốt tác phong	Suốt quá trình học	CLO1 CLO2	Chuyên cần

	<i>Kiểm tra giữa học phần/2)</i>	mang mặc, nội quy quy định trong giờ học. Không vắng học, bỏ tiết... - Một vài nội dung cơ bản về “Chiến lược “DBHB” – BLLĐ; Dân tộc, tôn giáo; Nội dung cơ bản về bảo vệ môi trường”.	Kết thúc bài 3	CLO3 CLO4 CLO5 CLO8	20% Kiểm tra 20%
2	Thi cuối kỳ	- Thi tự luận (online, trực tiếp) - Kiến thức và bài tập của toàn bộ chương trình học phần 2 “Công tác Quốc phòng, An ninh”.	Theo kế hoạch của Trung tâm	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: NGUYỄN THANH NGỌC
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Email: nguyenthanhngoc@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0905295050

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: VŨ ĐỨC LUÂN
- Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân GDQP
- Email: vuducluan@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0986874724

9.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: LÊ ANH TUẤN
- Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân GDQP
- Email: tuandhqn@yahoo.com.vn Điện thoại liên hệ: 0906292753

9.4. Giảng viên 4

- Họ và tên: PHẠM VĂN HÀ
- Chức danh, học hàm, học vị: Trung tá. Cử nhân Quân sự
- Email: phamvanha@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0985013319

9.5. Giảng viên 5

- Họ và tên: TRẦN MINH THUẬN

- Chức danh, học hàm, học vị: Trung tá. Cử nhân Quân sự
 - Email: tranminhthuan@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0934706076

9.6. Giảng viên 6

- Họ và tên: PHẠM VĂN KHƯƠNG
 - Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân GDQP
 - Email: phamvankhuong@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0987082240

9.7. Giảng viên 7

- Họ và tên: NGUYỄN HUY BẢO HOÀNG
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
 - Email: nguyenhuybaohoang@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0974059719

10. Các quy định chung

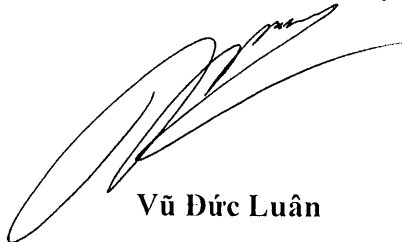
Cam kết của giảng viên	- Giảng dạy đúng giờ, đúng số tiết quy định - Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình môn học.
Yêu cầu đối với sinh viên	- Tích cực, chủ động trong học tập. Làm bài tập và chuẩn bị bài đầy đủ
Quy định về tham dự lớp học	- Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học
Quy định về hành vi trong lớp học	- Nghiêm túc trong học tập, tích cực chủ động tham gia xây dựng bài. - Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định - Sinh viên tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người học khác.
Quy định về học vụ	- Các vấn đề liên quan đến bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, phúc khảo được thực hiện theo quy định hiện hành Trung tâm
Các quy định khác	- Thực hiện theo quy định đào tạo của Trung tâm.

Bình Định, ngày 25 tháng 1 năm 2022

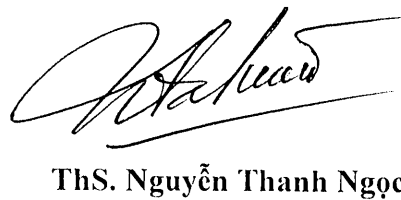
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

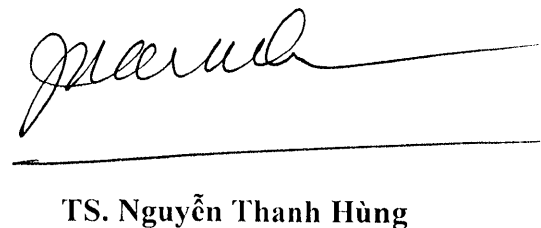
P.GIÁM ĐỐC



Vũ Đức Luân



ThS. Nguyễn Thanh Ngọc



TS. Nguyễn Thanh Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: Quân sự chung
Mã học phần: 115003
Tên tiếng Anh: General Military

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: **Quân sự chung**
- Mã học phần: 115003 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động: Tổng: 30 tiết
 - + Nghe giảng lý thuyết: 14 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp:
 - + Thảo luận:
 - + Thực hành, thực tập: 16 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm:
 - + Tự học:
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Chính trị - Quân sự/Trung tâm GDQPAN

2. Mô tả học phần

Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội, Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự, hiểu được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP – AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường. Biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Vận dụng 3 môn phối hợp một cách linh hoạt trong học tập và cuộc sống.

3. Mục tiêu của học phần

- Kiến thức

+ CO1: Hiểu được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP – AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường. Nắm được nội dung cơ bản về bản đồ địa hình quân sự, thực hành cách đo đạc, vận dụng kiến thức vào thực địa.

+ CO2: Nắm hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội. Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.

- Kỹ năng

+ CO3: Vận dụng các kiến thức về tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Biết thực hành định hướng bản đồ, xác định điểm đứng, xác định tọa độ và chỉ thị mục tiêu, đo cự ly, diện tích...

+ CO4: Xác định phòng tránh khi địch sử dụng vũ khí công nghệ cao. Biết vận dụng nội dung ba môn quân sự phối hợp vào trong học tập và cuộc sống.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Nắm vững đối tượng, phương pháp, nội dung nghiên cứu môn học GDQPAN, rèn luyện rèn luyện cho sinh viên tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật. Trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc và CNXH, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

+ CO6: Xác định trách nhiệm, động cơ đúng trong học tập môn học GDQPAN. Tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền QPTD, ANND ngay từ khi đang còn học tập, rèn luyện trong nhà trường và ở mỗi vị trí công tác tiếp theo.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao.

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
Kiến thức				
CO1 CO2	CLO1	Phân tích được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP – AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường. Xác định được nội dung cơ bản về bản đồ địa hình quân sự, thực hành cách đo đạc, vận dụng kiến thức vào thực địa.		M
CO3 CO4	CLO2	Nhận biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội; nội dung phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.		M

Kỹ năng				
CO3 CO4 CO5 CO6	CLO3	Thực hiện định hướng bản đồ, xác định điểm đứng, xác định tọa độ và chỉ thị mục tiêu, đo cự ly, diện tích... Nhận biết cách phòng tránh khi địch sử dụng vũ khí công nghệ cao		M
CO3 CO4 CO5 CO6	CLO4	Biết vận dụng nội dung ba môn quân sự phối hợp vào trong học tập và cuộc sống		M
CO3 CO4 CO5 CO6	CLO5	Biết vận dụng nội dung ba môn quân sự phối hợp vào trong học tập và cuộc sống.		M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO1 CO2 CO3 CO4	CLO8	Xác định được đối tượng, phương pháp, nội dung nghiên cứu môn học GDQPAN, rèn luyện rèn luyện cho sinh viên tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật.		M
CO1 CO2 CO3 CO4 CO5 CO6	CLO7	Xây dựng tư tưởng trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc và CNXH, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Xác định trách nhiệm, động cơ đúng trong học tập môn học GDQPAN.		M
CO1 CO2 CO5 CO6	CLO8	Hình thành thói quen tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền QPTD, ANND ngay từ khi đang còn học tập, rèn luyện trong nhà trường và ở mỗi vị trí công tác tiếp theo.		M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	[1] Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Nhà xuất bản Giáo dục 2016. [2] Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự, Nhà xuất bản Giáo dục Việt
-------------------	---

	Nam 2012.
Tài liệu tham khảo:	<p>[1] Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII", Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.</p> <p>[2] Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.</p> <p>[3] Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.</p> <p>[4] Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.</p> <p>[5] Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.</p> <p>[6] Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.</p> <p>[7] Điều lệnh quản lý bộ đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.</p> <p>[8] Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục quân huấn, BTTM, năm 1997.</p> <p>[9] Sách dạy bắn súng trung liên RPD, Cục quân huấn, BTTM, năm 2000.</p> <p>[10] Sách dạy bắn súng diệt tăng B41, Cục quân huấn, BTTM, năm 2002.</p>
Các loại học liệu khác	

6. . Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1 CLO2, CLO3 CLO4, CLO5
Đàm thoại, vấn đáp	Đưa một số nội dung quan trọng liên quan đến nội dung bài học có tính thời sự, để người học thảo luận.	CLO1 CLO2 CLO3, CLO4, CLO5. CLO6
Nêu vấn đề, gợi mở	Định hướng nội dung giúp người học đi đúng trọng tâm của bài.	CLO1 CLO2, CLO3

		CLO4, CLO5
Kết luận và giao bài tập về nhà	Thông nhất các quan điểm của người học, đưa ra quan điểm đúng nhất.	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4, CLO5, CLO7. CLO8

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Bài học	Nội dung	CĐR học phần
[Bài 1] [2 tiết]	<p>Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần</p> <p>1. Chế độ sinh hoạt, học tập trong ngày</p> <p>1.1. Treo Quốc kỳ</p> <p>1.2. Thức dậy</p> <p>1.3. Thẻ dự sáng</p> <p>1.4. Kiểm tra sáng</p> <p>1.5. Học tập</p> <p>1.6. Ăn uống</p> <p>1.7. Lau vũ khí, khí tài, trang bị</p> <p>1.8. Thể thao, tăng gia sản xuất</p> <p>1.9. Đọc báo, nghe tin</p> <p>1.10. Điểm danh, điểm quân số</p> <p>1.11. Ngủ, nghỉ</p> <p>2. Chế độ làm việc và sinh hoạt trong tuần</p> <p>2.1. Chào cờ, duyệt đội ngũ</p> <p>2.2. Thông báo chính trị</p> <p>2.3. Tổng vệ sinh doanh trại</p>	CLO1 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8
[Bài 2] [2 tiết]	<p>Các chế độ, nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại</p> <p>1. Một số chế độ công tác của người chỉ huy</p> <p>1.1. Chế độ trách nhiệm</p> <p>1.2. Chế độ xây dựng và quản lý kế hoạch</p> <p>1.3. Chế độ giao, nhận công tác</p> <p>1.4. Chế độ kiểm tra</p> <p>1.5. Chế độ báo cáo, thông báo</p> <p>1.6. Chế độ tự phê bình và phê bình</p> <p>2. Nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại</p> <p>2.1. Điều 91 (điều lệnh quản lý bộ đội)</p> <p>2.2. Điều 92 (điều lệnh quản lý bộ đội)</p>	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7

	<p>2.3. Điều 93 (điều lệnh quản lý bộ đội)</p> <p>2.4. Điều 94 (điều lệnh quản lý bộ đội)</p> <p>2.5. Nhà ngủ (điều lệnh quản lý bộ đội)</p> <p>2.6. Nhà học tập, làm việc (điều lệnh quản lý bộ đội)</p> <p>2.7. Nhà ăn, nhà bếp (điều lệnh quản lý bộ đội)</p> <p>2.8. Ánh sáng ban đêm (điều lệnh quản lý bộ đội)</p> <p>2.9. Tiếp khách (điều lệnh quản lý bộ đội)</p>	
<p>[Bài 3] [4 tiết]</p>	<p>Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội</p> <p>1. Giới thiệu chung về tổ chức lực lượng các quân, binh chủng</p> <p>1.1. Công tác Đảng, công tác chính trị của quân đội, công an</p> <p>1.1.1. Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức và lãnh đạo Quân đội nhân dân và Công an nhân dân Việt Nam</p> <p>1.1.2. CTĐ, CTCT trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân Việt Nam</p> <p>1.1.3. Công tác tư tưởng của Đảng trong Quân đội và Công an nhân dân Việt Nam</p> <p>1.1.4. Công tác tổ chức trong Quân đội và Công an nhân dân Việt Nam</p> <p>1.2. Hiểu biết chung về quân, binh chủng</p> <p>1.2.1. Tổ chức và hệ thống tổ chức trong QĐNDVN</p> <p>1.2.2. Hiểu biết về quân chủng, binh chủng trong QĐNDVN</p> <p>1.2.3. Tổ chức và hệ thống tổ chức trong CANDVN</p> <p>1.2.4. Hiểu biết về các lực lượng trong CANDVN</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p>
<p>[Bài 4] [4 tiết]</p>	<p>Điều lệnh đội ngũ từng người có súng</p> <p>1. Động tác khám súng và khám súng xong của súng tiểu liên ak</p> <p>1.1. Động tác khám súng và khám súng xong của súng tiểu liên AK (ở tư thế mang súng)</p> <p>1.1.1. Động tác khám súng</p> <p>1.1.2. Động tác khám súng xong</p> <p>1.2. Động tác khám súng và khám súng xong súng tiểu liên (ở tư thế kẹp súng)</p> <p>1.2.1. Động tác khám súng</p> <p>1.2.2. Động tác khám súng xong</p> <p>2. Động tác mang súng, xuống súng tiểu liên ak</p> <p>2.1. Động tác mang súng</p> <p>2.2. Động tác xuống súng</p> <p>3. Nghiêm nghỉ, quay tại chỗ có súng</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p>

	<p>3.1. Động tác nghiêm, nghỉ</p> <p>3.1.1. Động tác nghiêm, nghỉ</p> <p>3.1.1.1. Động tác nghiêm</p> <p>3.1.1.2. Động tác nghỉ</p> <p>3.1.2. Động tác nghiêm, nghỉ có súng tiểu liên</p> <p>3.1.2.1. Động tác nghiêm, nghỉ có súng tiểu liên (ở tư thế mang súng)</p> <p>3.1.2.2. Động tác nghiêm, nghỉ khi giữ súng tiểu liên</p> <p>3.1.2.3. Động tác nghiêm, nghỉ ở tư thế kẹp súng</p> <p>3.2. Quay tại chỗ</p> <p>3.2.1. Ý nghĩa</p> <p>3.2.2. Động tác quay tại chỗ có súng tiểu liên</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ.</p>	
<p>[Bài 5] [4 tiết]</p>	<p>Điều lệnh đội ngũ đơn vị</p> <p>1. Đội hình tiểu đội</p> <p>1.1. Đội hình tiểu đội hàng ngang</p> <p>1.2. Đội hình tiểu đội hàng dọc</p> <p>2. Đội hình trung đội</p> <p>2.1. Đội hình trung đội hàng ngang</p> <p>2.2. Đội hình trung đội hàng dọc</p> <p>3. Đổi hướng đội hình</p> <p>3.1. Đổi hướng khi đang đứng tại chỗ</p> <p>3.2. Đổi hướng khi đang đi</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p>
<p>[Bài 6] [4 tiết] [LT2tiết] [TH2tiết]</p>	<p>Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự</p> <p>1. Bản đồ địa hình quân sự</p> <p>1.1. Khái niệm, ý nghĩa</p> <p>1.1.1. Khái niệm</p> <p>1.1.2. Ý nghĩa</p> <p>2. Phân loại, cấu tạo bản đồ địa hình quân sự</p> <p>2.1. Phân loại bản đồ địa hình quân sự</p> <p>2.2. Cấu tạo của bản đồ</p> <p>3. Cơ sở toán học của bản đồ địa hình</p> <p>3.1. Tỷ lệ bản đồ</p> <p>3.2. Phép chiếu bản đồ</p> <p>3.3. Các phép chiếu hình</p> <p>4. Cách chia mảnh, ghi số hiệu bản đồ</p> <p>4.1. Phép chiếu hình Gauss</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO8</p>

	<p>4.2. Phép chiếu hình UTM</p> <p>5. Cách ghép, dán, gấp bản đồ</p> <p>5.1. Chắp ghép bản đồ</p> <p>5.2. Cách dán bản đồ</p> <p>6. Sử dụng Bản đồ địa hình quân sự</p> <p>6.1. Đo cự ly, diện tích</p> <p>6.2. Đo cự ly</p> <p>6.3. Đo diện tích</p> <p>7. Xác định tọa độ, chỉ thị mục tiêu</p> <p>7.1 Xác định tọa độ địa lý</p> <p>7.2. Xác định tọa độ vuông góc</p> <p>8. Sử dụng bản đồ ngoài thực địa</p> <p>8.1. Định hướng bản đồ</p> <p>8.2. Xác định điểm đứng trên bản đồ</p> <p>8.3. Xác định tọa độ mục tiêu lên bản đồ</p>	
<p>[Bài 7] [4 tiết] [LT2tiết] [TH2tiết]</p>	<p>Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao</p> <p>1. Mục đích, yêu cầu</p> <p>2. Nội dung</p> <p>2.1. Khái niệm, đặc điểm, thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh</p> <p>2.1.1. Khái niệm</p> <p>2.1.2. Đặc điểm của vũ khí công nghệ cao</p> <p>2.1.3. Thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh</p> <p>2.2. Một số biện pháp phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao</p> <p>2.2.1. Biện pháp thụ động</p> <p>2.2.2. Biện pháp chủ động</p> <p>3. Hướng dẫn luyện tập</p> <p>3.1. Nội dung</p> <p>3.2. Thời gian</p> <p>3.3. Tổ chức</p> <p>3.4. Phương pháp</p> <p>3.5. Địa điểm</p> <p>3.6. Vật chất</p> <p>3.7. Ký, tín hiệu</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p> <p>CLO8</p>

<p>[Bài 8] [6 tiết] [LT2tiết] [TH4tiết]</p>	<p>BA MÔN QUÂN SỰ PHỐI HỢP</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Điều lệ <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Đặc điểm và điều kiện thi đấu <ol style="list-style-type: none"> 1.1.1. Đặc điểm 1.1.2. Điều kiện thi đấu 2. Trách nhiệm, quyền hạn của người dự thi <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Trách nhiệm của người dự thi 2.2. Quyền hạn của người dự thi 2.3. Trách nhiệm và quyền hạn của đoàn trưởng (đội trưởng) <ol style="list-style-type: none"> 2.3.1. Trách nhiệm của đoàn trưởng (đội trưởng) 2.3.2. Quyền hạn của đoàn trưởng (đội trưởng) 2.4. Thủ tục khiếu nại. 2.5. Xác định thành tích xếp hạng 3. Quy tắc thi đấu. <ol style="list-style-type: none"> 3.1. Quy tắc chung 3.2. Quy tắc thi đấu các môn <ol style="list-style-type: none"> 3.2.1. Bắn súng quân dụng 3.2.2. Ném lựu đạn xa, đúng hướng 3.2.3. Chạy vũ trang 3.3. Cách tính thành tích <ol style="list-style-type: none"> 3.3.1. Cách tính điểm và xếp hạng 3.3.2. Bảng tính điểm từng môn, một số mẫu biểu và văn bản 	<p>CLO3 CLO4 CLO5 CLO6</p>
---	--	--

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR học phần	Trọng số
1	Điểm quá trình (<i>Chuyên cần + Kiểm tra giữa học phần/2</i>)	<ul style="list-style-type: none"> - Lên, xuống lớp đúng thời gian. Thực hiện tốt tác phong mang mặc, nội quy quy định trong giờ học. Không vắng học, bỏ tiết... - Một vài nội dung cơ bản về “Điều lệnh đội ngũ từng người có súng”. 	<p>Suốt quá trình học</p> <p>Kết thúc bài 4</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO8</p>	<p>Chuyên cần 20%</p> <p>Kiểm tra 20%</p>
2	Thi cuối kỳ	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức thi (Theo kế hoạch và tình hình thực tiễn để 	Theo kế hoạch của Trung tâm	<p>CLO1 CLO2</p>	60%

	lựa chọn): + Vấn đáp (trực tiếp) + Tự luận (online, trực tiếp) - Kiến thức và bài tập của toàn bộ chương trình học phần 3 “Quân sự chung”.		CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8
--	---	--	--

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: NGUYỄN THANH NGỌC
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: nguyenthanhngoc@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0905295050

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: VŨ ĐỨC LUÂN
- Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân GDQP
- Email: vuducluan@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0986874724

9.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: LÊ ANH TUẤN
- Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân GDQP
- Email: tuandhqn@yahoo.com.vn Điện thoại liên hệ: 0906292753

9.4. Giảng viên 4

- Họ và tên: PHẠM VĂN HÀ
- Chức danh, học hàm, học vị: Trung tá. Cử nhân Quân sự
- Email: phamvanha@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0985013319

9.5. Giảng viên 5

- Họ và tên: TRẦN MINH THUẬN
- Chức danh, học hàm, học vị: Trung tá. Cử nhân Quân sự
- Email: tranminhthuan@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0934706076

9.6. Giảng viên 6

- Họ và tên: PHẠM VĂN KHƯƠNG
- Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân GDQP
- Email: phamvankhuong@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0987082240

9.7. Giảng viên 7

- Họ và tên: NGUYỄN HUY BẢO HOÀNG
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: nguyenhuybaohoang@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0974059719

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	- Giảng dạy đúng giờ, đúng số tiết quy định - Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình môn học.
Yêu cầu đối với sinh viên	- Tích cực, chủ động trong học tập. Làm bài tập và chuẩn bị bài đầy đủ
Quy định về tham dự lớp học	- Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học
Quy định về hành vi trong lớp học	- Nghiêm túc trong học tập, tích cực chủ động tham gia xây dựng bài. - Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định - Sinh viên tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người học khác.
Quy định về học vụ	- Các vấn đề liên quan đến bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, phúc khảo được thực hiện theo quy định hiện hành Trung tâm
Các quy định khác	- Thực hiện theo quy định đào tạo của Trung tâm.

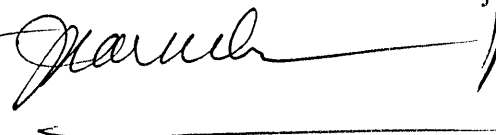
Bình Định, ngày 25 tháng 1 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

P.GIÁM ĐỐC





Phạm Văn Khương

ThS. Nguyễn Thanh Ngọc

TS. Nguyễn Thanh Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

Mã học phần: 115004

Tên tiếng Anh: Infantry Combat Techniques and Tactics

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: **Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật**
- Mã học phần: 115004 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động: Tổng: 60 tiết
 - + Nghe giảng lý thuyết: 4 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp:
 - + Thảo luận:
 - + Thực hành, thực tập: 56 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm:
 - + Tự học:
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Chính trị - Quân sự/ Trung tâm GDQP&AN

2. Mô tả học phần

Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cách ngắm, bắn súng AK. Hiểu biết về một số loại lựu đạn, thực hành ném lựu đạn bài 1. Hiểu được vị trí của từng người trong chiến đấu tiến công, chiến đấu phòng ngự hoặc làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).

3. Mục tiêu của học phần

- Kiến thức

+ CO1: Hiểu biết cách ngắm bắn súng AK, hiểu được cách đánh một số mục tiêu trong chiến đấu tiến công và biết cách phòng ngự đánh bại các đợt tiến công của địch; về một số loại lựu đạn, thực hành bài ném lựu đạn số 1.

+ CO2: Hiểu được vị trí, vai trò của cá nhân trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và nhiệm vụ canh gác.

- Kỹ năng

+ CO3: Sinh viên xác định các loại tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập.

+ CO4: Vận dụng thuần thục tư thế, động tác bắn cơ bản, biết cách thực hành



bắn trúng, bắn chụm vào mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Nắm vững đối tượng, phương pháp, nội dung nghiên cứu môn học GDQPAN, rèn luyện rèn luyện cho sinh viên tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật. Trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc và CNXH, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

+ CO6: Sinh viên xác định trách nhiệm, động cơ đúng trong học tập môn học GDQPAN. Tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền QPTD, ANND ngay từ khi đang còn học tập, rèn luyện trong nhà trường và ở mỗi vị trí công tác tiếp theo.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao.

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
Kiến thức				
CO1 CO2	CLO1	Hiểu biết cách ngắm bắn súng AK, hiểu được cách đánh một số mục tiêu trong chiến đấu tiến công và biết cách phòng ngự đánh bại các đợt tiến công của địch. Nhận biết về một số loại lựu đạn, thực hành bài ném lựu đạn số 1.		M
CO1 CO2 CO3	CLO2	Vận dụng được vị trí, vai trò của cá nhân trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và nhiệm vụ canh gác.		M
Kỹ năng				
CO1 CO2 CO3 CO4	CLO3	Xác định và vận dụng các tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập.		M
CO1 CO2 CO3 CO4 CO5	CLO4	Phân tích và thực hiện thuần thục tư thế, động tác bắn cơ bản, biết cách thực hành bắn trúng, bắn chụm vào mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK. Biết cách lợi dụng địa hình địa vật và thực hiện tốt các tư thế động tác vận động trong chiến đấu, xử lý được một số tình huống trong quá trình tiến công địch phòng ngự cũng như thực hành phòng		M

		ngự đánh bại các đợt tiến công của địch.		
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO3 CO4 CO5 CO6	CLO5	Xác định được đối tượng, phương pháp, nội dung nghiên cứu môn học GDQPAN, rèn luyện rèn luyện cho sinh viên tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật.		M
CO3 CO4 CO5 CO6	CLO6	Xây dựng tư tưởng trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc và CNXH, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Xác định trách nhiệm, động cơ đúng trong học tập môn học GDQPAN.		M M
CO1 CO3 CO4 CO5 CO6	CLO7	Hình thành thói quen tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền QPTD, ANND ngay từ khi đang còn học tập, rèn luyện trong nhà trường và ở mỗi vị trí công tác tiếp theo.		M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	<p>[1] Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Nhà xuất bản Giáo dục 2016.</p> <p>[2] Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2012.</p>
Tài liệu tham khảo:	<p>[1] Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII”, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.</p> <p>[2] Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.</p> <p>[3] Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.</p> <p>[4] Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.</p> <p>[5] Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.</p> <p>[6] Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý</p>

	<p>luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.</p> <p>[7] Điều lệnh quản lý bộ đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.</p> <p>[8] Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục quân huấn, BTTM, năm 1997.</p> <p>[9] Sách dạy bắn súng trung liên RPD, Cục quân huấn, BTTM, năm 2000.</p> <p>[10] Sách dạy bắn súng diệt tăng B41, Cục quân huấn, BTTM, năm 2002.</p>
Các loại học liệu khác	

6. . Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1 CLO2, CLO3 CLO4, CLO5
Đàm thoại, vấn đáp	Đưa một số nội dung quan trọng liên quan đến nội dung bài học có tính thời sự, để người học thảo luận.	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Nêu vấn đề, gợi mở	Định hướng nội dung giúp người học đi đúng trọng tâm của bài.	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4, CLO5
Kết luận và giao bài tập về nhà	Thông nhất các quan điểm của người học, đưa ra quan điểm đúng nhất.	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4, CLO5, CLO7

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Bài học	Nội dung	CĐR học phần
<p>[Bài 1] [24 tiết] [LT2tiết] [TH22tiết]</p>	<p>KỸ THUẬT BẮN SÚNG TIỂU LIÊN AK</p> <p>1. Ngắm bắn</p> <p>1.1. Khái niệm</p> <p>1.2. Định nghĩa về ngắm bắn</p> <p>1.3. Đường ngắm cơ bản</p> <p>1.4. Điểm ngắm đúng</p> <p>1.5. Đường ngắm đúng</p> <p>2. Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả bắn</p> <p>2. 1. Đường ngắm cơ bản sai lệch</p> <p>2.2. Điểm ngắm sai</p> <p>2.3. Mặt súng không thẳng bằng</p> <p>2.4. Ảnh hưởng của gió</p>	<p>CLO1 CLO4 CLO5 CLO6</p>

	<p>3. Tư thế động tác nằm bắn, bắn và thôi bắn</p> <p>3.1. Động tác nằm bắn</p> <p>3.2. Động tác bắn</p> <p>3.3. Động tác thôi bắn</p> <p>4. Tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK</p> <p>4.1. Ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu</p> <p>4.1.1. Ý nghĩa</p> <p>4.1.2. Đặc điểm</p> <p>4.1.3. Yêu cầu</p> <p>4.2. Phương án tập bắn</p> <p>4.3. Cách chọn thước ngắm, điểm ngắm</p> <p>4.3.1. Căn cứ</p> <p>4.3.2. Cách chọn</p> <p>4.4. Cách thực hành tập bắn</p> <p>4.5. Điều kiện kiểm tra và cách tiến hành kiểm tra</p> <p>4.5.1. Điều kiện kiểm tra</p> <p>4.5.2. Cách tiến hành kiểm tra bắn mục tiêu thu nhỏ bằng súng laze</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ.</p>	
<p>[Bài 2] [8tiết] [LT2tiết] [TH6tiết]</p>	<p>Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1</p> <p>1. Mục đích, yêu cầu</p> <p>2. Nội dung</p> <p>2.1. Giới thiệu một số lựu đạn Việt Nam</p> <p>2.1.1. Lựu đạn $\Phi 1$.</p> <p>2.1.1.1. Tính năng, tác dụng chiến đấu.</p> <p>2.1.1.2. Cấu tạo.</p> <p>2.1.1.3. Chuyển động gây nổ</p> <p>2.1.2. Lựu đạn chày.</p> <p>2.1.2.1. Tính năng chiến đấu.</p> <p>2.1.2.2. Cấu tạo.</p> <p>2.1.2.3. Chuyển động gây nổ.</p> <p>2.2. Quy tắc sử dụng lựu đạn.</p> <p>2.2.1. Sử dụng giữ gìn lựu đạn thật.</p> <p>2.2.1.1. Sử dụng lựu đạn.</p> <p>2.2.1.2. Giữ gìn lựu đạn.</p> <p>2.2.2. Quy định sử dụng lựu đạn.</p> <p>2.3. Tư thế, động tác đứng ném lựu đạn.</p> <p>2.3.1. Trường hợp vận dụng.</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7</p>

	<p>2.3.2. Động tác.</p> <p>2.3.2.1. Động tác chuẩn bị.</p> <p>2.3.2.2. Động tác ném.</p> <p>2.3.3. Chú ý.</p> <p>2.4. Ném lựu đạn trúng đích.</p> <p>2.4.1. Đặc điểm, yêu cầu.</p> <p>2.4.1.1. Đặc điểm.</p> <p>2.4.1.2. Yêu cầu.</p> <p>2.4.2. Điều kiện kiểm tra.</p> <p>2.4.3. Đánh giá thành tích.</p> <p>2.4.4. Thực hành tập ném lựu đạn.</p> <p>2.4.4.1. Người ném (Người tập).</p> <p>2.4.4.2. Người phục vụ.</p> <p>3. Hướng dẫn luyện tập.</p> <p>3.1. Nội dung.</p> <p>3.2. Thời gian.</p> <p>3.3. Tổ chức.</p> <p>3.4. Phương pháp.</p> <p>3.5. Địa điểm.</p> <p>3.6. Vật chất.</p> <p>3.7. Ký, tín hiệu.</p>	
<p>[Bài 3] [16 tiết]</p>	<p>Từng người trong chiến đấu tiến công</p> <p>1. Nguyên tắc chung</p> <p>1.1. Đặc điểm, thủ đoạn phòng ngự của địch</p> <p>1.2. Nguyên tắc</p> <p>1.3. Nhiệm vụ</p> <p>1.4. Yêu cầu chiến thuật</p> <p>1.5. Thực hành chiến đấu</p> <p>1.5.1. Vấn đề huấn luyện 1: Hành động của chiến sĩ sau khi nhận nhiệm vụ.</p> <p>1.5.2. Vấn đề huấn luyện 2: Hành động của chiến sĩ đánh chiếm mục tiêu.</p> <p>- Vận động đến gần địch.</p> <p>- Cách đánh từng loại mục tiêu.</p> <p>1.5.3. Vấn đề huấn luyện 3: Hành động của chiến sĩ sau khi đánh chiếm được mục tiêu.</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p>
<p>[Bài 4] [8 tiết]</p>	<p>Từng người trong chiến đấu phòng ngự</p> <p>1. Nguyên tắc chung</p> <p>1.1. Đặc điểm, thủ đoạn tiến công của địch</p> <p>1.2. Nguyên tắc</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p>

	<p>1.3. Nhiệm vụ</p> <p>1.4. Yêu cầu chiến thuật</p> <p>2. Thực hành chiến đấu</p> <p>2.1. Vấn đề huấn luyện 1: Hành động của chiến sỹ sau khi nhận nhiệm vụ</p> <p>2.2. Vấn đề huấn luyện 2: Hành động của chiến sỹ thực hành chiến đấu</p> <p>2.2.1. Hành động của chiến sỹ khi địch chuẩn bị tiến công</p> <p>2.2.2. Hành động của chiến sỹ khi địch tiến công vào trận địa</p> <p>2.3. Vấn đề huấn luyện 3: Hành động của chiến sỹ sau mỗi lần đánh bại địch tiến công</p>	<p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p>
<p>[Bài 5]</p> <p>[4 tiết]</p>	<p>Từng người làm nhiệm vụ canh gác</p> <p>1 Hành động của chiến sỹ sau khi nhận nhiệm vụ</p> <p>2 Hành động của chiến sỹ thực hành tuần tra</p> <p>3 Hành động của chiến sỹ sau khi hoàn thành nhiệm vụ</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p>

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR học phần	Trọng số
1	Điểm quá trình (<i>Chuyên cần + Kiểm tra giữa học phần/2</i>)	<p>Lên, xuống lớp đúng thời gian. Thực hiện tốt tác phong mang mặc, nội quy quy định trong giờ học. Không vắng học, bỏ tiết...</p> <p>Một vài nội dung, kỹ thuật cơ bản về “Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK”.</p>	<p>Suốt quá trình học</p> <p>Kết thúc bài 1</p>	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO8</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p>	<p>Chuyên cần 20%</p> <p>Kiểm tra 20%</p>
2	Thi cuối kỳ	<p>- Thi vấn đáp trực tiếp.</p> <p>- Kiến thức và bài tập của toàn bộ chương trình học phần 4 “Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật”.</p>	Theo kế hoạch của Trung tâm	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO5</p> <p>CLO6</p> <p>CLO7</p> <p>CLO8</p>	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: NGUYỄN THANH NGỌC
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Email: nguyenthanhngoc@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0905295050

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: VŨ ĐỨC LUÂN
- Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân GDQP
- Email: vuducluan@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0986874724

9.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: LÊ ANH TUẤN
- Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân GDQP
- Email: tuandhqn@yahoo.com.vn Điện thoại liên hệ: 0906292753

9.4. Giảng viên 4

- Họ và tên: PHẠM VĂN HÀ
- Chức danh, học hàm, học vị: Trung tá. Cử nhân Quân sự
- Email: phamvanha@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0985013319

9.5. Giảng viên 5

- Họ và tên: TRẦN MINH THUẬN
- Chức danh, học hàm, học vị: Trung tá. Cử nhân Quân sự
- Email: tranminhthuan@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0934706076

9.6. Giảng viên 6

- Họ và tên: PHẠM VĂN KHƯƠNG
- Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân GDQP
- Email: phamvankhuong@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0987082240

9.7. Giảng viên 7

- Họ và tên: NGUYỄN HUY BẢO HOÀNG
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Email: nguyenhuybaohoang@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0974059719

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	- Giảng dạy đúng giờ, đúng số tiết quy định - Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình môn học.
Yêu cầu đối với sinh viên	- Tích cực, chủ động trong học tập. Làm bài tập và chuẩn bị bài đầy đủ
Quy định về tham dự lớp học	- Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học
Quy định về hành vi trong lớp học	- Nghiêm túc trong học tập, tích cực chủ động tham gia xây dựng bài. - Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định

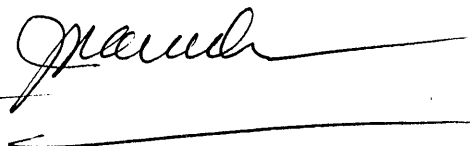
	- Sinh viên tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người học khác.
Quy định về học vụ	- Các vấn đề liên quan đến bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, phúc khảo được thực hiện theo quy định hiện hành Trung tâm
Các quy định khác	- Thực hiện theo quy định đào tạo của Trung tâm.

Bình Định, ngày 25 tháng 1 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

P.GIÁM ĐỐC



Trung tá. Trần Minh Thuận

ThS. Nguyễn Thanh Ngọc

TS. Nguyễn Thanh Hùng



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH 1
Mã học phần: 1090061
Tên tiếng Anh: ENGLISH 1

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Tiếng Anh 1
- Mã học phần: 1090061
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước:
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết : 45tiết
 - + Làm bài tập trên lớp : tiết
 - + Thảo luận : ... tiết
 - + Thực hành, thực tập : ... tiết
 - + Hoạt động theo nhóm :tiết
 - + Tự học : 90giờ
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Ngoại ngữ/ Bộ môn: **Ngoại ngữ đại cương**

Số tín chỉ: 03

2. Mô tả học phần

Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học ở trường phổ thông, trên cơ sở xem tiếng Anh là công cụ giao tiếp thông dụng, *Tiếng Anh 1*, học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ, giúp sinh viên hệ thống lại và trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức ở cấp độ tiền trung cấp về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và những yếu tố văn hóa trong ngôn ngữ Anh, kỹ năng ngôn ngữ được lồng ghép tương thích với nội dung thực tiễn giúp sinh viên có được sự chuẩn bị đầy đủ cho việc tương tác và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ, từ đó sử dụng tiếng Anh là phương tiện nghiên cứu chuyên ngành để phát triển chuyên môn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức
 - +CO1: Sinh viên được trang bị những kiến thức ngữ pháp ở cấp độ tiền trung cấp về *thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn; điều kiện loại 0 và loại 1; so sánh hơn và cấp nhất của tính từ.*
 - +CO2: Sinh viên được trang bị những kiến thức ở cấp độ tiền trung cấp về ngôn ngữ và văn hóa Anh liên quan đến những chủ đề như *giới thiệu bản thân, kỷ niệm, những vấn đề cần suy ngẫm, mục tiêu và hoài bão; ở nhà và xa nhà.*

- Kỹ năng

+CO3: Sinh viên có thể nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh ở cấp độ tiên trung cấp những điểm ngữ pháp liên quan đến *thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn; điều kiện loại 0 và loại 1; so sánh hơn và cấp nhất của tính từ.*

+CO4: Sinh viên có thể vận dụng kiến thức ngữ pháp tiếng Anh ở cấp độ tiên trung cấp liên quan đến *thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn; điều kiện loại 0 và loại 1; so sánh hơn và cấp nhất của tính từ* để có thể nói và viết về các chủ đề như *giới thiệu bản thân, kỷ niệm, những vấn đề cần suy ngẫm, mục tiêu và hoài bão, ở nhà và xa nhà.*

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+CO5: Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của tiếng Anh trong cuộc sống và hoạt động chuyên môn, từ đó có ý thức tự rèn luyện, trau dồi tiếng Anh nhằm phục vụ có hiệu quả mục tiêu của bản thân.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program Learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao.

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Hiểu được ở cấp độ tiên trung cấp những điểm ngữ pháp tiếng Anh về <i>thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn; điều kiện loại 0 và loại 1; so sánh hơn và cấp nhất của tính từ.</i>	PLO1 PLO2 PLO3	L
	CLO2	Vận dụng được vào <i>nói và viết</i> những kiến thức ngữ pháp tiếng Anh ở cấp độ tiên trung cấp về <i>thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn; điều kiện loại 0 và loại 1; so sánh hơn và cấp nhất của tính từ</i> vào <i>nói và viết</i> trong giao tiếp.	PLO1	H
CO2	CLO3	Hiểu được ở cấp độ tiên trung cấp những nội dung của các văn bản tiếng Anh về những chủ đề <i>giới thiệu bản thân, kỷ niệm, những vấn đề cần suy ngẫm, mục tiêu và hoài bão, ở nhà và xa nhà.</i>	PLO1	L
	CLO4	Vận dụng được ở cấp độ tiên trung cấp những kiến thức ngữ pháp tiếng Anh về <i>thì hiện tại</i>	PLO1	M

		đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn; điều kiện loại 0 và loại 1; so sánh hơn và cấp nhất của tính từ vào kỹ năng nói và viết về các chủ đề giới thiệu bản thân, kỷ niệm, những vấn đề cần suy ngẫm, mục tiêu và hoài bão, ở nhà và xa nhà.		
Kỹ năng				
CO3	CLO5	Vận dụng được ở cấp độ tiền trung cấp vào các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết những điểm ngữ pháp tiếng Anh liên quan đến thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn; điều kiện loại 0 và loại 1; so sánh hơn và cấp nhất của tính từ.	PLO4 PLO5 PLO6	H
CO4	CLO6	Phân tích được ở cấp độ tiền trung cấp nội dung của các văn bản tiếng Anh về các chủ đề giới thiệu bản thân, kỷ niệm, những vấn đề cần suy ngẫm, mục tiêu và hoài bão, ở nhà và xa nhà.	PLO4 PLO5 PLO6	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO7	Hiểu được tầm quan trọng của việc học, có ý thức kỷ luật, tích cực học tập, tự học, tự nghiên cứu.	PLO8 PLO9 PLO10	L

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Bryson, E. & Lee, C., <i>Voices-Pre-Intermediate</i> , National Geographic Learning, 2021.
Tài liệu tham khảo thêm:	<ol style="list-style-type: none"> 1. Falla, T. & Davies, A. P., <i>Solutions - Elementary</i>, OUP, 2012. 2. Naber, T. & Angela Blackwell, <i>Knowhow 1</i>, OUP, 2005. 3. Redston, C. & Cunningham, G., <i>Face2Face 1</i>, FAHASA, 2008.

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Điển giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO3, CLO6

<i>Đàm thoại, vấn đáp</i>	Thông qua việc giải đáp giữa giảng viên và sinh viên để giải quyết các nội dung kiến thức trong môn học.	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
<i>Bài tập</i>	Giúp cho sinh viên áp dụng những kiến thức đã học vào việc rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ, qua đó nắm vững kiến thức đã học và phát triển khả năng tự học và hợp tác.	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
<i>Nghiên cứu khoa học</i>	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, rút ra kết luận.	CLO7

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [2 tiết]	Unit 1. All about me 1A: Knowing me, knowing you	CLO1, CLO3, CLO5
[2] [2 tiết]	1B: How often do you go out	CLO1, CLO3, CLO5, CLO6
[3] [2 tiết]	1C: My best self	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6
[4] [2 tiết]	1D: Talking to people you don't know	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6
[5] [2 tiết]	1E: Me in a few words	CLO2, CLO4, CLO5
[6] [2 tiết]	Unit 2. Memory 2A: How to improve your memory	CLO1, CLO3, CLO5
[7] [2 tiết]	2B: Childhood memories	CLO1, CLO3, CLO5, CLO6
[8] [2 tiết]	2C: How to remember new things	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6
[9] [2 tiết]	2D: Showing interest when listening	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6
[10] [2 tiết]	2E: A happy memory	CLO2, CLO4, CLO5
[11] [2 tiết]	Review	
[12] [2 tiết]	Unit 3. Food for thought 3A: Favorite dishes	CLO1, CLO3, CLO5
[13] [2 tiết]	3B: A recipe for disaster	CLO1, CLO3, CLO5, CLO6
[14] [2 tiết]	3C: Eating out	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6

[15] [2 tiết]	3D: Making your reasons clear	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6
[16] [2 tiết]	3E: Comfort food recipes	CLO2, CLO4, CLO5
[17] [2 tiết]	Unit 4. Goals and ambition 4A: Goals and ambitions	CLO1, CLO3, CLO5
[18] [2 tiết]	4B: Setting goals	CLO1, CLO3, CLO5, CLO6, CLO7
[19] [2 tiết]	4C: What motivates you?	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6
[20] [2 tiết]	4D: Giving encouraging feedback	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6
[21] [2 tiết]	4E: Language learning goals	CLO2, CLO4, CLO5
[22] [3 tiết]	Review	

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	Quá trình học tập	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, giảng viên quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	Theo kế hoạch của Nhà trường	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	40%
		- Sinh viên hoàn thành tất cả các bài tập được giao trong nguồn tài nguyên trực tuyến của giáo trình.	Theo tiến trình các bài học trên lớp	CLO2, CLO4, CLO6, CLO7	
		- Sinh viên sẽ được kiểm tra kỹ năng nói trong quá trình học trên lớp thông qua hình thức thu âm hoặc quay video theo nguồn tài nguyên trực tuyến. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra kỹ năng nói gồm: nội dung trả lời phù hợp và liên kết ý, trôi chảy và phát triển ý, cấu trúc ngữ pháp đa dạng và phát âm chính xác.	Sau mỗi đơn vị bài học	CLO2, CLO4, CLO6	

2	Cuối kỳ	<ul style="list-style-type: none"> - Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: <i>Trắc nghiệm khách quan kết hợp tự luận.</i> + Trắc nghiệm khách quan: Kiểm tra kỹ năng <i>nghe và đọc.</i> + Tự luận: Kiểm tra kỹ năng <i>viết.</i> - Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề. 	Theo kế hoạch của Nhà trường	CLO2, CLO4, CLO6	60%
---	----------------	--	------------------------------	------------------	-----

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Trương Văn Định
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: truongvandinh@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 09056.09086

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hương Giang
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: nguyenthihuonggiang@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0983.777.284

9.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Hà
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: nguyenthithanhha@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0919.554.481

9.4. Giảng viên 4

- Họ và tên: Trần Thị Thanh Huyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: tranthithanhhuyen@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0988.860.960

9.5. Giảng viên 5

- Họ và tên: Nguyễn Lương Hạ Liên
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: nguyenluonghaliem@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0988.833.037

9.6. Giảng viên 6

- Họ và tên: Nguyễn Lê Tố Quyên
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: nguyenletoquyen@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0935.496.663

9.7. Giảng viên 7

- Họ và tên: Trần Thị Thanh Thủy
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: tranthithanhthuy@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0913.442.186

9.8. Giảng viên 8

- Họ và tên: Huỳnh Thị Thu Toàn
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: huynhthithutoan@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0989.821.133

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định.
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp.
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học.
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực.
Quy định về học vụ	Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm kiểm tra giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường.

Bình Định, ngày 05 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

TS. Trương Văn Định

TS. Trương Văn Định

PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hiền

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Đỗ Ngọc Mỹ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH 2
Mã học phần: 1090166
Tên tiếng Anh: ENGLISH 2

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Tiếng Anh 2
- Mã học phần: 10900166 Số tín chỉ: 04
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Tiếng Anh 1
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết : 60 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp : ... tiết
 - + Thảo luận : ... tiết
 - + Thực hành, thực tập : ... tiết
 - + Hoạt động theo nhóm : ... tiết
 - + Tự học : 120 giờ
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Ngoại ngữ/ Bộ môn: Ngoại ngữ đại cương

2. Mô tả học phần

Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học ở trường phổ thông, trên cơ sở xem tiếng Anh là công cụ giao tiếp thông dụng, *Tiếng Anh 1*, học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ, giúp sinh viên hệ thống lại và trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức tiền trung cấp về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và những yếu tố văn hóa trong ngôn ngữ Anh, kỹ năng ngôn ngữ được lồng ghép tương thích với nội dung thực tiễn giúp sinh viên có được sự chuẩn bị đầy đủ cho việc tương tác và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ, từ đó sử dụng tiếng Anh là phương tiện nghiên cứu chuyên ngành để phát triển chuyên môn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức

+CO1: Sinh viên được trang bị những kiến thức ngữ pháp ở cấp độ tiền trung cấp về điều kiện loại 2; so sánh hơn và cấp nhất của tính từ; thì hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ hoàn thành; mệnh đề liên hệ hạn định; *used to*, và mạo từ; câu tường thuật.

+CO2: Sinh viên được trang bị những kiến thức ở cấp độ tiền trung cấp về ngôn ngữ và văn hóa Anh liên quan đến những chủ đề như hành trình, cảm hứng thay đổi, việc làm, sức khỏe và hạnh phúc và giải trí, thử thách.

- Kỹ năng

+CO3: Sinh viên có thể nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh ở cấp độ tiên trung cấp những điểm ngữ pháp như *điều kiện loại 2; so sánh hơn và cấp nhất của tính từ; thì hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ hoàn thành; mệnh đề liên hệ hạn định; used to, mạo từ và câu tường thuật.*

+CO4: Sinh viên có thể vận dụng kiến thức ngữ pháp tiếng Anh ở trình độ tiên trung cấp về *điều kiện loại 2; so sánh hơn và cấp nhất của tính từ; thì hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ hoàn thành; mệnh đề liên hệ hạn định; used to, mạo từ và câu tường thuật* để có thể nói và viết về các chủ đề như *hành trình, cảm hứng thay đổi, việc làm, sức khỏe và hạnh phúc, giải trí và thử thách.*

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+CO5: Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của tiếng Anh trong cuộc sống và hoạt động chuyên môn, từ đó có ý thức tự rèn luyện, trau dồi tiếng Anh nhằm phục vụ có hiệu quả mục tiêu của bản thân.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program Learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao.

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Hiểu được ở cấp độ tiên trung cấp những điểm ngữ pháp tiếng Anh về <i>điều kiện loại 2; so sánh hơn và cấp nhất của tính từ; thì hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ hoàn thành; mệnh đề liên hệ hạn định; used to, mạo từ và câu tường thuật.</i>	PLO1 PLO2 PLO3	L
	CLO2	Vận dụng được những kiến thức ngữ pháp tiếng Anh ở cấp độ tiên trung cấp về <i>điều kiện loại 2; so sánh hơn và cấp nhất của tính từ; thì hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ hoàn thành; mệnh đề liên hệ hạn định; used to, mạo từ và câu tường thuật.</i> vào các kỹ năng nói và viết trong giao tiếp.	PLO1 PLO2 PLO3	H
CO2	CLO3	Hiểu được ở cấp độ tiên trung cấp những nội dung của các văn bản tiếng Anh về những chủ đề <i>hành trình, cảm hứng thay đổi, việc làm, sức khỏe và hạnh phúc, giải trí và thử thách.</i>	PLO1 PLO2 PLO3	L

	CLO4	Vận dụng được ở cấp độ tiền trung cấp những kiến thức ngữ pháp tiếng Anh về <i>điều kiện loại 2; so sánh hơn và cấp nhất của tính từ; thì hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ hoàn thành; mệnh đề liên hệ hạn định; used to, và mạo từ vào nói và viết về các chủ đề hành trình, cảm hứng thay đổi, việc làm, sức khỏe và hạnh phúc, giải trí và thử thách.</i>	PLO1 PLO2 PLO3	H
Kỹ năng				
CO3	CLO5	Vận dụng được ở cấp độ tiền trung cấp vào <i>nghe, nói, đọc và viết</i> những điểm ngữ pháp tiếng Anh liên quan đến <i>điều kiện loại 2; so sánh hơn và cấp nhất của tính từ; thì hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ hoàn thành; mệnh đề liên hệ hạn định; used to, mạo từ và câu tường thuật.</i>	PLO4 PLO5 PLO6 PLO7	H
CO4	CLO6	Phân tích được ở cấp độ tiền trung cấp nội dung của các văn bản tiếng Anh về các chủ đề ở <i>nhà và xa nhà, hành trình, cảm hứng thay đổi, việc làm, sức khỏe và hạnh phúc, giải trí và thử thách.</i>	PLO4 PLO5 PLO6 PLO7	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO7	Có ý thức kỷ luật, tích cực học tập, tự học, tự nghiên cứu.	PLO8 PLO9 PLO10	L

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Bryson, E. & Lee, C., <i>Voices - Pre-Intermediate</i> , National Geographic Learning, 2021.
Tài liệu tham khảo thêm:	1. Falla, T. & Davies, A. P., <i>Solutions - Pre-Intermediate</i> , OUP, 2012. 2. Naber, T. & Blackwell, A., <i>Knowhow 2</i> , OUP, 2005. 3. Redston, C. & Cunningham, G., <i>Face 2 Face 2</i> , FAHASA, 2008.

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
<i>Diễn giảng</i>	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO3, CLO6

<i>Đàm thoại, vấn đáp</i>	Thông qua việc giải đáp giữa giảng viên và sinh viên để giải quyết các nội dung kiến thức trong môn học.	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
<i>Bài tập</i>	Giúp cho sinh viên áp dụng những kiến thức đã học vào việc rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ, qua đó nắm vững kiến thức đã học và phát triển khả năng tự học và hợp tác.	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
<i>Nghiên cứu khoa học</i>	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, rút ra kết luận.	CLO7

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] [2 tiết]	Unit 5. Home and away 5A: A tidy house makes a calm home	CLO1, CLO3, CLO5
[2] [2 tiết]	5B: If you are in town, call me	CLO1, CLO3, CLO5, CLO6
[3] [2 tiết]	5C: That was the weirdest place	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6
[4] [2 tiết]	5D: Showing flexibility	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[5] [2 tiết]	5E: We're looking forward to our stay	CLO2, CLO4, CLO5
[6] [2 tiết]	Unit 6. Journeys 6A: Daily journeys	CLO1, CLO3, CLO5
[7] [2 tiết]	6B: The most memorable journey I've ever made!	CLO1, CLO3, CLO6
[8] [2 tiết]	6C: Flying free with no luggage	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[9] [2 tiết]	6D: Understanding other English speakers	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[10] [2 tiết]	6E: What time does it leave?	CLO2, CLO4, CLO5
[11] [2 tiết]	Unit 7. Inspiration for change 7A: Life-changing inventions	CLO1, CLO3, CLO5
[12] [2 tiết]	7B: Something that inspires me	CLO1, CLO3, CLO5
[13] [2 tiết]	7C: An inspiring story	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

[14] [2 tiết]	7D: Persuading people	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[15] [2 tiết]	7E: My role model	CLO2, CLO4, CLO5
[16] [2 tiết]	Unit 8. The world of work 8A: Is your job safe?	CLO1, CLO3, CLO5
[17] [2 tiết]	8B: A different way to work	CLO1, CLO3, CLO5
[18] [2 tiết]	8C: Dream jobs	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[19] [3 tiết]	8D: Making a good impression at an interview	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[20] [2 tiết]	8E: Looking great on your CV	CLO2, CLO4, CLO5
[21] [2 tiết]	Unit 9. Health and happiness 9A: Pain and positivity	CLO1, CLO3, CLO5
[22] [2 tiết]	9B: If I had more time. I would do less	CLO1, CLO3, CLO5
[23] [2 tiết]	9C: Staying healthy	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[24] [2 tiết]	9D: Saying 'no' when you need to	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[25] [2 tiết]	9E: I am so grateful for this!	CLO2, CLO4, CLO5
[26] [2 tiết]	Unit 10. Entertainment 10A: Stories from around the world	CLO1, CLO3, CLO5
[27] [2 tiết]	10B: I hadn't made a sound!	CLO1, CLO3, CLO5
[28] [2 tiết]	10C: It's so entertaining	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[29] [2 tiết]	10D: Showing you value people	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[30] [2 tiết]	10E: I totally recommend this show!	CLO2, CLO4, CLO5

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	Quá trình học tập	-Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	Theo kế hoạch của Nhà trường	CLO1, CLO2, CLO3,	40%

		-Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, giảng viên quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.		CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	
		- Sinh viên làm tất cả các bài tập của từng bài trong nguồn tài nguyên trực tuyến của giáo trình.	Theo tiến trình các bài học trên lớp	CLO2, CLO4, CLO6, CLO7	
		- Sinh viên sẽ được kiểm tra kỹ năng <i>nói</i> trong quá trình học trên lớp thông qua hình thức thu âm hoặc quay video theo nguồn tài nguyên trực tuyến. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra kỹ năng <i>nói</i> gồm: nội dung trả lời phù hợp và liên kết ý, trôi chảy và phát triển ý, cấu trúc ngữ pháp đa dạng và phát âm chính xác.	Thực hiện sau mỗi đơn vị bài học	CLO2, CLO4, CLO6	
2	Cuối kỳ	-Thi kết thúc học phần. -Hình thức thi: <i>Trắc nghiệm khách quan kết hợp tự luận</i> . +Trắc nghiệm khách quan: Kiểm tra kỹ năng <i>nghe</i> và <i>đọc</i> . +Tự luận: Kiểm tra kỹ năng <i>viết</i> . -Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề.	Theo kế hoạch của Nhà trường	CLO2, CLO4, CLO6	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Trương Văn Định
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: truongvandin@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 09056.09086

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hương Giang
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: nguyenthihuonggiang@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0983.777.284

9.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Hà
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: nguyenthithanhha@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0919.554.481

9.4. Giảng viên 4

- Họ và tên: Trần Thị Thanh Huyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: tranthithanhhuyen@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0988.860.960

9.5. Giảng viên 5

- Họ và tên: Nguyễn Lương Hạ Liên
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: nguyenluonghalien@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0988.833.037

9.6. Giảng viên 6

- Họ và tên: Nguyễn Lê Tố Quyên
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: nguyenletoquyen@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0935.496.663

9.7. Giảng viên 7

- Họ và tên: Trần Thị Thanh Thủy
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: tranthithanhthuy@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0913.442.186

9.8. Giảng viên 8

- Họ và tên: Huỳnh Thị Thu Toàn
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: huynhthithutoan@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0989.821.133

10. Các quy định chung

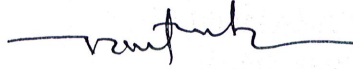
Cam kết của giảng viên	Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định.
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, tác phong đúng quy định, làm bài tập về nhà và tại lớp.
Quy định về tham dự lớp học	Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học.
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tích cực.

Quy định về học vụ	Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của giảng viên, không làm bài tập về nhà trừ 50% điểm kiểm tra giữa kỳ.
Các quy định khác	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường.

Bình Định, ngày 05 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA



TS. Trương Văn Định

TS. Trương Văn Định

PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hiền

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Đỗ Ngọc Mỹ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: KỸ NĂNG GIAO TIẾP

Mã học phần: 2030003

Tên tiếng Anh: Communication Skills

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: **Kỹ năng giao tiếp**
- Mã học phần: **2030003** Số tín chỉ: **02**
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Các học phần học trước:
- Các yêu cầu khác đối với học phần: Không có
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết
 - + Thảo luận: 04 tiết
 - + Thực hành: 20 tiết
 - + Tự học: 60 giờ
- Khoa phụ trách học phần: Khoa học Xã hội và Nhân văn

2. Mô tả học phần

Kỹ năng giao tiếp là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị những kiến thức chung về giao tiếp và rèn luyện những kỹ năng giao tiếp cơ bản cho sinh viên. Qua đó, giúp sinh viên vận dụng linh hoạt, hiệu quả các kỹ năng giao tiếp vào quá trình học tập và thực tiễn cuộc sống. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nâng cao ý thức, trách nhiệm trong quá trình giao tiếp, góp phần hình thành văn hóa giao tiếp của cá nhân và xã hội.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức:

+ CO1: Trang bị những kiến thức chung về giao tiếp, giúp sinh viên hiểu được khái niệm, chức năng, vai trò và các loại hình giao tiếp; hiểu được các nguyên tắc và quá trình giao tiếp.

+ CO2: Giúp sinh viên nhận thức được đặc điểm, vai trò và những kỹ năng cơ bản trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, phi ngôn ngữ.

- Kỹ năng

+ CO3: Rèn luyện và bước đầu hình thành cho sinh viên kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

+ CO4: Rèn luyện và bước đầu hình thành cho sinh viên kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ cơ thể và quản lý cảm xúc.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Sinh viên nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của giao tiếp và kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống; có thái độ tích cực trong học tập và rèn luyện kỹ năng giao tiếp của bản thân.

+ CO6: Sinh viên tự tin, chủ động, vận dụng linh hoạt, khéo léo các kỹ năng giao tiếp vào những tình huống cụ thể trong thực tiễn cuộc sống.

+ CO7: Sinh viên có ý thức, trách nhiệm trong quá trình giao tiếp, góp phần hình thành văn hóa giao tiếp của cá nhân và xã hội.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao.

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Nhận diện được khái niệm, chức năng, vai trò và các loại hình giao tiếp; các nguyên tắc và quá trình giao tiếp.		L
CO2	CLO2	Phân tích được đặc điểm, vai trò của giao tiếp ngôn ngữ, giao tiếp phi ngôn ngữ.		M

Kỹ năng				
CO3	CLO3	Vận dụng linh hoạt kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết trong cuộc sống.		M
CO4	CLO4	Vận dụng linh hoạt kỹ năng giao tiếp phi ngôn ngữ trong các tình huống cụ thể.		M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Nhận thức tầm quan trọng của giao tiếp và kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống; có thái độ tích cực trong học tập, nghiên cứu và rèn luyện kỹ năng giao tiếp của bản thân.		M
CO6	CLO6	Tự tin, chủ động và vận dụng linh hoạt các kỹ năng giao tiếp trong thực tiễn.		M
CO7	CLO7	Có ý thức, trách nhiệm trong quá trình giao tiếp, góp phần hình thành văn hóa giao tiếp của cá nhân và xã hội.		M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	[1] Huỳnh Văn Sơn (chủ biên 2011), <i>Giáo trình kỹ năng giao tiếp</i> , Nxb Trẻ, Hà Nội.
Tài liệu tham khảo:	[1] Lê Thị Bùng (2000), <i>Tâm lý học ứng xử</i> , Nxb Giáo dục. [2] Nguyễn Văn Đồng (2011), <i>Tâm lý học giao tiếp</i> , Nxb Chính trị - Hành chính. [3] Chu Văn Đức (chủ biên, 2005), <i>Giáo trình kỹ năng giao tiếp</i> , Nxb Hà Nội. [4] Đặng Tùng Hoa (chủ biên, 2012), <i>Kỹ năng giao tiếp và</i>

	<i>thuyết trình</i> , Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Hà Nội.
Các loại học liệu khác:	[1] Patrick king (2017), <i>Nghệ thuật giao tiếp hiệu quả</i> , Nxb Thế giới. [2] Dale Carnegie (2018), <i>Đắc Nhân Tâm (Nguyễn Hiến Lê dịch)</i> , Nxb Trẻ, Hà Nội.

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về giao tiếp và kỹ năng giao tiếp một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Đàm thoại, nêu vấn đề, thảo luận	Giúp sinh viên hiểu được nội dung, bản chất của giao tiếp; phân tích và nhận diện được các loại hình, phương tiện giao tiếp, đồng thời giải đáp những thắc mắc cho sinh viên.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Thực hành	- Rèn luyện và hình thành cho sinh viên những kỹ năng giao tiếp cơ bản; giúp sinh viên tự tin, vận dụng linh hoạt những kỹ năng giao tiếp vào các tình huống cụ thể và thực tiễn cuộc sống. - Có ý thức, trách nhiệm trong quá trình giao tiếp; góp phần hình thành văn hóa giao tiếp của cá nhân và xã hội.	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
Tự học	Giúp cho sinh viên có ý thức tự học, tự rèn luyện để nâng cao kỹ năng giao tiếp.	CLO5, CLO6, CLO7

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
1,2,3 (6 tiết lý thuyết + 4 tiết thảo luận)	<p style="text-align: center;">Chương 1</p> <p style="text-align: center;">NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIAO TIẾP</p> <p>1.1. Khái niệm, phân loại giao tiếp</p> <p>1.1.1. <i>Khái niệm giao tiếp</i></p> <p>1.1.2. <i>Phân loại giao tiếp</i></p> <p>1.2. Chức năng và vai trò của giao tiếp</p> <p>1.2.1. <i>Chức năng giao tiếp</i></p> <p>1.2.2. <i>Vai trò của giao tiếp</i></p> <p>1.3. Nguyên tắc và quá trình giao tiếp</p> <p>1.3.1. <i>Nguyên tắc giao tiếp</i></p> <p>1.3.2. <i>Quá trình giao tiếp</i></p> <p><u>Thảo luận:</u></p> <p>1. Văn hóa giao tiếp trong nhà trường.</p> <p>2. Những hạn chế, trở ngại trong quá trình giao tiếp.</p> <p>3. Những biện pháp để nâng cao hiệu quả giao tiếp.</p>	CLO1, CLO5, CLO6, CLO7
4,5,6,7 (6 tiết lý thuyết + 10 tiết thực hành)	<p style="text-align: center;">Chương 2</p> <p style="text-align: center;">KỸ NĂNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ</p> <p>2.1. Đặc điểm, vai trò của giao tiếp bằng ngôn ngữ</p> <p>2.1.1. <i>Đặc điểm của giao tiếp bằng ngôn ngữ</i></p> <p>2.1.2. <i>Vai trò của giao tiếp bằng ngôn ngữ</i></p> <p>2.2. Phân loại giao tiếp bằng ngôn ngữ</p> <p>2.2.1. <i>Giao tiếp bằng ngôn ngữ nói</i></p> <p>2.2.2. <i>Giao tiếp bằng ngôn ngữ viết</i></p> <p>2.3. Một số kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ</p> <p>2.3.1. <i>Kỹ năng đặt câu hỏi</i></p> <p>2.3.2. <i>Kỹ năng khen, phê bình</i></p> <p>2.3.3. <i>Kỹ năng đàm phán và thuyết phục</i></p> <p>2.3.4. <i>Kỹ năng thuyết trình</i></p> <p>2.3.5. <i>Kỹ năng viết CV (Curriculum Vitae)</i></p>	CLO2, CLO3, CLO5, CLO6, CLO7

	<p>2.3.6. <i>Kỹ năng viết thư tin</i></p> <p>Thực hành</p> <p>1. Thuyết trình theo chủ đề.</p> <p>2. Viết CV theo ngành tuyển dụng.</p> <p>3. Viết báo cáo, lập kế hoạch học tập, công tác.</p>	
<p>8,9,10, 11 (6 tiết lý thuyết + 10 tiết thực hành)</p>	<p style="text-align: center;">Chương 3</p> <p style="text-align: center;">KỸ NĂNG GIAO TIẾP PHI NGÔN NGỮ</p> <p>3.1. Đặc điểm, vai trò của giao tiếp phi ngôn ngữ</p> <p>3.1.1. <i>Đặc điểm giao tiếp phi ngôn ngữ</i></p> <p>3.1.2. <i>Vai trò của giao tiếp phi ngôn ngữ</i></p> <p>3.2. Kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ cơ thể</p> <p>3.2.1. <i>Ánh mắt, nét mặt, nụ cười</i></p> <p>3.2.2. <i>Tư thế, dáng điệu, cử chỉ</i></p> <p>3.2.3. <i>Khoảng cách, di chuyển, tiếp xúc</i></p> <p>3.2.4. <i>Trang phục</i></p> <p>3.3. Kỹ năng quản lý cảm xúc</p> <p>3.3.1. <i>Nhận diện cảm xúc</i></p> <p>3.3.2. <i>Kiểm soát cảm xúc</i></p> <p>3.3.3. <i>Giải tỏa cảm xúc</i></p> <p>Thực hành</p> <p>1. Tạo ấn tượng ban đầu trong tình huống giao tiếp.</p> <p>2. Đọc vị đối tượng giao tiếp qua ngôn ngữ cơ thể.</p> <p>3. Thực hành tổng hợp kỹ năng giao tiếp.</p>	<p>CLO2, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7</p>

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	Chuẩn đầu ra của học phần	Trọng số
1	<i>Quá trình học tập</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nghiêm túc nội quy lớp học; có ý thức tham gia xây dựng bài. - Tính chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. 	Đánh giá trong quá trình học tập	CLO5, CLO6, CLO7	50%

		<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị nội dung, thảo luận, thực hành theo sự phân công. - Tích cực tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, thực hành. 	Đánh giá trong quá trình học tập	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	
		Hình thức, chất lượng các nội dung thực hành.	Đánh giá điểm qua các buổi thực hành	CLO3, CLO4	
2	Thi kết thúc học phần	Thi kết thúc học phần: <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức thi: Vấn đáp - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề. 	Theo kế hoạch của nhà trường	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	50%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

9.2. Giảng viên 2

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy đúng giờ, đúng số tiết quy định. - Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần.
Yêu cầu đối với sinh viên	<ul style="list-style-type: none"> - Đi học đúng giờ, chuyên cần. - Chuẩn bị bài trước khi lên lớp. - Tích cực tham gia thảo luận, thực hành, làm việc nhóm.
Quy định về tham dự lớp học	Theo quy định về công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy.
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc trong học tập, tích cực, chủ động tham gia xây dựng bài.

Quy định về học vụ	Có đầy đủ tài liệu học tập.
Các quy định khác	- Ăn mặc lịch sự, phù hợp với môi trường giáo dục. - Không sử dụng điện thoại khi chưa được sự đồng ý của giảng viên.

Bình Định, ngày tháng năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA





ThS. Trương Thanh Long

TS. Nguyễn Lê Hà

TS. Nguyễn Doãn Thuận



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: KHỞI NGHIỆP
Mã học phần: 1150422
Tên tiếng Anh: START UP

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Khởi nghiệp
- Mã học phần: 1150422
- Loại học phần: *Bắt buộc*
- Các học phần học trước: 1130299, 1130300
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có): không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 7 tiết
 - + Thảo luận: 6 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - + Tự học: 60 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa TC-NH & QTKD

Số tín chỉ: 2

2. Mô tả học phần

Học phần Khởi nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo của sinh viên đại học. Học phần Khởi nghiệp trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về khởi nghiệp, giúp người học hiểu và xác định mục tiêu, sứ mệnh trong khởi nghiệp đúng đắn; giúp người học hình thành ý tưởng khởi nghiệp, phân tích và hoạch định con đường khởi nghiệp như lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý, tìm kiếm người hợp tác, đối tác triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng khởi nghiệp, thực thi ý tưởng và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường; ngoài ra học phần còn nâng cao nhận thức và khơi dậy khát vọng khởi nghiệp của mỗi sinh viên.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- **Kiến thức:**
 - + CO1: Học phần Khởi nghiệp cung cấp những kiến thức nền tảng về khởi nghiệp giúp người học hiểu và xác định mục tiêu, sứ mệnh trong khởi nghiệp đúng đắn.



+ CO2: Học phần Khởi nghiệp giúp người học hình thành ý tưởng khởi nghiệp, phân tích và hoạch định được con đường khởi nghiệp như lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý, tìm kiếm người hợp tác, đối tác triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp.

- **Kỹ năng**

+ CO3: Trang bị cho người học kỹ năng làm việc nhóm, trình bày, thuyết trình, phân tích và phân biệt các vấn đề có liên quan để khởi nghiệp thành công.

+ CO4: Người học được rèn luyện các khả năng và phương pháp thực hiện các bước trong hành trình khởi nghiệp.

- **Mức tự chủ và trách nhiệm:**

+ CO5: Người học nhận thức được vai trò quan trọng của việc khởi nghiệp, từ đó có thái độ tích cực, ý thức trách nhiệm cao, tinh thần cầu tiến khi khởi nghiệp.

+ CO6: Có khả năng tự học và làm việc độc lập, tự chủ và tác phong làm việc chuyên nghiệp.

4. Chuẩn đầu ra của học phần(ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau:

Mục tiêu học phần (Cos)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Về kiến thức				
CO1, CO2	CLO1	Hiểu khái quát chung về các kiến thức tổng quan về khởi nghiệp, hệ sinh thái khởi nghiệp, tinh thần khởi nghiệp	PLO	L
	CLO2	Hiểu và vận dụng kiến thức vào hình thành ý tưởng khởi nghiệp như phân tích ý tưởng, xây dựng và lập kế hoạch khởi nghiệp	PLO	M
Về kỹ năng				
CO3	CLO3	Biết và vận dụng các kỹ năng làm việc nhóm Trình bày, thuyết trình, phân tích và phân biệt các vấn đề có liên quan để khởi nghiệp	PLO	M
CO4	CLO4	Có khả năng và phương pháp trong hành trình khởi nghiệp.	PLO	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5, CO6	CLO5	Thể hiện tính trung thực khách quan; đạo đức nghề nghiệp; có thái độ và nhận thức đúng đắn về chuyên môn; có ý thức, trách nhiệm trong công việc.	PLO	M
	CLO6	Thể hiện khả năng tự học và làm việc độc lập, tự chủ trong công việc; tác phong chuyên nghiệp.	PLO	M

(1): Ký hiệu mục tiêu học phần (CO). (2): Ký hiệu CDR của học phần (CLO). (3): Mô tả CDR, bắt đầu bằng những động từ chủ động trong yêu cầu về năng lực. (4), (5): Ký hiệu CDR của CTĐT (PLO) và mức năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	[1] Nhóm tác giả Khoa TC-NH&QTKD, Tài liệu học tập Khởi nghiệp, Tài liệu lưu hành nội bộ, 2022. [2] Eric Ries, <i>Khởi nghiệp tinh gọn</i> , Dương Hiếu, Kim Phụng & Hiếu Trung dịch, NXB Thời Đại, 2012. [3] Nguyễn Ngọc Huyền và Ngô Thị Việt Nga. <i>Giáo trình khởi sự kinh doanh</i> , NhàXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2018.
Tài liệu tham khảo thêm:	[4] Bygrave, W., & Zacharakis, A, <i>Entrepreneurship</i> , 4th Edition, Wiley, 2017. [5] Donald F. Kuratko, <i>Entrepreneurship: Theory, Process, and Practice</i> , Cengage Learning, 2016. [6] Aulet, B, <i>Disciplined entrepreneurship: 24 steps to a successful startup</i> , John Wiley & Sons, 2013. [7] SIYB, <i>Start your business: Generate your business idea</i> , International Labour Organization, 2015.
Các loại học liệu khác:	https://journals.sagepub.com/home/joe

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	Chuẩn đầu ra của học phần đạt được
Diễn giảng	Cung cấp các kiến thức nền tảng giúp người học hiểu khái quát chung về khởi nghiệp một cách khoa học. Giúp người học hiểu các yêu cầu cơ bản trong phân tích và hoạch định ý tưởng. Giúp khơi dậy tinh thần, đam mê và khát vọng khởi nghiệp	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5, CLO6,
Bài tập	Giúp người học hiểu rõ các kiến thức cơ bản và biết vận dụng các kiến thức vào các tình huống thực tế và trải nghiệm thực tế trong các ý tưởng khởi nghiệp. Giúp người học hiểu và có khát vọng khởi nghiệp	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CL06

Thảo luận	Trao đổi các kiến thức vào các tình huống khởi nghiệp. Rèn luyện các kỹ năng chủ động sáng tạo cho người học. Giúp khơi dậy khát vọng và đam mê khởi nghiệp của người học. Giúp người học rèn luyện đạo đức, có tinh thần và có trách nhiệm trong công việc	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Nêu vấn đề và giải quyết vấn đề	Đặt ra vấn đề từ đó giúp sinh viên tạo kỹ năng tư duy phân tích, phản biện và biết cách khởi nghiệp.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6,
Tự học	Giúp cho người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu. Trung thực khách quan; có trách nhiệm trong học tập và công việc.	CLO5, CLO6

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CDR học phần
(1)	(2)	(3)
[1] (Tiết 1-2)	<p>Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KHỞI NGHIỆP (7 tiết: 5 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập + 1 tiết thảo luận)</p> <p>Giới thiệu môn học</p> <p>1.1. Khái quát về khởi nghiệp</p> <p>1.1.1. Khái niệm khởi nghiệp</p> <p>1.1.2. Ý nghĩa của khởi nghiệp</p> <p>1.1.3. Đặc điểm của khởi nghiệp</p> <p>1.1.4. Loại hình doanh nghiệp khởi nghiệp</p>	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
[2] (Tiết 3-5)	<p>1.2. Câu chuyện khởi nghiệp thành công</p> <p>1.2.1. Gương khởi nghiệp điển hình quốc tế</p> <p>1.2.2. Gương khởi nghiệp điển hình Việt Nam</p> <p>1.2.3. Bài học kinh nghiệm thành công</p> <p>1.3. Khởi nghiệp thành công</p> <p>1.3.1. Những yếu tố cần có khi bắt đầu khởi nghiệp</p> <p>1.3.2. Nguyên tắc để khởi nghiệp thành công</p>	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
[3] (Tiết 6-7)	Bài tập và thảo luận về bài học kinh nghiệm khởi nghiệp thành công	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[4] (Tiết 8-11)	<p>Chương 2. HÀNH TRÌNH KHỞI NGHIỆP (19 tiết: 10 tiết lý thuyết + 5 tiết bài tập + 4 tiết thảo luận)</p> <p>2.1. Chuẩn bị khởi nghiệp</p>	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5, CLO6

	<p>2.1.1. Nền tảng kiến thức</p> <p>2.1.2. Tinh thần khởi nghiệp</p> <p>2.1.3. Các nguồn lực cần thiết</p> <p>2.1.4. Cơ hội khởi nghiệp</p> <p>2.2. Tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp</p> <p>2.2.1. Khái niệm ý tưởng khởi nghiệp</p> <p>2.2.2. Nguồn gốc phát sinh ý tưởng khởi nghiệp</p> <p>2.2.3. Phương pháp làm nảy sinh ý tưởng khởi nghiệp</p> <p>2.2.4. Đánh giá và lựa chọn ý tưởng khởi nghiệp</p>	
[5] (Tiết 12-15)	<p>2.3. Xây dựng mô hình kinh doanh</p> <p>2.3.1. Khái niệm mô hình kinh doanh</p> <p>2.3.2. Nội dung cơ bản của mô hình KD Canvas</p>	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
[6] (Tiết 16-17)	<p>2.4. Lập kế hoạch khởi nghiệp</p> <p>2.4.1. Khái lược về kế hoạch khởi nghiệp</p> <p>2.4.2. Kỹ năng lập kế hoạch khởi nghiệp</p> <p>2.4.3. Các BP chủ yếu cấu thành bản kế hoạch KN</p> <p>2.5. Triển khai hoạt động</p>	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
[7] (Tiết 18-19)	BT nhận dạng cơ hội và tìm kiếm các ý tưởng khởi nghiệp	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[8] (Tiết 20-21)	Thảo luận và làm việc theo nhóm về các ý tưởng đề xuất và xây dựng quá trình khởi nghiệp	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[9] (Tiết 22-24)	Bài tập: Hãy lập kế hoạch khởi nghiệp	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[10] (Tiết 25-26)	Thảo luận về kế hoạch khởi nghiệp	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
[11] (Tiết 27-28)	<p>Chương 3. HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP (8 tiết: 5 tiết lý thuyết + 1 tiết bài tập + 1 tiết thảo luận)</p> <p>3.1. Hệ sinh thái khởi nghiệp</p> <p>3.1.1. Khái niệm hệ sinh thái khởi nghiệp</p> <p>3.1.2. Đặc điểm của hệ sinh thái khởi nghiệp</p> <p>3.1.3. Vai trò của hệ sinh thái khởi nghiệp</p>	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
[12] (Tiết 29-31)	<p>3.2. Các thành phần trong hệ sinh thái khởi nghiệp</p> <p>3.2.1. Cộng đồng khởi nghiệp (Phần cốt lõi)</p>	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5,

	3.2.2. Các tác nhân bên ngoài của hệ sinh thái KN 3.2.3. Mối quan hệ giữa cộng đồng khởi nghiệp và các tác nhân bên ngoài của hệ sinh thái khởi nghiệp 3.3. Các yếu tố thúc đẩy hình thành hệ sinh thái KN 3.3.1. Vị trí hình thành hệ sinh thái 3.3.2. Điều kiện công nghệ và công nghiệp 3.3.3. Các tổ chức vườn ươm 3.3.4. Các công ty khởi nguồn	CLO6
[13] (Tiết 32-33)	Bài tập và thảo luận về đánh giá các thành phần trong hệ sinh thái khởi nghiệp	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
	Thi cuối kỳ	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	<i>Quá trình</i>				40%
		Thực hiện tốt nội quy lớp học như đi học đúng giờ, tập trung theo dõi bài, tích cực đóng góp xây dựng và hoạt động khác	Theo từng buổi học	CLO4, CLO6	10%
		Có chuẩn bị bài, tích cực tham gia thảo luận mà giảng viên yêu cầu - Hình thức: thuyết trình về mô hình kinh doanh - Tiêu chí đánh giá: theo đáp án của giảng viên	Theo từng buổi học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	30%
2	<i>Cuối kỳ</i>	Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Thi viết đề thi mở (90 Phút) - Theo đáp án và thang điểm của giảng viên	Theo lịch của nhà trường	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Kiều Thị Hương
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Email: kieuhuong@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0982230570

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Ánh
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Email: nguyenkimanh@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0905497789

9.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Trịnh Thị Thúy Hồng
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Email: trinhthithuyhong@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0989731710

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Đảm bảo đúng nội dung, đúng lịch dạy
Yêu cầu đối với người học	Tích cực, chủ động trong học tập
Quy định về tham dự lớp học	Dự đầy đủ các buổi học lý thuyết
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, tập trung và sôi nổi trao đổi
Quy định về học vụ	Theo quy định chung của Trường
Các quy định khác	Không

Bình Định, ngày tháng năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

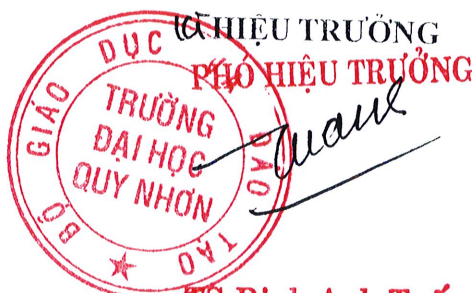
TRƯỞNG BỘ MÔN

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

TS. Kiều Thị Hương

TS. Lê Dzu Nhật

TS. Đặng Thị Thanh Loan



TS. Đinh Anh Tuấn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: **TIN HỌC CƠ SỞ (Sur phạm)**

Mã học phần: **1050242**

Tên tiếng Anh: **BASIC INFORMATICS**

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Tin học cơ sở (Sur phạm)
- Mã học phần: 1050242 Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: không có.
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): phòng học lý thuyết có máy chiếu, phòng thực hành đủ máy tính cho mỗi sinh viên thực hành trên 1 máy tính, có máy chiếu, mạng cục bộ. Máy tính có kết nối internet, có cài đặt bộ phần mềm Microsoft Office (phiên bản 2016 trở lên), phần mềm moodle.
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 28 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 2 tiết
 - + Thảo luận/thuyết trình nhóm: 0 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 30 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm:
 - + Tự học: 75 giờ.
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Khoa Công nghệ thông tin.

2. Mô tả học phần

Học phần cập nhật những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, những kiến thức cơ bản về E-Learning, và các phần mềm máy tính phục vụ giảng dạy phổ biến. Qua đó sinh viên có thể hiểu và ứng dụng Tin học vào các hoạt động giảng dạy của ngành mà sinh viên đang học.

3. Mục tiêu của học phần

- Kiến thức
 - o CO1: Cung cấp những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, chuyển đổi số.
 - o CO2: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về E-learning.
 - o CO3: Trang bị cho sinh viên các kiến thức về xử lý văn bản, và các phần mềm hỗ trợ giảng dạy, nghiệp vụ giáo viên phổ biến.

- Kỹ năng
 - o CO4: Giúp sinh viên có các kỹ năng sử dụng các phần mềm hỗ trợ giảng dạy, sử dụng một hệ thống quản lý giảng dạy và học tập đơn giản.
- Mức tự chủ và trách nhiệm
 - o CO5: Hình thành cho sinh viên ý thức chủ động tìm hiểu các kiến thức về tin học, và tích cực vận dụng các kiến thức đó vào quá trình học tập và công việc chuyên môn sau này.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		CDR CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
Kiến thức				
CO1	CLO1	Biết được các kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số.		L
CO2	CLO2	Biết được vai trò của E-Learning, các chuẩn phổ biến của một bài giảng E-Learning, và các thành phần cơ bản của một hệ thống E-Learning.		L
CO2	CLO3	Biết và vận dụng được các chức năng cơ bản của một phần mềm hệ thống quản lý giảng dạy và học tập (LMS), phần mềm hỗ trợ dạy trực tuyến trực tiếp trong tổ chức, thực hiện giảng dạy eLearning.		M
CO3	CLO4	Biết và vận dụng được các phần mềm Microsoft Word, Microsoft PowerPoint phục vụ cho việc soạn giảng, phần mềm Microsoft Excel trong việc thực hiện các nghiệp vụ giáo viên.		M
Kỹ năng				
CO4	CLO5	Sử dụng được các tính năng nâng cao của phần mềm Microsoft Word, Microsoft PowerPoint, Microsoft Excel.		M
CO4	CLO6	Sử dụng được các tính năng cơ bản của một phần mềm LMS phổ biến, một phần mềm hỗ trợ dạy học trực tuyến trực tiếp.		M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO7	Có ý thức chủ động tìm hiểu và vận dụng các kiến thức về tin học và ứng dụng tin học liên quan đến chuyên môn.		M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	[1] Bài giảng <i>Tin học ứng dụng</i> , Khoa Công nghệ thông tin,
-------------------	---

	Trường Đại học Quy Nhơn, 2020.
Tài liệu tham khảo thêm:	[2] Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, <i>Phát triển nền kinh tế số</i> , 2018 [3] Hồ Tú Bảo, <i>Thời chuyển đổi số- Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu</i> , Viện John von Neumann, TP. Hồ Chí Minh, 2018 [4] William Rice, <i>Moodle E-Learning Course Development</i> , Third Edition, Packt Publishing, 2018.
Các loại học liệu khác:	[5] Moodle.org, Moodle Documentation

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO7
Thực hành	Giúp sinh viên củng cố kiến thức, vận dụng lý thuyết vào thực hành và luyện tập giải quyết các vấn đề thực tế thường gặp trong lĩnh vực ngành nghề sinh viên đang học.	CLO5, CLO6, CLO7

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CDR học phần
1 (2 tiết)	Chương 1: Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số 1.1. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và thời chuyển đổi số. 1.2. Vai trò của Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0 1.3. Vai trò của Tin học trong chuyển đổi số, kinh tế số	CLO1, CLO7
2 (2 tiết)	1.4. Những ứng dụng hiện tại và trong tương lai của Tin học trong nền kinh tế số.	

4 (2 tiết)	Chương 2. Xử lý văn bản nâng cao Microsoft Word 2.1. Thiết lập môi trường làm việc tối ưu. 2.2. Áp dụng mẫu có sẵn hoặc tự tạo. 2.3. Định dạng nâng cao	CLO4, CLO5, CLO7	
5 (3 tiết)	Bài thực hành số 1: Hiểu yêu cầu bài toán và áp dụng các kỹ thuật thiết lập môi trường làm việc, mẫu, tạo mục lục chi mục theo yêu cầu. 2.3. Mục lục, chỉ mục 2.4. Đánh dấu và tham chiếu		
6 (2 tiết)	Bài thực hành số 2: Áp dụng các kỹ thuật đánh dấu, tham chiếu, kết nối, nhúng dữ liệu theo yêu cầu của bài toán. 2.5. Dữ liệu và biểu mẫu		
7 (3 tiết)	Bài thực hành số 3: Áp dụng các kỹ thuật liên quan đến dữ liệu, biểu mẫu theo yêu cầu của bài toán. 2.6. Xây dựng biểu mẫu trong chế độ cộng tác		
8 (2 tiết)	Bài thực hành số 4: Áp dụng tất cả các thao tác đã trang bị cho việc định dạng theo yêu cầu của bài toán		
9 (2 tiết)			
10 (3 tiết)			
11 (3 tiết)			
11 (2 tiết)	Chương 3: E-learning 3.1. Tổng quan về E-learning 3.1.1. E-learning và hình thức đào tạo E-learning 3.1.2. Tình hình phát triển và sử dụng E-learning trên thế giới và Việt Nam 3.1.3. Hệ thống E-learning và các chuẩn E-learning 3.2. Hệ thống quản lý giảng dạy và học tập 3.2.1. Hệ thống quản lý học tập (LMS) 3.2.2. Hệ thống LMS nguồn mở 3.2.3. Hệ thống LMS thương mại		CLO2, CLO3, CLO6, CLO7

12 (2 tiết)	Bài tập nhóm: thảo luận và thiết kế một lớp học trên LMS	
13	Bài tập thực hành số 5: thiết lập và quản lý lớp học, môn học trên một hệ thống LMS nguồn mở.	
(2 tiết)	Bài tập thực hành số 6: thiết lập và quản lý lớp học, môn học trên một hệ thống LMS thương mại.	
14 (2 tiết)	3.3. Công cụ hỗ trợ dạy trực tuyến trực tiếp 3.3.1. Các phần mềm nguồn mở 3.3.2. Các dịch vụ thương mại	
15 (3 tiết)	Bài tập thực hành số 7: thiết lập và thực hiện giảng dạy một lớp học trực tuyến trực tiếp.	
16 (3 tiết)		
17 (2 tiết)		
18 (3 tiết)		
19 (2 tiết)	Chương 4: Phần mềm hỗ trợ soạn giảng 4.1. Tổng quan phần mềm hỗ trợ soạn giảng 4.1.1. Bài giảng điện tử 4.1.2. Quy trình thiết kế bài giảng điện tử 4.1.3. Sơ lược về các phần mềm hỗ trợ soạn giảng	CLO4, CLO5, CLO7
20 (2 tiết)	4.2. Phần mềm Microsoft PowerPoint 4.2.1. Xây dựng bản trình chiếu PowerPoint, và những thiết lập cơ bản 4.2.2. Các thao tác với slide và slide master, note 4.2.3. Hiệu ứng chuyển Slide, hiệu ứng các đối tượng trong Slide 4.2.4. Thiết lập liên kết và sử dụng Trigger 4.2.5. Một số thao tác trình chiếu PowerPoint 4.2.6. Đóng gói và in bản trình chiếu	
	4.3. Bài tập thực hành số 8: soạn thảo bài trình chiếu bằng PowerPoint.	

21 (3 tiết)		
22 (2 tiết)	Chương 5: Sử dụng bản tính 5.1. Giới thiệu về Microsoft Excel	CLO4, CLO5, CLO7
23 (2 tiết)	5.2. Các thao tác cơ bản 5.3. Các kiểu dữ liệu	
24 (3 tiết)	5.4. Định dạng dữ liệu và in ấn 5.5. Giới thiệu và sử dụng các hàm	
25 (3 tiết)	Bài tập thực hành số 9: thực hành định dạng bảng tính và các hàm trong Excel	
25 (3 tiết)	Bài tập thực hành số 10: thực hành định dạng bảng tính và các hàm trong Excel.	

8. Đánh giá kết quả học tập

TT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	Quá trình học tập	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Cả quá trình học	CLO7	40%
		- Điểm danh việc tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học.	Cả quá trình học		
		Kết quả bài làm kiểm tra giữa kỳ của sinh viên.	Sau khi kết thúc chương 3	CLO1, CLO2 CLO3, CLO6	
2	Thi kết thúc học phần	Thi thực hành: thực hiện các yêu cầu cụ thể trên máy tính.	Cuối kỳ	CLO4, CLO5, CLO7	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Thanh Bình

- 36
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
 - Email: nguyenbinh@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ:

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Thị Anh Thi
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: nguyenthianhthi@qnu.edu.vn.....Điện thoại liên hệ.....

10. Các quy định chung

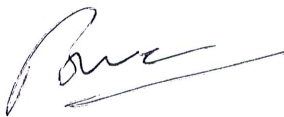
Cam kết của giảng viên	- Dạy đúng và đủ nội dung theo đề cương. - Giải đáp mọi thắc mắc của sinh viên liên quan đến môn học.
Yêu cầu đối với sinh viên	- Đọc trước bài học từng buổi theo đề cương. - Làm các bài thực hành và tích cực trao đổi với giáo viên trong quá trình học.
Quy định về tham dự lớp học	- Tham dự đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành.
Quy định về hành vi trong lớp học	- Đi học đúng giờ, không để điện thoại ở chế độ đổ chuông. - Tập trung nghe giảng, ghi chú, tích cực suy nghĩ, thảo luận và trao đổi với giảng viên.
Quy định về học vụ	- Làm bài tập và trao đổi với giáo viên trong quá trình học. - Các quy tắc khác thực hiện theo quy định đào tạo của Nhà trường.
Các quy định khác	Không.

Bình Định, ngày tháng năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA



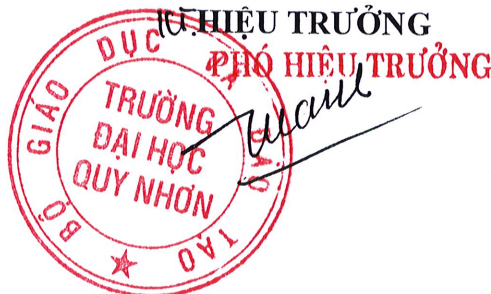
TS. Nguyễn Thanh Bình



TS. Phạm Văn Việt



TS. Lê Xuân Việt



TS. Đinh Anh Tuấn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: TÂM LÝ HỌC
Mã học phần: 1100086
Tên tiếng Anh: Psychology

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Tâm lý học
- Mã học phần: 1100086 Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Triết học Mác - Lênin
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không
 - + Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 10 tiết
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Tự học: 90 giờ
- Khoa phụ trách: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về khoa học tâm lý, các vấn đề về tâm lý học lứa tuổi học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông, cơ sở tâm lý của hoạt động dạy học và giáo dục đạo đức. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học và giáo dục.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức:

- + CO1: Hiểu biết cơ bản về khoa học tâm lý: khái niệm tâm lý và tâm lý học, bản chất của tâm lý người.
- + CO2: Hiểu và vận dụng các quá trình của hoạt động nhận thức và các vấn đề về nhân cách như: xu hướng, tính cách, khí chất, năng lực, tình cảm, ý chí trong hoạt động dạy học, giáo dục.
- + CO3: Hiểu và vận dụng các đặc điểm tâm lý của lứa tuổi học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.
- + CO4: Hiểu và vận dụng các vấn đề về cơ sở tâm lý của hoạt động dạy học và giáo dục đạo đức.

- Kỹ năng:

+ CO5: Có kỹ năng phân tích các tình huống tâm lý trong đời sống, trong hoạt động sư phạm và đưa ra cách giải quyết hợp lý; có kỹ năng tạo động lực học tập cho học sinh

+ CO6: Có kỹ năng nghiên cứu, đánh giá các khó khăn tâm lý của học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông, đồng thời có biện pháp hỗ trợ tâm lý cho học sinh.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO7: Nhận thức được tầm quan trọng, vị trí của học phần Tâm lý học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức và hoạt động sư phạm sau này.

+ CO8: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có khả năng tự học, có ý thức rèn luyện nhân cách và đạo đức nghề nghiệp.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1,CO6	CLO1	Hiểu được kiến thức về bản chất hiện tượng tâm lý người		M
CO2,CO5, CO7	CLO2	Hiểu và vận dụng các đặc điểm của nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính trong quá trình dạy học.		M
CO1, CO2,CO3,CO5,	CLO3	Hiểu và vận dụng được các khái niệm thuộc phạm trù nhân cách và đặc điểm của nhân cách; các quy luật hình thành tình cảm.		M
CO3,CO5, CO6,CO7, CO8	CLO4	Phân tích và chỉ rõ được nguyên nhân cảm giác về sự trưởng thành, những biểu hiện của tâm lý muốn làm người lớn và hoạt động giao tiếp của học sinh THCS		M
CO3,CO5, CO6,CO7, CO8	CLO5	Phân tích và chỉ ra sự phát triển tự ý thức của học sinh THPT và những nét nổi bật trong tình bạn cũng như tình yêu ở lứa tuổi này.		M
CO1, CO3, CO5, CO6, CO7, CO8	CLO6	Hiểu và lý giải được nguyên nhân của những khó khăn tâm lý thường gặp ở học sinh THCS và THPT		M

Kỹ năng				
CO2, CO5, CO7, CO8	CLO7	Vận dụng các quy luật cơ bản của đời sống tình cảm, các quy luật hình thành kỹ xảo vào cuộc sống và hoạt động sư phạm.		M
CO1, CO2, CO3 CO4, CO5, CO6, CO7	CLO8	Phân tích các tình huống tâm lý và xử lý các tình huống sư phạm.		M
CO1, CO3, CO5, CO6, CO7, CO8	CLO9	Phân tích được đặc điểm tâm lý học sinh THCS, THPT; nhận diện được các khó khăn tâm lý của học sinh và có biện pháp hỗ trợ học sinh.		M
CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	CLO10	Xây dựng các biện pháp tạo động lực học tập và giáo dục hành vi đạo đức cho học sinh THCS, THPT.		M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO7, CO8	CLO11	Nhận thức được tầm quan trọng, vị trí của học phần Tâm lý học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức và hoạt động sư phạm sau này.		M
CO7, CO8	CLO12	Tích cực học tập và hoàn thiện bản thân để phát triển nghề nghiệp của mình trong tương lai.		M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	<p>[1] Nguyễn Đức Sơn, Lê Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Huệ, Đỗ Thị Hạnh Phúc, Trần Quốc Thành, Trần Thị Lệ Thu, <i>Giáo trình Tâm lý học giáo dục</i>, NXB Đại học Sư phạm, 2017</p> <p>[2] Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), Nguyễn Văn Lũy, Đinh Văn Vang, <i>Tâm lý học đại cương</i>, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, 2022.</p> <p>[3] Bộ môn TL-GD, Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn, <i>Đề cương bài giảng Tâm lý học</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ), 2022.</p>
Tài liệu tham khảo thêm:	<p>[1] Trương Thị Khánh Hà, <i>Tâm lý học phát triển</i>, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017</p> <p>[2] Nguyễn Đức Sơn (Chủ biên), <i>Tài liệu bồi dưỡng năng lực cho cán bộ, giáo viên làm công tác tư vấn tâm lý trong trường phổ thông</i>, NXB Giáo dục Việt Nam, 2018</p> <p>[3] Nguyễn Thị Tứ (Chủ biên), <i>Tâm lý học giáo dục</i>, NXB ĐH Sư phạm TPHCM, 2018</p>

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic	CLO1, CLO2, CLO3, CLO6, CLO11
Đàm thoại, vấn đáp	Thông qua việc giải đáp giữa GV và SV để giải quyết các nội dung kiến thức trong môn học	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO9, CLO11
Bài tập	Giúp SV vận dụng kiến thức vào việc giải quyết các vấn đề trong thực tiễn sự phạm, từ đó nắm vững kiến thức đã học.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
Thảo luận	Giúp SV tăng cường năng lực tự học, phát triển kỹ năng làm việc nhóm cho SV	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO11, CLO12

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học (3 tiết/ buổi)	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
1 (2t Lý thuyết + 1t Thảo luận)	<p style="text-align: center;">Chương 1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TÂM LÝ HỌC</p> <p>1.1. Bản chất của tâm lý người <i>1.1.1. Khái niệm tâm lý, tâm lý học</i> <i>1.1.2. Bản chất của tâm lý người</i></p> <p>Thảo luận: Vì sao tâm lý người này khác tâm lý người kia? Vận dụng</p> <p>1.2. Hoạt động nhận thức <i>1.2.1. Nhận thức cảm tính</i> 1.2.1.1. Khái niệm</p>	
2 (3t Lý thuyết)	<p>1.2.1.2. Đặc điểm 1.2.1.3. Vận dụng nhận thức cảm tính vào hoạt động dạy học</p> <p><i>1.2.2. Nhận thức lý tính</i> 1.2.2.1. Khái niệm</p>	
3 (2t Lý thuyết + 1t Bài tập)	<p>1.2.2.2. Đặc điểm 1.2.2.3. Vận dụng nhận thức lý tính vào hoạt động dạy học</p>	

	Bài tập về Hoạt động nhận thức	
<p style="text-align: center;">4 (2t Lý thuyết + 1t Thảo luận)</p>	<p>1.3. Nhân cách</p> <p><i>1.3.1. Khái niệm chung về nhân cách</i></p> <p>1.3.1.1. Khái niệm nhân cách</p> <p>1.3.1.2. Đặc điểm nhân cách</p> <p>1.3.1.3. Các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách</p> <p>Thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc nhân cách (phẩm chất và năng lực) cần hình thành cho học sinh theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 - Bằng kiến thức Tâm lý học, hãy phân tích câu thơ: <div style="text-align: center;">“Hiền dữ phải đâu là tính sẵn Phần nhiều do giáo dục mà nên”</div> - Vai trò của giáo dục và người giáo viên trong việc định hướng giá trị nhân cách cho học sinh trong giai đoạn hiện nay. <p><i>1.3.2. Các phẩm chất tâm lý của nhân cách</i></p> <p>1.3.2.1. Tình cảm</p>	
<p style="text-align: center;">5 (3t Lý thuyết)</p>	<p>1.3.2.2. Ý chí</p> <p><i>1.3.3. Các thuộc tính tâm lý của nhân cách</i></p> <p>1.3.3.1. Xu hướng</p> <p>1.3.3.2. Tính cách</p> <p>1.3.3.3. Khí chất</p> <p>1.3.3.4. Năng lực</p>	
<p style="text-align: center;">6 (1t Bài tập + 2t Lý thuyết)</p>	<p>Bài tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các câu ca dao, tục ngữ phản ánh các quy luật của đời sống tình cảm. - Vận dụng các quy luật cơ bản của đời sống tình cảm, các quy luật hình thành kỹ xảo vào cuộc sống và hoạt động sư phạm. - Trắc nghiệm kiểu khí chất, vận dụng vấn đề khí chất trong việc giáo dục HS <p style="text-align: center;">Chương 2 TÂM LÝ HỌC LỨA TUỔI</p> <p>2.1. Tâm lý học lứa tuổi học sinh Trung học cơ sở</p> <p><i>2.1.1. Những điều kiện cho sự phát triển tâm lý lứa tuổi học sinh Trung học cơ sở</i></p> <p><i>2.1.2. Đặc điểm tâm lý của học sinh trung học cơ sở</i></p>	

	2.1.2.1. Hoạt động giao tiếp của học sinh trung học cơ sở	
7 (2t Lý thuyết + 1t Bài tập)	2.1.2.1. Hoạt động giao tiếp của học sinh trung học cơ sở (tiếp theo) Bài tập: Xử lý các tình huống sư phạm trong giao tiếp ứng xử	
8 (2t Thảo luận + 1t Bài tập)	Thảo luận: - Vì sao lứa tuổi học sinh THCS xuất hiện cảm giác trưởng thành? Vì sao lứa tuổi HS THCS thường được gọi bằng những cái tên như “tuổi nổi loạn”, “tuổi khó bảo”? - Những vấn đề tâm lý nổi bật của tuổi thiếu niên hiện nay: mâu thuẫn giữa thiếu niên với cha mẹ và người lớn, gia tốc của sự phát triển trẻ em ngày nay, bạo lực học đường, tình bạn- tình yêu, sức khỏe sinh sản vị thành niên, tự tử... Bài tập: Tìm hiểu tâm lý học sinh THCS thông qua phỏng vấn và khảo sát	
9 (2t Lý thuyết + 1t Bài tập)	2.1.2.2. Sự phát triển nhân cách của học sinh trung học cơ sở Bài tập: Xây dựng 1 nội dung trong kế hoạch truyền thông cho học sinh THCS với các chủ đề: tình bạn- tình yêu, sức khỏe sinh sản vị thành niên, bạo lực học đường... 2.2. Tâm lý lứa tuổi học sinh trung học phổ thông <i>2.2.1. Những điều kiện cho sự phát triển tâm lý lứa tuổi học sinh Trung học phổ thông</i>	
10 (2t Lý thuyết + 1t Bài tập)	Bài tập: Chỉ ra những cơ hội và thách thức của thế hệ Z (Z generation) <i>2.2.2. Đặc điểm tâm lý chủ yếu của học sinh lứa tuổi học sinh trung học phổ thông</i> <i>2.2.2.1. Sự phát triển tự ý thức</i> <i>2.2.2.2. Sự hình thành thế giới quan</i>	
11 (2t Lý thuyết + 1t Thảo luận)	<i>2.2.2.3. Giao tiếp và đời sống tình cảm</i> Thảo luận: Những nét nổi bật trong tình bạn và tình yêu ở lứa tuổi HS trung học phổ thông hiện nay?	
12 (2t Thảo luận + 1t Bài tập)	Thảo luận: Những vấn đề nổi bật của tuổi vị thành niên dưới góc độ tâm lý học: nghiện mạng xã hội, tình yêu- tình dục, định hướng	

	giá trị, LGBT, ... Bài tập: Bước đầu xây dựng chân dung tâm lý học sinh	
13 (2t Lý thuyết + 1t Bài tập)	2.3. Những khó khăn tâm lý thường gặp của học sinh và biện pháp hỗ trợ <i>2.3.1. Khó khăn tâm lý của học sinh trong học tập</i> <i>2.3.2. Khó khăn tâm lý của học sinh trong giao tiếp ứng xử</i> <i>2.3.3. Khó khăn tâm lý của học sinh trong định hướng nghề nghiệp</i> Bài tập: Tìm hiểu những khó khăn tâm lý thường gặp của học sinh THCS, THPT và cách ứng phó của các em.	
14 (1t Bài tập + 2t Lý thuyết)	Bài tập: Đưa ra cách thức hỗ trợ tâm lý cho HS trong 1 số tình huống <p style="text-align: center;">CHƯƠNG 3 TÂM LÝ HỌC SƯ PHẠM</p> 3.1. Cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy học <i>3.1.1. Cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy</i> <i>3.1.2. Cơ sở tâm lý học của hoạt động học</i>	
15 (1t Lý thuyết +1t Thảo luận +1t Bài tập)	<i>3.1.3. Tạo động lực học tập cho học sinh trong quá trình dạy học</i> Thảo luận Vấn đề: Hứng thú học tập, chọn môn học tự chọn ở bậc THPT Bài tập: Xây dựng cách thức tạo động lực học tập cho bản thân	
16 (3t Lý thuyết)	3.2. Cơ sở tâm lý học của giáo dục đạo đức <i>3.2.1. Khái niệm đạo đức và hành vi đạo đức</i> <i>3.2.2. Cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức</i> <i>3.2.3. Hình thành hành vi đạo đức cho học sinh</i>	
17 (2t Thảo luận)	Thảo luận: - Thực trạng về vấn đề đạo đức của học sinh hiện nay - Giáo dục đạo đức cho HS- vai trò của gia đình, nhà trường và xã hội	

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	<i>Quá trình học tập</i>	-Mức độ sử dụng các tài liệu do giảng viên hướng dẫn. -Tích cực tham gia phát biểu ý kiến, thảo luận trên lớp.	Đầu các buổi học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO11	40%
		Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	Từ buổi 1 đến buổi 17	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO11	
		Hình thức: Bài làm cá nhân trên lớp; Tiêu chí đánh giá: nắm vững kiến thức phần Tâm lý học đại cương	Buổi thứ 11	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO11, CLO12	
2	<i>Thi kết thúc học phần</i>	Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết; Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề	Theo lịch của Nhà trường	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10, CLO11, CLO12	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thùy Trang
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: nguyenthuytrang@qnu.edu.vn; Điện thoại liên hệ: 0988 855 183

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Lê Đức Khiết
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: duckhiet.tlgd@gmail.com; Điện thoại liên hệ: 0944 132 269

9.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Võ Thị Uyên Vy
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: uyenvyqnu@gmail.com; Điện thoại liên hệ: 0966 92 91 91

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Thực hiện đúng kế hoạch giảng dạy và đúng thời gian quy định
Yêu cầu đối với sinh viên	Tham gia đầy đủ các giờ học, tham gia thảo luận, thực hiện các bài tập đầy đủ
Quy định về tham dự lớp học	Tham gia ít nhất 80% giờ lên lớp
Quy định về hành vi trong lớp học	Tham gia thảo luận, xây dựng bài học
Quy định về học vụ	Có ít nhất 2 giáo trình chính sử dụng trong môn học
Các quy định khác	

Bình Định, ngày tháng năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

ThS. Nguyễn Thị Thùy Trang

TS. Nguyễn Lê Hà

TS. Nguyễn Doãn Thuận



TS. Đinh Anh Tuấn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: GIÁO DỤC HỌC
Mã học phần: 1100026
Tên tiếng Anh: PEDAGOGICS

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Giáo dục học
- Mã học phần: 1100026; Số tín chỉ: 04
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Tâm lý học
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 35 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 17 tiết
 - + Thực hành: 16 tiết
 - + Tự học: 120 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn

2. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho người học những hiểu biết toàn diện về nghề sư phạm và công việc của người giáo viên trong nhà trường. Từ đó, sinh viên xác định phương hướng rèn luyện phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân. Nội dung học phần bao gồm:

- Nhóm tri thức và kỹ năng chung về khoa học giáo dục: trang bị cho sinh viên những vấn đề chung về quá trình giáo dục tổng thể;
- Nhóm tri thức về quá trình dạy học: trang bị lý luận về hoạt động dạy học và các kỹ năng tổ chức quá trình dạy học;
- Nhóm tri thức về quá trình giáo dục: trang bị về và các kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục;
- Nhóm tri thức về quản lý trường học: trang bị nội dung khái quát về công tác quản lý nhà trường, người giáo viên chủ nhiệm, ... và các kỹ năng quản lý tập thể học sinh.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức

Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản:

+ CO1: Về khoa học giáo dục và quá trình giáo dục tổng thể;

+ CO2: Về nền giáo dục Việt Nam hiện nay;

+ CO3: Về nghề sư phạm và các công việc nghề nghiệp của người giáo viên;

+ CO4: Về các vấn đề chung trong công tác quản lý nhà trường, quản lý và xây

dựng tập thể học sinh.

- Kỹ năng

+ CO5: Hình thành và rèn luyện hệ thống kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cơ bản;

+ CO6: Xử lý được cơ bản các vấn đề thực tiễn về dạy học và giáo dục hiện nay.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO7: Tự bồi dưỡng thái độ và tình cảm đúng đắn đối với nghề sư phạm;

+ CO8: Trách nhiệm trong xác định mục tiêu, phương hướng và kế hoạch rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Phân tích được các kiến thức chung về giáo dục học để làm nền tảng vững chắc cho việc nghiên cứu và thực hành giảng dạy và giáo dục học sinh.		M
CO2	CLO2	Hiểu về nền giáo dục Việt Nam hiện nay bao gồm: mục đích, nhiệm vụ, hệ thống giáo dục Việt Nam, xu hướng phát triển của giáo dục Việt Nam.		L
CO3	CLO3	Vận dụng được các kiến thức về giáo dục học trong quá trình dạy học và giáo dục học sinh ở nhà trường phổ thông.		M
CO4	CLO4	Hiểu được các nội dung cơ bản trong công tác quản lý nhà trường;		L
		Vận dụng được kiến thức giáo dục học trong xây		M

		dựng và quản lý tập thể học sinh.		
Kĩ năng				
CO5	CLO5	Thiết kế và tổ chức được hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường. Nhận dạng và xử lí được các tình huống xảy ra trong quá trình dạy học và giáo dục một cách khoa học. Thiết lập được mối quan hệ với học sinh và đồng nghiệp.		M
CO6	CLO6	Giải thích được các vấn đề trong thực tiễn liên quan đến dạy học và giáo dục.		L
		Giải quyết được các vấn đề trong thực tiễn dạy học và giáo dục nói chung thông qua hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm.		L
		Ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình dạy học và giáo dục.		M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO7	CLO7	Thực hiện đúng kỷ luật và tác phong của người giáo viên, giữ gìn uy tín bản thân, sống mẫu mực.		M
		Thể hiện được vai trò, trách nhiệm của người giáo viên trong hoạt động nghề nghiệp.		M
CO8	CLO8	Trách nhiệm trong rèn luyện bản thân để trở thành nhà giáo trong tương lai.		M
		Tích cực học tập và hoàn thiện bản thân để phát triển nghề nghiệp của mình trong tương lai.		M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	1. Phạm Viết Vượng (2017), Giáo dục học, NXB ĐHSPHN, Hà Nội. 2. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên) (2006), Giáo trình Giáo dục học. Tập 1,2. NXB ĐHSP.
Tài liệu tham khảo thêm:	3. Phạm Viết Vượng (2008), Bài tập Giáo dục học, NXBĐHQGHN. 4. Đỗ Thế Hưng (2007), Tình huống dạy học môn GDH, NXB ĐHSP.

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng/Trực quan	Trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức về khoa học giáo dục, quá trình giáo dục tổng thể, nền giáo dục Việt Nam, quá trình dạy học, giáo dục và quản lý trong nhà trường,	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
Đàm thoại, Hướng dẫn nghiên cứu tài liệu	Giúp sinh viên hiểu được về quá trình giáo dục con người, về nền giáo dục Việt Nam và nghề sư phạm và hoạt động nghề nghiệp của người giáo viên.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5
Thực hành	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên thực hiện được các yêu cầu học tập nhằm rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng thiết lập mối quan hệ, kỹ năng vận dụng thực tiễn và định hướng bản thân. - Giúp sinh viên củng cố và điều chỉnh kiến thức về quá trình giáo dục tổng thể, quá trình dạy học và giáo dục trong nhà trường, quá trình rèn luyện kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp. 	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
2 tiết	<p style="text-align: center;">Phần 1. Những vấn đề chung về giáo dục học</p> <p style="text-align: center;">Chương 1. Giáo dục học là một khoa học</p> <p><i>1.1. Hiện tượng giáo dục</i></p> <p>1.1.1. Khái niệm, nguồn gốc giáo dục</p> <p>1.1.2. Tính chất của hiện tượng giáo dục</p> <p>1.1.3. Chức năng của giáo dục</p>	CLO1 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8
4 tiết	<p><i>1.2. Giáo dục và sự phát triển nhân cách</i></p> <p>1.2.1. Một số khái niệm cơ bản</p> <p>1.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách</p>	
1 tiết	<i>1.3. Con đường giáo dục</i>	

	1.3.1. Dạy học 1.3.2. Tổ chức hoạt động 1.3.3. Sinh hoạt tập thể 1.3.4. Tự giáo dục	
1 tiết	1.4. <i>Giáo dục học là một khoa học độc lập</i> 1.4.1. Đối tượng nghiên cứu của giáo dục học 1.4.2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của giáo dục học 1.4.3. Phương pháp nghiên cứu giáo dục học 1.4.4. Các phạm trù nghiên cứu của giáo dục học	
1 tiết	Chương 2. Mục đích và nhiệm vụ giáo dục 2.1. <i>Mục đích giáo dục</i> 2.1.1. Khái quát về mục đích giáo dục 2.1.2. Mục đích giáo dục Việt Nam	
2 tiết	2.2. <i>Nhiệm vụ giáo dục</i> 2.2.1. Nhiệm vụ giáo dục trí tuệ 2.2.2. Nhiệm vụ giáo dục đạo đức 2.2.3. Nhiệm vụ giáo dục lao động – hướng nghiệp 2.2.4. Nhiệm vụ giáo dục thẩm mỹ 2.2.5. Nhiệm vụ giáo dục thể chất	CLO1 CLO2 CLO3 CLO6 CLO7 CLO8
1 tiết	2.3. <i>Hệ thống giáo dục</i> 2.3.1. Khái quát về hệ thống giáo dục 2.3.2. Hệ thống giáo dục Việt Nam hiện nay	
3 tiết	Chương 3. Lao động sư phạm 3.1. <i>Đặc điểm của lao động sư phạm</i> 3.1.1. Đối tượng của lao động sư phạm 3.1.2. Mục đích của lao động sư phạm 3.1.3. Công cụ của lao động sư phạm 3.1.4. Môi trường và điều kiện của lao động sư phạm 3.2. <i>Người giáo viên</i> 3.2.1. Vai trò và nhiệm vụ của người giáo viên 3.2.2. Những yêu cầu đối với người giáo viên 3.2.3. Bồi dưỡng về phẩm chất và năng lực của người giáo viên	CLO1 CLO3 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8
3 tiết	Phần 2: Lý luận dạy học và giáo dục ở trường trung học Chương 4. Lý luận dạy học ở trường trung học 4.1. <i>Khái quát về quá trình dạy học</i> 4.1.1. Khái niệm và nhiệm vụ của quá trình dạy học 4.1.2. Cấu trúc và bản chất của quá trình dạy học 4.1.3. Sự vận động của quá trình dạy học	CLO1 CLO3 CLO5 CLO6
1 tiết	4.2. <i>Nguyên tắc dạy học</i> 4.2.1. Khái quát về nguyên tắc dạy học 4.2.2. Hệ thống các nguyên tắc ở nhà trường trung học	CLO1 CLO3 CLO5 CLO6
2 tiết	4.3. <i>Nội dung dạy học</i> 4.3.1. Khái niệm và cấu trúc về nội dung dạy học 4.3.2. Xu hướng hoàn thiện nội dung dạy học	CLO7 CLO8
1 tiết	4.4. <i>Phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá</i> 4.4.1. Phương pháp dạy học 4.4.2. Kiểm tra đánh giá	
1 tiết	4.5. <i>Hình thức tổ chức dạy học và phương tiện dạy học</i>	

	4.5.1. Hình thức tổ chức dạy học 4.5.2. Phương tiện dạy học	
2 tiết	Chương 5. Lý luận giáo dục ở trường trung học 5.1. <i>Khái quát về quá trình giáo dục</i> 5.1.1. Khái niệm và đặc điểm của quá trình giáo dục 5.1.2. Cấu trúc, bản chất của quá trình giáo dục 5.1.3. Sự vận động của quá trình giáo dục	
1 tiết	5.2. <i>Nguyên tắc giáo dục</i> 5.2.1. Khái quát về nguyên tắc giáo dục 5.2.2. Hệ thống các nguyên tắc giáo dục	
3 tiết	5.3. <i>Nội dung giáo dục</i> 5.3.1. Khái niệm và đặc điểm của nội dung giáo dục 5.3.2. Cấu trúc của nội dung giáo dục	
3 tiết	5.4. <i>Phương pháp giáo dục</i> 5.4.1. Khái niệm và đặc điểm của phương pháp giáo dục 5.4.2. Hệ thống các phương pháp giáo dục cơ bản	
8 tiết	Bài tập: Lập kế hoạch giáo dục: 1. Hoạt động trải nghiệm – Hướng nghiệp 2. Giáo dục kỹ năng sống	CLO3 CLO5 CLO6
8 tiết	Thực hành: Tổ chức hoạt động giáo dục: 1. Hoạt động trải nghiệm – Hướng nghiệp 2. Giáo dục kỹ năng sống	CLO7 CLO8
1 tiết	Phần 3. Lý luận về quản lý trường trung học Chương 6. Khái quát về công tác quản lý nhà trường trung học 6.1. <i>Những vấn đề chung về quản lý trường học</i> 6.1.1. Khái niệm về quản lý nhà trường 6.1.2. Nguyên tắc quản lý nhà trường 6.1.3. Nội dung và phương pháp quản lý nhà trường 6.2. <i>Bộ máy quản lý nhà trường trung học</i> 6.2.1. Ban Giám hiệu 6.2.2. Các bộ phận chức năng 6.2.3. Các tổ chức đoàn thể	CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8
2 tiết	Chương 7. Người giáo viên chủ nhiệm lớp 7.1. <i>Khái quát về người giáo viên chủ nhiệm lớp</i> 7.1.1. Vai trò của người giáo viên chủ nhiệm lớp 7.1.2. Nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm lớp 7.1.3. Yêu cầu đối với người giáo viên chủ nhiệm lớp 7.2. <i>Nội dung và phương pháp công tác của giáo viên chủ nhiệm lớp</i> 7.2.1. Nội dung công tác của người giáo viên chủ nhiệm lớp 7.2.2. Phương pháp công tác của người giáo viên chủ nhiệm lớp	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8
9 tiết	Bài tập: 1. Lập kế hoạch sinh hoạt lớp 2. Lập kế hoạch giáo dục học sinh cá biệt	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
8 tiết	Thực hành: 1. Tổ chức sinh hoạt lớp 2. Tổ chức giáo dục học sinh cá biệt	CLO7 CLO8

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	<i>Quá trình học tập</i>	- Tích cực nêu ý kiến; - Phối hợp hoạt động với giảng viên và tập thể;	Toàn bộ thời gian diễn ra môn học	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	40%
		Tham gia học từ 80% số tiết trở lên;	Toàn bộ thời gian diễn ra môn học	CLO5 CLO6 CLO7 CLO8	
		- Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân; - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Nội dung bài đúng yêu cầu của đề; + Không sao chép dưới mọi hình thức; + Trình bày rõ ràng; + Nộp bài đúng thời gian quy định; + Liên hệ thực tiễn, sáng tạo.	Giữa học kỳ	CLO1 CLO3 CLO4 CLO6 CLO8	
2	<i>Thi kết thúc học phần</i>	- Thi kết thúc học phần; - Hình thức thi: Viết; - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Cuối kỳ	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6 CLO8	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Võ Thị Thủy

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Email: vothithuy@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0978903365

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: nguyenthingocdung@qnu.edu.vn. Điện thoại liên hệ: 0976.020.870

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình môn học...
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, thực hiện các yêu cầu học tập từ phía giáo viên...
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học...
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc trong học tập, tích cực phát biểu tham gia xây dựng bài...
Quy định về học vụ	Có đầy đủ tài liệu học tập
Các quy định khác	

Bình Định, ngày tháng năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

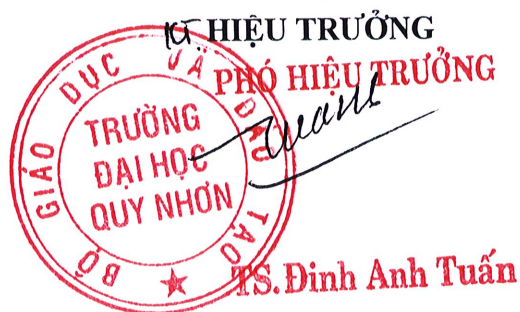
TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

ThS. Võ Thị Thủy

TS. Nguyễn Lê Hà

TS. Nguyễn Doãn Thuận



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM
Mã học phần: 1060018
Tên tiếng Anh: Introduction to Vietnamese Culture

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Cơ sở văn hóa Việt Nam
- Mã học phần: 1060018
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Sinh viên cần có kiến thức về các môn bổ trợ khác hoặc song song.
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 25 tiết
 - + Thảo luận/thuyết trình nhóm: 10 tiết
 - + Tự học: 60 giờ.
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Tổ Ngữ văn, Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn.

Số tín chỉ: 02

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức tổng quát, những khái niệm chung nhất về văn hoá học và văn hoá Việt Nam, về hệ thống các thành tố (tức lĩnh vực văn hoá), các vùng văn hoá Việt Nam cùng những quy luật và đặc trưng phát triển của văn hoá Việt Nam trong bối cảnh văn hoá Việt Nam hiện đại.

Nội dung học phần được thiết kế theo các nhóm tri thức và kỹ năng cụ thể sau:

Một là đại cương về văn hóa và văn hóa Việt Nam.

Hai là văn hóa tổ chức cộng đồng của Việt Nam.

Ba là văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội của Việt Nam.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức

+ CO1: Trang bị cho sinh viên nắm được những kiến thức về văn hoá và văn hoá Việt Nam.

- Kỹ năng

+ CO2: Giúp sinh viên rèn những kỹ năng, phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hoá Việt Nam

+ CO3: Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng kiến thức văn hoá học vào việc nghiên cứu, tìm hiểu địa lý, lịch sử đất nước Việt Nam (địa - văn hoá).



+ CO4: Giúp sinh viên vận dụng kiến thức văn hoá học vào phân tích ngôn ngữ, vào tác phẩm báo chí và thực tiễn đời sống.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Giúp sinh viên nhận thức được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức và làm việc, nghiên cứu sau này.

+ CO6: Giúp sinh viên có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được nội hàm khái niệm văn hóa từ nhiều góc nhìn khác nhau và định hình cách hiểu chung nhất về khái niệm văn hóa. - Thấy được mối quan hệ cũng như định vị được sự khác biệt giữa khái niệm văn hóa với một số khái niệm hữu quan: văn minh, văn hiến, văn vật. - Hình dung được cấu trúc của hệ thống văn hóa - Hiểu được những cơ sở hình thành văn hóa Việt Nam. - Nắm được đặc điểm văn hóa Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử. - Nhận diện, khu biệt được đặc điểm văn hóa của các vùng miền ở nước ta. - Vận dụng, lý giải được các đặc điểm văn hóa Việt Nam trên cơ sở chịu sự chi phối và hình thành từ những điều kiện địa lý tự nhiên – xã hội, gắn với đặc điểm lịch sử của một giai đoạn nhất định. 	PLO1	H
CO2	CLO2	- Ghi nhớ được đặc điểm các hình	PLO2	M

		<p>thức tổ chức cộng đồng của người Việt: tổ chức nông thôn, tổ chức đô thị, tổ chức quốc gia.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được những tín ngưỡng, phong tục của con người Việt Nam. - Nắm được những đặc trưng trong văn hóa giao tiếp và trong các loại hình văn hóa nghệ thuật của Việt Nam. - Giải thích được cơ sở tạo nên, quy định hình thức tổ chức, đặc điểm văn hóa tổ chức cộng đồng của người Việt. - Nhận diện, thấy được tính tổ chức cũng như đời sống phong phú của Người Việt. - Có thể vận dụng tính cộng đồng và tính tự trị; những đặc điểm tín ngưỡng, phong tục, giao tiếp, nghệ thuật của người Việt để cắt nghĩa những biểu hiện cụ thể trong tính cách và đời sống tinh thần của người Việt. 		
Kĩ năng				
CO3	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng trình bày được những đặc điểm về văn hóa ẩm thực, trang phục, kiến trúc nhà cửa, giao thông của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. - Nắm được sự giao lưu, ảnh hưởng, tiếp biến giữa văn hóa Việt Nam với văn hóa Ấn Độ, Trung Quốc, phương Tây,... - Thấy được mối quan hệ mật thiết, vai trò quan trọng của môi trường tự nhiên – xã hội trong việc tạo nên đặc điểm, đặc trưng văn hóa ứng xử của con người nói chung cũng như của người Việt nói riêng. - Nhận ra khả năng thích nghi cao và bản lĩnh văn hóa vững vàng của người Việt. 	PLO3	M

		- Nhận diện, vận dụng, giải thích được những biểu hiện cụ thể về văn hóa ăn, mặc, ở, đi lại; những yếu tố văn hóa bản địa và ngoại lai; sự hỗn dung, tiếp biến văn hóa trong đời sống vật chất cũng như đời sống tinh thần của người Việt.		
CO4	CLO4	- Nhận diện được những thuận lợi và thách thức của bức tranh văn hóa cổ truyền của người Việt trong đời sống kinh tế thị trường hiện nay - Trình bày được những định hướng cụ thể về việc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong thời đại hiện nay	PLO4	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, có thái độ học tập nghiêm túc.	PLO5	H
CO6	CLO6	Phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập.	PLO6	H

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	[1] Trần Ngọc Thêm (2000), <i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i> , Nxb Giáo dục, Hà Nội.
Tài liệu tham khảo thêm:	[2] Đào Duy Anh (1998), <i>Việt Nam văn hóa sử cương</i> , Nxb Đồng Tháp. [3] Toan Ánh (1999), <i>Làng xóm Việt Nam</i> , Nxb Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh. [4] Phan Kế Bính (1990), <i>Việt Nam phong tục</i> , Nxb Tp. Hồ Chí Minh. [5] Doãn Chính (Chủ biên, 2012), <i>Lịch sử triết học phương Đông</i> , Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. [6] Đoàn Văn Chúc (1997), <i>Văn hóa học</i> , Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội. [7] Lê Văn Chương (1999), <i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i> , Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh. [8] Nguyễn Đăng Duy (2002), <i>Văn hóa học Việt Nam</i> , Nxb Văn hóa

thông tin, Hà Nội.

[9] Bùi Xuân Đính (1998), *Hương ước và quản lý làng xã*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[10] Phạm Văn Đồng (1994), *Văn hóa và đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[11] Nguyễn Thừa Hỷ (1999), *Lịch sử văn hóa Việt Nam truyền thống giản yếu*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

[12] Đinh Gia Khánh (1993), *Văn hóa dân gian Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[13] Phan Ngọc (1998), *Văn hóa Việt Nam và cách tiếp cận mới*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.

[14] Phan Ngọc (2002), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn học, Hà Nội.

[15] Nhiều tác giả (1997), *Hỏi đáp về văn hóa Việt Nam*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh.

[16] Đông Phong (1998), *Về nguồn văn hóa cổ truyền Việt Nam*, Nxb Mũi Cà Mau.

[17] Nguyễn Gia Phu (1996), *Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam*, Đại học Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.

[18] Nhất Thanh, Vũ Văn Khiếu (2005), *Phong tục làng xóm Việt Nam*, Nxb Phương Đông, Tp. Cà Mau.

[19] Trần Ngọc Thêm (2004): *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Tổng hợp TP.HCM.

[20] Ngô Đức Thịnh (1993), *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[21] Nguyễn Khắc Thuần (1998-2000), *Đại cương lịch sử văn hóa Việt Nam* (5 tập), Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[22] Lương Duy Thứ (Chủ biên, 1996), *Đại cương văn hóa phương Đông*, Nxb Giáo dục, Hà nội.

[23] Đặng Đức Siêu (2002), *Hành trình văn hóa Việt Nam*, Nxb Lao động, Hà Nội.

[24] Đặng Đức Siêu (2004), *Văn hóa cổ truyền phương Đông*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[25] Đặng Đức Siêu (2005), *Sở tay văn hóa Việt Nam*, Nxb Lao động, Hà Nội.

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách	CLO1,2,3,4,5,6

	khoa học, logic.	
Đàm thoại, vấn đáp	Đặt vấn đề cho sinh viên suy nghĩ, rèn luyện năng lực khái quát hóa và trừu tượng hóa cho sinh viên, đồng thời giải đáp những thắc mắc của sinh viên.	CLO1,2,3,4,5,6
Bài tập	Củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng phỏng vấn và tường thuật báo chí cho sinh viên.	CLO1,2,3,4,5,6
Thuyết trình	Tạo cơ hội cho sinh viên chủ động tiếp cận kiến thức và thể hiện khả năng trình bày trước tập thể.	CLO1,2,3,4,5,6

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
1	CHƯƠNG I: ĐẠI CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM I. Đại cương về văn hóa <i>1. Khái niệm và những đặc trưng cơ bản của văn hóa</i> <i>2. Phân biệt khái niệm văn hóa với văn minh, văn hiến, văn vật</i>	CLO1,2,3,4,5,6
2	<i>3. Cấu trúc văn hóa</i> II. Đại cương về văn hóa Việt Nam <i>1. Điều kiện hình thành văn hóa Việt Nam</i>	CLO1,2,3,4,5,6
3	<i>2. Tiến trình văn hóa Việt Nam</i>	CLO1,2,3,4,5,6
4	<i>3. Các vùng văn hóa Việt Nam</i>	CLO1,2,3,4,5,6
5	CHƯƠNG II: VĂN HÓA TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG I. Văn hóa tổ chức đời sống tập thể <i>1. Tổ chức nông thôn</i>	CLO1,2,3,4,5,6
6	<i>2. Tổ chức đô thị</i> <i>3. Tổ chức quốc gia</i>	CLO1,2,3,4,5,6
7	II. Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân <i>1. Tín ngưỡng</i>	CLO1,2,3,4,5,6
8	* Kiểm tra giữa kỳ	
9	<i>2. Phong tục</i>	CLO1,2,3,4,5,6

13 (2 tiết)	<i>Ôn tập</i>	CLO1, CLO2, CLO4
----------------	---------------	------------------

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	<i>Quá trình học tập</i>	<i>Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học</i>	Các buổi học	CLO1, CLO5	40%
		<i>Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng</i>	Các buổi học	CLO5	
		<i>*Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. -Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đầy đủ các luận điểm, diễn đạt rõ ràng, rành mạch...</i>	Giữa kỳ	CLO3, CLO4	
2	<i>Thi kết thúc học phần</i>	<i>Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết. Bài thi được trình bày mạch lạc, sáng rõ, lập luận, diễn đạt chặt chẽ, thể hiện khả năng hiểu biết và diễn đạt của sinh viên.</i>	Cuối kỳ	CLO1, CLO4, CLO5	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Trần Xuân Toàn
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: txtoan2002@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0914089171

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Trần Thị Tú Nhi
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: tunhi81@gmail.com Điện thoại liên hệ: 0912424679

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	- Giảng dạy đúng giờ, đúng số tiết quy định - Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình môn học.
Yêu cầu đối với sinh viên	- Đi học đúng giờ, chuyên cần.

	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng các yêu cầu chuẩn bị bài vở của giảng viên. - Tích cực tham gia thảo luận. - Chủ động hợp tác trong hoạt động học tập.
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc trong học tập, tích cực chủ động tham gia xây dựng bài.
Quy định về học vụ	Có đầy đủ tài liệu học tập.
Các quy định khác	<ul style="list-style-type: none"> - Ăn mặc đàng hoàng, phù hợp với phong cách sinh viên khi vào lớp. - Không sử dụng điện thoại vào việc riêng và gây rối trong giờ học.

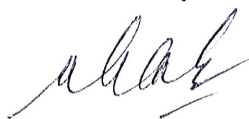
Bình Định, ngày 23 tháng 5 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Trần Xuân Toàn

TRƯỞNG BỘ MÔN



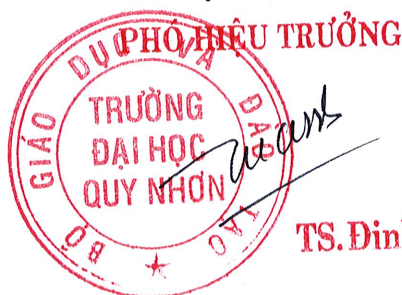
TS. Võ Minh Hải

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Doãn Thuận

ỦY HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Anh Tuấn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: TIỀN TRÌNH VĂN HỌC VIỆT NAM
Mã học phần: 2030076
Tên tiếng Anh: The progress of Vietnamese literature

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: **Tiền trình văn học Việt Nam**
- Mã học phần: 2030076 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: *Cơ sở văn hóa Việt Nam*
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 25 tiết
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Tự học: 60 giờ.
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Khoa Sư phạm

2. Mô tả học phần

- Học phần cung cấp cho người học kiến thức hệ thống về Văn học Việt Nam, hệ thống hóa lại kiến thức đã được học ở chương trình phổ thông.
- Môn học giới thiệu cho sinh viên định hình những nội dung sẽ học chuyên sâu trong các học phần cơ bản về văn học Việt Nam như Văn học dân gian Việt Nam, Văn học trung đại Việt Nam, Văn học hiện đại Việt Nam...
- Có được cái nhìn tổng quan về toàn bộ nền văn học Việt Nam, giúp cho sinh viên các khối ngành xã hội – nhân văn thuận lợi hơn trong việc nghiên cứu các bộ môn khoa học xã hội có liên quan như Sử học, Xã hội học, Tâm lý học...

3. Mục tiêu của học phần

- Kiến thức:
 - + CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiến trình vận động của văn học Việt Nam từ văn học dân gian đến văn học viết, trên cả hai phương diện nội dung và hình thức thể hiện.
 - + CO2: Trang bị cho sinh viên kiến thức văn học Việt Nam là giá trị tri thức và tâm hồn của dân tộc Việt, từ đó giúp sinh viên biết phát huy và sử dụng vốn tri thức này một cách hữu hiệu trong quá trình học tập, nghiên cứu và trong đời sống.
- Kỹ năng
 - + CO3: Giúp sinh viên có kỹ năng tìm hiểu những nội dung cơ bản của một nền văn học.
 - + CO4: Giúp sinh viên hình thành năng lực tự thiết kế, trình bày bài thuyết trình, kỹ năng phản biện.
 - + CO5: Giúp sinh viên có khả năng tư duy theo hệ thống.
- Mức tự chủ và trách nhiệm
 - + CO6: Giúp sinh viên nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức vào làm việc, nghiên cứu sau này.
 - + CO7: Giúp sinh viên có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu học	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu	Mức độ đạt
--------------	------------------------------	-----------	------------

phần (COs)	Ký hiệu	Mô tả	ra CTĐT (PLOs)	được
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	- Hiểu được cấu trúc của lịch sử văn học Việt Nam trong tồn tại chính thể của nền văn học. - Nắm được được sự đa dạng và thống nhất của nền văn học dân tộc qua các phương diện	PLO4,5,6,7	M
CO1	CLO2	- Phân biệt được hai phạm trù cơ bản của văn học Việt Nam: trung đại và hiện đại - Cắt nghĩa được các xu hướng vận động của lịch sử văn học dân tộc.	PLO4,5,6,7	M
CO1	CLO3	- Hiểu được sự vận động, phát triển của nền văn học dân tộc qua các thời kì, các giai đoạn. - Nắm được các tác gia, tác phẩm, nội dung cơ bản của văn học Việt Nam qua các thời kì lịch sử. - Lí giải được các quan điểm phân kì lịch sử văn học dân tộc.	PLO4,5,6,7	M
CO2	CLO4	Hiểu được giá trị của văn học Việt Nam trong tiến trình vận động phát triển của nền văn hóa dân tộc.	PLO4,5,6,7	M
CO2	CLO5	Hiểu được vị trí của nền văn học dân tộc trong quá trình hội nhập với văn học thế giới.	PLO4,5,6,7	M
Kỹ năng				
CO3	CLO6	Có kỹ năng phân tích, liên kết các thành phần, các vấn đề văn học để lí giải thấu đáo các câu hỏi được đặt ra ở ở văn học Việt Nam.	PLO8,10	M
CO4	CLO7	Có năng lực tự thiết kế, trình bày bài thuyết trình, kỹ năng phân biện.	PLO8,10	M
CO5	CLO8	Tự hệ thống hóa, tổng hợp kiến thức của môn học.	PLO8,10	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO6	CLO9	Nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức vào làm việc, nghiên cứu sau	PLO14	M

		này.		
CO7	CLO10	Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu.	PLO14	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính	1. Trần Thị Tú Nhi (2004), <i>Tập bài giảng "Tiến trình văn học Việt Nam"</i> , Trường Đại học Quy Nhơn.
Tài liệu tham khảo thêm	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phan Cự Đệ (Chủ biên, 2004), <i>Văn học Việt Nam thế kỷ XX</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội. 2. Phong Lê (1997), <i>Văn học Việt Nam trên hành trình của thế kỷ XX</i>, Nxb ĐHQG, Hà Nội. 3. Nguyễn Văn Long (Chủ biên, 2001), <i>Đại cương văn học</i>, Nxb ĐHQG, Hà Nội. 4. Nguyễn Văn Long, Lã Nhâm Thìn (Đồng chủ biên, 2006), <i>Văn học Việt Nam sau 1975 những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội. 5. Phan Trọng Luận (Tổng chủ biên, 2006,2007,2008), <i>Ngữ văn 10,11,12, Tập I,II</i> (Bộ cơ bản), Nxb Giáo dục, Hà Nội. 6. Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên, 2007), <i>Tiến trình lịch sử Việt Nam</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội. 7. Bùi Văn Nguyên, Hà Minh Đức (1971), <i>Thơ ca Việt Nam hình thức và thể loại</i>, Nxb KHXH Hà Nội. 8. Bùi Văn Nguyên (1979), <i>Tư liệu tham khảo văn học Việt Nam, Tập II</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội. 9. Lê Chí Quế, Võ Quang Nhơn, Nguyễn Hùng Vĩ (1996), <i>Văn học dân gian Việt Nam</i>, Nxb ĐHQG, Hà Nội. 10. Trần Đình Sử (1999), <i>Mấy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội. 11. Trần Đình Sử (Tổng chủ biên, 2006,2007,2008), <i>Ngữ văn 10,11,12, Tập I,II</i> (Bộ nâng cao), Nxb Giáo dục, Hà Nội. 12. Đoàn Thị Thu Vân (Chủ biên, 2008), <i>Văn học trung đại Việt Nam</i>, Nxb Giáo dục, Tp Hồ Chí Minh.
Các loại học liệu khác:	[phần mềm, cơ sở dữ liệu, trang web]

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1,2,3,9,10
Đàm thoại, vấn đáp	Đặt vấn đề cho sinh viên suy nghĩ, rèn luyện năng lực khái quát hóa và trừu tượng hóa cho sinh viên, đồng thời giải đáp những thắc mắc của sinh viên.	CLO 7,9,10

Bài tập	Củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng vận dụng lý thuyết khái quát về văn học Việt Nam để học tập các môn liên quan.	CLO 9, 10
Thuyết trình	Tạo cơ hội cho sinh viên chủ động tiếp cận kiến thức và thể hiện khả năng trình bày trước tập thể.	CLO 7, 8,9,10

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1) 3 tiết/ buổi	(2)	(3)
1	Chương 1. Mấy vấn đề chung của lịch sử văn học Việt Nam 1.1. Cấu trúc của lịch sử văn học Việt Nam 1.2. Phân kỳ lịch sử văn học Việt Nam	CLO1,2,3,4,9,10
2	1.3. Những hướng vận động cơ bản của lịch sử văn học Việt Nam 1.4. Quá trình hội nhập của văn học Việt Nam với văn học thế giới	CLO1,2,3,4,6,7,9,10
3	Chương 2. Đại cương về văn học dân gian Việt Nam 2.1. Khái niệm, nguồn gốc văn học dân gian 2.2. Đặc trưng, giá trị cơ bản của văn học dân gian	CLO1,2,3,4,5,6,9,10
4	2.3. Vai trò, vị trí của văn học dân gian 2.4. Hệ thống thể loại văn học dân gian	CLO1,2,3,4,5,6,9,10
5	Chương 3. Đại cương văn học viết trung đại Việt Nam 3.1. Cơ sở xã hội, văn hóa, tư tưởng của văn học viết trung đại Việt Nam (sinh viên tự tìm hiểu theo đề cương) 3.2. Các giai đoạn phát triển của văn học viết trung đại Việt Nam 3.3. Các khuynh hướng cảm hứng chính của văn học viết trung đại Việt Nam	CLO1,2,3,4,5,6,9,10
6	3.4. Hệ thống thể loại và đặc trưng thi pháp thể loại của văn học viết trung đại Việt Nam * Kiểm tra giữa kỳ	CLO1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
7	Chương 4. Đại cương văn học viết Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945	CLO1,2,3,4,5,6,9,10

6	3.4. Hệ thống thể loại và đặc trưng thi pháp thể loại của văn học viết trung đại Việt Nam * Kiểm tra giữa kỳ	CLO1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
7	Chương 4. Đại cương văn học viết Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945 4.1. Hoàn cảnh xã hội, văn hóa, lịch sử Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945 (Sinh viên tự tìm hiểu ở nhà và trả lời câu hỏi của giảng viên) 4.2. Sự chuyển biến của văn học viết Việt Nam từ phạm trù trung đại sang phạm trù hiện đại	CLO1,2,3,4,5,6,9,10
8	4.3. Các chặng đường phát triển và thành tựu của văn học viết Việt Nam từ đầu thế kỷ XX – 1945 4.4. Thành tựu và vị trí của văn học viết Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945 trong tiến trình lịch sử văn học dân tộc	CLO1,2,3,4,5,6,9,10
9	Chương 5. Đại cương văn học viết Việt Nam từ 1945 đến nay (hết thế kỷ XX) 5.1. Những tiền đề chung của sự phát triển văn học Việt Nam từ 1945 đến nay (hết thế kỷ XX) 5.2. Các chặng đường phát triển của văn học viết Việt Nam từ 1945 đến nay (hết thế kỷ XX)	CLO1,2,3,4,5,6,9,10
10	5.3. Những đặc điểm lớn của văn học viết Việt Nam từ 1945 đến hết thế kỷ XX 5.4. Những quy luật vận động cơ bản của văn học viết Việt Nam từ 1945 đến hết thế kỷ XX Ôn tập - Tổng quan nội dung học phần - Hướng dẫn soạn đề cương để ôn tập	CLO1,2,3,4,5,6,9,10

8. Đánh giá kết quả học tập

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	Quá trình	<i>Lên lớp đầy đủ, đúng giờ, nghiêm túc, tham gia tích cực các hoạt động trong tiết học</i>	Các buổi học	CLO1,2,3	40%
		<i>Vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng</i>	Các buổi học	CLO1,3,4,5	

		<i>Sinh viên làm 1 bài kiểm tra giữa kỳ. Bài kiểm tra thể hiện khả năng hiểu biết, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên</i>	Giữa kỳ	CLO3,4,5,6,7	
2	Cuối kỳ	<i>Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết. Bài thi được trình bày mạch lạc, sáng rõ, lập luận, diễn đạt chặt chẽ, thể hiện khả năng hiểu biết và diễn đạt của sinh viên.</i>	Cuối kỳ	CLO1,2,3,4,5,6,7	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Trần Thị Tú Nhi
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: tunhi81@gmail.com
- Điện thoại liên hệ: 0912424679

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Đình Thu
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: nguyendinhthu84@gmail.com
- Điện thoại liên hệ: 0973.904.948

10. Các quy định chung

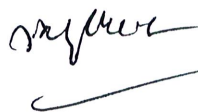

Cam kết của giảng viên	Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình môn học...
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, thực hiện các yêu cầu học tập từ giáo viên...
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc trong học tập, tích cực phát biểu tham gia xây dựng bài...
Quy định về học vụ	Có đầy đủ tài liệu học tập
Các quy định khác	Tình hình chuẩn bị bài tập ở nhà, tham gia thuyết trình trên lớp sẽ được đánh giá vào điểm quá trình

Bình Định, ngày 23 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

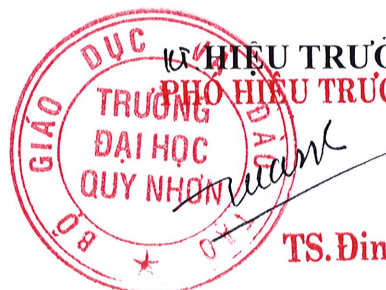
TRƯỞNG KHOA


TS. Trần Thị Tú Nhi

TS. Võ Minh Hải

TS. Nguyễn Doãn Thuận



TS. Đinh Anh Tuấn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: NHẬP MÔN NGỮ VĂN HÁN NÔM
Mã học phần: 2030078
Tên tiếng Anh: Introduction to Sino – Nom philology

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Nhập môn Ngữ văn Hán Nôm
- Mã học phần: 2030078 Số tín chỉ:02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: *Tiến trình văn học Việt Nam, Cơ sở văn hóa Việt Nam...*
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 25 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp:
 - + Thảo luận/thuyết trình nhóm: 10 tiết
 - + Tự học: 60 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa KHXH&NV

2. Mô tả học phần

- Nhập môn Ngữ văn Hán Nôm là môn cơ sở, giúp sinh viên ngành sư phạm KHXH & NV có được những kiến thức cơ bản nhất về di sản văn hoá, văn học Hán Nôm trong tiến trình văn hoá, văn học Việt Nam. Giúp sinh viên nắm được những kiến thức, kiến văn cơ bản về Hán Nôm học, tạo tiền đề tri thức tiếp nhận và tìm hiểu, nghiên cứu những nội dung liên quan đến tác phẩm văn học cổ trung đại Việt Nam.

- Môn học giới thiệu cho sinh viên định hình những kiến thức cơ bản về văn tự học văn hoá, lịch sử hình thành, phát triển chữ Hán, ngữ pháp Hán văn và những ảnh hưởng văn hoá của nó đến văn học, văn hoá Việt Nam.

- Hình thành và phát triển các kỹ năng đọc hiểu, phân tích vốn từ Hán Việt, giúp cho sinh viên sư phạm các khối ngành xã hội – nhân văn thuận lợi hơn trong việc định danh, tiếp cận khái niệm khoa học trong các bộ môn khoa học xã hội có liên quan như Sử học, Văn học, Văn hoá học, Xã hội học...

Nội dung học phần được thiết kế theo các nhóm tri thức và kỹ năng sau:

- Chương một cung cấp cho người học những kiến thức khái quát về sự hình thành phát triển của văn tự chữ Hán và các vấn đề có liên quan
- Chương hai giúp người học hiểu biết cơ bản về ngữ pháp Hán văn
- Chương hai, ba, bốn, năm, sáu giúp cho người học nắm vững các đặc điểm cơ bản về minh giải văn bản, các thể loại, đặc điểm từ pháp, cú pháp của các tác phẩm Hán văn trong văn học Trung Quốc.

3. Mục tiêu của học phần

- Kiến thức:

+ CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành phát triển của văn tự Hán và các vấn đề liên quan như cấu tạo, đặc điểm văn hoá, quy tắc bút thuận...

		học chữ Hán của dân tộc Việt Nam trong quá trình hội nhập với văn học thế giới.		
Kỹ năng				
CO3	CLO6	-Có kỹ năng nhận diện bộ thủ, tra từ điển, đọc âm Hán Việt các chữ Hán từ đơn giản đến phức tạp trong các văn bản Hán văn. - Có kỹ năng giảng nghĩa các chữ Hán cơ bản trong văn bản Hán văn cơ bản	PLO4,9	M
CO4	CLO7	Có năng lực tự thiết kế, trình bày bài thuyết trình, kỹ năng phản biện các vấn đề liên quan đến Ngữ văn Hán Nôm.	PLO9	M
CO5	CLO8	Tự hệ thống hóa, tổng hợp kiến thức của môn học.	PLO9	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO6	CLO9	Nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức vào làm việc, nghiên cứu sau này.	PLO12	M
CO7	CLO10	Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu.	PLO13	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Võ Minh Hải (2009), <i>Văn bản Hán văn trích tuyển</i>, Giáo trình điện tử. Trường Đại học Quy Nhơn. 2. Lê Trí Viễn (chủ biên, 1979). <i>Cơ sở Ngữ văn Hán Nôm (tập 1)</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
Tài liệu tham khảo thêm	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đào Duy Anh (2005), <i>Hán Việt từ điển</i>, Nxb TH Tp. HCM. 2. Phan Văn Các (chủ biên, 1984). <i>Giáo trình Hán Nôm (tập 1)</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội. 3. Thiều Chửu (2004), <i>Hán Việt tự điển</i>, Nxb VH TT, Hà Nội. 4. Tuệ Dũng (2016), <i>Ngữ pháp Hán văn</i>, Nxb TH Tp. HCM. 5. Phạm Văn Khoái (Chủ biên, 2001). <i>Một số vấn đề chữ Hán thế kỉ XX</i>. Nxb ĐHQG, Hà Nội. 6. Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên, 2007). <i>Tiến trình lịch sử Việt Nam</i>. Nxb Giáo dục, Hà Nội. 7. Bùi Văn Nguyên, Hà Minh Đức (1971), <i>Thơ ca Việt Nam hình thức và thể loại</i>, Nxb KHXH Hà Nội. 8. Nguyễn Gia Phú (1999), <i>Đại cương lịch sử Trung Quốc</i>,

+ CO2: Giúp cho sinh viên hiểu được ý nghĩa, âm đọc và chữ viết của hệ thống chữ Hán cơ bản trong di sản Hán Nôm Việt Nam.

+ CO3 giúp sinh viên có thể vận dụng linh hoạt và phát huy những hiểu biết cơ bản về Hán văn một cách hữu hiệu trong quá trình học tập, đời sống và hoạt động chuyên môn báo chí, truyền thông hiện đại..

- Kỹ năng

+ CO4: Có kỹ năng đọc, viết và hiểu nghĩa của những chữ Hán cơ bản

+ CO5: Có kỹ nhận diện và phân tích, đánh giá các loại hình văn bản, thể loại văn học Hán văn Trung Quốc

+ CO6: Kỹ năng tư duy theo hệ thống và làm việc nhóm.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO7: Nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức vào làm việc, nghiên cứu sau này.

+ CO8: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	- Hiểu được quá trình phát sinh và các dạng thức phát triển của văn tự Hán. - Nắm được các cách cấu tạo và quy tắc bút thuận của văn tự Hán	PLO1	M
CO1	CLO2	- Hiểu được hai phạm trù cơ bản của Hán Nôm: chữ Hán và chữ Nôm - Nắm được văn pháp Hán văn cơ bản	PLO2	M
CO1	CLO3	- Hiểu được sự vận động, phát triển của văn học chữ Hán qua các thời kì, các giai đoạn trong văn học Trung Quốc - Nắm được các tác gia, tác phẩm, nội dung cơ bản của văn học Hán văn Trung Quốc qua các thời kì lịch sử.	PLO1,2	M
CO2	CLO4	Nhận thức được giá trị của văn hoá chữ Hán trong tiến trình vận động phát triển của nền văn hóa dân tộc Việt Nam.	PLO4	M
CO2	CLO5	Hiểu được vị trí của nền văn	PLO2,4	M

	<p>Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>9. Đặng Đức Siêu (2000), Thực hành Ngữ văn Hán Nôm, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>10. Đặng Đức Siêu (2001), Ngữ văn Hán Nôm, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>11. Trần Đình Sử (1999), <i>Mấy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p>
Các loại học liệu khác:	[phần mềm, cơ sở dữ liệu, trang web]

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1,2,3
Đàm thoại, vấn đáp	Đặt vấn đề cho sinh viên suy nghĩ, rèn luyện năng lực khái quát hóa và trừu tượng hóa cho sinh viên, đồng thời giải đáp những thắc mắc của sinh viên.	CLO 7
Bài tập	Củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng vận dụng lý thuyết khái quát về Hán văn và Hán văn ở Việt Nam để học tập các môn liên quan.	CLO 9, 10
Thuyết trình	Tạo cơ hội cho sinh viên chủ động tiếp cận kiến thức và thể hiện khả năng trình bày trước tập thể.	CLO 7, 8

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học (1) 3 tiết/buổi	Nội dung (2)	CDR học phần (3)
1 (3 tiết)	<p>Chương 1. Dẫn nhập về Ngôn ngữ văn tự Hán</p> <p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp</p> <p>1.1. Khái niệm chữ Hán và văn hoá Hán</p> <p>1.2. Quá trình hình thành và phát triển chữ Hán</p> <p>Tự học ở nhà</p> <p>+ Bổ sung các ví dụ về sự giao lưu ảnh hưởng của văn hoá Hán, Hán văn đến Nhật bản, Triều Tiên</p> <p>+ Chỉ ra các điểm giống và khác nhau giữa Hán văn ở Việt Nam và Hán văn ở Triều Tiên</p>	CLO1,2,3
2 (3 tiết)	<p>Chương 1. Dẫn nhập về Ngôn ngữ văn tự Hán</p> <p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp</p> <p>1.3. Cấu tạo của chữ Hán (Lục thư)</p> <p>1.4. Quy tắc bút thuận và tra từ điển</p>	CLO1,2,3

	<p>Tự học ở nhà +Bổ sung các ví dụ về quá trình hình thành phát triển của các chữ Hán. + Chứng minh các khuynh hướng du nhập chữ Hán vào Việt Nam là một hiện tượng văn hoá, lịch sử đặc biệt. * Thảo luận: (1 tiết)</p>	
3 (3 tiết)	<p>Chương 2. Ngữ pháp Hán văn Việt Nam Giảng dạy lý thuyết trên lớp 2.1.Một số đặc điểm khu biệt của Ngữ pháp Hán văn Việt Nam 2.2. Đặc điểm từ pháp Hán văn Tự học ở nhà + Phân tích ví dụ chứng minh một số đặc điểm khác biệt về ngữ pháp chữ Hán ở Việt Nam + Tự nghiên cứu cách phân loại các từ đơn trong ngữ pháp Hán văn. + Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm về đặc trưng và phân loại từ ghép trong Hán văn.</p>	CLO1,2,3,7,8
4 (3 tiết)	<p>Chương 2. Ngữ pháp Hán văn Việt Nam Sinh viên thuyết trình nhóm về đặc trưng và phân loại từ ghép trong Hán văn (3 tiết) Giảng dạy lý thuyết trên lớp (1 tiết) 2.3.Từ loại và sự linh hoạt của từ loại trong ngữ pháp Hán văn Tự học ở nhà + Tìm hiểu thêm đặc trưng từ loại Hán văn + Tự tìm hiểu cơ sở lịch sử, văn hóa, xã hội, tư tưởng của sự linh hoạt từ loại trong ngữ pháp Hán văn * Thảo luận: (1 tiết)</p>	CLO1,2,3,7,8
5 (3 tiết)	<p>Chương 3. Minh giải văn bản Hán văn trong giảng dạy tác phẩm văn học trung đại Giảng dạy lý thuyết trên lớp 3.1. Khái niệm văn bản và minh giải văn bản trong Hán văn 3.2. Các cơ sở ngôn ngữ học, xã hội, văn hóa của quá trình hình thành các thể loại văn bản Hán văn Tự học ở nhà + Phân tích một số ví dụ khái niệm về văn bản trong quan điểm của ngôn ngữ học hiện đại + Tìm hiểu hệ thống thể loại văn bản tiêu biểu trong văn hoá Trung Quốc và Việt Nam.</p>	CLO1,2,3,4,6,7

<p>6 (3 tiết)</p>	<p>Chương 3. Minh giải văn bản Hán văn trong giảng dạy tác phẩm văn học trung đại Giảng dạy lý thuyết trên lớp 3.3. Hệ thống thể loại và đặc trưng văn hoá của hệ thống văn bản Hán văn. Tự học ở nhà + Tìm hiểu thêm một số thể loại văn chương nghệ thuật thời trung đại như Thi ca, Thoại bản, Truyền kỳ, chí quái, chí dị. + Tự tìm hiểu hoàn cảnh xã hội, văn hóa, lịch sử của quá trình du nhập và ảnh hưởng của các thể loại văn bản Hán văn vào Việt Nam</p>	<p>CLO1,2,3,5</p>
	<p>Kiểm tra giữa kì</p>	<p>CLO1,2,3,7</p>
<p>7 (3 tiết)</p>	<p>Chương 4. Minh giải văn bản – Thi ca Trung Hoa Giảng dạy lý thuyết trên lớp: 4.1. Kinh Thi và bài Quan Thu Tự học ở nhà: +Phân tích những ảnh hưởng văn hoá của Kinh thi đến văn học Trung Quốc và Việt Nam</p>	<p>CLO1,2,3,7,9</p>
<p>8 (3 tiết)</p>	<p>Chương 4. Minh giải văn bản – Thi ca Trung Hoa Giảng dạy lý thuyết trên lớp 4.2. Thơ ca lục triều và bài Đồng tước đông nam phi Hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên Tự học ở nhà + Tự tìm hiểu một số tác gia tiêu biểu thời Lục triều. * Thảo luận: (1 tiết)</p>	<p>CLO1,2,3,7,8</p>
<p>9 (3 tiết)</p>	<p>Chương 4. Minh giải văn bản – Thi ca Trung Hoa Giảng dạy lý thuyết trên lớp 4.2. Đường Thi và bài Hoàng Hạc lâu Hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên Tự học ở nhà + Tự tìm hiểu một số tác gia tiêu biểu thời Thịnh Đường</p>	<p>CLO1,2,3,7,8</p>
<p>10 (3 tiết)</p>	<p>Chương 5. Minh giải văn bản – Tán văn Tiên Tần</p>	<p>CLO1,2,3,7,8, 9</p>

	<p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp</p> <p>5.1. Tản văn Tiên Tần trong văn hoá Trung Quốc</p> <p>5.2. Luận ngữ và “Học nhi thời tập chi”</p> <p>Ôn tập chương trình</p> <p>- Tổng quan nội dung học phần</p> <p>Hướng dẫn soạn đề cương ôn tập</p> <p>Tự học ở nhà</p> <p>+ Lập đề cương ôn tập.</p>	
--	---	--

8. Phương thức đánh giá (Mô tả các phương pháp đánh giá được sử dụng)

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	<i>Quá trình học tập</i>	Lên lớp đầy đủ, đúng giờ, nghiêm túc Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	Toàn HP	CLO1,2,3,7	40%
		*Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. -Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể) *Các bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy. -Tiêu chí đánh giá bài báo cáo, seminar, bài tập lớn theo yêu cầu của GV * Thảo luận; Thực hành;	Buổi thứ 6 và 7	CLO1,2,3,7	
2	<i>Thi kết thúc học phần</i>	Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết hoặc vấn đáp; Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề	Theo kế hoạch của Nhà trường	CLO1,2,3,7,8	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Võ Minh Hải
- Chức danh, học hàm, học vị: GVC - Tiến sĩ

- Email: minhhaiquynhon@gmail.com Điện thoại liên hệ: 0914035159

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Thị Nguyệt Trinh

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

- Email: trinhnguyen76@gmail.com Điện thoại liên hệ: 0988450918

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình môn học...
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, thực hiện các yêu cầu học tập từ giáo viên...
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc trong học tập, tích cực phát biểu tham gia xây dựng bài...
Quy định về học vụ	Có đầy đủ tài liệu học tập
Các quy định khác	Tình hình chuẩn bị bài tập ở nhà, tham gia thuyết trình trên lớp sẽ được đánh giá vào điểm quá trình

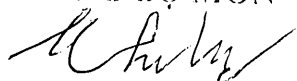
Bình Định, ngày 24 tháng 5 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



TS. Võ Minh Hải

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Võ Minh Hải

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Doãn Thuận

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: DẪN LUẬN NGÔN NGỮ HỌC

Mã học phần: 1060020

Tên tiếng Anh: Introduction to General linguistics

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Dẫn luận ngôn ngữ học
- Mã học phần: 1060020 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 20tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 0tiết
 - + Thảo luận: 10tiết
 - + Thực hành, thực tập: 10 tiết
 - + Tự học: 60giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa học Xã hội và Nhân văn

2. Mô tả học phần

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức có tính nền tảng về các ngôn ngữ như: bản chất và chức năng của ngôn ngữ; vấn đề nguồn gốc và quy luật phát triển của ngôn ngữ; bản chất tín hiệu của ngôn ngữ. Bên cạnh đó, học phần này còn cung cấp những kiến thức về từng bộ phận thuộc bình diện cấu trúc hoặc bình diện sử dụng của ngôn ngữ như: ngữ âm, hình thái, cú pháp, ngữ nghĩa, giao tiếp.

3. Mục tiêu của học phần(ký hiệu COs)

- Kiến thức
 - + CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: chuyên ngành ngôn ngữ học; một số giả thuyết khoa học về nguồn gốc của ngôn ngữ và quan điểm của chủ nghĩa Mác về nguồn gốc của ngôn ngữ; quy luật phát triển của ngôn ngữ; bản chất xã hội và chức năng của ngôn ngữ; tính hệ thống và bản chất tín hiệu của ngôn ngữ.

+ CO2: Trang bị cho sinh viên những khái niệm căn bản, mở đầu về cấu trúc của ngôn ngữ, về từng bộ phận, từng mặt: ngữ âm, từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ pháp... của ngôn ngữ.

- Kỹ năng

+ CO3: giúp sinh viên hình thành kỹ năng vận dụng các kiến thức lý thuyết ngôn ngữ học vào việc giải quyết một vấn đề ngôn ngữ cụ thể của đời sống.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO4: giúp sinh viên hình thành khả năng tự chủ, tự học và tự nghiên cứu, tự tiếp cận và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến ngôn ngữ nói chung và tiếng Việt nói riêng.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần(COs)	Chuẩn đầu ra học phần(CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT(PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Nắm được những kiến thức cơ bản về chuyên ngành ngôn ngữ học, phân biệt được ngôn ngữ và lời nói; quan điểm của chủ nghĩa Mác về nguồn gốc của ngôn ngữ.	PLO3, PLO4, PLO6, PLO7	M
	CLO2	Hiểu rõ bản chất, chức năng, tính hệ thống và bản chất tín hiệu của ngôn ngữ trong đời sống giao tiếp.	PLO3, PLO4, PLO6, PLO7	H
CO2	CLO3	Nắm được bản chất và cấu tạo của âm thanh ngôn ngữ; vận dụng tốt chức năng của thanh điệu, ngữ điệu và trọng âm trong hoạt động giao tiếp.	PLO3, PLO4, PLO6, PLO7	H
	CLO4	Nắm được các phương thức tạo từ, các biến thể từ vị trong phát ngôn; phân biệt được từ đơn, từ ghép, từ láy, từ phái sinh và biết	PLO3, PLO4, PLO6, PLO7	H

		sử dụng các lớp từ này một cách hiệu quả.		
	CLO5	Nắm được các phương thức ngữ pháp và phương tiện ngữ pháp.	PLO3, PLO4, PLO6, PLO7	H
	CLO6	Phân loại được các ngôn ngữ theo nguồn gốc và theo loại hình.	PLO3, PLO4, PLO6, PLO7	M
Kỹ năng				
CO3	CLO7	Giúp sinh viên hình thành kỹ năng vận dụng các kiến thức lý thuyết ngôn ngữ học vào việc giải quyết một vấn đề ngôn ngữ cụ thể của đời sống.	PLO8, PLO10, PLO11	H
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO4	CLO8	Giúp sinh viên hình thành khả năng tự chủ, tự học và tự nghiên cứu, tự tiếp cận và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến ngôn ngữ nói chung và tiếng Việt nói riêng.	PLO13, PLO14	H

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	[1]. Nguyễn Thiện Giáp, Đoàn Thiện Thuật, Nguyễn Minh Thuyết, <i>Dẫn luận ngôn ngữ học</i> , Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1995.
Tài liệu tham khảo thêm:	[2]. Hoàng Dũng, Bùi Mạnh Hùng. <i>Dẫn luận ngôn ngữ học</i> . Nxb ĐHSP, 2007. [3]. Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến, <i>Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt</i> , Nxb ĐH và GDCN, Hà Nội, 1992. [4]. Mai Ngọc Chừ (chủ biên), <i>Nhập môn ngôn ngữ học</i> , Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007. [5]. Nguyễn Thiện Giáp (chủ biên), <i>Lược sử Việt ngữ học</i> , Nxb Giáo dục, Tập 1 (2005), Tập 2 (2007). [6]. V.B. Kasevich, <i>Những yếu tố cơ sở của ngôn ngữ học đại cương</i> , Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998. [7]. Rozdextvenxki. IU.V. <i>Những bài giảng ngôn ngữ học đại cương</i> . Nxb GD, Hà Nội, 1997. [8]. Johnlyons, <i>Nhập môn ngôn ngữ học lý thuyết</i> , Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1996.

Các loại học liệu khác:	Các bài viết liên quan trong Tạp chí Ngôn ngữ học. Viện Ngôn ngữ học Việt Nam
-------------------------	---

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Đàm thoại, vấn đáp	Thông qua việc giải đáp giữa giáo viên và sinh viên để giải quyết các nội dung kiến thức cở dẫn luận ngôn ngữ.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Thuyết trình, hoạt động nhóm	Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp; giải thích đúng các vấn đề liên quan đến kiến thức của môn học.	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8
Nêu vấn đề và giải quyết vấn đề	Giúp cho sinh viên hiểu và vận dụng những kiến thức của môn học.	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8
Tự học	Giúp sinh viên có năng lực tự học, tự nghiên cứu; rèn luyện ý thức trách nhiệm trong học tập và công việc	CLO7, CLO8

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
1 (2 tiết)	Chương 1. Đại cương về ngôn ngữ học 1.1. Ngôn ngữ học là gì? 1.2. Đối tượng nghiên cứu của ngôn ngữ học 1.3. Phân biệt ngôn ngữ và lời nói 1.4. Các phân ngành của ngôn ngữ học	CLO1, CLO7, CLO8
2 (3 tiết)	Chương 2: Những vấn đề cơ bản của ngôn ngữ 2.1. Khái niệm ngôn ngữ 2.2. Nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ 2.3. Bản chất của ngôn ngữ 2.3.1. Bản chất xã hội của ngôn ngữ	CLO1, CLO2, CLO7, CLO8

3 (3 tiết)	Chương 2 (tiếp theo) 2.3.2. Ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội đặc biệt 2.4. Chức năng của ngôn ngữ 2.4.1. Chức năng làm phương tiện giao tiếp của ngôn ngữ	
4 (3 tiết)	Chương 2 (tiếp theo) 2.4.2. Chức năng làm phương tiện tư duy của ngôn ngữ - Thảo luận	CLO2, CLO7, CLO8
5 (3 tiết)	Chương 2 (tiếp theo) 2.5. Hệ thống và cấu trúc ngôn ngữ 2.5.1. Khái niệm hệ thống và cấu trúc 2.5.2. Các yếu tố cơ bản của hệ thống ngôn ngữ 2.5.3. Các quan hệ chủ yếu trong ngôn ngữ	CLO2, CLO7, CLO8
6 (3 tiết)	Chương 2 (tiếp theo) 2.6. Hệ thống tín hiệu ngôn ngữ 2.6.1. Bản chất tín hiệu 2.6.2. Ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu đặc biệt - Thảo luận	CLO2, CLO7, CLO8
7 (3 tiết)	Chương 3: Dẫn luận về ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp A. Dẫn luận về ngữ âm 4.1. Bản chất và cấu tạo của âm thanh ngôn ngữ. 4.2. Nguyên âm và phụ âm. 4.3. Hiện tượng ngôn điệu.	CLO3, CLO7, CLO8
8 (3 tiết)	Chương 3 (tiếp theo) - Thảo luận.	CLO3, CLO7, CLO8
9 (3 tiết)	B. Dẫn luận về từ vựng 4.4. Từ là đơn vị cơ bản của từ vựng 4.5. Từ vị và các biến thể của từ vị	CLO4, CLO7, CLO8
10 (3 tiết)	Chương 3 (tiếp theo) 4.6. Cấu tạo từ 4.7. Ngữ cố định. - Thảo luận	CLO4, CLO7, CLO8
	Kiểm tra giữa kì	
11	Chương 3 (tiếp theo)	CLO5, CLO7, CLO8

(3 tiết)	C. Dẫn luận về ngữ pháp 4.8. Ý nghĩa ngữ pháp. 4.9. Phương thức ngữ pháp. 4.10. Quan hệ ngữ pháp	
12 (3 tiết)	Chương 4: Các ngôn ngữ trên thế giới 4.1. Phân loại các ngôn ngữ theo nguồn gốc 4.1.1. Cơ sở phân loại các ngôn ngữ theo nguồn gốc 4.1.2. Phương pháp so sánh – lịch sử 4.1.3. Một số họ ngôn ngữ chủ yếu	CLO6, CLO7, CLO8
13 (3 tiết)	Chương 4(tiếp theo) 4.2. Phân loại các ngôn ngữ theo loại hình 4.2.1. Cơ sở phân loại các ngôn ngữ theo loại hình 4.2.2. Phương pháp so sánh – loại hình 4.2.3. Các loại hình ngôn ngữ - Thảo luận	CLO6, CLO7, CLO8
14 (2 tiết)	Ôn tập	CLO1 ... CLO8

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	Quá trình học tập	<i>Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học</i>	Các buổi học	CLO1, CLO5	40%
<i>Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tỷ số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng</i>		Các buổi học	CLO5		
<i>*Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. -Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đầy đủ các luận điểm, diễn đạt rõ ràng, rành mạch...</i>		Giữa kỳ	CLO3, CLO4		

2	Thi kết thúc học phần	<i>Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết. Bài thi được trình bày mạch lạc, sáng rõ, lập luận, diễn đạt chặt chẽ, thể hiện khả năng hiểu biết và diễn đạt của sinh viên.</i>	Cuối kỳ	CLO1, CLO4, CLO5	60%
---	------------------------------	--	---------	------------------	-----

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Thị Huyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, Giảng viên chính
- Email: nguyenthithaihuyen@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0914039270

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Trương Thị Mỹ Hậu
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: truongthimyhau@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0982 969 654

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Lên lớp đúng giờ, giảng đủ tiết và đầy đủ nội dung, chuẩn bị tài liệu đầy đủ có liên quan để cung cấp cho sinh viên; sẵn sàng hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập để đảm bảo kết quả học tập.
Yêu cầu đối với sinh viên	Chuẩn bị tài liệu đầy đủ có liên quan, tham dự các bài giảng, làm các bài tập; chuẩn bị trước nội dung bài học, tham gia thảo luận tích cực trong các giờ tự học hoặc trên lớp.
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, tham gia đầy đủ các buổi học, vắng học sẽ bị trừ điểm chuyên cần theo tỉ lệ tương ứng.
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc nghe giảng và ghi chép, tích cực suy nghĩ, thảo luận để trả lời câu hỏi; không làm việc riêng, không sử dụng điện thoại trong giờ học.
Quy định về học vụ	Thực hiện theo quy định đào tạo của nhà trường.
Các quy định khác	- Có chuẩn bị bài tập ở nhà, tham gia thuyết trình trên lớp sẽ được đánh giá vào điểm quá trình

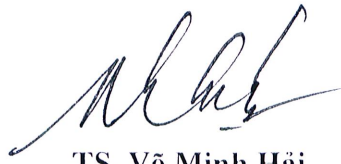
Bình Định, ngày 23 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Thị Huyền

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Võ Minh Hải

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Doãn Thuận

Đ. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Anh Tuấn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: NGUYÊN LÝ LÝ LUẬN VĂN HỌC
Mã học phần: 1060051
Tên tiếng Anh: The Rudiments of Literature

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Nguyên lý lý luận văn học
- Mã học phần: 1060051 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 25 tiết
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Tự học: 55 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Khoa học xã hội và nhân văn

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những nguyên lý tổng quát về văn học; từ đó vận dụng vào thực tiễn học tập, nghiên cứu văn học sau này. Đồng thời, giúp người học nắm vững những vấn đề về bản chất và đặc trưng của văn nghệ và văn học, nắm vững mối liên hệ giữa văn nghệ và văn học với đời sống cũng như mối liên hệ của văn học với nhà văn và người đọc.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức
 - + CO1: Trang bị cho sinh viên những nguyên lý cơ bản, tổng quát của văn học – nghệ thuật
 - + CO2: Trang bị cho sinh viên cái nhìn liên ngành, có tầm nhìn khái quát về lý luận văn học, góp phần hình thành nên kỹ năng cho công việc và cho cuộc sống trong tương lai.
- Kỹ năng
 - + CO3: Giúp sinh viên rèn luyện cả kỹ năng bao quát liên ngành và kỹ năng chuyên sâu về một lĩnh vực cụ thể, cả hai kỹ năng này cùng bổ sung cho nhau.
 - + CO4: Giúp sinh viên có kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề một cách chủ động, độc lập.
- Mức tự chủ và trách nhiệm
 - + CO5: Giúp sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho tương lai.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Mục tiêu học phần(COs)	Chuẩn đầu ra học phần(CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT(PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

Kiến thức				
CO1	CLO1	Hiểu và vận dụng một cách cơ bản các nguyên lý lý luận văn học vào hoạt động giảng dạy	PLO4,5	M
CO2	CLO2	Có cái nhìn liên ngành và hệ thống, tầm nhìn khái quát về văn học nghệ thuật	PLO3,5	M
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Có kỹ năng chuyên sâu về lý luận văn học và vận dụng vào công việc giảng dạy ngữ văn.	PLO10	M
CO4	CLO4	Có kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề một cách chủ động, độc lập.	PLO14	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho tương lai.	PLO13,14	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	1. Phương Lựu (chủ biên), Nguyễn Nghĩa Trọng, La Khắc Hòa, Lê Lưu Oanh (2002), <i>Lý luận văn học, tập 1, Văn học, nhà văn, bạn đọc</i> , Nxb Đại học Sư phạm.
Tài liệu tham khảo thêm:	1. R.Wellel, A. Warren (2009), <i>Lý luận văn học</i> , Nxb Văn học. 2. Huỳnh Như Phương (2007), <i>Dẫn luận lý luận văn học</i> , Nxb Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

	3. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (2004), <i>Từ điển thuật ngữ văn học</i> , Nxb Giáo dục. 4. Lê Ngọc Trà (2005), <i>Lý luận và văn học</i> , Nxb Trẻ.
Các loại học liệu khác:	Trang web: Thư viện ebook t-ve4u.com

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
[Diễn giảng]	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2
[Đàm thoại, vấn đáp]	Tăng cường khả năng đối thoại, mở rộng các vấn đề liên quan	CLO1, CLO4, CLO5
[Bài tập]	Rèn luyện kỹ năng, nâng cao năng lực thực hành, giải quyết vấn đề	CLO3, CLO4
[Nghiên cứu khoa học]	Rèn luyện tư duy nghiên cứu, tiếp cận các đối tượng khoa học	CLO4

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
1 (4 tiết)	Chương 1. Nhập môn lý luận văn học 1.1. Vị trí, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của Lý luận văn học 1.2. Ý nghĩa phương pháp luận của Lý luận văn học 1.3. Chương trình và phương pháp học tập bộ môn Lý luận văn học ở bậc đại học * Thảo luận (2 tiết)	CLO1, CLO2
2 (3 tiết)	Chương 2. Nguồn gốc, bản chất và các quy luật phát triển của văn nghệ 2.1. Nguồn gốc của văn nghệ 2.2. Văn nghệ - một hình thái ý thức xã hội 2.3. Ảnh hưởng qua lại giữa văn nghệ với các hình thái ý thức xã hội khác 2.4. Các quy luật trong sự phát triển chung của văn nghệ	CLO1, CLO3, CLO5
3 (3 tiết)	Chương 3. Văn nghệ và sự phản ánh hiện thực 3.1. Phản ánh hiện thực là một thuộc tính tất yếu của văn nghệ 3.2. Tính sáng tạo của sự phản ánh hiện	CLO1, CLO2

	<p>thực</p> <p>3.3. Chân lý nghệ thuật và chân lý đời sống</p>	
4 (4 tiết)	<p>Chương 4. Tính dân tộc của văn nghệ</p> <p>4.1. Khái niệm tính dân tộc của văn nghệ</p> <p>4.2. Nội dung và biểu hiện của tính dân tộc trong tác phẩm văn nghệ</p> <p>4.3. Tính dân tộc và tính quốc tế của văn nghệ</p> <p>* Thảo luận (2 tiết)</p>	CLO1, CLO2
5 (4 tiết)	<p>Chương 5. Văn nghệ - Một hình thái ý thức xã hội đặc thù</p> <p>5.1. Đối tượng phản ánh đặc thù của văn nghệ</p> <p>5.2. Đặc trưng của nội dung nghệ thuật</p> <p>5.3. Tư duy nghệ thuật</p> <p>5.4. Hình tượng nghệ thuật</p> <p>* Thảo luận (2 tiết)</p>	CLO1, CLO2
6 (2 tiết)	Kiểm tra giữa kỳ	CLO3, CLO4
7 (3 tiết)	<p>Chương 6. Chức năng của văn nghệ</p> <p>6.1. Chức năng thẩm mỹ của văn nghệ</p> <p>6.2. Chức năng nhận thức của văn nghệ</p> <p>6.3. Chức năng giáo dục của văn nghệ</p> <p>6.4. Chức năng giao tiếp của văn nghệ</p> <p>6.5. Chức năng giải trí của văn nghệ</p>	CLO1, CLO2
8 (4 tiết)	<p>Chương 7. Văn học - Nghệ thuật ngôn từ</p> <p>7.1. Tính “phi vật thể” của hình tượng văn học</p> <p>7.2. Khả năng phản ánh tư tưởng và ngôn ngữ của văn học</p> <p>7.3. Không gian và thời gian trong văn học</p> <p>7.4. Tính vạn năng và tính phổ thông của văn học</p> <p>7.5. Văn học và các loại hình nghệ thuật khác</p> <p>* Thảo luận (2 tiết)</p>	CLO1, CLO2, CLO3
9 (3 tiết)	<p>Chương 8. Nhà văn và quá trình sáng tác</p> <p>8.1. Tư chất nghệ sĩ của nhà văn</p> <p>8.2. Quá trình sáng tác của nhà văn</p> <p>* Thảo luận (2 tiết)</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
10 (2 tiết)	<p>Chương 9. Tiếp nhận văn học</p> <p>9.1. Người đọc - chủ thể của quá trình tiếp nhận văn học</p>	CLO4, CLO5

9 (3 tiết)	Chương 8. Nhà văn và quá trình sáng tác 8.1. Tư chất nghệ sĩ của nhà văn 8.2. Quá trình sáng tác của nhà văn * Thảo luận (2 tiết)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
10 (2 tiết)	Chương 9. Tiếp nhận văn học 9.1. Người đọc - chủ thể của quá trình tiếp nhận văn học 9.2. Các cấp độ tiếp nhận 9.3. Các kiểu tiếp nhận và ý nghĩa của tác phẩm văn học 9.4. Tính đa nghĩa và đời sống lịch sử của tác phẩm văn học 9.5. Về mỹ học tiếp nhận	CLO4, CLO5

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	Quá trình học tập	<i>Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học</i>	Các buổi học	CLO1, CLO5	40%
		<i>Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng</i>	Các buổi học	CLO5	
		<i>*Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. -Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đầy đủ các luận điểm, diễn đạt rõ ràng, rành mạch...</i>	Giữa kỳ	CLO3, CLO4	
2	Thi kết thúc học phần	<i>Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết. Bài thi được trình bày mạch lạc, sáng rõ, lập luận, diễn đạt chặt chẽ, thể hiện khả năng hiểu biết và diễn đạt của sinh viên.</i>	Cuối kỳ	CLO1, CLO4, CLO5	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Trần Thanh Bình
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ
- Email: tranthanhbinh@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0914012831

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Lê Minh Kha
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ
- Email: minhkhadhqn@yahoo.com Điện thoại liên hệ: 0985948714

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình môn học...
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, thực hiện các yêu cầu học tập từ giáo viên...
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc trong học tập, tích cực phát biểu tham gia xây dựng bài...
Quy định về học vụ	Có đầy đủ tài liệu học tập
Các quy định khác	Tình hình chuẩn bị bài ở nhà, tham gia thuyết trình trên lớp sẽ được đánh giá vào điểm quá trình

Bình Định, ngày 23 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Trần Thanh Bình

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Võ Minh Hải

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Doãn Thuận



TS. Đinh Anh Tuấn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM
Mã học phần: 2030077
Tên tiếng Anh: Vietnam Folk literature

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Văn học dân gian Việt Nam
- Mã học phần: 2030077 Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 40 tiết
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Tự học: 85 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Khoa học xã hội và nhân văn

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những tri thức nền tảng về nghiên cứu văn học dân gian nói chung và văn học dân gian Việt Nam nói riêng. Bài Dẫn luận Văn học dân gian mở đầu trình bày những kiến thức lý luận chung nhất về văn học dân gian: các khái niệm liên quan, văn học dân gian trong tổng thể văn hóa dân gian, các đặc trưng của văn học dân gian, vấn đề phân loại trong nghiên cứu văn học dân gian, các phương pháp nghiên cứu văn học dân gian... Đây sẽ là “chìa khóa” giúp sinh viên mở cánh cửa văn học dân gian Việt Nam. Các bài giảng sau lần lượt giới thiệu các thể loại văn học dân gian theo các loại hình: tự sự dân gian (thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, sử thi, vè, truyện thơ), trữ tình dân gian (ca dao), lời ăn tiếng nói dân gian (tục ngữ, câu đố), sân khấu dân gian (chèo). Mỗi thể loại sẽ được trình bày về mặt thi pháp: các phương diện chính về nội dung và các phương diện chính về nghệ thuật. Ngoài ra cung cấp cho sinh viên kiến thức về văn học dân gian các dân tộc thiểu số ở Việt Nam.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức
 - + CO1: Trang bị cho sinh viên những đặc trưng cơ bản của văn hóa – văn học dân gian Việt Nam. Từ đó, có ý thức biết phát huy và sử dụng vốn tri thức vô giá này.
 - + CO2: Trang bị cho sinh viên cái nhìn liên ngành văn hóa – văn học để có tầm nhìn khái quát và sâu rộng, góp phần hình thành nên kỹ năng cho công việc và cho cuộc sống trong tương lai.
- Kỹ năng
 - + CO3: Giúp sinh viên rèn luyện cả kỹ năng bao quát liên ngành và kỹ năng chuyên sâu về một lĩnh vực cụ thể, cả hai kỹ năng này cùng bổ sung cho nhau.
 - + CO4: Giúp sinh viên rèn kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề một cách chủ động, độc lập.
- Mức tự chủ và trách nhiệm
 - + CO5: Giúp sinh viên rèn nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có

ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho tương lai.

4. Chuẩn đầu ra của học phần(ký hiệu CLOs)

Mục tiêu học phần(COs)	Chuẩn đầu ra học phần(CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT(PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Hiểu một cách cơ bản về đặc trưng, thể loại văn hóa, văn học dân gian Việt Nam	PLO3,4,5	M
CO2	CLO2	Có cái nhìn liên ngành và liên văn hóa để có tầm nhìn khái quát và sâu rộng về văn học, văn hóa dân gian	PLO3,4,5	M
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Có kỹ năng bao quát liên ngành và kỹ năng chuyên sâu về văn học dân gian	PLO7,10	M
CO4	CLO4	Có kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề một cách chủ động, độc lập.	PLO7,10	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho tương lai.	PLO10,12	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	[1] Đinh Gia Khánh (chủ biên), Chu Xuân Diên, Võ Quang Nhơn (2002), <i>Văn học dân gian Việt Nam</i> , NXB Giáo dục, H..
Tài liệu tham khảo thêm:	[1] Nguyễn Đông Chi (1956), <i>Lược khảo về thần thoại Việt Nam</i> , NXB Văn Sử Địa, H.. [2] Nguyễn Đông Chi (2009), <i>Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam</i> (5 tập), NXB Trẻ, HCM. [3] Chu Xuân Diên, Lương Văn Đăng, Phương Tri, <i>Tục ngữ Việt Nam</i> , Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993. [4] Nguyễn Tấn Đắc (2001), <i>Truyện cổ dân gian đọc bằng type và motif</i> , NXB Khoa học xã hội, H.. [5] Cao Huy Đình (1976), <i>Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian Việt Nam</i> , NXB Khoa học xã hội, H.. [6] V. Guxep (1999), <i>Mĩ học Folklore</i> (Hoàng Ngọc Hiến dịch), NXB Đà Nẵng. [7] Nguyễn Bích Hà (1999), <i>Thạch Sanh và kiểu truyện dũng sĩ ở Việt Nam và Đông Nam Á</i> , NXB Giáo dục, H..
Các loại học liệu khác:	Trang web: Thư viện ebook t-ve4u.com

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
[Diễn giảng]	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2
[Đàm thoại, vấn đáp]	Tăng cường khả năng đối thoại, mở rộng các vấn đề liên quan	CLO1, CLO4, CLO5
[Bài tập]	Rèn luyện kỹ năng, nâng cao năng lực thực hành, giải quyết vấn đề	CLO3, CLO4
[Nghiên cứu khoa học]	Rèn luyện tư duy nghiên cứu, tiếp cận các đối tượng khoa học	CLO4

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
4 tiết/buổi		
(1)	(2)	(3)
1 (3 tiết)	Giảng dạy lý thuyết trên lớp: CHƯƠNG I: DẪN LUẬN VĂN HỌC DÂN	CLO1, CLO2

	<p>GIAN</p> <p>1. Khái niệm văn học dân gian và đối tượng nghiên cứu của văn học dân gian (văn hóa dân gian, văn nghệ dân gian, văn học dân gian)</p> <p>2. Điều kiện lịch sử- xã hội của sự ra đời VHDG.</p> <p>Tự học ở nhà:</p> <p>-Ôn bài cũ:</p> <p>+ Ghi nhớ lại những tác phẩm văn học dân gian học ở trường THPT.</p> <p>+ Nắm được khái niệm văn học dân gian</p> <p>- Chuẩn bị bài mới:</p> <p>+ Tìm hiểu các đặc trưng của văn học dân gian.</p> <p>+ Nắm được các thể loại văn học dân gian đã học ở phổ thông.</p>	
2 (4 tiết)	<p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp:</p> <p>CHƯƠNG I: DẪN LUẬN VĂN HỌC DÂN GIAN (tiếp)</p> <p>3. Các đặc trưng cơ bản của văn học dân gian</p> <p>3.1. Tính nguyên hợp</p> <p>3.2. Tính truyền miệng</p> <p>3.3. Tính tập thể</p> <p>3.4. Tính dị bản</p> <p>3.5. Tính quốc tế, tính dân tộc và tính địa phương</p> <p>4. Đại cương về văn học dân gian Việt Nam và các thể loại văn học dân gian.</p> <p>* Thảo luận: (2 tiết)</p> <p>Tự học ở nhà:</p> <p>-Ôn bài cũ:</p> <p>+ Ghi nhớ khái niệm văn học dân gian và so sánh với các khái niệm văn hóa dân gian, văn nghệ dân gian.</p> <p>+ Ghi nhớ các đặc trưng của văn học dân gian.</p> <p>+ Nắm được các thể loại văn học dân gian Việt Nam.</p> <p>- Chuẩn bị bài mới:</p> <p>+ Tìm hiểu thần thoại là gì?</p> <p>+ Đọc trước một số truyện thần thoại tiêu biểu.</p>	CLO1, CLO3, CLO5
3 (4 tiết)	<p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp: CHƯƠNG II: TRUYỆN DÂN GIAN VIỆT NAM</p> <p>1. Thần thoại</p> <p>1.1 . Thần thoại là gì? Chức năng, hoàn cảnh ra đời, nhân vật của thần thoại</p> <p>1.2 . Phân loại và nội dung của từng tiểu loại</p> <p>1.3 . Giá trị của thần thoại (về nội dung và về nghệ thuật)</p> <p>1.4 . Phân tích một tác phẩm: Thần Trụ trời</p>	CLO1, CLO2

	<p>* Thảo luận: (2 tiết)</p> <p>Tự học ở nhà:</p> <p>-Ôn bài cũ:</p> <p>+ Khái niệm, chức năng của thần thoại.</p> <p>+ Giá trị của thần thoại</p> <p>- Chuẩn bị bài mới:</p> <p>+ Tìm hiểu truyền thuyết là gì?</p> <p>+ Đọc trước một số truyền thuyết tiêu biểu.</p>	
4 (3 tiết)	<p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp: CHƯƠNG II: TRUYỆN DÂN GIAN VIỆT NAM (tiếp)</p> <p>2 Truyền thuyết</p> <p>2.1. Truyền thuyết là gì? Chức năng, hoàn cảnh ra đời, nhân vật chủ yếu</p> <p>2.2. Phân loại truyền thuyết</p> <p>2.3. Nội dung và nghệ thuật truyền thuyết</p> <p>2.3. Phân tích tác phẩm: Thánh Gióng, An Dương Vương.</p> <p>Tự học ở nhà:</p> <p>-Ôn bài cũ:</p> <p>+ Khái niệm, chức năng của truyền thuyết.</p> <p>+ Giá trị của truyền thuyết</p> <p>- Chuẩn bị bài mới:</p> <p>+ Tìm hiểu truyện cổ tích là gì?</p> <p>+ Đọc trước một số truyện cổ tích tiêu biểu.</p>	CLO1, CLO2
5 (4 tiết)	<p>CHƯƠNG II: TRUYỆN DÂN GIAN VIỆT NAM (tiếp)</p> <p>3. Truyện cổ tích</p> <p>3.1. Truyện cổ tích là gì? Chức năng, hoàn cảnh ra đời, nhân vật chủ yếu</p> <p>3.2. Phân loại truyện cổ tích và đặc điểm thi pháp của từng tiểu loại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Truyện cổ tích thần kì - Truyện cổ tích sinh hoạt - Truyện cổ tích loài vật <p>* Thảo luận: (2 tiết)</p> <p>Tự học ở nhà:</p> <p>-Ôn bài cũ:</p> <p>+ Khái niệm, chức năng của truyện cổ tích.</p> <p>+ Đặc điểm thi pháp từng tiểu loại truyện cổ tích.</p> <p>- Chuẩn bị bài mới:</p> <p>+ Tìm hiểu đặc trưng truyện cổ tích.</p> <p>+ Đọc trước truyện Cây khế, Tấm Cám.</p>	CLO1, CLO2
6 (4 tiết)	<p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp: CHƯƠNG II: TRUYỆN DÂN GIAN VIỆT NAM (tiếp)</p> <p>3. Truyện cổ tích</p> <p>3.3. Đặc trưng của truyện cổ tích</p> <ul style="list-style-type: none"> - Truyện cổ tích là truyện kể hoàn toàn hư cấu 	CLO3, CLO4

	<p>và kì ảo</p> <ul style="list-style-type: none"> -Truyện cổ tích là những truyện kể đã hoàn tất -Tính chất giáo huấn, triết lí của truyện cổ tích <p>3.4. Phân tích tác phẩm: Cây khế, Tấm Cám.</p> <p>* Tọa luận: (2 tiết)</p> <p>Tự học ở nhà:</p> <p>-Ôn bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đặc trưng của truyện cổ tích. + Nắm được cách phân tích truyện cổ tích Tấm Cám <p>- Chuẩn bị bài mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tìm hiểu truyện cười, truyện ngụ ngôn là gì? + Đọc trước một số truyện cười, truyện ngụ ngôn tiêu biểu. 	
7 (3 tiết)	<p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp: CHƯƠNG II: TRUYỆN DÂN GIAN VIỆT NAM (tiếp)</p> <p>3. Truyện cười và truyện ngụ ngôn</p> <p>4.1. Khái quát về truyện cười và truyện ngụ ngôn</p> <p>4.2. Đặc điểm về nội dung và nghệ thuật truyện cười, truyện ngụ ngôn</p> <p>4.3. Phân tích: Thấy bói xem voi (ngụ ngôn); Tam đại con gà (truyện cười)</p> <p>Tự học ở nhà:</p> <p>-Ôn bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đặc điểm nội dung và nghệ thuật truyện cười, truyện ngụ ngôn. <p>- Chuẩn bị bài mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hiểu tục ngữ là gì? + Giải thích một số câu tục ngữ 	CLO1, CLO2
8 (3 tiết)	<p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp: CHƯƠNG III: TỤC NGỮ</p> <p>1. Định nghĩa. Phân biệt tục ngữ và các thể loại gần gũi khác</p> <p>2. Nội dung và nghệ thuật tục ngữ</p> <p>Tự học ở nhà:</p> <p>-Ôn bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Định nghĩa tục ngữ + Nội dung và nghệ thuật tục ngữ. <p>- Chuẩn bị bài mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phân biệt ca dao và dân ca. + Phân loại ca dao- dân ca. 	CLO1, CLO2, CLO3,
9 (3 tiết)	<p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp: CHƯƠNG IV: CA DAO- DÂN CA</p> <p>1. Giới thuyết về ca dao- dân ca.</p> <p>2. Phân loại ca dao- dân ca và nội dung từng tiểu loại</p> <p>2.1. Ca dao dân ca lễ nghi phong tục</p> <p>2.2. Ca dao dân ca lao động</p>	CLO1, CLO2, CLO3

	<p>2.3. Ca dao dân ca sinh hoạt 2.4. Ca dao dân ca trữ tình</p> <p>Tự học ở nhà: - Ôn bài cũ: + Nắm và phân biệt khái niệm ca dao, dân ca. + Nội dung từng tiểu loại ca dao, dân ca. - Chuẩn bị bài mới: + Đặc điểm nghệ thuật của ca dao.</p>	
10 (3 tiết)	<p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp: CHƯƠNG V: CÂU ĐỐ VÀ VÈ 1. Câu đố (định nghĩa, nguồn gốc, phân loại, nội dung và nghệ thuật của câu đố) 2. Vè (định nghĩa, phân loại, nội dung của hai loại vè: vè lịch sử và vè thể sự)</p> <p>Tự học ở nhà: - Ôn bài cũ: + Nắm được định nghĩa, đặc trưng của câu đố, vè. - Chuẩn bị bài mới: + Tìm hiểu về sân khấu truyền thống và loại hình chèo dân gian. + Xem trước (trên mạng, băng đĩa) một vở chèo dân gian.</p>	CLO1, CLO2, CLO4,
11 (3 tiết)	<p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp: CHƯƠNG VI: CHÈO DÂN GIAN 1. Giới thiệu về chèo. Phân biệt chèo dân gian và chèo chuyên nghiệp 2. Đặc điểm của chèo dân gian 3. Nội dung vở chèo: Quan âm Thị Kính</p> <p>Tự học ở nhà: - Ôn bài cũ: + Phân biệt chèo dân gian và chèo chuyên nghiệp. + Đặc điểm của chèo dân gian. - Chuẩn bị bài mới: + Phân bố của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam + Tìm hiểu truyện thơ và sử thi.</p>	CLO1, CLO2, CLO3
12 (3 tiết)	<p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp: CHƯƠNG VII: VĂN HỌC DÂN GIAN CÁC DÂN TỘC ÍT NGƯỜI 1. Vài nét về văn học dân gian các dân tộc ít người 2. Truyện thơ và truyện thơ “Xông chụ xông xao” (dân tộc Thái) 2.1. Những vấn đề chung về thể loại (định nghĩa, phân loại) 2.2. Phương thức lưu truyền và diễn xướng</p>	CLO1, CLO2, CLO3

	<p>2.3. Nội dung và nghệ thuật của truyện thơ</p> <p>2.4. Tìm hiểu truyện thơ “Xống chụ xôn xao” (Tiền dân người yêu)</p> <p>* Thảo luận: (2 tiết)</p> <p>Tự học ở nhà:</p> <p>- <i>Ôn bài cũ:</i></p> <p>+ Nội dung truyện thơ</p> <p>+ Nội dung truyện thơ “Xống chụ xôn xao”</p> <p>- <i>Chuẩn bị bài mới:</i></p> <p>+ Phong tục hôn nhân, tang ma; các lễ tết, lễ hội truyền thống của người Việt.</p>	
13 (3 tiết)	<p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp:</p> <p>CHƯƠNG VII: VĂN HỌC DÂN GIAN CÁC DÂN TỘC ÍT NGƯỜI(tiếp)</p> <p>3. Sử thi và sử thi “Đam San” (dân tộc Ê Đê)</p> <p>3.1. Những vấn đề chung về thể loại (thuật ngữ, phân loại, lịch sử sưu tầm sử thi ở Việt Nam). Khái niệm sử thi Tây Nguyên.</p> <p>3.2. Đặc trưng của sử thi</p> <p>- Tính truyền thống</p> <p>- Tính điển xưng cộng đồng</p> <p>- Nội dung có tính rộng lớn, kể về các sự kiện trọng đại của quá khứ</p> <p>- Hình thức tự sự trường thiên xen văn vần</p> <p>Tự học ở nhà:</p> <p>- <i>Ôn bài cũ:</i></p> <p>+ Khái niệm sử thi, đặc trưng sử thi. Khái niệm sử thi Tây Nguyên.</p> <p>- <i>Chuẩn bị bài mới:</i></p> <p>+ Đọc và tìm hiểu sử thi Đam San.</p>	CLO1, CLO2, CLO3
14 (3 tiết)	<p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp:</p> <p>CHƯƠNG VII: VĂN HỌC DÂN GIAN CÁC DÂN TỘC ÍT NGƯỜI(tiếp)</p> <p>3.3. Giá trị của sử thi và tìm hiểu sử thi “Đam San”.</p> <p>- Môi trường tự nhiên, văn hóa, xã hội hình thành sử thi – khan Ê Đê</p> <p>- Khan và nghệ thuật kể khan</p> <p>- Nội dung và nghệ thuật của sử thi Đam San</p> <p>Tự học ở nhà:</p> <p>- <i>Ôn bài cũ:</i></p> <p>+ Nội dung và nghệ thuật sử thi Đam San</p>	CLO1, CLO2, CLO3
15 (2 tiết)	<p>Ôn tập</p>	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

(2 tiết)		CLO5
----------	--	------

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	Quá trình học tập	<i>Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học</i>	Các buổi học	CLO1, CLO5	40%
		<i>Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tỷ số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng</i>	Các buổi học	CLO5	
		<i>*Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. -Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đầy đủ các luận điểm, diễn đạt rõ ràng, rành mạch...</i>	Giữa kỳ	CLO3, CLO4	
2	Thi kết thúc học phần	<i>Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết. Bài thi được trình bày mạch lạc, sáng rõ, lập luận, diễn đạt chặt chẽ, thể hiện khả năng hiểu biết và diễn đạt của sinh viên.</i>	Cuối kỳ	CLO1, CLO4, CLO5	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Trần Xuân Toàn
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email:txtoan2002@gmail.com Điện thoại liên hệ: 0914089171

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Võ Như Ngọc
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: vonhungoc82@gmail.com Điện thoại liên hệ: 0905.049.940

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình môn học...
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, thực hiện các yêu cầu học tập từ giáo viên...
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc trong học tập, tích cực phát biểu tham

	gia xây dựng bài...
Quy định về học vụ	Có đầy đủ tài liệu học tập
Các quy định khác	Tình hình chuẩn bị bài ở nhà, tham gia thuyết trình trên lớp sẽ được đánh giá vào điểm quá trình

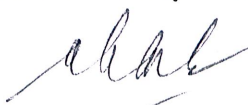
Bình Định, ngày 23 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Trần Xuân Toàn

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Võ Minh Hải

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Doãn Thuận

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Anh Tuấn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: VĂN BẢN HÁN NÔM

Mã học phần: 2030080

Tên tiếng Anh: Texts written in Sino-Nôm Script

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Văn bản Hán Nôm
- Mã học phần: 2030080 Số tín chỉ:03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: *Tiến trình văn học Việt Nam; Cơ sở văn hóa Việt Nam; Văn học trung đại Việt Nam 1, 2; Nhập môn Ngữ văn Hán Nôm*
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 40 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp:
 - + Thảo luận/thuyết trình nhóm: 10 tiết
 - + Tự học: 90 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa KHXH&NV

2. Mô tả học phần

- Văn bản Hán Nôm là môn cơ sở, giúp sinh viên sư phạm các ngành Khoa học xã hội và nhân văn có được những kiến thức cơ bản nhất về di sản văn hoá, văn học Hán Nôm trong tiến trình văn hoá, văn học Việt Nam. Giúp sinh viên nắm được những kiến thức, kiến văn cơ bản về hệ thống văn bản chữ Hán và chữ Nôm trong văn học cổ điển Việt Nam, tạo tiền đề tri thức tiếp nhận và tìm hiểu, nghiên cứu những nội dung liên quan đến lịch sử, tác gia văn học cổ trung đại và rèn luyện và phát triển kỹ năng sử dụng từ ngữ Hán Việt trong giảng dạy Ngữ văn ở nhà trường phổ thông.

- Môn học giới thiệu cho sinh viên định hình những kiến thức cơ bản về đặc trưng chữ Hán, chữ Nôm của người Việt, lịch sử hình thành, phát triển của hệ thống văn bản chữ Hán, chữ Nôm, từ ngữ, điển cố, thi văn liệu Hán Việt và những ảnh hưởng văn hoá của nó đến văn học, văn hoá Việt Nam.

- Hình thành và phát triển các kỹ năng đọc hiểu, phân tích vốn từ Hán Việt, giúp cho sinh viên sư phạm các khối ngành xã hội – nhân văn thuận lợi hơn trong việc định danh, tiếp cận khái niệm khoa học trong các bộ môn khoa học xã hội có liên quan như Sử học, Văn học, Văn hoá học, Xã hội học...

Nội dung học phần được thiết kế theo các nhóm tri thức và kỹ năng sau:

- Chương một cung cấp cho người học những kiến thức khái quát về quá trình du nhập chữ Hán vào Việt Nam và các vấn đề có liên quan sự hình thành chữ Nôm, ngôn ngữ văn học Nôm.
- Chương hai giúp người học hiểu biết cơ bản về các thể loại văn bản Hán Nôm ở Việt Nam và những ảnh hưởng của nó đến quá trình dạy và học văn học cổ điển ở nhà trường phổ thông

- Chương hai, ba, bốn, năm giúp cho người học nắm vững các đặc điểm cơ bản về minh giải văn bản, các thể loại, đặc điểm từ pháp, cú pháp của các tác phẩm Hán Nôm trong văn học Việt Nam.
- Chương sáu giúp cho người học hiểu và phát triển kỹ năng sử dụng từ ngữ Hán Việt trong hoạt động giảng dạy tác phẩm văn học cổ điển trong nhà trường phổ thông hiện nay.

3. Mục tiêu của học phần

- Kiến thức:

+ CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của các thể loại văn học Hán Nôm và những ảnh hưởng văn hoá của chữ Hán đến việc hình thành chữ Nôm, tác phẩm văn học Nôm.

+ CO2: Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản về hệ thống văn bản văn học Hán Nôm của Việt Nam và việc hướng dẫn, giảng dạy nó trong nhà trường phổ thông.

+ CO3: Giúp cho sinh viên hiểu được ý nghĩa, âm đọc và chữ viết của hệ thống chữ Hán cơ bản trong các tác phẩm văn học chữ Hán, chữ Nôm và những biểu hiện linh hoạt của nó trong quá trình tiếp nhận các tác phẩm văn học cổ điển trong nhà trường.

+ CO4 giúp sinh viên có thể vận dụng linh hoạt và phát huy những hiểu biết cơ bản về từ ngữ Hán Việt một cách hữu hiệu trong quá trình học tập, đời sống và hoạt động chuyên môn giảng dạy Ngữ văn.

- Kỹ năng

+ CO5: Có kỹ năng đọc, viết và hiểu nghĩa của những chữ Hán cơ bản và sự vận dụng linh hoạt của nó trong thực tiễn ngôn ngữ giao tiếp, giảng dạy văn học.

+ CO6: Có kỹ nhận diện và phân tích, đánh giá các loại hình văn bản, thể loại văn học Hán Nôm của Việt Nam

+ CO7: Kỹ năng tư duy theo hệ thống và làm việc nhóm.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO8: Nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức vào làm việc, nghiên cứu sau này.

+ CO9: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu học phần (Cos)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	- Hiểu được quá trình du nhập chữ Hán vào Việt Nam. - Nắm được những ảnh hưởng văn hoá của chữ Hán đến việc hình thành và cấu tạo chữ Nôm	PLO1	M

CO1	CLO2	- Hiểu, phân biệt được hai phạm trù cơ bản của Hán Nôm: chữ Hán và chữ Nôm - Nắm được sự linh hoạt của văn pháp Hán văn trong tác phẩm Hán Nôm của Việt Nam	PLO2	M
CO1	CLO3	- Hiểu được sự vận động, phát triển của văn học Hán Nôm qua các thời kì, các giai đoạn trong văn học Việt Nam - Nắm được các tác gia, tác phẩm, nội dung cơ bản của văn học Hán Nôm Việt Nam.	PLO3	M
CO2	CLO4	Nhận thức được giá trị của văn học Hán Nôm trong tiến trình vận động phát triển của nền văn hóa dân tộc Việt Nam.	PLO4	M
CO2	CLO5	Hiểu và đánh giá đúng những chức năng văn hoá, ngôn ngữ của bộ phận từ ngữ Hán Việt trong các loại văn bản.	PLO4	M
Kỹ năng				
CO3	CLO6	- Có kỹ năng nhận diện bộ thủ, tra từ điển, đọc âm Hán Việt và giảng nghĩa các chữ Hán từ đơn giản đến phức tạp trong các văn bản Hán Nôm. - Có kỹ năng sử dụng hệ thống từ ngữ Hán Việt trong thơ văn Nôm trong nhà trường phổ thông	PLO9	M
CO4	CLO7	Có năng lực tự thiết kế, trình bày bài thuyết trình, kỹ năng phản biện các vấn đề liên quan đến Ngữ văn Hán Nôm.	PLO9	M
CO5	CLO8	Tự hệ thống hóa, tổng hợp kiến thức của môn học.	PLO9	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO6	CLO9	Nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức vào làm việc, nghiên cứu sau này.	PLO11	M
CO7	CLO10	Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, hình	PLO12	M

	thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu.		
--	--	--	--

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính	<p>1. Võ Minh Hải (2009), <i>Văn bản Hán văn trích tuyển</i>, Giáo trình điện tử, Trường Đại học Quy Nhơn.</p> <p>2. Võ Minh Hải (2010), Bài giảng Cơ sở Ngữ văn Hán Nôm 2 và 3, Trường Đại học Quy Nhơn.</p> <p>3. Lê Trí Viễn (chủ biên, 1979), <i>Cơ sở Ngữ văn Hán Nôm (tập 1)</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p>
Tài liệu tham khảo thêm	<p>1. Đào Duy Anh (2005), <i>Hán Việt từ điển</i>, Nxb TH Tp. HCM.</p> <p>2. Phan Văn Các (chủ biên, 1984), <i>Giáo trình Hán Nôm (tập 1)</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>3. Thiều Chửu (2004), <i>Hán Việt tự điển</i>, Nxb VHTT, Hà Nội.</p> <p>4. Tuệ Dũng (2016), <i>Ngữ pháp Hán văn</i>, Nxb TH Tp. HCM.</p> <p>5. Phạm Văn Khoái (Chủ biên, 2001), <i>Một số vấn đề chữ Hán thế kỉ XX</i>, Nxb ĐHQG, Hà Nội.</p> <p>6. Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên, 2007), <i>Tiến trình lịch sử Việt Nam</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>7. Bùi Văn Nguyên, Hà Minh Đức (1971), <i>Thơ ca Việt Nam hình thức và thể loại</i>, Nxb KHXH Hà Nội.</p> <p>8. Nguyễn Khuê (1999), <i>Mấy vấn đề cơ bản của chữ Nôm</i>, Nxb ĐHQG Tp. HCM.</p> <p>9. Đặng Đức Siêu (2000), <i>Thực hành Ngữ văn Hán Nôm</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>10. Đặng Đức Siêu (2001), <i>Ngữ văn Hán Nôm 1 – 2 – 3</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>11. Trần Đình Sử (1999), <i>Mấy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p>
Các loại học liệu khác :	[phần mềm, cơ sở dữ liệu, trang web]

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1,2,3
Đàm thoại, vấn đáp	Đặt vấn đề cho sinh viên suy nghĩ, rèn luyện năng lực khái quát hóa và trừu tượng hóa cho sinh viên, đồng thời giải đáp những thắc mắc của sinh viên.	CLO 7
Bài tập	Củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng vận dụng lý thuyết khái quát về văn học Hán Nôm, chữ Nôm và từ ngữ Hán Việt để	CLO 9, 10

	<p>nghiên cứu và học tập các phân môn có liên quan trong chương trình đào tạo sư phạm Ngữ văn</p>	
Thuyết trình	<p>Tạo cơ hội cho sinh viên chủ động tiếp cận kiến thức và thể hiện khả năng trình bày trước tập thể.</p>	CLO 7, 8

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CDR học phần
(1)	(2)	(3)
4 tiết/buổi		
1 (4 tiết)	<p>Chương 1. Văn bản Hán Nôm trong đời sống văn hoá, văn học Việt Nam Giảng dạy lý thuyết trên lớp 1.1. Quá trình hình thành hệ thống văn bản Hán Nôm và những hệ quả văn hoá 1.2. Vai trò của văn bản Hán Nôm trong nhà trường và hoạt động giảng dạy văn học cổ điển Tự học ở nhà + Bổ sung các ví dụ về sự giao lưu ảnh hưởng của văn hoá Hán trong văn hoá Việt Nam + Chỉ ra các điểm giống và khác nhau giữa Hán văn ở Việt Nam và Hán văn ở Nhật Bản</p>	CLO1,2,3
2 (4 tiết)	<p>Chương 1. Văn bản Hán Nôm trong đời sống văn hoá, văn học Việt Nam 1.3. Ảnh hưởng văn hoá của chữ Hán đến quá trình hình thành chữ Nôm, văn bản Nôm 1.4. Đặc điểm cấu tạo chữ Nôm Tự học ở nhà +Bổ sung các ví dụ về quá trình hình thành phát triển của các chữ Nôm. + Tìm hiểu các giả thuyết về thời điểm hình thành chữ Nôm * Thảo luận: (1 tiết)</p>	CLO1,2,3
3 (4 tiết)	<p>Chương 2. Các thể loại văn bản Hán nôm trong văn học Việt Nam Giảng dạy lý thuyết trên lớp 2.1.Các tiêu chí phân loại 2.2. Phân loại văn bản Hán Nôm trong văn học cổ điển Việt Nam Tự học ở nhà + Phân tích ví dụ chứng minh một số đặc điểm khác biệt về văn bản chữ Hán và văn bản chữ Nôm. + Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm về đặc trưng của văn bản Nôm trong văn học Việt Nam</p>	CLO1,2,3

	* Thảo luận: (2 tiết)	
4 (4 tiết)	<p>Chương 2. Các thể loại văn bản Hán Nôm trong văn học Việt Nam</p> <p>Sinh viên thuyết trình nhóm về đặc trưng của văn bản Nôm trong văn học Việt Nam(3 tiết)</p> <p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp (1 tiết)</p> <p>2.3. Sự linh hoạt của các văn bản Hán Nôm trong hoạt động văn hoá, văn học Việt Nam (sự phá vỡ tính quy phạm)</p> <p>Tự học ở nhà</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tìm hiểu thêm đặc trưng tính quy phạm trong văn bản Hán văn + Tự tìm hiểu cơ sở lịch sử, văn hóa, xã hội, tư tưởng của các tiểu loại văn bản Hán Nôm 	CLO1,2,3,7,8
5 (4 tiết)	<p>Chương 3. Minh giải văn bản Hán Nôm thời Trần</p> <p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp</p> <p>3.1. Thơ văn Lý Trần và bài Nam quốc sơn hà</p> <p>3.2. Thơ thiền và bài Cáo tật thị chúng</p> <p>Tự học ở nhà</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phân tích một số ví dụ khái niệm về văn bản trong quan điểm của ngôn ngữ học hiện đại + Tìm hiểu hệ thống thể loại văn bản tiêu biểu trong văn hoá Trung Quốc và Việt Nam. <p>* Thảo luận: (2 tiết)</p>	CLO1,2,3
6 (4 tiết)	<p>Chương 4. Minh giải văn bản Hán Nôm thời Lê</p> <p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp</p> <p>4.1. Nguyễn Trãi và bài Bình Ngô đại cáo</p> <p>Tự học ở nhà</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tìm hiểu thêm về <i>Quốc âm thi tập</i> + Tự tìm hiểu hoàn cảnh xã hội, văn hóa, lịch sử của tác phẩm thơ Nôm <i>Hồng Đức quốc âm thi tập</i> 	CLO1,2,3,7,8
	Kiểm tra giữa kì	
7 (4 tiết)	<p>Chương 4. Minh giải văn bản Hán Nôm thời Lê</p> <p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp:</p> <p>4.2. Lam sơn thực lục và Lam sơn thực lục tự</p> <p>Tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phân tích những ảnh hưởng văn hoá khởi nghĩa Lam sơn đến văn học yêu nước thời Lê Sơ. 	CLO1,2,3

<p>8 (4 tiết)</p>	<p>Chương 4. Minh giải văn bản Hán Nôm thời Lê Giảng dạy lý thuyết trên lớp 4.3. Nguyễn Bình Khiêm và Bạch Vân quốc ngữ thi tập Hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên Tự học ở nhà + Tự tìm hiểu một số tác gia tiêu biểu thời Lê Trung hưng</p>	<p>CLO1,2,3</p>
<p>9 (4 tiết)</p>	<p>Chương 5. Minh giải văn bản Hán Nôm thời Nguyễn Giảng dạy lý thuyết trên lớp 5.1. Đặc trưng văn bản Hán Nôm thời Nguyễn 5.2. Nguyễn Du và Độc Tiểu Thanh kí Hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên Tự học ở nhà + Tự tìm hiểu một số đặc điểm về chữ Nôm trong <i>Truyện Kiều</i> * Thảo luận: (2 tiết)</p>	<p>CLO1,2,3</p>
<p>10 (4 tiết)</p>	<p>Chương 5. Minh giải văn bản Hán Nôm thời Nguyễn Giảng dạy lý thuyết trên lớp 5.3. Nguyễn Đình Chiểu và thể loại văn tế Hán Nôm Tự học ở nhà + Đọc giáo trình, bổ sung các tri thức về văn học Thế kỉ XIX + Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm về tác gia Nguyễn Khuyến</p>	<p>CLO1,2,3</p>
<p>10 (4 tiết)</p>	<p>Chương 5. Minh giải văn bản Hán Nôm thời Nguyễn Giảng dạy lý thuyết trên lớp 5.4. Tú Xương và văn bản Nôm Vị xuyên thi tập 5.5. Văn bản Hán Nôm trên Nam phong tạp chí Tự học ở nhà + Tự tìm hiểu tác phẩm Hán Nôm trên Gia Định báo, Phụ nữ tân văn, Nông cổ mìn đàm(Theo đề cương + giáo trình) * Thảo luận: (2 tiết)</p>	<p>CLO1,2,3,7,8</p>
<p>11 (4 tiết)</p>	<p>Chương 6. Từ Hán Việt và sự vận dụng từ ngữ Hán Việt trong dạy học Ngữ văn ở nhà trường phổ thông Giảng dạy lý thuyết trên lớp 6.1. Từ Hán Việt và đặc điểm từ Hán Việt 6.2. Sự vận dụng từ ngữ Hán Việt trong ngôn ngữ văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX</p>	<p>CLO1,2,3,7,8</p>

	<p>Tự học ở nhà + Tự tìm hiểu vai trò của từ Hán Việt văn học hiện đại (Theo đề cương + giáo trình)</p> <p>Ôn tập chương trình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng quan nội dung học phần - Hướng dẫn soạn đề cương để ôn tập <p>Tự học ở nhà + Lập đề cương ôn tập.</p>	
--	---	--

8. Phương thức đánh giá (Mô tả các phương pháp đánh giá được sử dụng)

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	<i>Quá trình học tập</i>	Lên lớp đầy đủ, đúng giờ, nghiêm túc Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	Toàn HP	CLO1,2,3,7	40%
		*Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. -Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể) *Các bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy. -Tiêu chí đánh giá bài báo cáo, seminar, bài tập lớn theo yêu cầu của GV * Thảo luận; Thực hành;	Buổi thứ 6 và 7	CLO1,2,3,7	
2	<i>Thi kết thúc học phần</i>	Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết hoặc vấn đáp; Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề	Theo kế hoạch của Nhà trường	CLO1,2,3,7,8	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Võ Minh Hải

- Chức danh, học hàm, học vị: GVC - Tiến sĩ
- Email: minhhaiquynhon@gmail.com Điện thoại liên hệ: 0914035159

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Trần Thị Tú Nhi
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: tunhi81@gmail.com Điện thoại liên hệ: 0912424679

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình môn học...
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, thực hiện các yêu cầu học tập từ giáo viên...
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc trong học tập, tích cực phát biểu tham gia xây dựng bài...
Quy định về học vụ	Có đầy đủ tài liệu học tập
Các quy định khác	Tình hình chuẩn bị bài tập ở nhà, tham gia thuyết trình trên lớp sẽ được đánh giá vào điểm quá trình

Bình Định, ngày 24 tháng 5 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Võ Minh Hải

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Võ Minh Hải

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Doãn Thuận

CHIEU TRƯỞNG
PHÓ CHIEU TRƯỞNG

TS. Đinh Anh Tuấn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: Nhập môn phương ngữ học

Mã học phần: 2030081

Tên tiếng Anh: Introduction to dialectology

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Nhập môn phương ngữ học
- Mã học phần: 2030081
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước:
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 25 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 10 tiết
 - + Tự học: 60 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

Số tín chỉ: 2

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những tri thức căn bản về phương ngữ học tiếng Việt và các phương pháp, thao tác cụ thể để phân tích, nghiên cứu các vấn đề thực tiễn của phương ngữ tiếng Việt. Gợi mở cho sinh viên những xu hướng nghiên cứu về phương ngữ học tiếng Việt hiện đại. Cụ thể, sau khi học xong học phần này, sinh viên nắm được các khái niệm cơ bản, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, bản chất của phương ngữ; các quan niệm khác nhau về việc phân vùng phương ngữ tiếng Việt; nắm được những đặc trưng cơ bản của các vùng phương ngữ tiếng Việt; bước đầu tìm hiểu phương ngữ trong các tác phẩm văn học; nắm được những định hướng nghiên cứu phương ngữ tiếng Việt hiện nay.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức

- + CO1: Trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, bản chất của phương ngữ.

+ CO2: Trang bị cho sinh viên các quan niệm khác nhau về việc phân vùng phương ngữ tiếng Việt; những đặc trưng cơ bản của các vùng phương ngữ tiếng Việt.

+ CO3: Trang bị cho sinh viên kiến thức về các hiện tượng phương ngữ trong các tác phẩm văn học; nắm được những định hướng nghiên cứu phương ngữ tiếng Việt hiện nay.

- Kỹ năng

+ CO4: Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng để nhận diện, phân tích, mô tả đặc điểm các biến thể ở các vùng phương ngữ tiếng Việt..

+ CO5: Giúp sinh viên nhận diện và phân tích những khác biệt phương ngữ trên những văn bản cụ thể, đặc biệt là kỹ năng nhận diện và phân tích các giá trị của phương ngữ trong những văn bản ở nhà trường phổ thông.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO6: Giúp sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc; Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập.

+ CO7: Giúp sinh viên trau dồi thói quen sử dụng tiếng Việt sao cho đạt hiệu quả cao nhất. Có thái độ đúng đắn trong việc rèn luyện ngôn ngữ cũng như giữ gìn sự trong sáng của tiếng nói dân tộc; Sử dụng ngôn ngữ đúng đối tượng, đúng hoàn cảnh giao tiếp, nội dung giao tiếp.

4. Chuẩn đầu ra của học phần(ký hiệu CLOs)

Mục tiêu học phần(COs)	Chuẩn đầu ra học phần(CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT(PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	- Có kiến thức khái quát về phương ngữ học tiếng Việt; - Nắm được đối tượng và phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu phương ngữ.		M
CO2	CLO2	- Người học biết phân tích các quan niệm khác nhau về việc phân vùng phương ngữ tiếng Việt. - Nắm được những đặc trưng cơ bản của các vùng phương ngữ tiếng Việt.		M

CO3	CLO3	- Người học nhận diện và phân tích được hiện tượng phương ngữ trong các tác phẩm văn học; - Nắm được những định hướng nghiên cứu phương ngữ tiếng Việt hiện nay.		M
Kỹ năng				
CO4	CLO4	- Rèn luyện kỹ năng để nhận diện, phân tích, mô tả đặc điểm các biến thể ở các vùng phương ngữ tiếng Việt.		M
CO5	CLO5	- Rèn kỹ năng nhận diện và phân tích những khác biệt phương ngữ trên những văn bản cụ thể, đặc biệt là kỹ năng nhận diện và phân tích các giá trị của phương ngữ trong những văn bản ở trường phổ thông.		H
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO6	CLO6	Nhận thức được tầm quan trọng của môn học. Từ đó, người học có thái độ học tập nghiêm túc, phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập.		M
CO7	CLO7	Người học trau dồi thói quen sử dụng tiếng Việt sao cho đúng chuẩn chính âm, chính tả trong từng hoàn cảnh giao tiếp; có thái độ đúng đắn trong việc rèn luyện ngôn ngữ cũng như giữ gìn sự trong sáng của tiếng nói dân tộc.		H

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	1/ Hoàng Thị Châu (2004). <i>Phương ngữ học tiếng Việt</i> , Đại học quốc gia Hà Nội.
Tài liệu tham khảo thêm:	1/ Đoàn Thiên Thuật, (1977), <i>Ngữ âm tiếng Việt</i> , Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội. 2/ Trần Thị Ngọc Lang, (1995), <i>Phương ngữ Nam bộ</i> , Nxb

	Khoa học Xã hội. 3/ Võ Xuân Trang (1997), <i>Phương ngữ Bình Trị Thiên</i> , Nxb Khoa học Xã hội.
Các loại học liệu khác:	Tạp chí <i>Ngôn ngữ và đời sống</i> .

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7.
Đàm thoại, vấn đáp	Đặt vấn đề cho sinh viên suy nghĩ, rèn luyện năng lực khái quát hóa và trừu tượng hóa cho sinh viên, đồng thời giải đáp những thắc mắc của sinh viên.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7.
Bài tập thực hành	Củng cố kiến thức và rèn luyện kĩ năng vận dụng lý thuyết ngôn ngữ học vào việc giải quyết một vấn đề ngôn ngữ cụ thể.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7.

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
1 (02 tiết)	Chương 1. DẪN LUẬN VỀ PHƯƠNG NGỮ HỌC 1.1. Các khái niệm cơ bản 1.1.1. Phương ngữ 1.1.2. Thổ ngữ 1.1.3. Phương ngữ xã hội 1.1.4. Phương ngữ học 1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của phương ngữ học 1.2.1. Đối tượng nghiên cứu 1.2.2. Phương pháp nghiên cứu	CLO1, CLO2, CLO5, CLO6, CLO7.
2 (02 tiết)	Chương 1. DẪN LUẬN VỀ PHƯƠNG NGỮ HỌC 1.3. Tính thống nhất và đa dạng của tiếng Việt 1.4. Quan hệ giữa phương ngữ với ngôn ngữ toàn	CLO1, CLO2, CLO5, CLO6, CLO7.

	dân	
3 (02 tiết)	<p>Chương 2. CÁC VÙNG PHƯƠNG NGỮ CỦA TIẾNG VIỆT</p> <p>2. 1. Vấn đề phân vùng phương ngữ tiếng Việt</p> <p>2.1.1. Các quan niệm về phân vùng phương ngữ</p> <p>2.1.2. Các vùng chuyển tiếp và các bán phương ngữ</p> <p>2.1.3. Khái quát về ba vùng phương ngữ tiếng Việt</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6, CLO7.
4 (02 tiết)	<p>Chương 2. CÁC VÙNG PHƯƠNG NGỮ CỦA TIẾNG VIỆT</p> <p>2.2. Cấu trúc âm tiết và âm đệm trong các phương ngữ tiếng Việt</p> <p>2.3.1. Âm tiết và các loại hình âm tiết tiếng Việt</p> <p>2.3.2. Khả năng kết hợp của âm đệm trong các phương ngữ tiếng Việt</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6, CLO7.
5 (02 tiết)	<p>Chương 2. CÁC VÙNG PHƯƠNG NGỮ CỦA TIẾNG VIỆT</p> <p>2.3. Hệ thống phụ âm đầu và các biến thể của nó trong phương ngữ tiếng Việt</p> <p>2.3.1. Hệ thống âm đầu trong phương ngữ Bắc</p> <p>2.3.2. Hệ thống âm đầu trong phương ngữ Trung</p> <p>2.3.3. Hệ thống âm đầu trong phương ngữ Nam</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6, CLO7.
6 (02 tiết)	<p>Chương 2. CÁC VÙNG PHƯƠNG NGỮ CỦA TIẾNG VIỆT</p> <p>2.4. Vần trong các phương ngữ</p> <p>2.4.1. Vần trong phương ngữ Bắc</p> <p>2.4.2. Vần trong phương ngữ Trung</p> <p>2.4.3. Vần trong phương ngữ Nam</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6, CLO7.
7 (02 tiết)	<p>Chương 2. CÁC VÙNG PHƯƠNG NGỮ CỦA TIẾNG VIỆT</p> <p>2.5. Sự chuyển hóa nguyên âm và phụ âm cuối trong các phương ngữ</p> <p>2.5.1. Đồng hóa và dị hóa do hoàn cảnh ngữ âm</p> <p>2.5.2. Sự chuyển hóa các nguyên âm đôi</p> <p>2.5.3. Những biến đổi không do hoàn cảnh ngữ âm</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6, CLO7.
8 (02 tiết)	<p>Chương 2. CÁC VÙNG PHƯƠNG NGỮ CỦA TIẾNG VIỆT</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5,

	<p>2.6. Hệ thống thanh điệu trong các phương ngữ</p> <p>2.6.1. Giá trị âm vị học và ngữ âm học của thanh điệu</p> <p>2.6.2. Hệ thống thanh điệu tiêu biểu của các phương ngữ</p> <p style="text-align: center;">KIỂM TRA GIỮA KÌ</p>	CLO6, CLO7.
9,10 (05 tiết)	<p style="text-align: center;">Chương 2.</p> <p style="text-align: center;">CÁC VÙNG PHƯƠNG NGỮ CỦA TIẾNG VIỆT</p> <p>2.7. Thực hành sưu tầm, phân loại phương ngữ địa phương Nam Trung bộ</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7.
11 (02 tiết)	<p style="text-align: center;">Chương 3.</p> <p style="text-align: center;">PHƯƠNG NGỮ HỌC VỚI ĐỜI SỐNG VÀ VĂN HỌC</p> <p>3.1. Phương ngữ: thổ ngữ phản ánh quá trình phát triển dân tộc</p> <p>3.1.1. Mặt lịch sử của phương ngữ: các vùng phương ngữ và lịch sử dân tộc</p> <p>3.1.2. Mặt xã hội của phương ngữ: thổ ngữ và công xã nông thôn</p> <p>3.1.3. Phương ngữ và vấn đề chuẩn hóa tiếng Việt</p>	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7.
12 (02 tiết)	<p style="text-align: center;">Chương 3.</p> <p style="text-align: center;">PHƯƠNG NGỮ HỌC VỚI ĐỜI SỐNG VÀ VĂN HỌC</p> <p>3.2. Phương ngữ trong tác phẩm văn học</p> <p>3.2.1. Quan hệ giữa phương ngữ với ngôn ngữ tác phẩm văn học</p>	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7.
13 (02 tiết)	<p style="text-align: center;">Chương 3.</p> <p style="text-align: center;">PHƯƠNG NGỮ HỌC VỚI ĐỜI SỐNG VÀ VĂN HỌC</p> <p>3.2. Phương ngữ trong tác phẩm văn học</p> <p>3.2.2. Phương ngữ trong các tác phẩm văn học ở trường phổ thông</p>	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7.
14 (03 tiết)	<p style="text-align: center;">Chương 3.</p> <p style="text-align: center;">PHƯƠNG NGỮ HỌC VỚI ĐỜI SỐNG VÀ VĂN HỌC</p> <p>3.3. Chính âm, chính tả ở nhà trường phổ thông</p> <p>3.3.1. Chính âm</p> <p>3.3.2. Chính tả</p>	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7.
15,16 (05 tiết)	<p style="text-align: center;">Chương 3.</p> <p style="text-align: center;">PHƯƠNG NGỮ HỌC VỚI ĐỜI SỐNG VÀ VĂN HỌC</p> <p>3.4. Thực hành khảo sát từ địa phương trong các tác</p>	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7.

	3.3.2. Chính tả	
15,16 (05 tiết)	Chương 3. PHƯƠNG NGỮ HỌC VỚI ĐỜI SỐNG VÀ VĂN HỌC 3.4. Thực hành khảo sát việc dùng từ địa phương, giọng địa phương trong sinh viên Đại học Quy Nhơn.	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7.

(1): Thông tin về buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục. (3): Liệt kê CDR liên quan của học phần (ghi ký hiệu CLO?).

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	Quá trình	- Đi học đầy đủ; - Tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp; - Hoàn thành bài chuẩn bị ở nhà; - Sinh viên làm bài kiểm tra trên lớp.	Toàn bộ thời gian học tập học phần	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4, CLO5, CLO7 CLO6	40%
2	Cuối kỳ	Làm bài thi kết thúc học phần.	Kết thúc môn học	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4, CLO5, CLO6, CLO7.	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Thị Huyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: nguyenhuyen@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0982969654

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Trương Thị Mỹ Hậu
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: truongthimyhau@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0934958669

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	- Giảng dạy đúng giờ, đúng số tiết quy định
------------------------	---

	- Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình môn học.
Yêu cầu đối với sinh viên	- Đi học đúng giờ, chuyên cần. - Đáp ứng các yêu cầu chuẩn bị bài vở của giảng viên. - Tích cực tham gia thảo luận. - Chủ động hợp tác trong hoạt động học tập.
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc trong học tập, tích cực chủ động tham gia xây dựng bài.
Quy định về học vụ	Có đầy đủ tài liệu học tập.
Các quy định khác	- Ăn mặc lịch sự, phù hợp với phong cách sinh viên khi vào lớp. - Không sử dụng điện thoại vào việc riêng và gây rối trong giờ học.

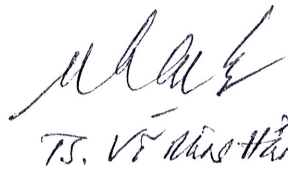
Bình Định, ngày 22 tháng 05 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



NGUYỄN THỊ HUYỀN

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Võ Văn Hải

GIỚI THIỆU TRƯỞNG
PHÓ GIỚI THIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Anh Tuấn

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Doãn Chuẩn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: TÁC PHẨM VÀ THỂ LOẠI VĂN HỌC
Mã học phần: 1060062
Tên tiếng Anh: Literary work and genre

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Tác phẩm và thể loại văn học
- Mã học phần: 1060062 Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 40 tiết
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Tự học: 85 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Khoa học xã hội và nhân văn

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản liên quan đến tác phẩm và thể loại văn học. Đồng thời, giúp người học nắm vững những vấn đề về bản chất và đặc trưng của văn nghệ và văn học trong những mối liên hệ đa chiều

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức
 - + CO1: Trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản của tác phẩm và thể loại văn học
 - + CO2: Trang bị cho sinh viên cái nhìn liên ngành, có tầm nhìn khái quát về lý luận văn học, góp phần hình thành nên kỹ năng cho công việc và cho cuộc sống trong tương lai.
- Kỹ năng
 - + CO3: Giúp sinh viên rèn luyện cả kỹ năng bao quát liên ngành và kỹ năng chuyên sâu về một lĩnh vực cụ thể, cả hai kỹ năng này cùng bổ sung cho nhau.
 - + CO4: Giúp sinh viên có kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề một cách chủ động, độc lập.
- Mức tự chủ và trách nhiệm
 - + CO5: Giúp sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho tương lai.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Hiểu và vận	PLO3,4	M

		dùng một cách cơ bản các vấn đề về tác phẩm và thể loại văn học		
CO2	CLO2	Hiểu quan hệ liên ngành và hệ thống, có tầm nhìn khái quát về văn học nghệ thuật, khả năng ứng dụng vào dạy học văn.	PLO4,5,6	M
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Hình thành kỹ năng bao quát liên ngành và kỹ năng chuyên sâu về lý luận văn học	PLO5,10	M
CO4	CLO4	Có kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề một cách chủ động, độc lập.	PLO14	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho tương lai.	PLO13,14	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	1. Phương Lưu, Trần Đình Sử, Nguyễn Xuân Nam, Lê Ngọc Trà, Thành Thế Thái Bình (1997), <i>Lý luận văn học</i> , Nxb Giáo dục.
Tài liệu tham khảo thêm:	1. R.Wellel, A. Warren (2009), <i>Lý luận văn học</i> , Nxb

	<p>Văn học.</p> <p>2. Huỳnh Như Phương (2007), <i>Dẫn luận lý luận văn học</i>, Nxb Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.</p> <p>3. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (2004), <i>Từ điển thuật ngữ văn học</i>, Nxb Giáo dục.</p> <p>4. Lê Ngọc Trà (2005), <i>Lý luận và văn học</i>, Nxb Trẻ.</p>
Các loại học liệu khác:	Trang web: Thư viện ebook t-ve4u.com

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
[<i>Diễn giảng</i>]	<i>Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.</i>	CLO1, CLO2
[<i>Đàm thoại, vấn đáp</i>]	<i>Tăng cường khả năng đối thoại, mở rộng các vấn đề liên quan</i>	CLO1, CLO4, CLO5
[<i>Bài tập</i>]	<i>Rèn luyện kỹ năng, nâng cao năng lực thực hành, giải quyết vấn đề</i>	CLO3, CLO4
[<i>Nghiên cứu khoa học</i>]	<i>Rèn luyện tư duy nghiên cứu, tiếp cận các đối tượng khoa học</i>	CLO4

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học (5 tiết/buổi)	Nội dung	CDR học phần
(1)	(2)	(3)
1 (5 tiết)	<p><i>Chương 1: Khái quát về tác phẩm văn học</i></p> <p>1.1. Khái niệm tác phẩm văn học</p> <p>1.2. Tính chỉnh thể thống nhất của tác phẩm văn học</p> <p>1.2.1. Nội dung của tác phẩm văn học</p> <p>1.2.2. Hình thức của tác phẩm văn học</p> <p>1.2.3. Mối quan hệ giữa nội dung và hình thức</p>	CLO1, CLO2
2 (5 tiết)	<p><i>Chương 2: Đề tài, chủ đề, tư tưởng, cảm hứng, ý nghĩa của TPVH</i></p> <p>2.1. Đề tài của tác phẩm văn học</p> <p>2.2. Chủ đề của tác phẩm văn học</p> <p>2.3. Tư tưởng của tác phẩm văn học</p> <p>2.4. Cảm hứng của tác phẩm văn học</p> <p>2.5. Ý nghĩa của tác phẩm văn học</p> <p>* Thảo luận: (2 tiết)</p>	CLO1, CLO3, CLO5
3 (5 tiết)	<p><i>Chương 3: Nhân vật trong tác phẩm văn học</i></p> <p>3.1. Nhân vật và vai trò của nhân vật trong tác phẩm văn học</p> <p>3.2. Loại hình nhân vật trong tác phẩm văn học</p>	CLO1, CLO2

	<p>3.3. Các biện pháp nghệ thuật xây dựng nhân vật văn học</p> <p>3.4. Phân tích nhân vật trong giảng dạy tác phẩm VH ở trường THPT</p> <p>* Thảo luận: (2 tiết)</p>	
4 (5 tiết)	<p><i>Chương 4: Khái quát về thể loại văn học</i></p> <p>4.1. Thể loại văn học là gì?</p> <p>4.2. Các đặc điểm cơ bản của thể loại văn học</p> <p>4.3. Các cách phân chia thể loại văn học.</p>	CLO1, CLO2
5 (5 tiết)	<p><i>Chương 5: Thể loại tự sự</i></p> <p>5.1. Khái niệm "tự sự"</p> <p>5.2. Đặc điểm cơ bản của thể loại tự sự</p> <p>5.2.1. Đặc điểm về nội dung</p> <p>5.2.2. Đặc điểm về hình thức</p> <p>5.3. Phân loại các tác phẩm tự sự</p> <p>5.3.1. Truyện truyền thống</p> <p>5.3.2. Truyện ngắn</p> <p>5.3.3. Tiểu thuyết</p> <p>* Thảo luận: (2 tiết)</p>	CLO1, CLO2
6 (5 tiết)	<p>Kiểm tra giữa kỳ</p> <p>* Thảo luận: (2 tiết)</p>	CLO3, CLO4
7 (5 tiết)	<p><i>Chương 6: Thể loại trữ tình</i></p> <p>6.1. Khái niệm "trữ tình"</p> <p>6.2. Đặc điểm cơ bản của thể loại trữ tình.</p> <p>6.2.1. Đặc điểm về nội dung</p> <p>6.2.2. Đặc điểm về hình thức</p>	CLO1, CLO2
8 (5 tiết)	<p>6.3. Phân loại các tác phẩm trữ tình</p> <p>6.3.1. Các thể loại văn biền ngẫu</p> <p>6.3.2. Văn xuôi trữ tình</p> <p>6.3.3. Ký trữ tình</p> <p>6.3.4. Thơ trữ tình</p> <p>* Thảo luận: (2 tiết)</p>	CLO1, CLO2, CLO3
9 (5 tiết)	<p><i>Chương 7: Thể loại kịch</i></p> <p>7.1. Kịch sân khấu và kịch bản văn học</p> <p>7.2. Đặc điểm cơ bản của kịch bản văn học</p> <p>7.2.1. Đặc điểm cơ bản về nội dung</p>	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
10 (5 tiết)	<p>7.2.2. Đặc điểm cơ bản về hình thức</p> <p>7.3. Phân loại kịch bản văn học</p>	CLO4, CLO5

8. Đánh giá kết quả học tập

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	<i>Quá trình học tập</i>	<i>Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học</i>	Các buổi học	CLO1, CLO5	40%
		<i>Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng</i>	Các buổi học	CLO5	
		<i>*Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. -Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đầy đủ các luận điểm, diễn đạt rõ ràng, rành mạch...</i>	Giữa kỳ	CLO3, CLO4	
2	<i>Thi kết thúc học phần</i>	<i>Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết. Bài thi được trình bày mạch lạc, sáng rõ, lập luận, diễn đạt chặt chẽ, thể hiện khả năng hiểu biết và diễn đạt của sinh viên.</i>	Cuối kỳ	CLO1, CLO4, CLO5	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Trần Thanh Bình

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ

- Email: tranthanhbinh@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0914012831

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Lê Minh Kha

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ

- Email: minhkhahqn@yahoo.com Điện thoại liên hệ: 0985948714

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình môn học...
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, thực hiện các yêu cầu học tập từ giáo viên...
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc trong học tập, tích cực phát biểu tham gia xây dựng bài...
Quy định về học vụ	Có đầy đủ tài liệu học tập

Các quy định khác

Tình hình chuẩn bị bài ở nhà, tham gia thuyết trình trên lớp sẽ được đánh giá vào điểm quá trình

Bình Định, ngày 23 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

ThS. Trần Thanh Bình

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Võ Minh Hải

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Doãn Thuận

Đ. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Anh Tuấn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**HỌC PHẦN: NGÔN NGỮ HỌC VĂN BẢN****Mã học phần: 1060044****Tên tiếng Anh: Textual Linguistics****1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: **Ngôn ngữ học văn bản**
- Mã học phần: **1060044** Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Sinh viên đã được trang bị kiến thức học phần: Dẫn luận ngôn ngữ, Ngữ âm tiếng Việt, Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt, Ngữ pháp tiếng Việt.
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 10 tiết
 - + Thảo luận: 4 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 6 tiết
 - + Tự học: 60 giờ
- Khoa phụ trách học phần:

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, nền tảng về Ngôn ngữ học văn bản. Nội dung chính của học phần là các vấn đề văn bản, mạch lạc, liên kết trong văn bản. Dựa vào những kiến thức này, người học có khả năng tạo lập và phân tích các loại văn bản trong thực tế theo các bình diện: cấu trúc, nội dung, mạch lạc, chức năng và liên kết văn bản góp phần nâng cao hoạt động giao tiếp, nhất là hoạt động giao tiếp bằng văn bản.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)*- Kiến thức*

CO1: Trang bị cho sinh viên kiến thức về: văn bản, về các đơn vị của văn bản, về liên kết, mạch lạc trong văn bản.

CO2: Trang bị cho sinh viên kiến thức về đặc trưng của văn bản, kết cấu của văn bản, các biểu hiện của mạch lạc trong văn bản, các phép liên kết trong văn bản tiếng Việt.

- Kỹ năng

CO3: Giúp sinh viên hình thành các kỹ năng: tiếp nhận và tạo lập đoạn văn, văn bản;

phân tích được kết cấu, mạch lạc, liên kết trong các loại văn bản.

CO4: Giúp sinh viên hình thành kỹ năng sử dụng tiếng Việt chuẩn mực, logic; vận dụng các kiến thức Ngôn ngữ học văn bản vào việc giải quyết một vấn đề ngôn ngữ cụ thể của đời sống, phục vụ cho hoạt động giao tiếp của con người.

- *Mức tự chủ và trách nhiệm*

CO5: Giúp sinh viên thấy được tầm quan trọng của ngôn ngữ, văn bản trong hoạt động giao tiếp; có ý thức bảo vệ tiếng nói dân tộc góp phần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

CO6: Giúp sinh viên hình thành khả năng tự chủ, tự học và tự nghiên cứu, tự tiếp cận và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến ngôn ngữ nói chung và tiếng Việt nói riêng.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Hiểu được khái niệm văn bản; hiểu được quá trình hình thành và phát triển của ngôn ngữ học văn bản; hiểu được sự khác biệt giữa văn bản và diễn ngôn, giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, các loại văn bản: văn bản nghệ thuật, văn bản khoa học, văn bản chính luận, văn bản báo chí, văn bản hành chính.	PLO4, PLO5, PLO6, PLO7	M
CO1	CLO2	Hiểu được các khái niệm: đoạn văn, mạch lạc, tính liên kết trong văn bản; các đặc trưng, kết cấu của văn bản; hiểu được mối quan hệ giữa mạch lạc và liên kết trong văn bản.	PLO4, PLO5, PLO6, PLO7	H
CO2	CLO3	Hiểu được các đặc trưng, kết cấu của văn bản và mối quan hệ giữa các yếu tố trong việc tạo nên tính thống nhất, chỉnh thể của văn bản.	PLO4, PLO5, PLO6, PLO7	H
CO2	CLO4	Hiểu được các biểu hiện của mạch lạc trong văn bản; hiểu được các phương tiện liên kết, phương thức liên kết trong	PLO4, PLO5, PLO6, PLO7	H

		văn bản; hiểu được các phép liên kết trong tiếng Việt: Phép lặp ngữ âm, phép lặp từ vựng, phép lặp ngữ pháp, phép thế đồng nghĩa, phép thế đại từ, phép tỉnh lược yếu, phép tỉnh lược mạnh, phép đối, phép liên tưởng, phép tuyến tính, phép nói lỏng, phép nói chặt.		
CO2	CLO5	Vận dụng các kiến thức Ngôn ngữ học văn bản vào nghiên cứu vấn đề cụ thể của văn bản tiếng Việt; giao tiếp ngôn ngữ đạt hiệu quả.	PLO4, PLO5, PLO6, PLO7	H
Kỹ năng				
CO3	CLO6	Có kỹ năng tiếp nhận và tạo lập đoạn văn, văn bản; phân tích được kết cấu, đặc trưng, mạch lạc, liên kết trong các loại văn bản.	PLO8, PLO10, PLO11	H
CO4	CLO7	Có kỹ năng sử dụng tiếng Việt chuẩn mực, logic; vận dụng các kiến thức Ngôn ngữ học văn bản vào việc giải quyết một vấn đề ngôn ngữ cụ thể của đời sống, phục vụ cho hoạt động giao tiếp của con người.	PLO8, PLO10, PLO11	H
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO8	Có ý thức bảo vệ tiếng nói dân tộc góp phần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.	PLO13, PLO14	H
CO6	CLO9	Có khả năng tự chủ, tự học và tự nghiên cứu, tự tiếp cận và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến ngôn ngữ nói chung và tiếng Việt nói riêng.	PLO13, PLO14	H

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	[1] Nguyễn Thị Vân Anh (Chủ biên), Đặng Thị Thanh Hoa (2017), <i>Giáo trình ngôn ngữ học văn bản</i> , Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
Tài liệu tham khảo thêm:	[2] Diệp Quang Ban (2009), <i>Giao tiếp diễn ngôn và cấu tạo văn bản</i> , Nxb Giáo dục. [3] Brown G, Yule G (2002), <i>Phân tích diễn ngôn</i> , Nxb Đại học Quốc gia, H. [4] Nguyễn Chí Hoà (2006), <i>Các phương tiện liên kết và tổ chức</i>

	<i>văn bản</i> , Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. [5] Trần Ngọc Thêm (1985), <i>Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt</i> , Nxb Giáo dục.
Các loại học liệu khác:	[6] http://www.vienngonnguhoc.gov.vn/

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
Đàm thoại, vấn đáp	Thông qua việc giải đáp giữa giáo viên và sinh viên để giải quyết các nội dung kiến thức về văn bản, đoạn văn, mạch lạc, liên kết.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CO6
Thuyết trình, hoạt động nhóm	Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp; giải thích đúng các vấn đề liên quan đến kiến thức của môn học.	CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8
Nêu vấn đề và giải quyết vấn đề	Giúp cho sinh viên hiểu và vận dụng những kiến thức của môn học.	CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9
Tự học	Giúp sinh viên có năng lực tự học, tự nghiên cứu; rèn luyện ý thức trách nhiệm trong học tập và công việc	CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
1 (3 tiết)	Chương 1: Khái quát chung về ngôn ngữ học văn bản và văn bản 1.1. Quá trình hình thành của ngôn ngữ học văn bản 1.2. Các phân ngành nghiên cứu của ngôn ngữ học văn bản 1.3. Khái niệm văn bản 1.4. Phân biệt ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết	CLO1, CLO2

2 (3 tiết)	Chương 1: Khái quát chung về ngôn ngữ học văn bản và văn bản (tiếp theo) 1.5. Các đặc trưng của văn bản 1.6. Phân loại văn bản 1.7. Kết cấu của văn bản - Bài tập	CLO1, CLO2, CLO6
3 (3 tiết)	Chương 2. Các đơn vị của văn bản 2.1. Phát ngôn 2.2. Đoạn văn	CLO1, CLO2, CLO3, CLO6
4 (3 tiết)	Chương 2: Các đơn vị của văn bản (tiếp theo) - Thực hành về nhận diện phát ngôn và phân tích đoạn văn trong văn bản.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
5 (3 tiết)	Chương 3: Mạch lạc trong văn bản 3.1. Định nghĩa về mạch lạc 3.2. Biểu hiện của mạch lạc	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
6 (3 tiết)	- Thảo luận	CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9
7 (3 tiết)	Chương 4. Liên kết trong văn bản 4.1. Khái niệm về tính liên kết 4.2. Phương tiện liên kết 4.3. Phương thức liên kết 4.4. Phân loại tính liên kết theo các góc độ 4.5. Liên kết giữa các đoạn văn	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8
8 (4 tiết)	- Kiểm tra Chương 5: Các phép liên kết trong tiếng Việt 5.1. Phép lặp ngữ âm 5.2. Phép lặp từ vựng 5.3. Phép lặp ngữ pháp	-Kiểm tra viết CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8
9 (3 tiết)	Chương 5: Các phép liên kết trong tiếng Việt (tiếp theo) 5.4. Phép thế đồng nghĩa 5.5. Phép thế đại từ 5.6. Phép tỉnh lược yếu 5.7. Phép tỉnh lược mạnh 5.8. Phép đối	CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8
10 (3 tiết)	Chương 5: Các phép liên kết trong tiếng Việt (tiếp theo) 5.9. Phép liên tưởng 5.10. Phép tuyến tính 5.11. Phép nổi lỏng	CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8

	5.12. Phép nối chặt	
11 (3 tiết)	- Bài tập về các phép liên kết trong tiếng Việt	CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9
12 (3 tiết)	- Thực hành tạo lập đoạn văn, văn bản có sử dụng các phép liên kết	CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9
12 (3 tiết)	-Thực hành kết cấu văn bản, mạch lạc. - Hướng dẫn ôn tập	CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	<i>Quá trình học tập</i>	Sinh viên chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Tất cả các buổi học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	40%
		Sinh viên vắng không quá 20% số tiết học.	Tất cả các buổi học		
		Sinh viên làm 1 bài kiểm tra tại lớp. Tiêu chí đánh giá: Theo đáp án của giảng viên và kỹ năng phân tích, đánh giá, nhận định của sinh viên	Buổi số 8	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	
2	<i>Thi kết thúc học phần</i>	Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết; Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề	Tuần thứ 9 của học kỳ	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Đặng Thị Thanh Hoa**

- Chức danh, học hàm, học vị: TS
 - Email: dangthithanhhoa@qnu.edu.vn

Điện thoại liên hệ: 0869114699

45

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Vân Anh**
 - Chức danh, học hàm, học vị: PGS.TS
 - Email: nguyenthivananh@qnu.edu.vn

Điện thoại liên hệ: 0839336969

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Lên lớp đúng giờ, giảng đủ tiết và đầy đủ nội dung, chuẩn bị tài liệu đầy đủ có liên quan để cung cấp cho sinh viên; sẵn sàng hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập để đảm bảo kết quả học tập.
Yêu cầu đối với sinh viên	Chuẩn bị tài liệu đầy đủ có liên quan, tham dự các bài giảng, làm các bài tập; chuẩn bị trước nội dung bài học, tham gia thảo luận tích cực trong các giờ tự học hoặc trên lớp.
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, tham gia đầy đủ các buổi học, vắng học sẽ bị trừ điểm quá trình theo tỉ lệ tương ứng.
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc nghe giảng và ghi chép, tích cực suy nghĩ, thảo luận để trả lời câu hỏi; không làm việc riêng, không sử dụng điện thoại trong giờ học.
Quy định về học vụ	Thực hiện theo quy định đào tạo của nhà trường.
Các quy định khác	Có chuẩn bị bài tập ở nhà, tham gia thuyết trình trên lớp sẽ được đánh giá vào điểm quá trình

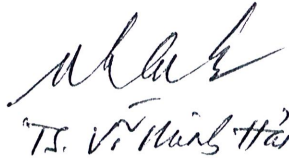
Bình Định, ngày 31 tháng 5 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



TS. Đặng Thị Thanh Hoa

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Võ Mạnh Hải

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Doãn Chuẩn



TS. Đinh Anh Tuấn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM 1

Mã học phần: 2030079

Tên tiếng Anh: Vietnamese Medieval Literature 1

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Văn học trung đại Việt Nam 1
- Mã học phần: 2030079 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Cơ sở văn hóa Việt Nam, Nhập môn Ngữ văn Hán Nôm, Tiến trình Văn học Việt Nam, Văn học dân gian Việt Nam.
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 25 tiết
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Tự học: 55 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa KHXH & NV

2. Mô tả học phần

Cảm hứng nổi bật của văn học giai đoạn thế kỷ X đến thế kỷ XVII là cảm hứng yêu nước. Trong đó, văn học từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XIV tập trung thể hiện chủ nghĩa yêu nước của dân tộc ta trong công cuộc kháng chiến chống ngoại xâm bảo vệ độc lập dân tộc. Văn học thế kỷ XV đến thế kỷ XVII lại hướng tới việc ca ngợi tinh thần dân tộc trong công cuộc xây dựng một quốc gia phong kiến độc lập, vững mạnh. Mặc dầu vậy, bước sáng thế kỷ XVI, chế độ phong kiến nước ta bắt đầu có những biểu hiện của sự suy tàn, khủng hoảng. Cho nên trong văn chương, khuynh hướng cảm hứng nhân văn và thế sự cũng bắt đầu xuất hiện. Đây là giai đoạn văn chương mà ở đó, các thể loại ngoại nhập chiếm ưu thế. Tuy nhiên, trong xu thế tìm về với cội nguồn dân tộc, các thể loại nội sinh cũng bắt đầu được mạnh mẽ.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức

+ CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở lịch sử xã hội hình thành văn học trung đại Việt Nam, các giai đoạn phát triển và đặc điểm văn học trung đại Việt Nam.

+ CO2: Hiểu rõ một số phương diện chủ yếu về thân thế và sự nghiệp tác giả, nội dung và hình thức nghệ thuật, giá trị và vị thế của văn học trung đại Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XVII.

- Kỹ năng

+ CO3: Giúp cho sinh viên có được những kỹ năng cảm thụ và phân tích các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam.

+ CO4: Có kỹ năng nhận biết và giải quyết các vấn đề nghiên cứu; kỹ năng tự học tập, nghiên cứu và làm việc nhóm; kỹ năng thuyết trình và thiết kế bài giảng,...

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.

+ CO6: Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập mới có khả năng hiểu sâu và vận dụng tốt các kiến thức của học phần này.

4. Chuẩn đầu ra của học phần(ký hiệu CLOs)

Mục tiêu học phần(COs)	Chuẩn đầu ra học phần(CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT(PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Nắm vững những kiến thức cơ bản về cơ sở lịch sử xã hội hình thành văn học viết Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XVII.	PLO4,5,6,7	M
CO2	CLO2	Hiểu rõ thân thế và sự nghiệp tác giả, nội dung và hình thức	PLO4,5,6,7	M

		nghệ thuật văn học viết Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XVII.		
Kĩ năng				
CO3	CLO3	Có kỹ năng cảm thụ và phân tích các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam.	PLO8,10	M
CO4	CLO4	Có kỹ năng nhận biết và giải quyết các vấn đề nghiên cứu; kỹ năng tự học tập, nghiên cứu và làm việc nhóm; kỹ năng thuyết trình và thiết kế bài giảng,...	PLO8,10	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, có thái độ học tập nghiêm túc.	PLO14	M
CO6	CLO6	Phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập.	PLO14	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	<p>1. Đinh Gia Khánh (Chủ biên), Bùi Duy Tân, Mai Cao Chương (2002), <i>Văn học Việt Nam thế kỷ X - nửa đầu thế kỷ XVIII</i> (Tái bản lần thứ sáu), Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>2. Nguyễn Đăng Na (Chủ biên), Lã Nhâm Thìn, Đinh Thị Khang (2009), <i>Văn học trung đại Việt Nam</i>, Tập I - II, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.</p> <p>3. Lã Nhâm Thìn (Chủ biên), Đinh Thị Khang, Vũ Thanh (2015), <i>Giáo trình văn học trung đại Việt Nam</i>, tập I-II, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.</p>
-------------------	--

Tài liệu tham khảo thêm:	<p>4. Bùi Văn Nguyên (1978), <i>Lịch sử Văn học Việt Nam</i>, tập II (Tái bản lần thứ 5), Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>5. Lê Trí Viễn, Phan Côn, Đặng Thanh Lê, Phạm Văn Luận, Lê Hoài Nam (1971), <i>Lịch sử Văn học Việt Nam</i>, tập III (Tái bản lần thứ 3), Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>6. Đoàn Thị Thu Vân (Chủ biên), Lê Trí Viễn, Lê Thu Yên, Lê Văn Lực, Phạm Văn Phúc (2008), <i>Văn học trung đại Việt Nam (Thế kỷ X – cuối thế kỷ XIX)</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>7. Nguyễn Hữu Sơn (Tuyển chọn, giới thiệu), (2007), <i>Nguyễn Trãi về tác gia tác phẩm</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>8. Nhiều tác giả (2007), <i>Lê Thánh Tông về tác gia và tác phẩm</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>9. Trần Thị Băng Thanh, Vũ Thanh (Tuyển chọn và giới thiệu), (2007), <i>Nguyễn Bình Khiêm về tác gia và tác phẩm</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>10. Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (2004), <i>Tinh tuyển văn học Việt Nam</i> (Tập 3, tập 4), Nxb Khoa học xã hội, H.</p>
--------------------------	--

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1,2,5,6
Đàm thoại, vấn đáp	Đặt vấn đề cho sinh viên suy nghĩ, rèn luyện năng lực khái quát hóa và trừu tượng hóa cho sinh viên, đồng thời giải đáp những thắc mắc của sinh viên.	CLO3,4,5,6
Bài tập	Củng cố kiến thức và rèn luyện	CLO1,2,3,4,5,6

	kĩ năng phân tích, cảm thụ, nghiên cứu tác phẩm văn học cho sinh viên.	
Thuyết trình	Tạo cơ hội cho sinh viên chủ động tiếp cận kiến thức và thể hiện khả năng trình bày trước tập thể.	CLO4,5,6

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
3 tiết/buổi		
1	Chương 1. Khái quát văn học trung đại Việt Nam 1.1. Khái niệm văn học trung đại Việt Nam 1.2. Phân kỳ văn học trung đại Việt Nam	CLO1,2,3,5,6
2	1.3. Đặc điểm văn học trung đại Việt Nam	CLO1,2,3,5,6
3	Chương 2. Văn học Việt Nam thế kỷ X-XIV 2.1. Lực lượng sáng tác 2.2. Thể loại văn học	CLO1,2,3,5,6
4	2.3. Những khuynh hướng văn học tiêu biểu	CLO1,2,3,4,5,6
5	Chương 3. Văn học Việt Nam thế kỷ XV-XVII 3.1. Lực lượng sáng tác 3.2. Đặc điểm văn học * Kiểm tra giữa kỳ	CLO1,2,3,4,5,6
6	3.2. Đặc điểm văn học (tiếp theo)	CLO1,2,3,5,6
7	3.3. Một số tác gia tiêu biểu 3.3.1. Nguyễn Trãi (1380 – 1442)	CLO1,2,3,4,5,6

8	3.3.2. Lê Thánh Tông (1442-1497)	CLO1,2,3,4,5,6
9	3.3.3. Nguyễn Bình Khiêm (1491 – 1585)	CLO1,2,3,4,5,6
10	3.3.4. Nguyễn Dữ (?-?) - Ôn tập học phần	CLO1,2,3,4,5,6

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	<i>Quá trình học tập</i>	Phát biểu trong giờ học	Trong từng buổi học	CLO5,6	40%
		Đi học đầy đủ	Trong từng buổi học	CLO5,6	
		Sinh viên thực hiện một bài kiểm tra hoặc thảo luận, thuyết trình nhóm theo yêu cầu của giảng viên.	Buổi thứ 5	CLO1,2,3,4,5,6	
2	<i>Thi kết thúc học phần</i>	Thi viết	Kết thúc học phần	CLO1,2,3,4,5,6	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Đình Thu
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email:nguyendinhthu84@gmail.com
- Điện thoại liên hệ: 0973.904.948

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Trần Thị Tú Nhi
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email:tunhi81@gmail.com

-Điện thoại liên hệ: 0912424679

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	- Giảng dạy đúng giờ, đúng số tiết quy định - Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình môn học.
Yêu cầu đối với sinh viên	- Đi học đúng giờ, chuyên cần. - Đáp ứng các yêu cầu chuẩn bị bài vở của giảng viên. - Tích cực tham gia thảo luận. - Chủ động hợp tác trong hoạt động học tập.
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc trong học tập, tích cực chủ động tham gia xây dựng bài.
Quy định về học vụ	Có đầy đủ tài liệu học tập.
Các quy định khác	- Trang phục và giao tiếp phù hợp với môi trường văn hóa trong lớp học. - Không sử dụng điện thoại vào việc riêng và gây rối trong giờ học.

Bình Định, ngày 19 tháng 05 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

1. TS. Nguyễn Đình Thu

TS. Võ Minh Hải

TS. Nguyễn Doãn Thuận

2. TS. Trần Thị Tú Nhi



TS. Đinh Anh Tuấn



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM 2
Mã học phần: 1060100
Tên tiếng Anh: Vietnamese Medieval Literature 2

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Văn học trung đại Việt Nam 2
- Mã học phần: 1060100 Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Sinh viên cần có kiến thức về các môn bổ trợ khác hoặc song song.
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 40 tiết
 - + Thảo luận/thuyết trình nhóm: 10 tiết
 - + Tự học: 90 giờ.

Khoa phụ trách học phần: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn.

2. Mô tả học phần

- Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu nhất về văn học trung đại Việt Nam ở giai đoạn phát triển rực rỡ nhất của nền văn học viết trung đại Việt Nam.

- Môn học đi vào tìm hiểu, phân tích kỹ lưỡng toàn cảnh văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX, từ tình hình chung của văn học đến từng tác gia tiêu biểu của giai đoạn này như Phạm Đình Hổ, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Công Trứ...

- Có được kiến thức văn học trung đại Việt Nam giai đoạn này, sinh viên thuận lợi hơn trong việc nghiên cứu về bộ phận văn học trung đại nói riêng, toàn bộ tiến trình văn học Việt Nam nói chung.

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu COs)

- Kiến thức

+ CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở lịch sử xã hội và văn học của chặng đường phát triển nhất của văn học trung đại trong tiến trình vận động của văn học dân tộc.

+ CO2: Trang bị cho sinh viên kiến thức văn học trung đại Việt Nam ở giai đoạn thứ ba này chứa đựng nhiều giá trị tinh hoa của nền văn học dân tộc. Từ đó giúp sinh viên biết phát huy và sử dụng vốn tri thức này một cách hữu hiệu trong quá trình học tập, nghiên cứu và trong đời sống.

- Kỹ năng

+ CO3: Giúp sinh viên có kỹ năng cảm thụ và phân tích tác phẩm văn học trung đại ở giai đoạn phát triển nhất của văn học viết trung đại Việt Nam.

+ CO4: Giúp sinh viên hình thành năng lực tự thiết kế bài thuyết trình, bài giảng. Khả năng tự tổng hợp tư liệu nghiên cứu để tích lũy kiến thức phục vụ việc trình bày bài viết.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Giúp sinh viên nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức và làm việc, nghiên cứu sau này.

+ CO6: Giúp sinh viên có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Hiểu được bối cảnh hình thành giai đoạn thứ ba của nền văn học trung đại Việt Nam, từ lịch sử, văn hóa, kinh tế, chính trị, xã hội...	PLO3, PLO4	L
CO1	CLO2	Nắm được sự đa dạng, hấp dẫn của các thành phần văn học giai đoạn từ đầu thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX. Phân tích được các đặc trưng của mỗi thành phần văn học giai đoạn này.	PLO3, PLO4, PLO5	M
CO2	CLO3	Nắm được hệ thống tác gia, tác phẩm văn học giai đoạn từ đầu thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX.	PLO3, PLO4, PLO5	M
CO2	CLO4	Thấy được sự đa dạng và thống nhất của văn học từ đầu thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX trong mối quan hệ với các giai đoạn văn học trước của nền văn học trung đại.	PLO3, PLO4, PLO5	M
Kĩ năng				
CO3	CLO5	Nhận diện, phân loại được các thành phần văn học ở giai đoạn từ đầu thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX.	PLO8, PLO10, PLO11	M

CO4	CLO6	Vận dụng, phân tích được các tác phẩm văn học trung đại từ đầu thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX ở trường phổ thông	PLO8, PLO10, PLO11	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO7	Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, có thái độ học tập nghiêm túc.	PLO12, PLO13, PLO14,	M
CO6	CLO8	Phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập.	PLO12, PLO13, PLO14,	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	1. Trần Thị Tú Nhi, <i>Tập bài giảng “Văn học trung đại Việt Nam 3”</i> , Trường Đại học Quy Nhơn, 2017.
Tài liệu tham khảo thêm:	<ol style="list-style-type: none"> 1. Trần Văn Giáp (chủ biên), <i>Lược truyện các tác gia Việt Nam</i>, tập I, Nxb Sử học, Hà Nội, 1962 2. Đinh Gia Khánh, Bùi Duy Tân, Mai Cao Chương (1979), <i>Văn học Việt Nam thế kỷ X nửa đầu thế kỷ XVIII</i>, Tập I, II, Nxb ĐH&THCN, Hà Nội, 1979. 3. Bùi Văn Nguyên, <i>Lịch sử Văn học Việt Nam</i>, tập II, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1978. 4. Trần Đình Sử (1998), <i>Mấy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1974 5. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, <i>Lịch sử Việt Nam</i>, tập I, Nxb KHXH, Hà Nội, 1974. 6. Lê Đình Ky, <i>Truyện Kiều và chủ nghĩa hiện thực của Nguyễn Du</i>, Nxb KHXH, Hà Nội, 1979. 7. Đặng Thanh Lê, <i>Truyện Kiều và thể loại Truyện Nôm</i>, Nxb KHXH, Hà Nội, 1979. 8. Bùi Văn Nguyên, <i>Chủ nghĩa yêu nước thời Lam Sơn khởi nghĩa</i>, Nxb KHXH, Hà Nội, 1979. 9. Phan Ngọc, <i>Phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều</i>, Nxb KHXH, Hà Nội, 1985. 10. Nguyễn Khắc Phi, “Phương pháp loại hình”, Nguyễn Khắc

Phi tuyển tập, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.720-722, 2006.

11. Nguyễn Hữu Sơn, “Nhận diện loại hình tác gia văn học trung đại Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, số 10, tr.3-17, 2013.

12. Nguyễn Hữu Sơn, *Văn học trung đại Việt Nam – quan niệm con người và tiến trình phát triển*, Nxb KHXH, Hà Nội, 2005.

13. Lê Văn Tấn, *Tác giả nhà nho ẩn dật và văn học trung đại Việt Nam*, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội, 2013.

14. Trần Nho Thìn, “Kiểu tác giả của văn học trung đại”, *Văn học Việt Nam (Từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX)*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2012.

15. Trần Ngọc Vương, *Loại hình học tác gia văn học: Nhà nho tài tử và văn học Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1995.

16. Trần Ngọc Vương (Chủ biên), Trần Nho Thìn, Nguyễn Hữu Sơn,..., *Văn học Việt Nam thế kỉ X - XIX những vấn đề lí luận và lịch sử*, Nxb Giáo dục, 2007.

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Đàm thoại, vấn đáp	Đặt vấn đề cho sinh viên suy nghĩ, rèn luyện năng lực khái quát hóa và trừu tượng hóa cho sinh viên, đồng thời giải đáp những thắc mắc của sinh viên.	CLO5, CLO6
Bài tập	Củng cố kiến thức và rèn luyện kĩ năng diễn giảng cho sinh viên.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Thuyết trình	Tạo cơ hội cho sinh viên chủ động tiếp cận kiến thức và thể hiện khả năng trình bày trước tập thể.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CDR học phần
(1)	(2)	(3)

<p>1 (4 tiết)</p>	<p>Chương 1. Khái quát văn học Việt Nam thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XIX</p> <p>1.1. Bối cảnh lịch sử</p> <p>1.2. Tình hình văn học</p>	<p>CLO1, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8</p>
<p>2 (4 tiết)</p>	<p>Chương 1. Khái quát văn học Việt Nam thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XIX</p> <p>1.3. Đặc điểm của văn học Việt Nam thế kỷ XVIII nửa đầu thế kỷ XIX</p> <p>1.4. Kết luận</p>	<p>CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8</p>
<p>3 (4 tiết)</p>	<p>Chương 2. Chinh phụ ngâm</p> <p>2.1. Tác giả, dịch giả và hoàn cảnh sáng tác</p> <p>2.2. Nội dung tác phẩm</p> <p>2.3. Nghệ thuật tác phẩm</p> <p>2.4. Kết luận</p>	<p>CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8</p>
<p>4 (4 tiết)</p>	<p>Chương 3. Cung oán ngâm khúc</p> <p>3.1. Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Gia Thiều</p> <p>3.2. Nội dung tác phẩm</p> <p>3.3. Nghệ thuật của tác phẩm</p> <p>3.4. Kết luận</p>	<p>CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8</p>
<p>5 (4 tiết)</p>	<p>Chương 4. Thơ Hồ Xuân Hương</p> <p>4.1. Vấn đề con người và thơ Xuân Hương</p> <p>4.2. Nội dung thơ Hồ Xuân Hương</p> <p>4.3. Nghệ thuật thơ Hồ Xuân Hương</p> <p>4.4. Kết luận</p>	<p>CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8</p>
<p>6 (4 tiết)</p>	<p>Chương 5. Nguyễn Du</p> <p>5.1. Phần thứ nhất: Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du</p> <p>5.2. Phần thứ hai: Thơ chữ Hán Nguyễn Du</p> <p>5.2.1. Thơ chữ Hán Nguyễn Du cho ta biết</p>	<p>CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8</p>

	<p>gi về nhà thơ ?</p> <p>5.2.2. Tư tưởng nhân đạo của Nguyễn Du qua thơ chữ Hán</p>	
7 (5 tiết)	<p>Chương 5. Nguyễn Du</p> <p>5.3. Phần thứ ba: <i>Truyện Kiều</i></p> <p>5.3.1. Một số vấn đề xung quanh <i>Truyện Kiều</i></p> <p>5.3.2. Nội dung <i>Truyện Kiều</i></p> <p>5.3.3. Vài nét về nghệ thuật <i>Truyện Kiều</i></p> <p>5.4. Phần thứ tư: <i>Văn tế thập loại chúng sinh</i></p> <p>5.4.1. Tục cúng cô hồn và sự ra đời của <i>Văn tế thập loại chúng sinh</i></p> <p>5.4.2. Giá trị của <i>Văn tế thập loại chúng sinh</i></p> <p>5.4.3. Vài nét về giá trị nghệ thuật của tác phẩm</p> <p>5.5. Phần kết luận chung về Nguyễn Du</p>	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8
8 (2 tiết)	* Kiểm tra giữa kỳ	CLO1... CLO8
9 (4 tiết)	<p>Chương 6. Thơ văn Nguyễn Công Trứ</p> <p>6.1. Thân thế và sự nghiệp sáng tác</p> <p>6.2. Nội dung thơ văn Nguyễn Công Trứ</p> <p>6.3. Nghệ thuật thơ Nguyễn Công Trứ</p> <p>6.4. Kết luận</p>	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8
10 (4 tiết)	<p>Chương 9. Thơ văn Cao Bá Quát (2 tiết)</p> <p>9.1. Thân thế và sự nghiệp sáng tác của Cao Bá Quát</p> <p>9.2. Nội dung thơ văn Cao Bá Quát</p> <p>9.3. Nghệ thuật thơ của Cao Bá Quát</p> <p>9.4. Kết luận</p>	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8

	10.2. Nội dung xã hội của Truyện Nôm bình dân 10.3. Đặc điểm nghệ thuật của Truyện Nôm bình dân 10.4. Kết luận	
12 (2 tiết)	<i>Ôn tập, củng cố kiến thức</i>	CLO1 ... CLO8

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	<i>Quá trình</i>	Phát biểu trong giờ học		CLO7, CLO8	40%
		Đi học đầy đủ	...	CLO7, CLO8	
		Sinh viên thực hiện một bài kiểm tra hoặc thuyết trình nhóm theo yêu cầu của giảng viên.	Buổi thứ 8	CLO1 ... CLO8	
		Thái độ tích cực phát biểu trao đổi; Mức độ hoàn thành công việc trong nhóm.	Buổi thứ 3,4,10	CLO1, CLO2, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	
3	<i>Cuối kỳ</i>	Thi viết	Kết thúc học phần	CLO1....CLO8	60%


040

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Trần Thị Tú Nhi
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: tunhi81@gmail.com
- Điện thoại liên hệ: 0912424679

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Đình Thu 
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: Điện thoại liên hệ:

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	- Giảng dạy đúng giờ, đúng số tiết quy định
------------------------	---

	- Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình môn học.
Yêu cầu đối với sinh viên	- Đi học đúng giờ, chuyên cần. - Đáp ứng các yêu cầu chuẩn bị bài vở của giảng viên. - Tích cực tham gia thảo luận. - Chủ động hợp tác trong hoạt động học tập.
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc trong học tập, tích cực chủ động tham gia xây dựng bài.
Quy định về học vụ	Có đầy đủ tài liệu học tập.
Các quy định khác	- Ăn mặc đàng hoàng, phù hợp với phong cách sinh viên khi vào lớp. - Không sử dụng điện thoại vào việc riêng và gây rối trong giờ học.

Bình Định, ngày 23 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



TS. Trần Thị Tú Nhi

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Võ Minh Hải

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Doãn Thuận



+ CO2: Giúp cho sinh viên hiểu được văn học trung đại Việt Nam ở giai đoạn cuối cùng chứa đựng nhiều giá trị tinh hoa của nền văn học dân tộc. Từ đó giúp sinh viên biết phát huy và sử dụng vốn tri thức này một cách hữu hiệu trong quá trình học tập, nghiên cứu và trong đời sống.

- Kỹ năng

+ CO3: Giúp cho người học có kỹ năng cảm thụ và phân tích tác phẩm văn học trung đại ở giai đoạn cuối cùng của văn học viết trung đại Việt Nam.

+ CO4: Thông qua những bài thuyết trình, thảo luận, giảng mẫu giúp sinh viên hình thành năng lực tự thiết kế bài thuyết trình, bài giảng. Khả năng tự tổng hợp tư liệu nghiên cứu để tích lũy kiến thức phục vụ việc trình bày bài viết.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Sinh viên phải nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức và làm việc, nghiên cứu sau này.

+ CO6: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Hiểu được bối cảnh hình thành giai đoạn cuối cùng của nền văn học trung đại Việt Nam, từ lịch sử, văn hóa, kinh tế, chính trị, xã hội...	PLO3, PLO4	L
CO1	CLO2	Nắm được sự đa dạng, hấp dẫn của các thành phần văn học giai đoạn cuối thế kỉ XIX. Phân tích được các đặc trưng của mỗi thành phần văn học giai đoạn này.	PLO3, PLO4, PLO5	M
CO2	CLO3	Nắm được hệ thống tác gia, tác phẩm văn học giai đoạn cuối thế kỉ XIX.	PLO3, PLO4, PLO5	M

CO2	CLO4	Thấy được sự đa dạng và thống nhất của văn học cuối thế kỉ XIX trong mối quan hệ với các giai đoạn văn học trước của nền văn học trung đại.	PLO3, PLO4,PLO5	M
Kĩ năng				
CO3	CLO5	Nhận diện, phân loại được các thành phần văn học ở giai đoạn cuối thế kỉ XIX	PLO8, PLO10, PLO11	M
CO4	CLO6	Vận dụng, phân tích được các tác phẩm văn học trung đại cuối thế kỉ XIX ở trường phổ thông	PLO8, PLO10, PLO11	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO7	Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, có thái độ học tập nghiêm túc.	PLO12, PLO13, PLO14,	M
CO6	CLO8	Phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập.	PLO12, PLO13, PLO14,	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	1. Trần Thị Tú Nhi, <i>Tập bài giảng "Văn học trung đại Việt Nam 3"</i> , Trường Đại học Quy Nhơn, 2010.
-------------------	--

Tài liệu tham khảo thêm:

1. Quốc Chấn, *Những vua chúa Việt Nam hay chữ*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2004.
2. Nguyễn Huệ Chi (chủ biên), *Thi hào Nguyễn Khuyến đời và thơ*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1992
3. Xuân Diệu (tái bản) *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1987.
4. Nguyễn Văn Huyền (sưu tầm, biên dịch, giới thiệu), *Nguyễn Khuyến tác phẩm*, Nxb KHXH, Hà Nội, 1984.
5. Mai Hương (tuyển chọn, 2000), *Tú Xương - Thơ, lời bình và giai thoại*, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2000.
6. Trần Đình Hượu, Lê Chí Dũng, *Văn học Việt Nam giai đoạn giao thời*, Nxb ĐH&THCN, Hà Nội, 1988.
7. Hồ Giang Long, *Thi pháp thơ Tú Xương*, Nxb Văn học, 2006.
8. Nguyễn Lộc (tái bản), *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII - hết thế kỷ XIX*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1997.
9. Huỳnh Lý (chủ biên, tái bản), *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập IV, quyển I, Nxb Văn học, Hà Nội, 1984.
10. Võ Đại Mau, *Các thi sĩ trong cung đình nhà Nguyễn*, Nxb ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh, 2002.
11. Nguyễn Phong Nam (chủ biên), *Những vấn đề lịch sử và văn chương triều Nguyễn*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1997.
12. Nguyễn Phong Nam (tái bản), *Giáo trình văn học Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XIX*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2004.
13. Nguyễn Phong Nam, *Nguyễn Đình Chiểu từ quan điểm thi pháp học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998.
14. Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007.

15. Đoàn Hồng Nguyên, *Thơ Tú Xương trong tiến trình hiện đại hoá văn học Việt Nam*, Nxb Văn học, 2010.

16. Ngô Văn Phú (biên soạn), *Tú Xương con người và tác phẩm*, Nxb Hội Nhà văn, 1998.

17. Ca Văn Thỉnh, Nguyễn Sĩ Lâm, Nguyễn Thạch Giang (biên khảo, chú giải), *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập (2 tập)*, Nxb ĐH&THCN Hà Nội, 1980 - 1982.

18. Đoàn Thị Thu Vân (chủ biên), *Văn học trung đại Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Tp Hồ Chí Minh, 2008.

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Đàm thoại, vấn đáp	Đặt vấn đề cho sinh viên suy nghĩ, rèn luyện năng lực khái quát hóa và trừu tượng hóa cho sinh viên, đồng thời giải đáp những thắc mắc của sinh viên.	CLO5, CLO6
Bài tập	Củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng diễn giảng cho sinh viên.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Thuyết trình	Tạo cơ hội cho sinh viên chủ động tiếp cận kiến thức và thể hiện khả năng trình bày trước tập thể.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)

<p>1 (3 tiết)</p>	<p>Chương 1. Khái quát về văn học Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX</p> <p><i>1.1. Bối cảnh lịch sử văn hóa xã hội</i></p> <p><i>1.2 Tình hình văn học</i></p> <p><i>1.2.1. Đặc điểm chung của văn học giai đoạn cuối thế kỉ XIX</i></p>	<p>CLO1, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8</p>
<p>2 (3 tiết)</p>	<p>Chương 1. Mấy vấn đề chung của lịch sử văn học Việt Nam (tiếp theo)</p> <p><i>1.2 Tình hình văn học</i></p> <p><i>1.2.2. Các thành phần văn học</i></p>	<p>CLO1, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8</p>
<p>3 (3 tiết)</p>	<p>Chương 2. Nguyễn Đình Chiểu (1822 – 1888) Giảng dạy lý thuyết trên lớp</p> <p><i>2.1. Cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu</i></p> <p><i>2.1.1. Những nét lớn về tiểu sử Nguyễn Đình Chiểu</i></p> <p><i>2.1.2. Những bài học lớn được rút ra từ cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu</i></p> <p><i>2.2.1. Hai thời kỳ sáng tác và quan điểm sáng tác văn chương</i></p>	<p>CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8</p>
<p>4 (3 tiết)</p>	<p>Chương 2. Nguyễn Đình Chiểu (1822 – 1888)</p> <p><i>2.2.2. Những nội dung lớn của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu</i></p> <p><i>Thuyết trình mục 2.2.2.2. Nội dung thơ văn yêu nước</i></p>	<p>CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8</p>

	<p>2.2.3. Đặc điểm nghệ thuật thơ văn Nguyễn Đình Chiểu</p> <p>2.3. Kết luận</p>	
5 (3 tiết)	<p>Chương 3. Nguyễn Khuyến (1835 – 1909)</p> <p>3.1. Tiểu sử Nguyễn Khuyến và những yếu tố ảnh hưởng đến thơ văn Nguyễn Khuyến</p> <p>3.2. Nội dung thơ văn Nguyễn Khuyến</p> <p>3.2.1. Nguyễn Khuyến - Nhà thơ yêu nước</p>	CLO2,CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8
6 (3 tiết)	<p>Chương 3. Nguyễn Khuyến (1835 – 1909)</p> <p>3.2. Nội dung thơ văn Nguyễn Khuyến</p> <p>3.2.3. Nguyễn Khuyến - Nhà thơ của nông thôn Việt Nam</p>	CLO2,CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8
7 (3 tiết)	<p>Chương 3. Nguyễn Khuyến (1835 – 1909) (tiếp theo)</p> <p>3.3. Nghệ thuật thơ văn Nguyễn Khuyến</p> <p>3.3.1. Nghệ thuật ngôn từ</p> <p>3.3.2. Hệ thống thể loại</p>	CLO2,CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8
8 (2 tiết)	* Kiểm tra giữa kỳ	CLO1... CLO8
9 (3 tiết)	<p>Chương 4. Tú Xương (1870 – 1907)</p> <p>4.1. Con người, quê hương, thời đại Tú Xương</p> <p>4.1.1. Tiểu sử Tú Xương</p> <p>4.1.2. Những yếu tố về quê hương, thời đại của Tú Xương</p>	CLO2,CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8
9 (3 tiết)	<p>Chương 4. Tú Xương (1870 – 1907)</p> <p>4.2. Nội dung thơ văn Tú Xương</p> <p>4.2.1. Bức tranh thời đại trong thơ văn Tú Xương</p> <p>4.2.2. Con người Trần Tế Xương qua thơ văn</p>	CLO2,CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8

10 (2 tiết)	Chương 4. Trần Tế Xương (1870 – 1907) (tiếp theo) 4.3 Nghệ thuật thơ văn Tú Xương <i>4.3.1. Chất trữ tình đậm nét trong thơ văn Tú Xương</i> <i>4.3.2. Những thủ pháp nghệ thuật trào phúng trong thơ văn Tú Xương</i>	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8
11 (2 tiết)	<i>Ôn tập, củng cố kiến thức</i>	CLO1 ... CLO8

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	<i>Quá trình</i>	Phát biểu trong giờ học		CLO1, CLO2, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	40%
		Đi học đầy đủ	...		
		Sinh viên thực hiện một bài kiểm tra hoặc thuyết trình nhóm theo yêu cầu của giảng viên.	Buổi thứ 8		
		Thái độ tích cực phát biểu trao đổi; Mức độ hoàn thành công việc trong nhóm.			
3	<i>Cuối kỳ</i>	Thi viết	Kết thúc học phần	CLO1....CLO8	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Trần Thị Tú Nhi
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: tunhi81@gmail.com
- Điện thoại liên hệ: 0912424679

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Đình Thu
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

- Email: Điện thoại liên hệ:

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	- Giảng dạy đúng giờ, đúng số tiết quy định - Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình môn học.
Yêu cầu đối với sinh viên	- Đi học đúng giờ, chuyên cần. - Đáp ứng các yêu cầu chuẩn bị bài vở của giảng viên. - Tích cực tham gia thảo luận. - Chủ động hợp tác trong hoạt động học tập.
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc trong học tập, tích cực chủ động tham gia xây dựng bài.
Quy định về học vụ	Có đầy đủ tài liệu học tập.
Các quy định khác	- Ăn mặc đàng hoàng, phù hợp với phong cách sinh viên khi vào lớp. - Không sử dụng điện thoại vào việc riêng và gây rối trong giờ học.

Bình Định, ngày 23 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

TS. Trần Thị Tú Nhi

TS. Võ Minh Hải

TS. Nguyễn Doãn Thuận

HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Anh Tuấn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: VĂN HỌC HIỆN ĐẠI VIỆT NAM 1
Mã học phần: 1060088
Tên tiếng Anh: Vietnamese modern literature 1

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: **Văn học hiện đại Việt Nam 1**
- Mã học phần: 1060088 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: *Văn học trung đại Việt Nam 2*
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 25 tiết
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Tự học: 60 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa học Xã hội và Nhân văn

2. Mô tả học phần

Học phần giúp sinh viên trang bị những kiến thức chung về văn học hiện đại Việt Nam một cách có hệ thống. Định vị giai đoạn văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1932 trong toàn bộ lịch sử văn học Việt Nam với tư cách là giai đoạn mở đầu thời kỳ văn học hiện đại. Trên cơ sở đó rèn luyện kỹ năng tự nghiên cứu, tìm hiểu và phân tích một tác giả, tác phẩm văn chương cụ thể trong giai đoạn này.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức
 - + CO1: Giúp sinh viên nắm được quá trình vận động, quy luật phát triển, những thành tựu nổi bật của ba khuynh hướng văn học đương thời.
 - + CO2: Sinh viên nắm được những tác giả tiêu biểu của giai đoạn văn học này, những sáng tác nổi tiếng, những đặc điểm thi pháp nổi bật gắn với tên tuổi của họ.
 - + CO3: Qua việc tìm hiểu văn học giai đoạn này rút ra ý nghĩa nhân văn, nhân đạo cao cả mà văn học hướng tới cho con người, nhằm bồi dưỡng lòng yêu nước, yêu dân tộc cho sinh viên, chỉ ra được mối liên hệ mật thiết giữa văn học – báo chí.
- Kỹ năng
 - + CO4: Hình thành kỹ năng phân tích một tác phẩm, tác giả văn chương cụ thể.
 - + CO5: Hình thành kỹ năng phân tích một tác phẩm, tác giả văn chương cụ thể tiêu biểu để thấy được đặc điểm, quy luật chung của cả một giai đoạn văn học dân tộc.
 - + CO6: Hình thành kỹ năng vận dụng các kiến thức văn học của giai đoạn này để so sánh với những giai đoạn khác, thấy được sự kế thừa, phát triển liên tục của nền văn học dân tộc theo hướng hiện đại hóa trong thế kỉ XX.
- Mức tự chủ và trách nhiệm
 - + CO7: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.

+ CO8: Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập mới có khả năng hiểu sâu và vận dụng tốt các kiến thức chung của học phần này.

4. Chuẩn đầu ra của học phần(ký hiệu CLOs)

Mục tiêu học phần(COs)	Chuẩn đầu ra học phần(CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT(PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về quá trình vận động, quy luật phát triển, thành tựu nổi bật của văn học	PLO1	M
CO2	CLO2	Hiểu biết về các vấn đề, tác giả, tác phẩm văn học cụ thể	PLO2	M
CO3	CLO3	Bồi dưỡng nhận thức, tình cảm của người học	PLO3	M
Kỹ năng				
CO4	CLO4	kỹ năng phân tích một tác phẩm, tác giả văn chương	PLO4	M
CO5	CLO5	Kỹ năng phân tích, tổng hợp để rút ra đặc điểm chung	PLO9	M
CO6	CLO6	Kỹ năng vận dụng các kiến thức văn học của giai đoạn này để so sánh với những giai đoạn khác	PLO4,9	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO7	CLO7	Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, có thái độ học tập nghiêm túc.	PLO12	M
CO8	CLO8	Phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập.	PLO12	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	1. Trần Đăng Suyền, Lê Quang Hưng (đồng chủ biên, 2016), <i>Văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX - 1945</i> , Nxb ĐHSPHN.
Tài liệu tham khảo thêm:	1. Lê Thị Đức Hạnh (1999), <i>Mấy vấn đề trong văn học hiện đại Việt Nam</i> , Nxb KHXH. 2. Mã Giang Lân (2000), <i>Quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam 1900-1945</i> , Nxb Văn hóa thông tin, HN. 3. Khúc Hà Linh (2012), <i>Phạm Quỳnh trong dòng chảy văn</i>

	<p>hóa dân tộc, Nxb Thanh Niên, HN.</p> <p>4. Phong Lê (1997) <i>Văn học Việt Nam trên hành trình của thế kỷ XX</i>, Nxb ĐHQG, HN.</p> <p>5. Nguyễn Đăng Mạnh (2000), <i>Nhà văn Việt Nam hiện đại chân dung và phong cách</i>, Nxb Trẻ TPHCM.</p>
Các loại học liệu khác:	Các bài viết liên quan trong Tạp chí Nghiên cứu văn học, Viện Văn học.

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1,2,3
Đàm thoại, vấn đáp	Đặt vấn đề cho sinh viên suy nghĩ, rèn luyện năng lực phân tích, tổng hợp, so sánh cho sinh viên, đồng thời giải đáp những thắc mắc của sinh viên.	CLO1,2,3,6
Bài tập	Củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng vận dụng lý thuyết văn học vào việc tìm hiểu, khám phá một trào lưu, tác giả, tác phẩm cụ thể.	CLO1,2,3,6,7
Thuyết trình	Tạo cơ hội cho sinh viên chủ động tiếp cận kiến thức và thể hiện khả năng trình bày trước tập thể.	CLO1,2,3,6,7

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
1 (5 tiết)	<p>Chương 1. Khái quát VHVN từ đầu XX đến 1932</p> <p>1.1 Bối cảnh lịch sử xã hội Việt Nam từ đầu XX đến 1932</p>	CLO1,2,3,6,7
2 (5 tiết)	<p>1.2 Tình hình văn học</p> <p>1.3 Một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu</p> <p>1.4 Thực hành, thảo luận</p> <p>* Thảo luận: (2 tiết)</p>	CLO1,2,3,6,7
3 (5 tiết)	<p>Chương 2. Phan Bội Châu (1867-1940)</p> <p>2.1 Cuộc đời và sự nghiệp văn chương</p> <p>2.2 Nội dung thơ văn Phan Bội Châu</p> <p>* Thảo luận: (2 tiết)</p>	CLO1,2,3,6,7

4 (5 tiết)	2.3 Nghệ thuật tuyên truyền 2.4 Gợi ý phân tích <i>Xuất dương lưu biệt</i> * Thảo luận: (2 tiết)	CLO1,2,3,6,7
5 (5 tiết)	Chương 3. Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu (1889-1939) 3.1 Cuộc đời và sự nghiệp văn chương 3.2 Nội dung thơ văn Tản Đà Kiểm tra giữa kỳ	CLO1,2,3,6,7
6 (2 tiết)	3.3 Gợi ý phân tích <i>Thề non nước, Hàu trời</i> * Thảo luận: (1 tiết)	CLO1,2,3,6,7

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	Quá trình học tập	<i>Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học</i>	Các buổi học	CLO1, CLO5	40%
		<i>Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tỷ số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng</i>	Các buổi học	CLO5	
		<i>*Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. -Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đầy đủ các luận điểm, diễn đạt rõ ràng, rành mạch...</i>	Giữa kỳ	CLO3, CLO4	
2	Thi kết thúc học phần	<i>Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết. Bài thi được trình bày mạch lạc, sáng rõ, lập luận, diễn đạt chặt chẽ, thể hiện khả năng hiểu biết và diễn đạt của sinh viên.</i>	Cuối kỳ	CLO1, CLO4, CLO5	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Thanh Sơn
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Email: Điện thoại liên hệ:

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Chu Lê Phương
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ, GVC
- Email: chulephuongqn@gmail.com
- Điện thoại liên hệ: 0983 455 456

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	<ul style="list-style-type: none">- Giảng dạy đúng giờ, đúng số tiết quy định- Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình môn học.
Yêu cầu đối với sinh viên	<ul style="list-style-type: none">- Đi học đúng giờ, chuyên cần.- Đáp ứng các yêu cầu chuẩn bị bài vở của giảng viên.- Tích cực tham gia thảo luận.- Chủ động hợp tác trong hoạt động học tập.
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc trong học tập, tích cực chủ động tham gia xây dựng bài.
Quy định về học vụ	Có đầy đủ tài liệu học tập.
Các quy định khác	<ul style="list-style-type: none">- Ăn mặc đàng hoàng, phù hợp với phong cách sinh viên khi vào lớp.- Không sử dụng điện thoại vào việc riêng và gây rối trong giờ học.

Bình Định, ngày 23 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Thanh Sơn

TS. Võ Minh Hải

TS. Nguyễn Doãn Thuận



TS. Đinh Anh Tuấn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: VĂN HỌC HIỆN ĐẠI VIỆT NAM 2

Mã học phần: 1060089

Tên tiếng Anh: Vietnam modern literature 2

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Văn học hiện đại Việt Nam 2
- Mã học phần: 1060089
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước:
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

Số tín chỉ: 3

+ Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết

+ Làm bài tập trên lớp: 10 tiết

+ Thảo luận: 10 tiết

+ Thực hành, thực tập:tiết

+ Hoạt động theo nhóm: tiết

+ Tự học: 60 giờ.

- Khoa phụ trách học phần: Khoa học Xã hội và Nhân văn

2. Mô tả học phần

Học phần giúp sinh viên tiếp tục trang bị những kiến thức chung về văn học hiện đại Việt Nam một cách có hệ thống. Trên cơ sở đó rèn luyện kỹ năng tự nghiên cứu, tìm hiểu và phân tích một tác giả, tác phẩm văn chương cụ thể trong giai đoạn này.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức

+ CO1: Giúp sinh viên nắm được quá trình vận động, quy luật phát triển, những thành tựu nổi bật của ba khuynh hướng văn học từ năm 1932 đến năm 1945: văn học lãng mạn, văn học hiện thực và văn học cách mạng – những khuynh hướng văn học này có mối liên hệ với nhau và góp phần tạo nên tính chất đa dạng, tổng hợp trong văn học Việt Nam hiện đại.

+ CO2: Sinh viên nắm được những tác giả tiêu biểu của giai đoạn văn học này, những sáng tác nổi tiếng, những đặc điểm thi pháp nổi bật gắn với tên tuổi của họ.

+ CO3: Qua việc tìm hiểu văn học giai đoạn này rút ra ý nghĩa nhân văn, nhân đạo cao cả mà văn học hướng tới cho con người, nhằm bồi dưỡng lòng yêu nước, yêu dân tộc, tinh thần dân chủ, độc lập cho sinh viên, chỉ ra được mối liên hệ mật thiết giữa văn học và bối cảnh đời sống lịch sử – xã hội – văn hóa – tư tưởng.

- Kỹ năng

+ CO4: Hình thành kỹ năng phân tích một tác phẩm, tác giả văn chương cụ thể.

+ CO5: Hình thành kỹ năng phân tích một tác phẩm, tác giả văn chương cụ thể tiêu biểu để thấy được đặc điểm, quy luật chung của cả một giai đoạn văn học dân tộc.

+ CO6: Hình thành kỹ năng vận dụng các kiến thức văn học của giai đoạn này để so sánh với những giai đoạn khác, thấy được sự kế thừa, phát triển liên tục của nền văn học dân tộc theo hướng hiện đại hóa trong thế kỉ XX .

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO7: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.

+ CO8: Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập mới có khả năng hiểu sâu và vận dụng tốt các kiến thức chung của học phần này.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về quá trình vận động, quy luật phát triển, thành tựu nổi bật của văn học	PLO1	M
CO2	CLO2	Hiểu biết về các vấn đề, tác giả, tác phẩm văn học cụ thể	PLO2	M
CO3	CLO3	Bồi dưỡng nhận thức, tình cảm của người học	PLO3	M
Kỹ năng				
CO4	CLO4	Kỹ năng phân tích một tác	PLO4	M

		phẩm, tác giả văn chương		
CO5	CLO5	Kỹ năng phân tích, tổng hợp để rút ra đặc điểm chung	PLO5	M
CO6	CLO6	Kỹ năng vận dụng các kiến thức văn học của giai đoạn này để so sánh với những giai đoạn khác	PLO6	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO7	CLO7	Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, có thái độ học tập nghiêm túc.	PLO7	M
CO8	CLO8	Phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập.	PLO8	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	[1]. Phan Cự Đệ – Trần Đình Hượu – Nguyễn Trác – Lê Chí Dũng – Hà Văn Đức (2005), <i>Văn học Việt Nam 1900 -1945</i> , NXB Giáo dục, Hà Nội.
Tài liệu tham khảo thêm:	[2]. Phan Cự Đệ (2000), <i>Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại</i> , NXB Giáo dục, Hà Nội. [3]. Phan Cự Đệ (Chủ biên), Trần Đình Sử, Đinh Văn Đức, Mã Giang Lân, Phan Trọng Thương, Bùi Việt Thắng, Hà Văn Đức, Bích Thu, Lê Dục Tú (2004), <i>Văn học Việt Nam thế kỷ XX – Những vấn đề lịch sử và lý luận</i> , NXB Giáo dục, Hà Nội. [4]. Hà Minh Đức (1997), <i>Nam Cao, đời văn và tác phẩm</i> , NXB Văn học, Hà Nội. [5]. Hà Minh Đức (2007), <i>Tự lực văn đoàn, trào lưu và tác giả</i> , NXB Giáo dục, Hà Nội. [6]. Lê Bá Hán – Trần Đình Sử – Nguyễn Khắc Phi (1992), <i>Từ điển thuật ngữ văn học</i> , NXB Giáo dục, Hà Nội. [7]. Nguyễn Công Hoan (1971), <i>Đời viết văn của tôi</i> , NXB Văn học, Hà Nội. [8]. Trần Đình Hượu, Lê Chí Dũng (1996), <i>Văn học Việt Nam 1900 – 1930</i> , NXB Giáo dục, Hà Nội. [9]. Nguyễn Hoàn Khung, Lại Nguyên Ân (Tuyển chọn) (1994), <i>Vũ Trọng Phụng – Con người và tác phẩm</i> , NXB

	<p>Hội nhà văn, Hà Nội.</p> <p>[10]. Trịnh Hồ Khoa (1997), <i>Những đóng góp của Tự lực văn đoàn với nền văn xuôi hiện đại Việt Nam</i>, NXB Văn học, Hà Nội.</p> <p>[11]. Mã Giang Lân (2000), <i>Quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam 1900 – 1945</i>, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.</p> <p>[12]. Nguyễn Đăng Mạnh (1994), <i>Con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>[13]. Trần Đăng Suyền (2010), <i>Chủ nghĩa hiện thực trong văn học Việt nam nửa đầu thế kỷ XX</i>, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.</p> <p>[14]. Trần Đình Sử, Nguyễn Thanh Tú (2001), <i>Thi pháp truyện ngắn trào phúng Nguyễn Công Hoan</i>, NXB Đại học quốc gia, Hà Nội.</p> <p>[15]. Hoài Thanh – Hoài Chân (1999), <i>Thi nhân Việt Nam</i>, NXB Văn học, Hà Nội.</p>
Các loại học liệu khác:	Các bài viết liên quan trong Tạp chí Nghiên cứu văn học, Viện Văn học.

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Đàm thoại, vấn đáp	Đặt vấn đề cho sinh viên suy nghĩ, rèn luyện năng lực phân tích, tổng hợp, so sánh cho sinh viên, đồng thời giải đáp những thắc mắc của sinh viên.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Bài tập	Củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng vận dụng lý thuyết văn học vào việc tìm hiểu, khám phá một trào lưu, tác giả, tác phẩm cụ thể.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
Thuyết trình	Tạo cơ hội cho sinh viên chủ động tiếp cận kiến thức và thể hiện khả năng trình bày trước tập	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8,

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
1 (4 tiết)	<p>Chương 1: Tổng quan về văn học Việt Nam 1932 - 1945</p> <p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp:</p> <p>1.1. Bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội Việt Nam giai đoạn 1932 - 1945</p> <p>1.2. Tình hình văn học Việt Nam giai đoạn 1932 - 1945</p> <p>1.2.1. <i>Quá trình vận động, phát triển</i></p> <p>1.2.2. <i>Đặc điểm</i></p> <p>Tự học ở nhà:</p> <p>+ Suy nghĩ thêm về sự khác nhau về bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội thời trung đại với thời hiện đại, từ đó thấy được sự khác biệt về văn học.</p> <p>+ Tìm hiểu thêm về sự thay đổi, vận động từ văn học Việt Nam đầu thế kỉ XX đến những năm 1930 và văn học từ 1932 đến trước năm 1945: hoàn cảnh lịch sử – xã hội, sự thay đổi về tư tưởng – văn hóa, sự xuất hiện đội ngũ các nhà sáng tác, đặc điểm văn học (nội dung và hình thức nghệ thuật).</p> <p>+ Chuẩn bị bài về trào lưu văn học lãng mạn Việt Nam 1932 - 1945.</p>	CLO1, CLO3, CLO5, CLO6, CLO7,
2 (4 tiết)	<p>Chương 2: Văn học lãng mạn Việt Nam 1932 – 1945</p> <p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp:</p> <p>2.1. Một số vấn đề về văn học lãng mạn</p> <p>2.2. Cơ sở xã hội và cơ sở tư tưởng hình thành trào lưu lãng mạn trong văn học Việt Nam giai đoạn 1932 - 1945</p> <p>2.3. Đặc điểm và quy luật phát triển của văn học lãng mạn Việt Nam giai đoạn 1932 - 1945</p> <p>Tự học ở nhà:</p>	CLO3, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8

	<ul style="list-style-type: none"> + Suy nghĩ thêm về vai trò văn học lãng mạn trong đời sống xã hội. + Đọc thêm giáo trình để thấy sự tương đồng và khác biệt giữa văn học lãng mạn Việt Nam và văn học lãng mạn Pháp . + Tìm hiểu thêm về một số khuynh hướng sáng tác trong văn học lãng mạn (tích cực, tiêu cực). + Đọc trước chương 3. 	
3 (3 tiết)	<p>Chương 3: Phong trào Tự Lực văn đoàn</p> <p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp:</p> <p>3.1. Vài nét chung về Tự Lực văn đoàn</p> <p>3.1.1. <i>Người sáng lập</i></p> <p>3.1.2. <i>Quan điểm về xã hội và nhân sinh</i></p> <p>3.2. Quá trình phát triển</p> <p>3.3. Một số chủ đề chính</p> <p>3.4. Một số cách tân trong văn xuôi Tự Lực văn đoàn</p> <p>3.3. Đánh giá chung về Tự Lực văn đoàn</p> <p>Tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc thêm một số bài viết, hồi kí của những nhà văn, nhà phê bình để hiểu thêm về thời kì hoạt động văn chương của Tự Lực văn đoàn. + Làm rõ hơn những cách tân và đóng góp văn chương của Tự Lực văn đoàn đối với nền văn xuôi Việt Nam hiện đại thế kỉ XX. + Đọc trước chương 4 và tự đặt câu hỏi về những nội dung chương 4 để thảo luận trên lớp. 	CLO3, CLO5, CLO6, CLO7,
4 (3 tiết)	<p>Chương 4: Thạch Lam (1910 - 1942)</p> <p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp:</p> <p>4.1. Thân thế và sự nghiệp</p> <p>4.2. Quan điểm nghệ thuật</p> <p>4.2. Nội dung truyện ngắn</p> <p>4.2.1. <i>Cuộc sống người trí thức tiểu tư sản</i></p> <p>4.2.2. <i>Cuộc sống người lao động nghèo</i></p> <p>4.2.3. <i>Cuộc sống người phụ nữ và trẻ em</i></p> <p>4.3. Đặc điểm nghệ thuật truyện ngắn</p> <p>Tự học ở nhà:</p>	CLO3, CLO5, CLO6, CLO7,

	<p>+ Suy nghĩ về sự khác nhau trong phong cách truyện ngắn Thạch Lam với các nhà văn khác trong nhóm Tự Lực văn đoàn.</p> <p>+ Tìm hiểu thêm về đặc trưng tùy bút Thạch Lam, sự khác nhau với một số cây bút tùy bút nổi bật khác, nhất là khi viết về ẩm thực Hà Nội (Nguyễn Tuân, Vũ Bằng).</p> <p>+ Chuẩn bị kiến thức cho việc học chương 5.</p>	
5 (4 tiết)	<p>Chương 5: Phong trào Thơ mới 1932 - 1945</p> <p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp:</p> <p>5.1. Khái niệm, hoàn cảnh xuất hiện Thơ mới</p> <p>5.2. Lịch sử vấn đề Thơ mới</p> <p>5.3. Quá trình phát triển của Thơ mới</p> <p>5.3.1. 1932 – 1935</p> <p>5.3.2. 1936 – 1939</p> <p>5.3.3. 1940 – 1945</p> <p>5.4. Một số nội dung cơ bản của Thơ mới</p> <p>5.5. Kết luận về Thơ mới</p> <p>Tự học ở nhà:</p> <p>+ Tìm hiểu về cuộc đấu tranh giữa Thơ mới và “thơ cũ” đương thời.</p> <p>+ Tìm hiểu về một số khuynh hướng sáng tác nổi bật trong Thơ mới (lãng mạn, tượng trưng, siêu thực).</p> <p>+ Đọc trước và chuẩn bị những nội dung cần thiết để tìm hiểu về những tác giả Thơ mới tiêu biểu.</p>	CLO3, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8
6 (4 tiết)	<p>Chương 6: Xuân Diệu (1910 – 1985)</p> <p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp:</p> <p>6.1. Tiểu sử và sự nghiệp sáng tác</p> <p>6.2. Nội dung nổi bật trong thơ Xuân Diệu trước năm 1945</p> <p>6.3. Đặc sắc nghệ thuật thơ Xuân Diệu trước năm 1945</p> <p>Tự học ở nhà:</p> <p>+ Tự tìm hiểu sự thống nhất trong phong cách sáng tác của Xuân Diệu ở cả thơ và văn xuôi.</p>	CLO3, CLO5, CLO6, CLO7,

	<p>+ Trả lời câu hỏi, vì sao Hoài Thanh cho rằng Xuân Diệu “mới nhất trong các nhà thơ mới”, nhận xét đó đến nay có còn giá trị nguyên vẹn?</p> <p>+ Chuẩn bị những nội dung cơ bản để học chương 7.</p>	
7 (4 tiết)	<p>Chương 7: Nguyễn Tuân (1910 - 1987)</p> <p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp:</p> <p>7.1. Tiểu sử</p> <p>7.2. Sự nghiệp sáng tác</p> <p>7.2.1. Trước Cách mạng</p> <p>7.2.2. Sau Cách mạng</p> <p>7.3. Quan điểm nghệ thuật</p> <p>7.4. Phong cách nghệ thuật</p> <p>Tự học ở nhà:</p> <p>+ So sánh sự khác biệt trong quan điểm, phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân trước và sau năm 1945.</p> <p>+ Đọc lại <i>Chữ người tử tù</i> và <i>Người lái đò sông Đà</i> để nắm được phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân.</p> <p>+ Chuẩn bị chương 8.</p>	CLO3, CLO5, CLO6, CLO7,
8 (1 tiết)	Kiểm tra	
9 (4 tiết)	<p>Chương 8: Văn học hiện thực Việt Nam từ những năm 1930 đến năm 1945</p> <p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp:</p> <p>8.1. Khái niệm văn học hiện thực</p> <p>8.2. Các chặng đường phát triển của văn học hiện thực Việt Nam</p> <p>8.3. Đặc điểm của văn học hiện thực Việt Nam 1932 - 1945</p> <p>Tự học ở nhà:</p> <p>+ So sánh đặc điểm văn học lãng mạn và văn học hiện thực, dẫn chứng minh họa.</p> <p>+ Tìm hiểu sự đan xen giữa những yếu tố lãng mạn và hiện thực trong cùng một tác phẩm văn học.</p>	CLO3, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8

	<p>+ Văn học hiện thực đã đặt những nền móng quan trọng cho văn học cách mạng như thế nào.</p> <p>+ Đọc và tự chuẩn bị chương 9.</p>	
10 (4 tiết)	<p>Chương 9: Vũ Trọng Phụng (1912 - 1939)</p> <p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp:</p> <p>8.1. Tiểu sử và sự nghiệp sáng tác</p> <p>8.2. Lịch sử vấn đề Vũ Trọng Phụng</p> <p>8.3. Mâu thuẫn trong thế giới quan và trong sáng tác Vũ Trọng Phụng</p> <p>8.4. Chủ nghĩa tự nhiên trong sáng tác Vũ Trọng Phụng</p> <p>8.5. Đặc sắc nghệ thuật tiểu thuyết</p> <p>Tự học ở nhà:</p> <p>+ So sánh tiếng cười trào phúng của Vũ Trọng Phụng và Nguyễn Công Hoan.</p> <p>+ Điểm tương đồng trong sáng tác tiểu thuyết của Vũ Trọng Phụng và Banzac.</p> <p>+ Tự chuẩn bị chương 10.</p>	CLO3,CLO5, CLO6, CLO7,
11 (4 tiết)	<p>Chương 10: Nam Cao (1917 – 1951)</p> <p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp:</p> <p>9.1. Tiểu sử</p> <p>9.2. Quá trình sáng tác và quan điểm nghệ thuật</p> <p>9.3. Một số đề tài chính trong sáng tác của Nam Cao trước năm 1945</p> <p>9.4. Đặc sắc nghệ thuật truyện ngắn</p> <p>Tự học ở nhà:</p> <p>+ Phân tích sự chuyển biến trong quan điểm nghệ thuật của Nam Cao, ngay trước năm 1945 và sau năm 1945.</p> <p>+ So sánh sự khác biệt ở mảng đề tài người trí thức trong sáng tác của Nam Cao và Thạch Lam, ở mảng đề tài người nông dân trong sáng tác của Nam Cao và Ngô Tất Tố.</p> <p>+ Tự chuẩn bị chương 11.</p>	CLO3, CLO5, CLO6, CLO7,
12 (4 tiết)	<p>Chương 11: Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh (1890 – 1969)</p> <p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp:</p>	CLO3,CLO5, CLO6, CLO7,

	10.1. Cuộc đời và sự nghiệp văn thơ 10.2. Truyện và ký 10.3. Tập thơ <i>Nhật ký trong tù</i> Tự học ở nhà: + Phân tích được những bài thơ trong tập <i>Nhật ký trong tù</i> trong cái nhìn thống nhất chung của cả tập thơ. + Ôn tập lại phần văn học Việt Nam giai đoạn 1932 - 1945.	
13 (2 tiết)	Ôn tập và thảo luận	CLO5, CLO6, CLO7, CLO8

(1): Thông tin về buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục. (3): Liệt kê CDR liên quan của học phần (ghi ký hiệu CLO?).

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	Quá trình học tập	Tính chủ động, tích cực tham gia các hoạt động trong giờ học.	Tất cả các buổi học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	20%
		Đi học đầy đủ, vắng không quá 20% số tiết học.	Tất cả các buổi học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	
		Sinh viên thực hiện một bài kiểm tra theo đề của giảng viên.	Đầu buổi thứ 8	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	20%
2	Thi kết thúc học phần	Thi viết. Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Kết thúc học phần	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	60%

9. Thông tin về giảng viên

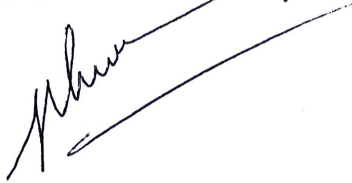
9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Chu Lê Phương

	- Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình môn học.
Yêu cầu đối với sinh viên	- Đi học đúng giờ, chuyên cần. - Đáp ứng các yêu cầu chuẩn bị bài vở của giảng viên. - Tích cực tham gia thảo luận. - Chủ động hợp tác trong hoạt động học tập.
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc trong học tập, tích cực chủ động tham gia xây dựng bài.
Quy định về học vụ	Có đầy đủ tài liệu học tập.
Các quy định khác	- Ăn mặc đàng hoàng, phù hợp với phong cách sinh viên khi vào lớp. - Không sử dụng điện thoại vào việc riêng và gây rối trong giờ học.

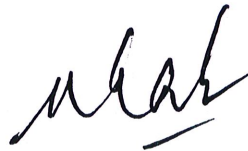
Bình Định, ngày 20 tháng 6 năm 2020

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



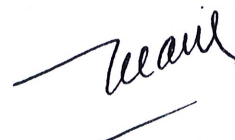
CHU LÊ PHƯƠNG

TRƯỞNG BỘ MÔN



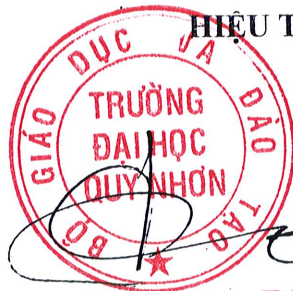
TS. Võ Minh Hải

TRƯỞNG KHOA



TS. Đinh Anh Tuấn

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: VĂN HỌC HIỆN ĐẠI VIỆT NAM 3

Mã học phần: 1060090

Tên tiếng Anh: Vietnamese modern literature 3

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: **Văn học hiện đại Việt Nam 3**
- Mã học phần: Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Sinh viên đã được trang bị kiến thức học phần: Văn học hiện đại Việt Nam 1, Văn học hiện đại Việt Nam 2...
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 40 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 0 tiết
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - + Tự học: 60 giờ
- Khoa phụ trách học phần:

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam hiện đại một cách bao quát và có hệ thống, trong đó tập trung vào giai đoạn văn học từ năm 1945 đến năm 1975. Nội dung học phần giúp người học tìm hiểu về tiến trình, đặc điểm khái quát của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975. Đồng thời, học phần nâng cao kiến thức cho sinh viên ở những nội dung chuyên sâu về thơ và văn xuôi Việt Nam giai đoạn này.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức

CO1: Trang bị cho sinh viên kiến thức khái quát về văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975 với những nội dung cụ thể về tiến trình vận động, đặc điểm cũng như những thành tựu và hạn chế của văn học giai đoạn này.

CO2: Trang bị cho sinh viên kiến thức về thơ và văn xuôi Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975 với những nội dung cụ thể về tiến trình vận động, một số khuynh hướng chính và đặc điểm của các thể loại này. Trong đó, đặc biệt đi sâu vào thể hệ các nhà thơ trẻ thời kì chống Mỹ cứu nước như một trong những thành tựu đặc sắc của văn học giai đoạn này.

- Kỹ năng

CO3: Giúp sinh viên hình thành các kỹ năng: đọc hiểu và tiếp nhận văn bản; phân tích, bình giảng tác phẩm văn học.

CO4: Giúp sinh viên hình thành kỹ năng nghiên cứu, phê bình đánh giá các hiện tượng hay tác phẩm văn học trong nghiên cứu văn học hiện đại nói riêng cũng như các lĩnh vực thuộc chuyên ngành khoa học xã hội nhân văn nói chung

- *Mức tự chủ và trách nhiệm*

CO5: Giúp sinh viên có nhận thức về tầm quan trọng của văn chương trong đời sống tinh thần dân tộc, từ đó bồi dưỡng cho sinh viên tình cảm yêu quý, thái độ trân trọng cũng như ý thức bảo vệ, phát triển nền văn học dân tộc, góp phần đưa nền văn học Việt Nam gần hơn với văn chương thế giới.

CO6: Giúp sinh viên hình thành khả năng tự chủ, tự học và tự nghiên cứu, tự tiếp cận và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến văn học nói chung và văn học Việt Nam nói riêng.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Hiểu được những đặc điểm về lịch sử, xã hội, văn hóa, tư tưởng của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975, các chặng đường phát triển, đặc điểm cũng như thành tựu và hạn chế của văn học Việt Nam giai đoạn này	PLO4, PLO5, PLO6, PLO7	L
CO2	CLO2	Hiểu được tiến trình vận động của văn xuôi Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975, một số khuynh hướng chính và đặc điểm của văn xuôi Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975.	PLO4, PLO5, PLO6, PLO7	L
CO2	CLO3	Hiểu được tiến trình vận động của thơ Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975, một số khuynh hướng chính, và đặc điểm của thơ Việt Nam sau 1975	PLO4, PLO5, PLO6, PLO7	L
CO2	CLO4	Hiểu được thế hệ các nhà thơ trẻ	PLO4, PLO5, PLO6, PLO7	L

		thời kì chống Mĩ cứu nước từ sự xuất hiện và trưởng thành của thơ trẻ thời kì chống Mĩ cứu nước, khuynh hướng mở rộng, đào sâu hiện thực, chất trí tuệ, chính luận cũng như những đặc điểm nghệ thuật của thơ trẻ thời kì chống Mĩ		
Kỹ năng				
CO3	CLO5	Có kỹ năng đọc hiểu và tiếp nhận văn bản; phân tích, bình giảng tác phẩm văn học.	PLO8, PLO10, PLO11	M
CO4	CLO6	Có các kỹ năng: nghiên cứu, phê bình đánh giá các hiện tượng hay tác phẩm văn học trong nghiên cứu văn học hiện đại nói riêng cũng như các lĩnh vực thuộc chuyên ngành khoa học xã hội nhân văn nói chung	PLO8, PLO10, PLO11	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO7	Có nhận thức về tầm quan trọng của văn chương trong đời sống tinh thần dân tộc, từ đó bồi dưỡng tình cảm yêu quý, thái độ trân trọng cũng như ý thức bảo vệ, phát triển nền văn học dân tộc, góp phần đưa nền văn học Việt Nam gần hơn với văn chương thế giới.	PLO13, PLO14	H
CO6	CLO8	Có khả năng tự chủ, tự học và tự nghiên cứu, tự tiếp cận và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến văn học nói chung và văn học Việt Nam nói riêng.	PLO13, PLO14	H

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	[1] Nguyễn Văn Long (chủ biên), <i>Văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945</i> , NXB Đại học Sư phạm, 2016.
Tài liệu tham khảo thêm:	[2] Nguyễn Đăng Mạnh (Chủ biên), Nguyễn Văn Long (Đồng chủ biên), <i>Lịch sử văn học Việt Nam</i> (tập3), NXB ĐHQG Hà Nội, 2002. [3] Nguyễn Đăng Mạnh, Nguyễn Trác, Nguyễn Văn Long, Đoàn Trọng Huy, <i>Văn học Việt Nam 1945 – 1975</i> (tập2), NXB Giáo Dục, 1999 [4] Mã Giang Lân, <i>Tiến trình thơ Việt Nam hiện đại</i> , NXB Giáo Dục, 2006. [5] Phong Lê, <i>Mấy vấn đề văn xuôi Việt Nam 1945- 1975</i> , NXB Khoa Học Xã Hội, 1972.

	[6]Trần Đăng Suyên – Lê Quang Hùng (Đồng chủ biên), <i>Văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945</i> , NXB Đại học Sư Phạm, 2015.
Các loại học liệu khác:	[6] http://www.vienvanhoc.gov.vn/

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Đàm thoại, vấn đáp	Thông qua việc giải đáp giữa giáo viên và sinh viên để giải quyết các nội dung kiến thức về văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Thuyết trình, hoạt động nhóm	Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp; giải thích đúng các vấn đề liên quan đến kiến thức của môn học.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
Nêu vấn đề và giải quyết vấn đề	Giúp cho sinh viên hiểu và vận dụng những kiến thức của môn học.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8,
Tự học	Giúp sinh viên có năng lực tự học, tự nghiên cứu; rèn luyện ý thức trách nhiệm trong học tập và công việc	CLO5, CLO6, CLO7, CLO8

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học (3 tiết/1 buổi)	Nội dung	CDR học phần
1	Chương 1. Khái quát về văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến 1975 1.1. <i>Bối cảnh lịch sử xã hội văn hóa, tư tưởng</i> 1.1.1. Về lịch sử - xã hội 1.1.2. Về văn hóa – tư tưởng	CLO1, CLO6, CLO7

2	<p>Chương 1. Khái quát về văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến 1975 (tiếp theo)</p> <p>1.2. Các chặng đường phát triển của văn học</p> <p>1.2.1. Từ 1945 đến 1954</p> <p>1.2.2. Từ 1955 đến 1964</p> <p>1.2.3. Từ 1964 đến 1975</p>	CLO1, CLO6, CLO7
3	<p>Chương 1. Khái quát về văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến 1975 (tiếp theo)</p> <p>1.3. Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975</p> <p>1.3.1. Nền văn học đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, phục vụ các nhiệm vụ chính trị, cổ vũ chiến đấu</p> <p>1.3.2. Văn học hướng về đại chúng</p> <p>1.3.3. Nền văn học chủ yếu được sáng tác theo khuynh hướng sử thi</p>	CLO1, CLO6, CLO7
4	<p>Chương 1. Khái quát về văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến 1975 (tiếp theo)</p> <p>1.4. Khái quát trên những nét lớn về thành tựu và hạn chế của văn học Việt Nam 1945 - 1975</p> <p>1.4.1. Về hình tượng nghệ thuật</p> <p>1.4.2. Về nội dung tư tưởng</p> <p>1.4.3. Về thể loại</p> <p>1.4.4. Về lực lượng đội ngũ</p>	CLO1, CLO6, CLO7
5	<p>Chương 2. Văn xuôi Việt Nam giai đoạn 1945 -1975</p> <p>2.1. Các chặng đường phát triển và đặc điểm của văn xuôi 1945 đến 1975</p> <p>2.1.1. Thời kì đầu cách mạng và kháng chiến chống Pháp 1945 - 1954</p> <p>2.1.2. Văn xuôi trong mười năm sau cuộc kháng chiến chống Pháp (1955 - 1964)</p>	CLO2, CLO5, CLO6, CLO7
6	<p>Chương 2. Văn xuôi Việt Nam giai đoạn 1945 -1975 (tiếp theo)</p> <p>2.1. Các chặng đường phát triển và đặc điểm của văn xuôi 1945 đến 1975 (tiếp theo)</p> <p>2.1.3. Những năm cả nước kháng chiến chống Mỹ</p> <p>2.3. Diện mạo và thành tựu của các thể văn xuôi 1945 - 1975</p> <p>2.3.1. Truyện ngắn</p>	CLO2, CLO5, CLO6, CLO7
7	<p>Chương 2. Văn xuôi Việt Nam giai đoạn 1945 -1975 (tiếp theo)</p> <p>2.3. Diện mạo và thành tựu của các thể văn xuôi 1945 - 1975 (tiếp theo)</p> <p>2.3.2. Tiểu thuyết</p> <p>2.3.3. Kí</p>	CLO2, CLO5, CLO6, CLO7
8	<p>Chương 2. Văn xuôi Việt Nam giai đoạn 1945 -1975 (tiếp theo)</p> <p>2.4. Đặc điểm và quy luật vận động của văn xuôi 1945 - 1975</p>	CLO2, CLO5, CLO6, CLO7

	<p>2.4.1. Về nội dung</p> <p>2.4.2. Về hình tượng con người quân công.</p> <p>2.4.3. Về hình thức thể loại</p> <p>2.4.4. Về chủ thể sáng tạo</p>	
9	<p>- Kiểm tra giữa kì</p> <p>Chương 3. Thơ Việt Nam 1945 - 1975</p> <p>3.1. Các chặng đường phát triển và những đặc điểm của thơ từ 1945 đến 1975</p> <p>3.1.1. 1945 – 1954: Những năm đầu cách mạng và trong kháng chiến chống Pháp</p> <p>3.1.2. Thơ trong mười năm hòa bình sau cuộc kháng chiến chống Pháp</p>	<p>-Kiểm tra viết</p> <p>CLO3,CLO5, CLO6, CLO7,</p>
10	<p>Chương 3. Thơ Việt Nam 1945 - 1975 (tiếp theo)</p> <p>3.1. Các chặng đường phát triển và những đặc điểm của thơ từ 1945 đến 1975 (tiếp theo)</p> <p>3.1.3. Thơ trong thời kì kháng chiến chống Mĩ (1965 – 1975)</p> <p>3.2. Những khuynh hướng chính trong sự vận động của thơ giai đoạn 1945 - 1975</p> <p>3.2.1. Tăng cường chất liệu hiện thực nhằm đưa thơ về gần với đời sống thực</p>	<p>CLO3, CLO5, CLO6, CLO7</p>
11	<p>Chương 3. Thơ Việt Nam 1945 – 1975 (tiếp theo)</p> <p>3.2. Những khuynh hướng chính trong sự vận động của thơ giai đoạn 1945 – 1975 (tiếp theo)</p> <p>3.2.2. Tăng cường tính khái quát, chất triết lí, suy tưởng trong thơ</p> <p>3.2.3. Về hình thức nghệ thuật, trong thơ giai đoạn 1945 – 1975 nổi lên hai xu hướng chính: kế thừa các hình thức thơ ca dân gian, dân tộc và tự do hóa hình thức thơ.</p>	<p>CLO3, CLO5, CLO6, CLO7</p>
12	<p>Chương 4. Thế hệ các nhà thơ trẻ thời kì chống Mĩ cứu nước</p> <p>4.1. Sự xuất hiện và quá trình trưởng thành của thơ trẻ thời kì chống mĩ cứu nước</p> <p>4.1.1. Sự xuất hiện của thơ trẻ thời kì chống Mĩ cứu nước</p> <p>4.1.2. Các chặng đường thơ trẻ thời kì chống Mĩ cứu nước</p>	<p>CLO4, CLO5, CLO6, CLO7</p>
13	<p>Chương 4. Thế hệ các nhà thơ trẻ thời kì chống Mĩ cứu nước (tiếp theo)</p> <p>4.2. Thơ trẻ thời kì chống Mĩ và khuynh hướng mở rộng, đào sâu hiện thực thơ</p> <p>4.2.1. Hiện thực đời sống chiến trường</p> <p>4.2.2. Hình ảnh thế hệ trẻ</p>	<p>CLO4, CLO5, CLO6, CLO7</p>
14	<p>Chương 4. Thế hệ các nhà thơ trẻ thời kì chống Mĩ cứu nước (tiếp theo)</p>	<p>CLO4, CLO5, CLO6, CLO7</p>

	<p>4.3. <i>Chất trí tuệ, chính luận trong thơ trẻ thời kì chống Mỹ</i></p> <p>4.3.1. <i>Chất trí tuệ trong thơ</i></p> <p>4.3.2. <i>Thơ trẻ thời kì chống Mỹ và việc tăng cường chất trí tuệ, chính luận</i></p>	
15	<p>Chương 4. Thế hệ các nhà thơ trẻ thời kì chống Mỹ cứu nước (tiếp theo)</p> <p>4.4. <i>Đặc điểm nghệ thuật của thơ trẻ thời kì chống Mỹ</i></p> <p>4.4.1. <i>Về mặt thể loại</i></p> <p>4.4.2. <i>Ngôn ngữ thơ</i></p> <p>4.4.3. <i>Phương thức chuyển nghĩa và sáng tạo hình ảnh thơ</i></p>	CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
16	-Thảo luận một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	CLO5, CLO6, CLO7, CLO8
17	-Thảo luận một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	CLO5, CLO6, CLO7, CLO8
18	-Thảo luận một số tác giả và tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975 - Hướng dẫn ôn tập	CLO5, CLO6, CLO7, CLO8

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

ST T	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	Chuyên cần	Sinh viên chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Tất cả các buổi học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	10%
		Sinh viên vắng không quá 20% số tiết học.	Tất cả các buổi học		
2	Quá trình Kiểm tra giữa kỳ	Sinh viên làm 1 bài kiểm tra tại lớp. Tiêu chí đánh giá: Theo đáp án của giảng viên và kỹ năng phân tích, đánh giá, nhận định của sinh viên	Buổi số 8	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	20%

3	Cuối kỳ	Thi kết thúc học phần: Hình thức thi: Viết; Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề	Tuần thứ 9 của học kỳ	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	70%
---	----------------	--	-----------------------	--	-----

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Trần Thị Quỳnh Lê**
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: tranthiquynhle@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0984180158

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Chu Lê Phương**
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: chulephuong@gmail.com Điện thoại liên hệ: 0983-35456

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Lên lớp đúng giờ, giảng đủ tiết và đầy đủ nội dung, chuẩn bị tài liệu đầy đủ có liên quan để cung cấp cho sinh viên; sẵn sàng hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập để đảm bảo kết quả học tập.
Yêu cầu đối với sinh viên	Chuẩn bị tài liệu đầy đủ có liên quan, tham dự các bài giảng, làm các bài tập; chuẩn bị trước nội dung bài học, tham gia thảo luận tích cực trong các giờ tự học hoặc trên lớp.
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, tham gia đầy đủ các buổi học, vắng học sẽ bị trừ điểm chuyên cần theo tỉ lệ tương ứng.
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc nghe giảng và ghi chép, tích cực suy nghĩ, thảo luận để trả lời câu hỏi; không làm việc riêng, không sử dụng điện thoại trong giờ học.
Quy định về học vụ	Thực hiện theo quy định đào tạo của nhà trường.

34

16	-Thảo luận một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	CLO5, CLO6, CLO7, CLO8
17	-Thảo luận một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	CLO5, CLO6, CLO7, CLO8
18	-Thảo luận một số tác giả và tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975 - Hướng dẫn ôn tập	CLO5, CLO6, CLO7, CLO8

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	Quá trình Kiểm tra giữa kỳ	- Dựa vào sự chuyên cần của sinh viên và 1 bài kiểm tra tại lớp. Tiêu chí đánh giá: + Chuyên cần : 20% + Bài kiểm tra: 20%, bài kiểm tra đánh giá theo đáp án của giảng viên và kỹ năng phân tích, đánh giá, nhận định của sinh viên	Buổi số 8	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	40%
2	Cuối kỳ	Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết; Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề	Tuần thứ 9 của học kỳ	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Trần Thị Quỳnh Lê**
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: tranthiquynhle@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0984180158

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Chu Lê Phương**
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: chulephuong@gmail.com Điện thoại liên hệ: 0983455456

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Lên lớp đúng giờ, giảng đủ tiết và đầy đủ nội dung, chuẩn bị tài liệu đầy đủ có liên quan để cung cấp cho sinh viên; sẵn sàng hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập để đảm bảo kết quả học tập.
------------------------	--

Yêu cầu đối với sinh viên	Chuẩn bị tài liệu đầy đủ có liên quan, tham dự các bài giảng, làm các bài tập; chuẩn bị trước nội dung bài học, tham gia thảo luận tích cực trong các giờ tự học hoặc trên lớp.
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, tham gia đầy đủ các buổi học, vắng học sẽ bị trừ điểm chuyên cần theo tỉ lệ tương ứng.
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc nghe giảng và ghi chép, tích cực suy nghĩ, thảo luận để trả lời câu hỏi; không làm việc riêng, không sử dụng điện thoại trong giờ học.
Quy định về học vụ	Thực hiện theo quy định đào tạo của nhà trường.
Các quy định khác	- Có chuẩn bị bài tập ở nhà, tham gia thuyết trình trên lớp sẽ được đánh giá vào điểm quá trình

Bình Định, ngày 23 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA





TS. Trần Thị Quỳnh Lê

TS. Võ Minh Hải

TS. Nguyễn Doãn Thuận

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Anh Tuấn

hay tác phẩm văn học trong nghiên cứu văn học hiện đại nói riêng cũng như các lĩnh vực thuộc chuyên ngành khoa học xã hội nhân văn nói chung

- *Mức tự chủ và trách nhiệm*

CO5: Giúp sinh viên có nhận thức về tầm quan trọng của văn chương trong đời sống tinh thần dân tộc, từ đó bồi dưỡng cho sinh viên tình cảm yêu quý, thái độ trân trọng cũng như ý thức bảo vệ, phát triển nền văn học dân tộc, góp phần đưa nền văn học Việt Nam gần hơn với văn chương thế giới.

CO6: Giúp sinh viên hình thành khả năng tự chủ, tự học và tự nghiên cứu, tự tiếp cận và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến văn học nói chung và văn học Việt Nam nói riêng.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (Cos)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Hiểu được những biến đổi về lịch sử, xã hội, văn hóa, tư tưởng dẫn đến nhu cầu đổi mới văn học sau năm 1975, tiến trình vận động cũng như đặc điểm của văn học Việt Nam sau năm 1975.	PLO4, PLO5, PLO6, PLO7	M
CO2	CLO2	Hiểu được tiến trình vận động của văn xuôi Việt Nam sau năm 1975, một số khuynh hướng chính và một số đổi mới của văn xuôi Việt Nam sau năm 1975, sự biến đổi về cấu trúc thể loại của văn xuôi Việt Nam sau 1975	PLO4, PLO5, PLO6, PLO7	H
CO2	CLO3	Hiểu được tiến trình vận động của thơ Việt Nam sau năm 1975, lực lượng sáng tác, một số khuynh hướng chính, một số đổi mới của thơ Việt Nam sau 1975	PLO4, PLO5, PLO6, PLO7	H
CO2	CLO4	Nắm được sơ lược về tình hình và thành tựu của lí luận, phê bình văn học từ sau 1975 với những nội dung cụ thể về tình hình diễn biến của lí luận phê bình văn học trong quá trình vận động của văn học sau 1975, những thành tựu, hạn chế của lí luận phê bình văn học từ sau 1975.	PLO4, PLO5, PLO6, PLO7	H

Kỹ năng				
CO3	CLO5	Có kỹ năng đọc hiểu và tiếp nhận văn bản; phân tích, bình giảng tác phẩm văn học.	PLO8, PLO10, PLO11	H
CO4	CLO6	Có các kỹ năng: nghiên cứu, phê bình đánh giá các hiện tượng hay tác phẩm văn học trong nghiên cứu văn học hiện đại nói riêng cũng như các lĩnh vực thuộc chuyên ngành khoa học xã hội nhân văn nói chung	PLO8, PLO10, PLO11	H
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO7	Có nhận thức về tầm quan trọng của văn chương trong đời sống tinh thần dân tộc, từ đó bồi dưỡng tình cảm yêu quý, thái độ trân trọng cũng như ý thức bảo vệ, phát triển nền văn học dân tộc, góp phần đưa nền văn học Việt Nam gần hơn với văn chương thế giới.	PLO13, PLO14	H
CO6	CLO8	Có khả năng tự chủ, tự học và tự nghiên cứu, tự tiếp cận và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến văn học nói chung và văn học Việt Nam nói riêng.	PLO13, PLO14	H

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	[1] Nguyễn Văn Long, <i>Văn học Việt Nam sau 1975</i> và việc giảng dạy trong nhà trường, NXB Giáo dục Việt Nam, 2009.
Tài liệu tham khảo thêm:	[2] Nguyễn Thị Bình, <i>Văn xuôi Việt Nam sau 1975</i> , NXB Đại học Sư phạm, 2012. [3] Nguyễn Văn Long, Lã Nhâm Thìn (Đồng chủ biên), <i>Văn học Việt Nam sau 1975- Những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy</i> , NXB Giáo Dục Việt Nam, 2006. [4] Trần Đăng Suyền – Lê Quang Hưng (Đồng chủ biên), <i>Văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945</i> , NXB Đại học Sư Phạm, 2015. [5] Đặng Thu Thủy, <i>Thơ trữ tình Việt Nam từ giữa thập kỉ 80 đến nay – Những đổi mới cơ bản</i> , NXB Đại học Sư phạm, 2015.
Các loại học liệu khác:	[6] http://www.vienvanhoc.gov.vn/

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

	cách khoa học, logic.	
Đàm thoại, vấn đáp	Thông qua việc giải đáp giữa giáo viên và sinh viên để giải quyết các nội dung kiến thức về văn học Việt Nam sau 1975.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Thuyết trình, hoạt động nhóm	Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp; giải thích đúng các vấn đề liên quan đến kiến thức của môn học.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
Nêu vấn đề và giải quyết vấn đề	Giúp cho sinh viên hiểu và vận dụng những kiến thức của môn học.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8,
Tự học	Giúp sinh viên có năng lực tự học, tự nghiên cứu; rèn luyện ý thức trách nhiệm trong học tập và công việc	CLO5, CLO6, CLO7, CLO8

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học (3 tiết/1 buổi)	Nội dung	CĐR học phần
1	Chương 1. Khái quát về văn học Việt Nam sau 1975 8.2. Bối cảnh lịch sử xã hội và nhu cầu đổi mới văn học 1.1.1. Thời kỳ mới của lịch sử 1.1.2. Những chuyển biến về xã hội – văn hóa – tư tưởng 1.1.3. Nhu cầu đổi mới văn học	CLO1, CLO6, CLO7
2	Chương 1. Khái quát về văn học Việt Nam sau 1975 (tiếp theo) <i>1.2. Tiến trình vận động của văn học Việt Nam sau 1975</i> 1.2.1. Từ sau tháng 4 năm 1975 đến 1985: thời kỳ chuyển tiếp từ văn học thời chiến sang văn học thời kỳ hậu chiến 1.2.2. Từ 1986 đến đầu những năm 90: cao trào đổi mới văn học 1.2.3. Từ giữa những năm 90 đến nay: văn học đi vào chiều sâu tự đổi mới chính mình	CLO1, CLO6, CLO7
3	Chương 1. Khái quát về văn học Việt Nam sau 1975 (tiếp theo) <i>1.3. Đặc điểm văn học Việt Nam sau 1975</i> 1.3.1. Văn học vận động theo hướng dân chủ hóa 1.3.2. Tinh thần nhân bản và sự thức tỉnh ý thức cá nhân là nền tảng tư tưởng và cảm hứng chủ đạo bao trùm trong nền văn học giai đoạn này. 1.3.3. Văn học phát triển phong phú, đa dạng, phức tạp, hướng đến tính hiện đại.	CLO1, CLO6, CLO7

4	Chương 2. Văn xuôi Việt Nam sau 1975 <i>2.1. Tiến trình vận động của văn xuôi Việt Nam</i> 2.1.1. Giai đoạn từ 1975 đến 1985 2.1.2. Giai đoạn từ 1986 đến đầu những năm 90 2.1.3. Giai đoạn từ đầu những năm 90 đến nay	CLO2, CLO5, CLO6, CLO7
5	Chương 2. Văn xuôi Việt Nam sau 1975 (tiếp theo) <i>2.2. Những khuynh hướng chính của văn xuôi Việt Nam sau 1975</i> 2.2.1. Khuynh hướng sử thi 2.2.2. Khuynh hướng nhận thức lại -Kiểm tra viết 2.2.3. Khuynh hướng thể sự - đòi tư	CLO2, CO5, CLO6, CLO7
6	Chương 2. Văn xuôi Việt Nam sau 1975 (tiếp theo) <i>2.3. Những đổi mới của văn xuôi Việt Nam sau 1975</i> 2.3.1. Đổi mới về quan niệm và cách tiếp cận về hiện thực 2.3.2. Đổi mới về quan niệm và cách tiếp cận về con người 2.3.3. Đổi mới về ngôn ngữ và giọng điệu	CLO2, CLO5, CLO6
7	- Kiểm tra giữa kì Chương 3. Thơ Việt Nam sau năm 1975 <i>3.1. Tiến trình vận động của thơ Việt Nam sau năm 1975</i> 3.1.1. Giai đoạn từ 1975 đến 1985 3.1.2. Giai đoạn từ 1986 đến đầu những năm 90 3.1.3. Giai đoạn từ đầu những năm 90 đến nay	-Kiểm tra viết CLO3, CLO5, CLO6, CLO7
8	Chương 3. Thơ Việt Nam sau năm 1975 (tiếp theo) 3.2. Lực lượng sáng tác 3.3. Những khuynh hướng chính của thơ Việt Nam sau năm 1975 3.3.1. Khuynh hướng viết về chiến tranh qua những khúc ca bi tráng về số phận con người và dân tộc 3.3.2. Khuynh hướng viết về chiến tranh qua những khúc ca bi tráng về số phận con người và dân tộc 3.3.3. Khuynh hướng viết về chiến tranh qua những khúc ca bi tráng về số phận con người và dân tộc 3.3.4. Khuynh hướng hiện đại và hậu hiện đại	-CLO3, CLO5, CLO6, CLO7,
9	Chương 3. Thơ Việt Nam sau năm 1975 (tiếp theo) 3.4. Những đổi mới cơ bản của thơ Việt Nam sau 1975 3.4.1. Đổi mới về cảm hứng lịch sử xã hội và cái tôi cá nhân cá thể 3.4.2. Đổi mới về phương diện hình thức nghệ thuật	CLO3, CLO5, CLO6, CLO7
10	Chương 4: Sơ lược về tình hình và thành tựu của lí luận, phê bình văn học từ sau 1975 4.1. Tình hình diễn biến của lí luận, phê bình văn học trong quá trình vận động của văn học sau 1975 4.1.1. Từ 1975 đến 1985 4.1.2. Từ 1986 đến đầu những năm 90 4.1.3. Từ giữa những năm 90 đến nay	CLO4, CLO5, CLO6, CLO7

	<p>4.2. Những thành tựu và một số hạn chế của lí luận, phê bình văn học từ sau 1975</p> <p>4.2.1. Góp phần làm chuyển biến ý thức nghệ thuật, hình thành những quan niệm văn học mới, thúc đẩy những hướng nghiên cứu mới và vận dụng đa dạng các phương pháp nghiên cứu, phê bình văn học.</p> <p>4.2.2. Đánh giá văn học cách mạng giai đoạn 1945 – 1975 và một số hiện tượng văn học trước 1945</p> <p>4.2.3. Khẳng định những thành tựu và nhận diện những hướng tìm tòi mới trong văn học sau 1975</p>	
11	-Thảo luận một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam sau 1975.	CLO5, CLO6, CLO7, CLO8
12	-Thảo luận một số tác giả và tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam sau 1975. - Hướng dẫn ôn tập	CLO5, CLO6, CLO7, CLO8

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	<i>Quá trình</i> Kiểm tra giữa kỳ	- Dựa vào sự chuyên cần của sinh viên và 1 bài kiểm tra tại lớp. Tiêu chí đánh giá: + Chuyên cần : 20% + Bài kiểm tra: 20%, bài kiểm tra đánh giá theo đáp án của giảng viên và kỹ năng phân tích, đánh giá, nhận định của sinh viên	Buổi số 8	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	40%
2	<i>Cuối kỳ</i>	Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết; Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề	Tuần thứ 9 của học kỳ	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Trần Thị Quỳnh Lê**

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

- Email: tranthiquynhle@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0984180158

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Chu Lê Phương**
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: chulephuong@gmail.com Điện thoại liên hệ: 0983455456

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Lên lớp đúng giờ, giảng đủ tiết và đầy đủ nội dung, chuẩn bị tài liệu đầy đủ có liên quan để cung cấp cho sinh viên; sẵn sàng hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập để đảm bảo kết quả học tập.
Yêu cầu đối với sinh viên	Chuẩn bị tài liệu đầy đủ có liên quan, tham dự các bài giảng, làm các bài tập; chuẩn bị trước nội dung bài học, tham gia thảo luận tích cực trong các giờ tự học hoặc trên lớp.
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, tham gia đầy đủ các buổi học, vắng học sẽ bị trừ điểm chuyên cần theo tỉ lệ tương ứng.
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc nghe giảng và ghi chép, tích cực suy nghĩ, thảo luận để trả lời câu hỏi; không làm việc riêng, không sử dụng điện thoại trong giờ học.
Quy định về học vụ	Thực hiện theo quy định đào tạo của nhà trường.
Các quy định khác	- Có chuẩn bị bài tập ở nhà, tham gia thuyết trình trên lớp sẽ được đánh giá vào điểm quá trình

Bình Định, ngày 23 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

TS. Trần Thị Quỳnh Lê

TS. Võ Minh Hải

TS. Nguyễn Doãn Thuận



TS. Đinh Anh Tuấn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: NGỮ ÂM TIẾNG VIỆT
Mã học phần: 1060047
Tên tiếng Anh: Vietnamese phonetics

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Ngữ âm tiếng Việt
- Mã học phần: 1060047 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 25 tiết
 - + Thảo luận, bài tập: 10 tiết
 - + Tự học: 60 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Khoa học xã hội và nhân văn

2. Mô tả học phần

Ngữ âm tiếng Việt là một trong những học phần mở đầu của kiến thức chuyên ngành Tiếng Việt, có tính bắt buộc đối với sinh viên ngành văn học (chuyên ngành báo chí) cũng như sinh viên các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác. Với học phần này sinh viên ngành văn học có những hiểu biết căn bản có tính nền tảng về các đơn vị ngữ âm tiếng Việt như số lượng các âm vị, quy luật phân bố của các đơn vị ngữ âm tiếng Việt, cấu trúc tầng bậc của âm tiết tiếng Việt.

Bên cạnh đó, học phần này còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý thuyết cơ bản về chính âm, chữ viết và chính tả tiếng Việt.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức
 - + CO1: Giúp cho sinh viên nhận thức được những khái niệm cơ bản của ngôn ngữ học, quy tắc về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong ngôn ngữ nói chung
 - + CO2: Giúp người học hiểu biết về các quy luật của ngôn ngữ
- Kỹ năng

+ CO3: Hình thành năng lực khái quát hóa và trừu tượng hóa dựa trên khái niệm và quy luật của ngôn ngữ.

+ CO4: Có kĩ năng phát hiện, giải quyết vấn đề liên quan đến ngôn ngữ một cách chủ động, độc lập.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kĩ năng nghiệp vụ cho tương lai.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Mục tiêu học phần(COs)	Chuẩn đầu ra học phần(CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT(PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Hiểu một cách cơ bản các quy luật của ngôn ngữ và ứng dụng vào dạy học ngôn ngữ	PLO3,4	M
CO2	CLO2	Có cái nhìn bao quát về những đặc điểm của ngữ âm tiếng Việt	PLO4,5,6	M
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Có kĩ năng trên nhiều phương diện liên quan đến ngôn ngữ học và ứng dụng vào dạy học	PLO5,6	M
CO4	CLO4	Có kĩ năng phát hiện, giải quyết vấn đề một cách chủ	PLO9,14	M

		động, độc lập.		
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho tương lai.	PLO13, 14	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Võ Xuân Hào. <i>Giáo trình ngữ âm tiếng Việt hiện đại</i> . Giáo trình điện tử. Trường Đại học Quy Nhơn, 2009.
Tài liệu tham khảo thêm:	[1]. Nguyễn Thiện Giáp, Đoàn Thiện Thuật, Nguyễn Minh Thuyết, <i>Dẫn luận ngôn ngữ học</i> , Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1995. [2]. Võ Xuân Hào. <i>Thanh điệu tiếng Việt từ góc nhìn chức năng (Sách chuyên khảo)</i> . Nxb ĐHSP. Hà Nội 2013. [3]. Võ Xuân Hào. <i>Dạy và học cho học sinh tiểu học theo vùng phương ngữ</i> . Nxb GDVN. Hà Nội, 2009. [4]. Nguyễn Quang Hồng. <i>Âm tiết và loại hình ngôn ngữ</i> . Nxb KHXH. Hà Nội 1994. [5]. Hữu Quỳnh và Vương Lộc. <i>Khái quát về lịch sử tiếng Việt và ngữ âm tiếng Việt hiện đại</i> . Nxb GD. Hà Nội 1980. [6]. Đoàn Thiện Thuật. <i>Ngữ âm tiếng Việt</i> . Nxb ĐH & THCN. Hà Nội 1997. [7]. Zinder L.R. <i>Ngữ âm học đại cương</i> . Nxb GD. Hà Nội 1964.
Các loại học liệu khác:	Các bài viết liên quan trên <i>Tạp chí ngôn ngữ</i> . Viện Ngôn ngữ học Việt Nam

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
[Diễn giảng]	<i>Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một</i>	CLO1, CLO2

	<i>cách khoa học, logic.</i>	
[Đàm thoại, vấn đáp]	Tăng cường khả năng đối thoại, mở rộng các vấn đề liên quan	CLO1, CLO4, CLO5
[Bài tập]	Rèn luyện kỹ năng, nâng cao năng lực thực hành, giải quyết vấn đề	CLO3, CLO4
[Nghiên cứu khoa học]	Rèn luyện tư duy nghiên cứu, tiếp cận các đối tượng khoa học	CLO4

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
1 (4 tiết)	<p>Chương 1. Ngữ âm và ngữ âm học Giảng dạy lý thuyết trên lớp: 1.1. Ngữ âm và kiến trúc ngữ âm 1.2. Cơ sở của ngữ âm 1.3. Ngữ âm học và âm vị học</p> <p>Tự học ở nhà: + Tìm hiểu các kiến trúc ngữ âm tiếng Việt + Suy nghĩ về bản chất xã hội của ngữ âm + Chuẩn bị bài về các đơn vị của ngữ âm * Thảo luận: (2 tiết)</p>	CLO1, CLO2
2 (4 tiết)	<p>Chương 2. Các đơn vị ngữ âm Giảng dạy lý thuyết trên lớp: 2.1. Âm tiết 2.2. Âm tố 2.3. Âm vị 2.4. Trọng âm 2.5. Ngữ điệu 2.6. Thanh điệu</p> <p>Tự học ở nhà: + Suy nghĩ thêm về vai trò của âm tiết trong lời nói + Phân biệt âm vị và âm tố + Tìm hiểu vai trò của trọng âm, thanh điệu và ngữ điệu trong giao tiếp + Đọc trước chương bản về “Âm tiết tiếng Việt” và tự đặt những câu hỏi liên quan đến nội dung chương này * Thảo luận: (2 tiết)</p>	CLO1, CLO3, CLO5
3 (6 tiết)	<p>Chương 3. Âm tiết tiếng Việt Giảng dạy lý thuyết trên lớp: 3.1. Đặc điểm của âm tiết tiếng Việt 3.2. Khả năng phân xuất âm tiết tiếng Việt</p>	CLO1, CLO2

	<p>3.3. Mô hình cấu trúc âm tiết tiếng Việt</p> <p>Tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Dựa vào đặc điểm của âm tiết tiếng Việt, suy nghĩ thêm về cách học đánh vần, cấu tạo từ láy và các hiện tượng chơi chữ đa dạng liên quan đến âm tiết tiếng Việt + Làm rõ mô hình cấu trúc của âm tiết và chức năng của các đơn vị cấu tạo âm tiết tiếng Việt + Đọc trước chương 4 và tự đặt câu hỏi về những nội dung liên quan đến thanh điệu tiếng Việt để thảo luận trên lớp. <p>* Thảo luận: (2 tiết)</p>	
4 (4 tiết)	<p>Chương 4. Thanh điệu tiếng Việt</p> <p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp:</p> <p>4.1. Thanh điệu và đặc trưng khu biệt của thanh điệu tiếng Việt</p> <p>4.2. Sự thể hiện của các thanh điệu</p> <p>4.3. Quy luật phân bố của các thanh điệu</p> <p>Tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Suy nghĩ về chức năng của các thanh điệu tiếng Việt + Nắm được quy luật phân bố của các thanh điệu trong các loại hình âm tiết, trong từ láy đôi và trong các thể thơ truyền thống + Đọc thêm sách: <i>Thanh điệu tiếng Việt từ góc nhìn chức năng (Sách chuyên khảo)</i>. Nxb ĐHSP. Hà Nội 2013 	CLO1, CLO2
5 (1 tiết)	Kiểm tra giữa kỳ	CLO1, CLO2
6 (6 tiết)	<p>Chương 5. Các đơn vị ngữ âm đoạn tính</p> <p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp:</p> <p>5.1. Hệ thống âm đầu</p> <p>5.2. Hệ thống âm đệm</p> <p>5.3. Hệ thống âm chính</p> <p>5.4. Hệ thống âm cuối</p> <p>Tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tìm hiểu đặc trưng khu biệt của các âm đầu + Hiểu và lý giải được quy luật phân bố của âm đệm sau âm đầu + Tìm hiểu đặc trưng khu biệt của âm chính và quy luật phân bố của các âm chính + Tìm hiểu đặc trưng khu biệt của âm cuối và quy luật phân bố của các âm cuối + Đọc trước và chuẩn bị những nội dung cần thiết để tiếp nhận kiến thức về chính âm, chữ viết và chính tả 	CLO3, CLO4

	* Thảo luận: (2 tiết)	
7 (4 tiết)	<p>Chương 6. Chính âm, chữ viết và chính tả Giảng dạy lý thuyết trên lớp: 6.1. Vấn đề chính âm tiếng Việt 6.2. Chữ viết và chữ Quốc ngữ 6.3. Vấn đề chính tả tiếng Việt</p> <p>Tự học ở nhà: + Tìm hiểu những quan điểm khác nhau về vấn đề chính âm tiếng Việt + Phân tích những ưu khuyết điểm của chữ Quốc ngữ + Các giải pháp cải tiến chữ Quốc ngữ đã được đề xuất + Nội dung chính tả và một số vấn đề về chính tả tiếng Việt hiện hành + Chuẩn bị các nội dung cho giờ ôn tập. * Thảo luận: (2 tiết)</p>	CLO1, CLO2, CLO3
8 (2 tiết)	Ôn tập	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	<i>Quá trình học tập</i>	<i>Tinh chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học</i>	Các buổi học	CLO1, CLO5	40%
		<i>Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng</i>	Các buổi học	CLO5	
		<i>*Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. -Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đầy đủ các luận điểm, diễn đạt rõ ràng, rành mạch...</i>	Giữa kỳ	CLO3, CLO4	
2	<i>Thi kết thúc học phần</i>	<i>Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết. Bài thi được trình bày mạch lạc, sáng rõ, lập luận, diễn đạt chặt chẽ, thể hiện khả năng hiểu biết và diễn đạt của sinh viên.</i>	Cuối kỳ	CLO1, CLO4, CLO5	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Trương Thị Mỹ Hậu
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, Giảng viên chính
- Email: truongthimyhau@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0934 958 669

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Thị Huyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ, Giảng viên chính
- Email: nguyenthithaihuyen@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0914039270

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình môn học...
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, thực hiện các yêu cầu học tập từ giáo viên...
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc trong học tập, tích cực phát biểu tham gia xây dựng bài...
Quy định về học vụ	Có đầy đủ tài liệu học tập
Các quy định khác	Tình hình chuẩn bị bài ở nhà, tham gia thuyết trình trên lớp sẽ được đánh giá vào điểm quá trình

Bình Định, ngày 23 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

ThS. Trương Thị Mỹ Hậu

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Võ Minh Hải

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Doãn Thuận



TS. ĐINH ANH TUẤN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA KHXH & NV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: TỪ VỰNG – NGỮ NGHĨA TIẾNG VIỆT

Mã học phần: 1060079

Tên tiếng Anh: Vietnamese Lexicology and Semantic

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: **Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt**
- Mã học phần: **1060079** Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: **Bắt buộc**
- Các học phần học trước: Sinh viên đã được trang bị kiến thức học phần: **Dẫn luận ngôn ngữ, ngữ âm tiếng Việt.**
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 25 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 0 tiết
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Thực hành, thực tập: tiết
 - + Tự học: 60 giờ
- Khoa phụ trách học phần: **KHXH&NV**

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, nền tảng về Từ vựng - Ngữ nghĩa tiếng Việt. Nội dung chính của học phần là các vấn đề cấu tạo từ và nghĩa của từ. Trên cơ sở cung cấp những kiến thức về cấu tạo từ, học phần chỉ ra mối liên hệ giữa đặc điểm cấu tạo và đặc điểm ý nghĩa của từ. Phần nghĩa của từ được trình bày với những nội dung cơ bản, cốt lõi như các thành phần ý nghĩa của từ, hiện tượng nhiều nghĩa, mối liên hệ ngữ nghĩa giữa các nghĩa trong từ nhiều nghĩa, các phương thức chuyển nghĩa...Dựa vào những kiến thức này, người học có thể lí giải các hiện tượng chuyển nghĩa của từ trong lời nói; các nguyên tắc và cách thức giảng nghĩa từ ngữ trong tác phẩm văn học.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- *Kiến thức*

CO1: Trang bị cho sinh viên kiến thức về các đặc điểm của từ tiếng Việt, các đặc điểm của đơn vị ngữ cố định.

CO2: Trang bị cho sinh viên kiến thức về các thành phần ý nghĩa của từ, hiện tượng chuyển nghĩa của từ và các phương thức chuyển nghĩa, các trường nghĩa, bản chất của hiện tượng đồng nghĩa, trái nghĩa và đồng âm, các lớp từ vựng trong tiếng Việt.

- *Kỹ năng*

CO3: Giúp sinh viên hình thành các kỹ năng: đọc hiểu và tiếp nhận văn bản; phân tích, bình giảng tác phẩm văn học.

CO4: Giúp sinh viên hình thành kỹ năng sử dụng tiếng Việt chuẩn mực, logic; vận dụng các kiến thức Từ vựng- ngữ nghĩa tiếng Việt vào nghiên cứu vấn đề cụ thể của tiếng Việt và vào việc giải quyết một vấn đề ngôn ngữ cụ thể của đời sống.

- *Mức tự chủ và trách nhiệm*

CO5: Giúp sinh viên có ý thức bảo vệ tiếng nói dân tộc góp phần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; trân trọng vốn từ ngữ và các quy tắc từ vựng từ đó có cách ứng xử đúng đắn trong việc xây dựng vốn từ tiếng Việt vừa phong phú, hiện đại vừa giữ gìn bản sắc dân tộc; có tình cảm yêu quý, thái độ trân trọng đối với di sản tiếng Việt.

CO6: Giúp sinh viên hình thành khả năng tự chủ, tự học và tự nghiên cứu, tự tiếp cận và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến ngôn ngữ nói chung và tiếng Việt nói riêng.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Hiểu được các khái niệm cơ bản: từ vựng, từ vựng ngữ nghĩa; hiểu được các mối quan hệ giữa từ vựng học với ngữ âm học, ngữ pháp học, phong cách học và lịch sử dân tộc; hiểu được tính hệ thống của từ vựng, ranh giới từ trong tiếng Việt.	PLO4, PLO5, PLO6, PLO7	M
CO1	CLO2	Hiểu được khái niệm về từ tiếng Việt; các đặc điểm cơ bản của từ tiếng Việt: đặc điểm ngữ âm, đặc điểm ngữ pháp, đặc điểm cấu tạo và đặc điểm ngữ nghĩa; hiểu được các đặc điểm của đơn vị ngữ cố định.	PLO4, PLO5, PLO6, PLO7	M
CO2	CLO3	Hiểu được các thành phần ý nghĩa của từ: nghĩa biểu vật, nghĩa biểu niệm,	PLO4, PLO5, PLO6, PLO7	H

		nghĩa biểu thái, nghĩa ngữ pháp; hiểu được hiện tượng chuyển nghĩa của từ và hai phương thức chuyển nghĩa: ẩn dụ, hoán dụ; hiểu về các trường nghĩa: biểu vật, biểu niệm, trường tuyến tính và trường liên tưởng; hiểu được bản chất của hiện tượng đồng nghĩa, trái nghĩa và đồng âm.		
CO2	CLO4	Hiểu được các lớp từ vựng trong tiếng Việt: theo nguồn gốc, theo tần số sử dụng, theo thời gian sử dụng, theo phạm vi sử dụng; hiểu được yêu cầu của việc dạy từ vựng ở trường phổ thông: dạy từ vựng là một cách giáo dục thẩm mỹ.	PLO4, PLO5, PLO6, PLO7	H
CO2	CLO5	Vận dụng các kiến thức Từ vựng- ngữ nghĩa tiếng Việt vào nghiên cứu vấn đề cụ thể của tiếng Việt; giải quyết một vấn đề ngôn ngữ cụ thể của đời sống: sử dụng từ trong văn bản, lĩnh hội văn bản; giao tiếp ngôn ngữ đạt hiệu quả.	PLO4, PLO5, PLO6, PLO7	M
Kỹ năng				
CO3	CLO6	Có kỹ năng sử dụng tiếng Việt chuẩn mực, logic.	PLO8, PLO10, PLO11	H
CO4	CLO7	Có các kỹ năng: đọc hiểu và tiếp nhận văn bản; phân tích, bình giảng tác phẩm văn học.	PLO8, PLO10, PLO11	H
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO8	Có ý thức bảo vệ tiếng nói dân tộc góp phần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; trân trọng vốn từ ngữ và các quy tắc từ vựng từ đó có cách ứng xử đúng đắn trong việc xây dựng vốn từ tiếng Việt vừa phong phú, hiện đại vừa giữ gìn bản sắc dân tộc; có tình cảm yêu quý, thái độ trân trọng đối với di sản tiếng Việt.	PLO13, PLO14	H
CO6	CLO9	Có khả năng tự chủ, tự học và tự	PLO13, PLO14	H

		<p> nghiên cứu, tự tiếp cận và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến ngôn ngữ nói chung và tiếng Việt nói riêng.</p>		
--	--	---	--	--

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	[1] Đỗ Hữu Châu (1998), <i>Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt</i> , Nxb ĐHQG Hà Nội
Tài liệu tham khảo thêm:	<p>[2] Đỗ Hữu Châu (1997), <i>Giáo trình Từ vựng học tiếng Việt</i>, Nxb ĐH Sư phạm.</p> <p>[3] Nguyễn Thiện Giáp (2009), <i>Từ vựng học tiếng Việt</i>, Nxb Giáo dục.</p> <p>[4] Lê Quang Thiêm (2008), <i>Ngữ nghĩa học</i>, Nxb Giáo dục.</p> <p>[5] John Lyons (2006), <i>Ngữ nghĩa học dẫn luận</i> (Nguyễn Văn Hiệp dịch), Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p>
Các loại học liệu khác:	[6] http://www.vienngonnguhoc.gov.vn/

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
Đàm thoại, vấn đáp	Thông qua việc giải đáp giữa giáo viên và sinh viên để giải quyết các nội dung kiến thức về từ vựng-ngữ nghĩa.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CO6
Thuyết trình, hoạt động nhóm	Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp; giải thích đúng các vấn đề liên quan đến kiến thức của môn học.	CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8
Nêu vấn đề và giải quyết vấn đề	Giúp cho sinh viên hiểu và vận dụng những kiến thức của môn học.	CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9
Tự học	Giúp sinh viên có năng lực tự học, tự nghiên cứu; rèn luyện ý thức trách nhiệm trong học tập và công việc	CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học (3 tiết/1	Nội dung	CDR học phần
-----------------------	----------	--------------

buổi)		
1	Chương 1: Từ vựng và từ vựng học 1.1. Nội dung và phạm vi nghiên cứu của từ vựng học 1.2. Mối quan hệ giữa từ vựng với các chuyên ngành ngôn ngữ học khác 1.3. Tính hệ thống của từ vựng và việc xác định ranh giới từ trong tiếng Việt	CLO1, CLO2
2	Chương 2: Đặc điểm của từ tiếng Việt 2.1. Khái niệm từ tiếng Việt 2.2. Các đặc điểm từ tiếng Việt: 2.2.1. Đặc điểm ngữ âm 2.2.2. Đặc điểm ngữ pháp	CLO1, CLO2, CLO6
3	Chương 2. Đặc điểm của từ tiếng Việt (tiếp theo) 2.2.3. Đặc điểm cấu tạo - Từ đơn - Từ ghép 2.2.3.3. Từ láy 2.2.4. Đặc điểm ngữ nghĩa - Nghĩa biểu vật - Nghĩa biểu niệm - Nghĩa biểu thái - Nghĩa ngữ pháp	CLO1, CLO2, CLO3, CLO6
4	Chương 3: Ngữ cố định 3.1. Khái niệm về ngữ cố định 3.2. Phân loại ngữ cố định 3.3. Đặc điểm ngữ nghĩa của ngữ cố định - Tính biểu trưng - Tính dân tộc - Tính hình tượng và tính cụ thể - Tính biểu thái	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
5	Chương 4: Nghĩa của từ và trường nghĩa 4.1. Những quan niệm khác nhau về nghĩa 4.2. Các thành phần nghĩa của từ 4.2.1. Nghĩa biểu vật 4.2.2. Nghĩa biểu niệm 4.2.3. Nghĩa biểu thái 4.2.4. Nghĩa ngữ pháp 4.3. Nghĩa trong ngôn bản	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7
6	Chương 4: Nghĩa của từ và trường nghĩa (tiếp theo) 4.4. Hiện tượng nhiều nghĩa	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6,

	<p>4.4.1. Hiện tượng nhiều nghĩa biểu vật</p> <p>4.4.2. Hiện tượng nhiều nghĩa biểu niệm</p> <p>4.4.3. Quan hệ giữa nhiều nghĩa biểu vật và nhiều nghĩa biểu niệm</p> <p>4.5 Sự chuyển nghĩa và các phương thức chuyển nghĩa</p> <p>4.5.1. Ấn dụ</p> <p>4.5.2. Hoán dụ</p>	CLO7, CLO8
7	<p>Chương 4. Nghĩa của từ và trường nghĩa (tiếp theo)</p> <p>4.6. Trường nghĩa</p> <p>4.6.1. Khái niệm về trường nghĩa</p> <p>4.6.2. Các loại trường nghĩa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường nghĩa biểu vật - Trường nghĩa biểu niệm - Trường nghĩa tuyến tính - Trường nghĩa liên tưởng 	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8
8	<p>- Kiểm tra giữa kì</p> <p>Chương 5: Đồng nghĩa - Trái nghĩa - Đồng âm</p> <p>5.1. Hiện tượng đồng nghĩa</p> <p>5.2. Hiện tượng trái nghĩa</p> <p>5.3. Hiện tượng đồng âm</p>	-Kiểm tra viết CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8
9	<p>Chương 6: Các lớp từ vựng</p> <p>6.1. Sự phân biệt các lớp từ vựng trong tiếng Việt</p> <p>6.1.1. Phân biệt theo tần số sử dụng</p> <p>6.1.2. Phân biệt theo thời gian sử dụng</p> <p>6.1.3. Phân biệt theo nguồn gốc</p> <p>6.1.4. Phân biệt theo phạm vi sử dụng</p> <p>6.2. Một số lớp từ vựng</p>	CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8
10	<p>Chương 6: Các lớp từ vựng (tiếp theo)</p> <p>6.3. Hệ thống từ Hán Việt</p> <p>6.4. Từ vay mượn</p> <p>6.5. Một số vấn đề về việc dạy từ vựng trong nhà trường</p>	CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8
11	-Rèn luyện việc sử dụng từ ngữ đúng âm thanh, đúng cấu tạo, đúng nghĩa, đúng ngữ pháp, đúng phong cách	CO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9
12	<p>-Rèn luyện việc sử dụng từ ngữ đúng âm thanh, đúng cấu tạo, đúng nghĩa, đúng ngữ pháp, đúng phong cách</p> <p>- Vận dụng kiến thức từ vựng- ngữ nghĩa vào phân tích tác phẩm văn học</p> <p>- Hướng dẫn ôn tập</p>	CO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	<i>Quá trình học tập</i>	Sinh viên chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Tất cả các buổi học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	40%
		Sinh viên vắng không quá 20% số tiết học.	Tất cả các buổi học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	
		Sinh viên làm 1 bài kiểm tra tại lớp. Tiêu chí đánh giá: Theo đáp án của giảng viên và kỹ năng phân tích, đánh giá, nhận định của sinh viên.	Buổi số 8	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	
2	<i>Thi kết thúc học phần</i>	Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết; Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề	Tuần thứ 9 của học kỳ	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Vân Anh**

- Chức danh, học hàm, học vị: PGS.TS

- Email: nguyenthivananh@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0839336969

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Đặng Thị Thanh Hoa**

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Email: dangthithanhhoa@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0869114699

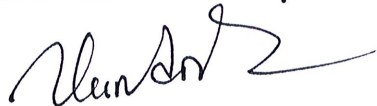
10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Lên lớp đúng giờ, giảng đủ tiết và đầy đủ nội dung, chuẩn bị tài liệu đầy đủ có liên quan để cung cấp cho sinh viên; sẵn sàng hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập để đảm bảo kết quả học tập.
Yêu cầu đối với sinh viên	Chuẩn bị tài liệu đầy đủ có liên quan, tham dự các bài giảng, làm các bài tập; chuẩn bị trước nội dung bài học, tham gia thảo luận tích cực trong các giờ

	tự học hoặc trên lớp.
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, tham gia đầy đủ các buổi học, vắng học sẽ bị trừ điểm chuyên cần theo tỉ lệ tương ứng.
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc nghe giảng và ghi chép, tích cực suy nghĩ, thảo luận để trả lời câu hỏi; không làm việc riêng, không sử dụng điện thoại trong giờ học.
Quy định về học vụ	Thực hiện theo quy định đào tạo của nhà trường.
Các quy định khác	- Có chuẩn bị bài tập ở nhà, tham gia thuyết trình trên lớp sẽ được đánh giá vào điểm quá trình

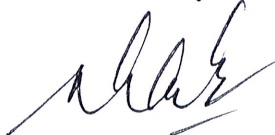
Bình Định, ngày 23 tháng 1 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



PGS. TS. Nguyễn Thị Vân Anh

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Võ Minh Hải

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Doãn Thuận



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: NGỮ PHÁP TIẾNG VIỆT

Mã học phần: 1060049

Tên tiếng Anh: GRAMMAR OF VIETNAMESE

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Ngữ pháp tiếng Việt
- Mã học phần: 1060049 Số tín chỉ: 3
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Dẫn luận ngôn ngữ học, Ngữ âm học, Từ vựng tiếng Việt
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 12 tiết
 - + Thảo luận: 6 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - + Tự học: 90 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa học Xã hội và Nhân văn

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, hiện đại về ngữ pháp tiếng Việt. Nội dung chính của học phần là vấn đề về từ, vấn đề về cụm từ và vấn đề về câu. Vấn đề về từ bao gồm nội dung: phân loại từ theo đặc điểm cấu tạo và đặc điểm ngữ pháp (từ loại). Vấn đề về cụm từ trình bày các loại cụm từ trong tiếng Việt và cấu tạo của các loại cụm từ đó. Phần câu trình bày về các thành phần câu và các kiểu câu được phân loại theo cấu tạo. Dựa vào những kiến thức này, người học có thể lí giải các hiện tượng chuyển loại của từ trong tác phẩm văn học; các nguyên tắc và cách thức cấu tạo cụm từ, cấu tạo câu trong văn bản.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức
- + CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về hệ thống ngữ pháp tiếng Việt.

+ CO2: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về từ (theo đặc điểm cấu tạo và đặc điểm từ loại), sự chuyển loại của từ trong giao tiếp; kiến thức về các quan hệ ngữ pháp tiếng Việt, các cụm từ tiếng Việt, các thành phần câu và các kiểu câu tiếng Việt theo cấu tạo.

- Kỹ năng

+ CO3: giúp sinh viên hình thành và rèn luyện kỹ năng sử dụng từ, câu một cách logic, chuẩn mực; vận dụng các kiến thức Ngữ pháp tiếng Việt vào việc phân tích tác phẩm, nghiên cứu vấn đề cụ thể của tiếng Việt và vào việc giải quyết một vấn đề ngôn ngữ cụ thể của đời sống.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO4: Giúp sinh viên có ý thức bảo vệ tiếng nói dân tộc góp phần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; trân trọng vốn từ ngữ và các quy tắc ngữ pháp, từ đó có cách ứng xử đúng đắn trong việc sử dụng tiếng Việt; có tình cảm yêu quý, thái độ trân trọng đối với di sản tiếng Việt.

+ CO5: Giúp sinh viên hình thành khả năng tự chủ, tự học và tự nghiên cứu, tự tiếp cận và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến ngôn ngữ nói chung và tiếng Việt nói riêng.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Hiểu được các khái niệm cơ bản: ý nghĩa ngữ pháp, phạm trù ngữ pháp, phương thức ngữ pháp và các tính chất của ngữ pháp tiếng Việt.	PLO4, PLO5, PLO6, PLO7	M
CO2	CLO2	Hiểu và phân loại được các kiểu từ tiếng Việt theo tiêu chí cấu tạo.	PLO4, PLO5, PLO6, PLO7	H
	CLO3	Nắm được tiêu chí phân chia từ loại, hệ thống từ loại tiếng Việt hiện đại; nhận diện được từ loại của từ tiếng Việt; hiểu được quy luật chuyển đi từ loại		H

		của từ tiếng Việt.		
	CLO4	Nhận diện được các quan hệ ngữ pháp tiếng Việt và biết cách tạo lập một cụm từ tiếng Việt theo các quan hệ ngữ pháp.	PLO4, PLO5, PLO6, PLO7	H
	CLO5	Nhận diện được các thành phần câu tiếng Việt; biết cách tạo lập và phân tích các kiểu câu tiếng Việt theo tiêu chí cấu tạo câu.	PLO4, PLO5, PLO6, PLO7	H
Kĩ năng				
CO3	CLO6	Kĩ năng sử dụng từ, câu một cách logic, chuẩn mực.	PLO8, PLO10, PLO11	H
	CLO7	Kĩ năng vận dụng các kiến thức ngữ pháp tiếng Việt phân tích tác phẩm và vào việc giải quyết một vấn đề ngôn ngữ cụ thể.	PLO8, PLO10, PLO11	H
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO4	CLO8	Giúp sinh viên có ý thức bảo vệ tiếng nói dân tộc góp phần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; trân trọng vốn từ ngữ và các quy tắc ngữ pháp, từ đó có cách ứng xử đúng đắn trong việc sử dụng tiếng Việt; có tình cảm yêu quý, thái độ trân trọng đối với di sản tiếng Việt.	PLO13, PLO14	H
CO5	CLO9	Giúp sinh viên hình thành khả năng tự chủ, tự học và tự nghiên cứu, tự tiếp cận và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến ngôn ngữ nói chung và tiếng Việt nói riêng.	PLO13, PLO14	H

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	1. Diệp Quang Ban, <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i> , NXB Giáo dục Việt Nam, 2013.
-------------------	--

Tài liệu tham khảo thêm:	<p>2. Diệp Quang Ban, <i>Một số vấn đề về câu tồn tại trong tiếng Việt</i>, Nxb Giáo dục, 1998.</p> <p>3. Diệp Quang Ban và Hoàng Dân, <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i>, Nxb Giáo dục, 2000.</p> <p>4. Lê Biên, <i>Từ loại tiếng Việt hiện đại</i>, Nxb ĐHSP, 1993.</p> <p>5. Cao Xuân Hạo, <i>Tiếng Việt- Máy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp</i>, ngữ nghĩa, Nxb Giáo dục, 1998.</p> <p>6. Đỗ Thị Kim Liên, <i>Bài tập Ngữ pháp tiếng Việt</i>, Nxb Giáo dục, 2002.</p> <p>7. Đái Xuân Ninh, <i>Hoạt động của từ tiếng Việt</i>, Nxb KHXH, 1978.</p> <p>8. Nguyễn Anh Quế, <i>Hư từ trong tiếng Việt hiện đại</i>, Nxb KHXH, 1988.</p>
Các loại học liệu khác:	Các bài viết liên quan trong Tạp chí Ngôn ngữ học, Viện Ngôn ngữ học Việt Nam

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
Đàm thoại, vấn đáp	Thông qua việc giải đáp giữa giáo viên và sinh viên để giải quyết các nội dung kiến thức về ngữ pháp tiếng Việt.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Thuyết trình, hoạt động nhóm	Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp; giải thích đúng các vấn đề liên quan đến kiến thức của môn học.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8
Nêu vấn đề và giải quyết vấn đề	Giúp cho sinh viên hiểu và vận dụng những kiến thức của môn học.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9
Tự học	Giúp sinh viên có năng lực tự học, tự nghiên cứu; rèn luyện ý thức trách nhiệm trong học tập và công việc	CLO6, CLO7, CLO8, CLO9

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
1 (4 tiết)	Chương 1: Ngữ pháp đại cương 1.1. Ngữ pháp và ngữ pháp học 1.1.1. Khái niệm ngữ pháp 1.1.2. Ngữ pháp học 1.2. Hai bộ phận chính của ngữ pháp 1.3. Các đơn vị của ngữ pháp 1.4. Tính chất của ngữ pháp 1.5. Một số khái niệm cơ bản của ngữ pháp	CLO1
2 (4 tiết)	Chương 2: Cấu tạo từ tiếng Việt 2.1. Đơn vị cơ sở của cấu tạo từ 2.2. Các phương thức cấu tạo từ tiếng Việt 2.3. Các kiểu từ tiếng Việt (xét về cấu tạo) 2.3.1. Từ đơn 2.3.2. Từ ghép	CLO2, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9
3 (4 tiết)	Chương 2 (tiếp theo) 2.3.3. Từ láy 2.3.4. Từ ngẫu hợp 2.3.5. Một số đơn vị tương đương từ 2.4. Luyện tập	CLO2, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9
4 (3 tiết)	Chương 3: Từ loại tiếng Việt 3.1. Khái quát về từ loại 3.1.1. Khái niệm từ loại 3.1.2. Lược sử nghiên cứu về từ loại 3.2. Tiêu chí phân chí từ loại tiếng Việt 3.2.1. Dựa vào ý nghĩa khái quát 3.2.2. Dựa vào khả năng kết hợp 3.2.3. Dựa vào chức vụ cú pháp 3.3. Hệ thống từ loại tiếng Việt hiện đại A. Thực từ 3.3.1. Danh từ	CLO3, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9
5 (4 tiết)	Chương 3 (tiếp theo) 3.3.2. Động từ 3.3.3. Tính từ 3.3.4. Số từ	CLO3, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9

	<p>B. Từ loại trung gian</p> <p>3.3.5. Đại từ</p> <p>C. Hư từ</p> <p>3.3.6. Phụ từ</p>	
6 (4 tiết)	<p>Chương 3 (tiếp theo)</p> <p>3.3.7. Quan hệ từ</p> <p>3.3.8. Tình thái từ</p> <p>3.3.9. Thán từ</p> <p>3.4. Sự chuyển loại của từ</p> <p>3.4.1. Khái niệm sự chuyển loại của từ</p> <p>3.4.2. Các hướng chuyển loại của từ</p>	CLO3, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9
7 (4 tiết)	<p>Chương 3 (tiếp theo)</p> <p>3.5. Luyện tập</p> <p>Kiểm tra giữa kì</p>	CLO3, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9
8 (4 tiết)	<p>Chương 4: Cụm từ tiếng Việt</p> <p>4.1. Khái quát về cụm từ tiếng Việt</p> <p>4.2. Các quan hệ cú pháp trong cụm từ tiếng Việt</p> <p>4.2.1. Quan hệ đẳng lập (bình đẳng, song song, liên hợp)</p> <p>4.2.2. Quan hệ chính phụ</p> <p>4.2.3. Quan hệ chủ - vị (tường thuật)</p>	CLO4, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9
9 (4 tiết)	<p>Chương 4 (tiếp theo)</p> <p>4.3. Các loại cụm từ tiếng Việt</p> <p>4.3.1. Cụm danh từ</p> <p>4.3.2. Cụm động từ và cụm tính từ</p> <p>4.4. Luyện tập</p>	CLO4, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9
10 (4 tiết)	<p>Chương 5: Các kiểu câu tiếng Việt theo cấu tạo</p> <p>5.1. Thành phần câu</p> <p>5.1.1. Thành phần chính của câu</p> <p>5.1.2. Các thành phần phụ của câu</p>	CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9
11 (4 tiết)	<p>Chương 5 (tiếp theo)</p> <p>5.2. Phân loại câu tiếng Việt theo cấu tạo</p> <p>5.2.1. Câu đơn</p> <p>5.2.2. Câu tỉnh lược (câu rút gọn)</p> <p>5.2.3. Câu đặc biệt</p>	CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9

	5.2.4. Câu ghép	
12 (4 tiết)	Chương 5 (tiếp theo) 5.2.5. Câu phức 5.3. Luyện tập Ôn tập	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	<i>Quá trình học tập</i>	Sinh viên chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Trong tất cả các buổi học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	40%
		Sinh viên vắng không quá 20% số tiết học.	Trong tất cả các buổi học		
		Sinh viên làm bài tập kiểm tra tại lớp. Tiêu chí đánh giá: Theo đáp án của giảng viên và kỹ năng phân tích, đánh giá, nhận định của sinh viên	Buổi số 7	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	
2	<i>Cuối kỳ</i>	Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết; Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề	Tuần thứ ... của học kỳ	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Trương Thị Mỹ Hậu

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: truongthimyhau@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0934 958 669

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Thị Huyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: nguyenhuyen@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0982969654

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Lên lớp đúng giờ, giảng đủ tiết và đầy đủ nội dung, chuẩn bị tài liệu đầy đủ có liên quan để cung cấp cho sinh viên; sẵn sàng hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập để đảm bảo kết quả học tập.
Yêu cầu đối với sinh viên	Chuẩn bị tài liệu đầy đủ có liên quan, tham dự các bài giảng, làm các bài tập; chuẩn bị trước nội dung bài học, tham gia thảo luận tích cực trong các giờ tự học hoặc trên lớp.
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, tham gia đầy đủ các buổi học, vắng học sẽ bị trừ điểm chuyên cần theo tỉ lệ tương ứng.
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc nghe giảng và ghi chép, tích cực suy nghĩ, thảo luận để trả lời câu hỏi; không làm việc riêng, không sử dụng điện thoại trong giờ học.
Quy định về học vụ	Thực hiện theo quy định đào tạo của nhà trường.
Các quy định khác	- Có chuẩn bị bài tập ở nhà, tham gia thuyết trình trên lớp sẽ được đánh giá vào điểm quá trình

Bình Định, ngày 25 tháng 5 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Th.S. Trương Thị Mỹ Hậu

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Võ Minh Hải

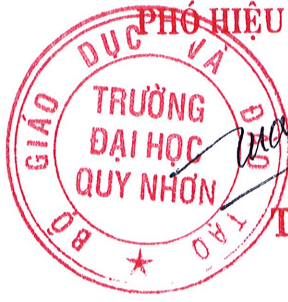
TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Doãn Thuận

TS. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Anh Tuấn

Quỹ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: PHONG CÁCH HỌC TIẾNG VIỆT
Mã học phần: 1060057
Tên tiếng Anh: Vietnamese stylistics

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Phong cách học tiếng Việt
- Mã học phần: 1060057 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Ngữ âm, Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt, Ngữ pháp tiếng Việt
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 25 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 10 tiết
 - + Tự học: 60 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa học Xã hội và Nhân văn

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những tri thức khái quát về phong cách học, tìm hiểu lịch sử hình thành và phát triển của ngành phong cách học trên thế giới và ở Việt Nam; giới thiệu các khái niệm cơ bản trong phong cách học. Nội dung chính của học phần là tập trung làm rõ hai vấn đề lớn của tiếng Việt: 1/Vấn đề phân loại các phong cách chức năng tiếng Việt. 2/Các phương tiện và biện pháp tu từ ở các cấp độ ngôn ngữ, từ ngữ âm-chữ viết, từ vựng-ngữ nghĩa, cú pháp đến cấp độ văn bản của tiếng Việt.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức

- + CO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát về ngành phong cách học và những khái niệm cơ bản trong phong cách học tiếng Việt.
- + CO2: Trang bị cho sinh viên các đặc trưng, đặc điểm ngôn ngữ của từng phong cách chức năng tiếng Việt; các đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ nghệ thuật.
- + CO3: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về các phép tu từ trong tiếng Việt.

- Kỹ năng

+ CO4: Giúp người học hình thành và rèn luyện kỹ năng thực hành phong cách học tiếng Việt; trau dồi năng khiếu thẩm bình văn chương; có thói quen đi tìm những cái hay, độc đáo về mặt ngôn từ trong các sáng tác văn học.

+ CO5: Giúp người học người học biết nhận diện và xây dựng các văn bản theo các phong cách chức năng.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO6: Giúp người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc; phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập.

+ CO7: Giúp người học hình thành thói quen suy nghĩ, lựa chọn ngôn ngữ trước khi sử dụng sao cho đúng phong cách chức năng và đạt hiệu quả cao trong giao tiếp; có thái độ đúng đắn trong việc rèn luyện ngôn ngữ cũng như giữ gìn sự trong sáng của tiếng nói dân tộc.

4. Chuẩn đầu ra của học phần(ký hiệu CLOs)

Mục tiêu học phần(COs)	Chuẩn đầu ra học phần(CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT(PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Người học nắm được các khái niệm cơ bản của ngành phong cách học.		M
CO2	CLO2	Hiểu biết về các đặc trưng, đặc điểm ngôn ngữ của các phong cách chức năng.		M
CO3	CLO3	Nhận diện và phân tích được cơ bản về các phép tu từ trong tiếng Việt.		M
Kỹ năng				
CO4	CLO4	Hình thành và rèn luyện kỹ năng thực hành phong cách học tiếng Việt; trau dồi năng khiếu thẩm bình văn chương; có thói quen đi tìm những cái hay, độc đáo về mặt ngôn từ trong các sáng tác văn học.		H
CO5	CLO5	Kỹ năng nhận diện và soạn thảo văn bản theo các phong		M

		cách chức năng.	
Mức tự chủ và trách nhiệm			
CO6	CLO6	Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, có thái độ học tập nghiêm túc; phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập.	M
CO7	CLO7	Có thói quen sử dụng ngôn ngữ đúng phong cách chức năng; có thái độ đúng đắn trong việc rèn luyện ngôn ngữ cũng như giữ gìn sự trong sáng của tiếng nói dân tộc.	H

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	1. Đinh Trọng Lạc (chủ biên), Nguyễn Thái Hoà, <i>Phong cách học tiếng Việt</i> , Nxb Giáo dục, H, 1994.
Tài liệu tham khảo thêm:	1. Hữu Đạt, <i>Phong cách học tiếng Việt hiện đại</i> , Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, H, 2001. 2. Đinh Trọng Lạc, <i>300 bài tập về phong cách học tiếng Việt</i> , Nxb Giáo dục, H, 1999. 3. Đinh Trọng Lạc, <i>Phong cách học văn bản</i> , Nxb Giáo dục, H, 1999. 4. Đinh Trọng Lạc, <i>99 phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt</i> , Nxb Giáo dục, H, 1996. 5. Cù Đình Tú, <i>Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt</i> , Nxb Giáo dục, H, 2001.
Các loại học liệu khác:	Các bài viết liên quan trong Tạp chí Ngôn ngữ học, Viện Ngôn ngữ học Việt Nam.

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7.
Đàm thoại, vấn đáp	Đặt vấn đề cho sinh viên suy nghĩ, rèn luyện năng lực khái quát hóa và trừu tượng hóa cho	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6.

	sinh viên, đồng thời giải đáp những thắc mắc của sinh viên.	
Bài tập	Củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng vận dụng lý thuyết ngôn ngữ học vào việc giải quyết một vấn đề ngôn ngữ cụ thể.	CLO7, CLO6.
Thuyết trình	Tạo cơ hội cho sinh viên chủ động tiếp cận kiến thức và thể hiện khả năng trình bày trước tập thể.	CLO7, CLO6.

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CDR học phần
(1)	(2)	(3)
1 (03 tiết)	<p style="text-align: center;">Chương 1. Dẫn luận về phong cách học</p> <p>1.1. Khái niệm <i>phong cách học</i></p> <p>1.2. Sơ lược về lịch sử hình thành và phát triển của phong cách học ở Việt Nam và thế giới.</p> <p>1.2.1. Trên thế giới</p> <p>1.2.2. Ở Việt Nam</p> <p>1.3. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của phong cách học</p> <p>1.3.1. Đối tượng</p> <p>1.3.2. Nhiệm vụ</p> <p>1.4. Chuẩn mực phong cách</p> <p>1.4.1. Chuẩn mực ngôn ngữ</p> <p>1.4.2. Chuẩn mực phong cách</p> <p>1.4.3. Vài nét về sự chệch chuẩn mực của một số nhà văn Việt Nam.</p>	CLO1, CLO2
2 (03 tiết)	<p style="text-align: center;">Chương 2. Một số khái niệm cơ bản trong phong cách học</p> <p>2.1. Khái niệm <i>phong cách chức năng ngôn ngữ</i></p> <p>2.1.1. Phong cách chức năng ngôn ngữ</p> <p>2.1.2. Kiểu chức năng của ngôn ngữ</p> <p>2.1.3. Phong cách chức năng và dạng của lời nói</p> <p>2.1.4. Kiểu văn bản và loại văn bản</p> <p>2.2. Đặc điểm tu từ (Màu sắc tu từ)</p> <p>2.3. Màu sắc phong cách</p> <p>2.4. Màu sắc biểu cảm-cảm xúc</p> <p>2.5. Phương tiện tu từ và biện pháp tu từ</p> <p>2.5.1. Phương tiện tu từ</p>	CLO1, CLO2

	2.5.2. Biện pháp tu từ	
3 (03 tiết)	Chương 3. Hệ thống phong cách chức năng tiếng Việt 3.1. Vấn đề phân loại các phong cách chức năng tiếng Việt 3.1.1. Cách phân loại hai bậc 3.1.2. Cách phân loại một bậc 3.2. Các phong cách chức năng tiếng Việt 3.2.1. Phong cách ngôn ngữ hành chính 3.2.2. Phong cách ngôn ngữ khoa học	CLO2, CLO3
4 (03 tiết)	Chương 3. Hệ thống phong cách chức năng tiếng Việt 3.2.3. Phong cách ngôn ngữ chính luận 3.2.4. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt hằng ngày 3.2.5. Phong cách ngôn ngữ báo chí	CLO2, CLO3
6,7 (05 tiết)	Chương 3. Hệ thống phong cách chức năng tiếng Việt 3.3. Thực hành soạn thảo văn bản theo phong cách chức năng	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
8 (03 tiết)	Chương 4. Ngôn ngữ nghệ thuật 4.1. Sự khác biệt giữa ngôn ngữ nghệ thuật và ngôn ngữ phi nghệ thuật 4.1.1. Từ góc độ tín hiệu 4.1.2. Từ góc độ chức năng 4.1.3. Từ góc độ hệ thống 4.1.4. Từ góc độ ngữ nghĩa 4.2. Đặc trưng của ngôn ngữ nghệ thuật 4.2.1. Tính thẩm mỹ 4.2.2. Tính cấu trúc 4.2.3. Tính hình tượng 4.2.4. Tính cá thể hoá 4.2.5. Tính cụ thể hoá KIỂM TRA GIỮA KỲ	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7.
9 (03 tiết)	Chương 5. Các phương tiện và biện pháp tu từ trong tiếng Việt	CLO2, CLO3, CLO4

	<p>5.1. Các phương tiện và biện pháp tu từ từ vựng</p> <p>5.1.1. Các phương tiện tu từ từ vựng</p> <p>5.1.2. Các biện pháp tu từ từ vựng</p>	
<p>10 (03 tiết)</p>	<p>Chương 5. Các phương tiện và biện pháp tu từ trong tiếng Việt và trong các văn bản báo chí</p> <p>5.2. Các phương tiện và biện pháp tu từ ngữ nghĩa</p> <p>5.2.1. Các phương tiện tu từ ngữ nghĩa</p> <p>5.2.2. Các biện pháp tu từ ngữ nghĩa</p>	CLO2, CLO3, CLO4
<p>11 (02 tiết)</p>	<p>Chương 5. Các phương tiện và biện pháp tu từ trong tiếng Việt</p> <p>5.3. Các phương tiện và biện pháp tu từ cú pháp</p> <p>5.3.1. Các phương tiện tu từ cú pháp</p> <p>5.3.2. Các biện pháp tu từ cú pháp</p>	CLO2, CLO3, CLO4
<p>12 (02 tiết)</p>	<p>Chương 5. Các phương tiện và biện pháp tu từ trong tiếng Việt</p> <p>5.4. Các biện pháp tu từ ngữ âm – văn tự</p> <p>5.5. Các phương tiện và biện pháp tu từ văn bản</p>	CLO2, CLO3, CLO4
<p>13,14 (05 tiết)</p>	<p>Chương 5. Các phương tiện và biện pháp tu từ trong tiếng Việt</p> <p>5.6. Thực hành nhận diện và phân tích giá trị tu từ của các phương tiện và biện pháp tu từ trong các sáng tác văn học.</p>	CLO2, CLO3, CLO4, CLO7, CLO6.

(1): Thông tin về buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục. (3): Liệt kê CDR liên quan của học phần (ghi ký hiệu CLO?).

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
-----	--------------------	-------------------	-----------	------------	----------

1	Chuyên cần	- Tham gia đầy đủ các buổi học; - Tích cực phát biểu xây dựng bài trên lớp; - Làm bài tập, chuẩn bị bài mới đầy đủ.	Suốt quá trình đào tạo môn học	CLO7 CLO6	10%
2	Kiểm tra giữa kỳ	Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân.	Làm bài kiểm tra vào giữa thời lượng đào tạo của học phần.	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4, CLO5, CLO6, CLO7.	20%
3	Cuối kỳ	Làm bài thi kết thúc học phần.	Kết thúc môn học	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4, CLO5, CLO6, CLO7.	70%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Thị Huyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: thaihuyen1974@yahoo.com.vn
- Điện thoại liên hệ: 0982969654

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Đặng Thị Thanh Hoa
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: dangthithanhhoa@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0988155139

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	- Giảng dạy đúng giờ, đúng số tiết quy định - Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình môn học.
Yêu cầu đối với sinh viên	- Đi học đúng giờ, chuyên cần. - Đáp ứng các yêu cầu chuẩn bị bài vở của

	5.6. Thực hành nhận diện và phân tích giá trị tu từ của các phương tiện và biện pháp tu từ trong các sáng tác văn học.	
--	--	--

(1): Thông tin về buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục. (3): Liệt kê CDR liên quan của học phần (ghi ký hiệu CLO?).

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	Điểm quá trình	- Sinh viên tham gia đầy đủ các buổi học; - Tích cực phát biểu xây dựng bài trên lớp; - Làm bài tập, chuẩn bị bài mới đầy đủ. - Làm 1 bài kiểm tra cá nhân.	Suốt quá trình đào tạo môn học	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4, CLO5, CLO7 CLO6	40%
2	Cuối kỳ	Làm bài thi kết thúc học phần.	Kết thúc môn học	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4, CLO5, CLO6, CLO7.	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Thị Huyền
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: thaihuyen1974@yahoo.com.vn
- Điện thoại liên hệ: 0982969654

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Trương Thị Mỹ Hậu
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: truongthimyhau@qnu.edu.vn
- Điện thoại liên hệ: 0934958669

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	- Giảng dạy đúng giờ, đúng số tiết quy định; - Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình môn học.
Yêu cầu đối với sinh viên	- Đi học đúng giờ, chuyên cần; - Đáp ứng các yêu cầu chuẩn bị bài vở của giảng viên; - Tích cực tham gia thảo luận; - Chủ động hợp tác trong hoạt động học tập.
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học.
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc trong học tập, tích cực chủ động tham gia xây dựng bài.
Quy định về học vụ	Có đầy đủ tài liệu học tập.
Các quy định khác	- Ăn mặc lịch sự, phù hợp với phong cách sinh viên khi vào lớp; - Không sử dụng điện thoại vào việc riêng và gây rối trong giờ học.

Bình Định, ngày 22 tháng 05 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Nguyễn Thị Huyền

NGUYỄN THỊ HUYỀN

TRƯỞNG BỘ MÔN

Trần Võ Minh Hải

TR. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Anh Tuấn

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Doãn Chuẩn

TS. Nguyễn Doãn Chuẩn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: VĂN HỌC NGA
Mã học phần: 1060234
Tên tiếng Anh: Russian Literature

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Văn học Nga
- Mã học phần: 1060234 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 25 tiết
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Tự học: 55 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Khoa học xã hội và nhân văn

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đặc điểm, tiến trình văn học Nga thế kỷ XX trên các phương diện hệ vấn đề, các môtip nhân vật, những khuynh hướng phong cách thể loại của những tác gia tiêu biểu, những ảnh hưởng qua lại của văn học Nga đối với văn học Việt Nam, rèn kỹ năng phân tích, tìm hiểu văn học Nga.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức

+ CO1: Trang bị cho sinh viên những đặc trưng cơ bản của văn hóa – văn học Nga. Từ đó, có ý thức biết phát huy và sử dụng vốn tri thức vô giá này.

+ CO2: Trang bị cho sinh viên cái nhìn liên ngành để có tầm nhìn khái quát và sâu rộng về văn hóa – văn học Nga và thế giới, góp phần hình thành nên kỹ năng cho công việc và cho cuộc sống trong tương lai.

- Kỹ năng

+ CO3: Giúp sinh viên rèn luyện cả kỹ năng bao quát liên ngành và kỹ năng chuyên sâu về một lĩnh vực cụ thể, cả hai kỹ năng này cùng bổ sung cho nhau.

+ CO4: Giúp sinh viên có kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề một cách chủ động, độc lập.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Giúp sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho tương lai.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Mục tiêu học phần(COs)	Chuẩn đầu ra học phần(CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT(PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Hiểu, vận dụng một cách cơ bản về văn hóa, văn học Nga vào việc dạy văn.	PLO4,5	M
CO2	CLO2	Có cái nhìn liên ngành và liên văn hóa để có tầm nhìn khái quát và sâu rộng về văn học Nga	PLO5	M
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Có kỹ năng bao quát liên ngành và kỹ năng chuyên sâu về văn học Nga từ cổ đại đến hiện đại, ứng dụng vào việc dạy học văn.	PLO5,10	M
CO4	CLO4	Có kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề một cách chủ động, độc lập.	PLO14	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho tương lai.	PLO13,14	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Đỗ Hồng Chung, Nguyễn Kim Đính, Nguyễn Hải Hà... (2003), <i>Lịch sử văn học Nga</i> , Nxb Giáo dục, Hà Nội.
Tài liệu tham khảo thêm:	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Kim Đính (1981), <i>Mac-xim Gorki</i>, Nxb Văn hóa, Hà Nội. 2. V. Sclôpxki (1978), <i>Lep Tôxtôi</i>, Nxb Văn hóa, Hà Nội. 3. Stefan Zweig (1999), <i>Suy tư sống động của Lep Tôxtôi</i>, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội. 4. Hồ Sĩ Vịnh (1983), <i>Puskin</i>, Nxb Văn hóa, Hà Nội. 5. L. Grôxman (1998), <i>Đôxtôiexki cuộc đời và sự nghiệp</i>, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội. 6. Trần Vĩnh Phúc (2004), <i>Nét đẹp Nga trong thơ văn và ngôn ngữ Nga</i>, Nxb Đại học Sư phạm.
Các loại học liệu khác:	Trang web: Thư viện ebook t-ve4u.com

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
[Diễn giảng]	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2
[Đàm thoại, vấn đáp]	Tăng cường khả năng đối thoại, mở rộng các vấn đề liên quan	CLO1, CLO4, CLO5
[Bài tập]	Rèn luyện kỹ năng, nâng cao năng lực thực hành, giải quyết vấn đề	CLO3, CLO4
[Nghiên cứu khoa học]	Rèn luyện tư duy nghiên cứu, tiếp cận các đối tượng khoa học	CLO4

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
1 (4 tiết)	Phần thứ nhất. Văn học Nga thế kỷ XIX Chương 1. Khái quát 1.1 Cuộc khủng hoảng chế độ chuyên chế nông nô và cuộc vận động giải phóng nhân dân Nga 1.2 Bước phát triển nhảy vọt của văn học Nga thế kỷ XIX 1.3 Văn học từ giữa thế kỷ đến 1845. Sự phát triển của chủ nghĩa hiện thực 1.4 Giai đoạn văn học “bản lề” 1895-1917. Sự khủng hoảng lý tưởng thẩm mỹ - sự dự báo chuyển mình	CLO1, CLO2

	1.3 Sự phát triển rực rỡ văn học Nga nửa sau thế kỷ XIX - Vai trò Bêlinxki * Thảo luận: (2 tiết)	
2 (4 tiết)	Chương 2. A.X.Puskin (1799 - 1837) 2.1 Cuộc sống và sáng tác - Thơ trữ tình 2.2 Tiểu thuyết hiện thực <i>Êpghênhin Ônhêghin</i> 2.3 Văn xuôi * Thảo luận: (2 tiết)	CLO1, CLO3, CLO5
3 (4 tiết)	Chương 3. F.M.Đôxtôiepxki (1821 - 1882) 3.1 Vì sao mới xuất hiện trên bầu trời văn học Nga 3.2 Nội dung tư tưởng nghệ thuật 3.3 Một số đặc điểm thi pháp Đôxtôiepxki	CLO1, CLO2
4 (4 tiết)	Chương 4. L.Tônxtôi (1828 - 1910) 4.1 Cuộc đời và con đường sáng tác - <i>Truyện tự thuật</i> 4.2 Chiến tranh và hòa bình 4.3 <i>Anna Karenina</i> * Thảo luận: (2 tiết)	CLO1, CLO2
5 (4 tiết)	Chương 5. A. P. Sêkhốp (1860 - 1914) 5.1 Cuộc đời và con đường sáng tác 5.2 Bậc thầy về truyện ngắn	CLO1, CLO2
6 (3 tiết)	Phần thứ hai. Văn học Nga thế kỷ XX Chương 1. Khái quát 1.1 Giai đoạn văn học 1900 - 1916 1.2 Giai đoạn văn học 1917 - 1924	CLO3, CLO4
7 (4 tiết)	1.3 Mười năm phát triển và nở hoa của văn học Nga Xô-viết Chương 2. A. M. Gorki (1868 - 1836) 2.1 Cuộc đời và con đường sáng tác 2.2 Truyện ngắn thời kỳ đầu * Thảo luận: (2 tiết)	CLO1, CLO2
8 (2 tiết)	Kiểm tra giữa kỳ	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
9 (3 tiết)	2.3 Tiểu thuyết <i>Người mẹ</i> 2.4 Những tác phẩm khác của Gorki Chương 3. V. V. Maiacôpxki (1893 - 1930) 3.1 Cuộc đời và thơ của một nghệ sĩ kiểu mới	CLO1, CLO2, CLO3
10 (3 tiết)	3.2 Trường ca <i>Vladimira Ilir Lênin</i> Chương 4. M. A. Sôlôkhốp (1905 - 1984) 4.1 Nhà văn thiên tài 4.2 <i>Sông Đông êm đềm</i> - Tiểu thuyết sử thi	CLO1, CLO2, CLO4,

	5.1 Cuộc đời và sáng tác 5.2 Truyện ngắn <i>Người thầy đầu tiên</i> 5.3 <i>Một ngày dài hơn thế kỷ</i> * Thảo luận: (2 tiết)	
12 (2 tiết)	Chương 6. Một số tác giả văn học Nga cuối thế kỷ XX	CLO1, CLO2, CLO3

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	<i>Quá trình học tập</i>	<i>Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học</i>	Các buổi học	CLO1, CLO5	40%
		<i>Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng</i>	Các buổi học	CLO5	
		<i>*Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. -Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đầy đủ các luận điểm, diễn đạt rõ ràng, rành mạch...</i>	Giữa kỳ	CLO3, CLO4	
2	Thi kết thúc học phần	<i>Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết. Bài thi được trình bày mạch lạc, sáng rõ, lập luận, diễn đạt chặt chẽ, thể hiện khả năng hiểu biết và diễn đạt của sinh viên.</i>	Cuối kỳ	CLO1, CLO4, CLO5	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Đức Tuấn
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Email: nguyenductuan@qnu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0982082456

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Lê Minh Kha
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ
- Email: minhkhadhqn@yahoo.com Điện thoại liên hệ: 0985948714

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình môn
------------------------	--

	học...
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, thực hiện các yêu cầu học tập từ giáo viên...
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc trong học tập, tích cực phát biểu tham gia xây dựng bài...
Quy định về học vụ	Có đầy đủ tài liệu học tập
Các quy định khác	Tình hình chuẩn bị bài ở nhà, tham gia thuyết trình trên lớp sẽ được đánh giá vào điểm quá trình

Bình Định, ngày 23 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

ThS. Nguyễn Đức Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Võ Minh Hải

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Doãn Thuận

K, HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Anh Tuấn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: VĂN HỌC CHÂU Á 1
Mã học phần: 2030082
Tên tiếng Anh: Asian Literature 1

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Văn học châu Á 1
- Mã học phần: 2030082 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 25 tiết
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Tự học: 60 giờ
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Sư phạm.

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về nền văn học lớn có ảnh hưởng trực tiếp đến văn học Việt Nam là văn học Trung Quốc. Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về đặc điểm, tiến trình văn học Trung Quốc, từ cổ đại đến hiện đại trên các phương diện đặc trưng thể loại, các môtip nhân vật, những tác gia tiêu biểu. Những ảnh hưởng của văn học Trung Quốc đối với văn học Việt Nam, rèn kỹ năng phân tích, giảng dạy văn học Trung Quốc.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức

Giúp sinh viên hiểu biết, nhận thức được:

- CO1: Trang bị cho sinh viên kiến thức về diện mạo văn học Trung Quốc - một bộ môn quan trọng trong bộ môn văn học thế giới. Học phần giúp sinh viên những hiểu biết cơ bản về nền văn học của một đất nước phương Đông tiêu biểu - một nền văn học lâu đời, phong phú đa dạng và nhiều tinh hoa (thể loại và hình thức thể hiện, nhiều danh nhân văn hóa thế giới...).

- CO2: Trang bị cho sinh viên kiến thức về Văn học Trung Quốc trong quá trình vận động, sáng tạo và cách tân về hình thức nghệ thuật lẫn thể tài. Dựa trên hai trục tiến trình thời gian (từ cổ đại đến đương đại) và thể loại (tiêu biểu: thơ Đường, từ Tống, kịch Nguyên, Tiểu thuyết Minh Thanh...), văn học Trung Quốc dần tương thông ra thế giới.

- Kỹ năng

- CO3: Giúp sinh viên có kỹ năng phân tích – giảng dạy tác phẩm văn học Trung Quốc.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

- CO4: Giúp sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho tương lai.

- CO5: Giúp sinh viên có cái nhìn khoa học và khách quan khi đánh giá vấn đề và nhìn nhận cuộc sống

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Hiểu một cách cơ bản về văn hóa – văn học Trung Quốc.	PLO1	M
CO2	CLO2	Quá trình vận động, sáng tạo và cách tân về hình thức nghệ thuật lẫn thể tài của văn học Trung Quốc.	PLO2	M
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Có kỹ năng phân tích – giảng dạy các tác phẩm văn học Trung Quốc.	PLO3	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO4	CLO4	Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, có thái độ học tập nghiêm túc.	PLO4	M
CO5	CLO5	Phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập.	PLO5	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	1. Sở Nghiên cứu văn học, Viện khoa học xã hội Trung Quốc, <i>Lịch sử văn học Trung Quốc</i> (3 tập), Nxb Giáo dục, H, 1997.
Tài liệu tham khảo thêm:	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Hiến Lê, <i>Đại cương văn học Trung Quốc</i>, Sài Gòn, 1964 2. Trần Trọng San, <i>Văn học Trung Quốc</i> (3 tập), Nxb Bắc Đẩu, Sài Gòn, 1969 3. Huỳnh Minh Đức (biên dịch), <i>Văn học Trung Quốc</i>, Nxb Minh Tâm, Sài Gòn, 1975 4. Phương Lưu, <i>Tinh hoa lý luận văn học Trung Quốc</i>, Nxb Giáo dục, H., 1976 5. I. S Lisevich, <i>Tư tưởng văn học Trung Quốc cổ xưa</i>, Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, (Trần Đình Sử dịch), 1993

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1,2
Đàm thoại, vấn đáp	Đặt vấn đề cho sinh viên suy nghĩ, rèn luyện năng lực khái quát hóa và trừu tượng hóa cho sinh viên, đồng thời giải đáp những thắc mắc của sinh viên.	CLO3
Bài tập	Củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, cảm thụ tác phẩm văn học cho sinh viên.	CLO1,2,3
Thuyết trình	Tạo cơ hội cho sinh viên chủ động tiếp cận kiến thức và thể hiện khả năng trình bày trước tập thể.	CLO5

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
1 (6tiết)	<p>Chương 1. Văn học cổ đại</p> <p>1.1 <i>Khái quát</i> (vị trí, đặc điểm, nội dung tư tưởng, loại hình... văn học trước Tần)</p> <p>1.2 <i>Kinh Thi</i></p> <p>1.3 <i>Khuất Nguyên và Ly Tao</i></p> <p>1.4 <i>Văn học Hán: Sử kí - Tư Mã Thiên</i></p>	CLO1,2,4,5
2 (8 tiết)	<p>Chương 2. Văn học Trung đại</p> <p>2.1 <i>Thơ Đường</i></p> <p>2.2.1 <i>Khái quát</i></p> <p>2.2.2 <i>Quá trình diễn biến và các trường phái thơ Đường</i></p> <p>2.2.3 <i>Đặc điểm thi pháp</i></p> <p>2.2.4 <i>Thơ Đường trong lịch sử văn chương Trung Quốc và văn học thế giới</i></p> <p>2.2.5 <i>Lý Bạch</i></p> <p>2.2.6 <i>Đỗ Phủ</i></p>	CLO1,2,4,5
3 (2 tiết)	Kiểm tra giữa kì	CLO1,2,4,5
4 (6 tiết)	<p>2.2 <i>Tiểu thuyết cổ điển Minh Thanh</i></p> <p>2.3.1 <i>Khái quát</i></p> <p>2.3.2 <i>Tiến trình phát triển của tiểu thuyết</i></p> <p>2.3.3 <i>Đặc trưng thi pháp</i></p> <p>2.3.4 <i>Các bộ tiểu thuyết (Đọc - hiểu văn bản: Tam Quốc, Thủy hử, Tây du, Kim Bình Mai, Hồng lâu mộng, Liêu trai chí dị)</i></p>	CLO1,2,3,4,5
5 (6 tiết)	<p>Chương 3. Văn học hiện đại</p> <p>3.1 <i>Văn học Ngũ Tứ</i></p> <p>3.2 <i>Lỗ Tấn</i></p>	CLO1,2,3,4,5

5 (6 tiết)	Chương 3. Văn học hiện đại 3.1 Văn học Ngũ Tứ 3.2 Lỗ Tấn 4.2.1 Thời đại, cuộc đời, sự nghiệp 4.2.2 Truyện ngắn	CLO1,2,3,4,5
6 (2 tiết)	Ôn tập	CLO1,2,3,4,5

(1): Thông tin về buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục. (3): Liệt kê CDR liên quan của học phần (ghi ký hiệu CLO?).

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	Quá trình học tập	<i>Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học</i>	Các buổi học	CLO1, CLO5	40%
		<i>Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tỷ số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng</i>	Các buổi học	CLO5	
		<i>*Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. -Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đầy đủ các luận điểm, diễn đạt rõ ràng, rành mạch...</i>	Giữa kỳ	CLO3, CLO4	
2	Thi kết thúc học phần	<i>Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết. Bài thi được trình bày mạch lạc, sáng rõ, lập luận, diễn đạt chặt chẽ, thể hiện khả năng hiểu biết và diễn đạt của sinh viên.</i>	Cuối kỳ	CLO1, CLO4, CLO5	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Thị Nguyệt Trinh

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: nguyettrinh76@gmail.com
- Điện thoại liên hệ: 0988450918

9.2. Giảng viên 2

Họ và tên: Lê Minh Kha

- Chức danh, học hàm, học vị:Thạc sĩ
- Email:minhkhadhqn@yahoo.com
- Điện thoại liên hệ:

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	- Giảng dạy đúng giờ, đúng số tiết quy định - Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình môn học.
Yêu cầu đối với sinh viên	- Đi học đúng giờ, chuyên cần. - Đáp ứng các yêu cầu chuẩn bị bài vở của giảng viên. - Tích cực tham gia thảo luận. - Chủ động hợp tác trong hoạt động học tập.
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc trong học tập, tích cực chủ động tham gia xây dựng bài.
Quy định về học vụ	Có đầy đủ tài liệu học tập.
Các quy định khác	- Ăn mặc đàng hoàng, phù hợp với phong cách sinh viên khi vào lớp. - Không sử dụng điện thoại vào việc riêng và gây rối trong giờ học.

Bình Định, ngày 23 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Thị Nguyệt Trinh

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Võ Minh Hải

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Doãn Thuận



TS. Đinh Anh Tuấn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA KHXH & NV Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: VĂN HỌC CHÂU Á 2
Mã học phần: 2030083
Tên tiếng Anh: Asian Literature 2

1. Thông tin chung về học phần:

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Văn học châu Á 2
- Mã học phần: 2030083 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 25 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp:
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Tự học: 60
- Khoa phụ trách học phần: Khoa KHXH-NV

2. Mô tả học phần

Môn học giới thiệu về hai nền văn học lớn của châu Á là Ấn Độ và Nhật Bản. Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về sự phát triển của văn học Ấn Độ - Nhật Bản: đặc điểm, tiến trình, đặc trưng thể loại, các môtip nhân vật, những tác gia tiêu biểu, sự ảnh hưởng của văn học Ấn Độ - Nhật Bản đối với văn học Việt Nam. Rèn kỹ năng phân tích một số tác phẩm tiêu biểu văn học Ấn Độ - Nhật Bản.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức

- CO1: Chỉ ra được những đặc trưng cơ bản của văn hoá – văn học Ấn Độ và Nhật Bản.

- CO2: Có cái nhìn liên ngành và liên khu vực để có tầm nhìn khái quát và sâu rộng về thế giới, góp phần hình thành nên kỹ năng cho công việc và cho cuộc sống trong tương lai.

- Kỹ năng

- CO3: Cảm thụ và phân tích tác phẩm văn học Ấn Độ và Nhật Bản.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

- CO4: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho tương lai.

- CO5: Có cái nhìn khoa học và khách quan khi đánh giá vấn đề và nhìn nhận cuộc sống

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Hiểu một cách cơ bản về văn hóa – văn học Ấn Độ và Nhật Bản.	PLO1	M
CO2	CLO2	Có kỹ năng phân tích – tổng hợp, so sánh các tác gia, tác phẩm của văn học Ấn Độ và Nhật Bản.	PLO2	M
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Vận dụng được những hiểu biết của mình vào việc làm bài tập, viết lách, hoạt động giảng dạy, nghiên cứu.	PLO3	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO4	CLO4	Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, có thái độ học tập nghiêm túc.	PLO4	M
CO5	CLO5	Phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập.	PLO5	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	1.Lưu Đức Trung, <i>Văn học Ấn Độ</i> , Nxb Giáo dục, H.,
-------------------	---

	<p>1997</p> <p>2. Chuyên đề <i>Văn học Nhật Bản</i>, Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn Quốc gia, H. 1998.</p>
Tài liệu tham khảo thêm:	<p>1. Lưu Đức Trung, <i>Bước vào vườn hoa văn học châu Á</i>, Nxb Giáo dục, H., 2003.</p> <p>2. W. Durant, <i>Lịch sử văn minh Ấn Độ</i>, Nguyễn Hiến Lê dịch, Trung tâm thông tin Đại học sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 1992</p> <p>3. Nguyễn Đức Dân, <i>Tư tưởng triết học và đời sống văn hoá văn học Ấn Độ</i>, Tủ sách Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, 1997</p> <p>6. Lê Nguyên Cẩn (chủ biên), <i>Valmiki</i>, Nxb Đại học sư phạm, H., 2006.</p> <p>7. Nhật Chiêu, <i>Nhật Bản trong chiếc gương soi</i>, Nxb Giáo dục, H., 2003</p> <p>12. Nhật Chiêu, <i>Thơ ca Nhật Bản</i>, Nxb Giáo dục, H., 1998</p> <p>14. N.I. Konrat, <i>Văn học Nhật Bản từ cổ đến cận đại</i>, Trịnh Bá Dĩnh dịch, Nxb Đà Nẵng., 1999</p>

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1,2
Đàm thoại, vấn đáp	Đặt vấn đề cho sinh viên suy nghĩ, rèn luyện năng lực khái quát hóa và trừu tượng hóa cho sinh viên, đồng thời giải đáp những thắc mắc của sinh viên.	CLO3
Bài tập	Củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, cảm thụ tác phẩm văn học cho sinh viên.	CLO1,2,3
Thuyết trình	Tạo cơ hội cho sinh viên chủ	CLO5

	động tiếp cận kiến thức và thể hiện khả năng trình bày trước tập thể.	
--	---	--

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
1 (3 tiết)	<p>Phần I: Văn học Ấn Độ</p> <p>Chương 1. Khái quát về đặc điểm văn hóa Ấn Độ và sự ảnh hưởng của nó đến sự phát triển của văn học Ấn Độ</p> <p>1.1 Cội nguồn văn hoá Độ - nền văn minh Ấn - Hằng và Hymalya</p> <p>1.2 Đặc trưng tư duy Ấn Độ</p>	CLO1,2,4,5
2 (3 tiết)	<p>1.3 Đẳng cấp – Tôn giáo và Triết học ở Ấn Độ</p> <p>1.4 Ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ đối với khu vực, văn hoá Việt Nam</p> <p>1.5 Đặc điểm chung văn học Ấn Độ</p>	CLO1,2,4,5
3 (3 tiết)	<p>Chương 2. Văn học cổ đại - văn học dân gian</p> <p>2.1 Văn chương Veda - Upanisad</p> <p>2.2 Thời đại sử thi của văn hóa Ấn Độ</p> <p>2.2.1 <i>Khái quát</i></p> <p>2.2.2 <i>Sử thi Mahabharata</i></p> <p>2.2.3 <i>Sử thi Ramayana</i></p>	CLO2,3,4,5
4 (3 tiết)	<p>Chương 3. Văn học trung đại - văn học viết</p> <p>3.1 Đặc điểm lịch sử xã hội và những ảnh hưởng của nó đến thời kỳ văn học cổ điển Ấn Độ</p> <p>3.2 Thời Phục hưng Guyta với Kalidasa</p> <p>3.2.1 <i>Cuộc đời - quá trình sáng tác của Kalidasa</i></p> <p>3.2.2 <i>Kịch thơ Sokuntola</i></p> <p>3.3 Một số gương mặt tiêu biểu: Cabir (1440 - 1528), Runxta (1532 - 1623)</p>	CLO1,2,4,5

<p>5 (3 tiết)</p>	<p>4.1 Khái quát - Bối cảnh giao lưu Ấn Độ - Phương Tây và diện mạo mới.</p> <p>4.2 Rabindranath Tagore (1861 - 1941)</p> <p>4.2.1 Thời đại Phục hưng Ấn Độ và hành trình của một nghệ sĩ thiên tài</p> <p>4.2.2 Tư tưởng nghệ thuật và quá trình sáng tạo</p> <p>4.2.3 Đặc điểm thi pháp thơ Tagore</p>	<p>CLO1,2,4,5</p>
<p>6 (2 tiết)</p>	<p>Kiểm tra giữa kì</p>	<p>CLO1,2,3,4,5</p>
<p>7 (3 tiết)</p>	<p>4.3 Premchandơ (1880 - 1936)</p> <p>4.3.1 Cuộc đời và quá trình sáng tạo</p> <p>4.3.2 Tư tưởng nghệ thuật và những đóng góp của Premchandơ cho sự hình thành chủ nghĩa hiện thực trong văn học Ấn.</p>	<p>CLO1,2,3,4,5</p>
<p>8 (3 tiết)</p>	<p>Phần II. Văn học Nhật Bản</p> <p>Chương 1. Khái quát một số đặc điểm tự nhiên, văn hoá</p> <p>1.1 Dẫn nhập - Nhận diện Nhật Bản - Cái nhìn tổng quát về văn hoá</p> <p>1.2 Diện mạo chung và một số đặc điểm văn học Nhật</p> <p>1.3 Văn học Nhật Bản trong cái nhìn tương quan với văn học Việt Nam</p>	<p>CLO1,2,3,4,5</p>
<p>9 (3 tiết)</p>	<p>Chương 2. Văn học cổ điển Nhật Bản trải qua các thời đại</p> <p>2.1 Khởi nguồn từ <i>Kojiki</i> (Cổ sự kí)</p> <p>2.2 Đến <i>Manyoshu</i> (Vạn điệp tập) - Hợp tuyển thơ ca vĩ đại của thế giới</p> <p>2.3 Thời Heian (thế kỷ IX - XVI)</p> <p>2.4 Thời Edo với thể thơ Haiku</p> <p>2.4.1 Khái quát (Thể thơ, quá trình hình</p>	<p>CLO2,3,4,5</p>

	<p>thành, một số đặc điểm thi pháp và cấu trúc nghệ thuật thơ Haiku)</p> <p>2.4.2 Basho - Bậc thầy vĩ đại về thơ Haiku</p> <p>2.4.3 Buson - Thi sĩ của mùa xuân</p> <p>2.4.4 Issa - Sự đồng cảm của những niềm đau</p>	
10 (4 tiết)	<p>Chương 3. Văn học hiện đại</p> <p>3.1 Giới thiệu sơ lược văn học Nhật Bản hiện đại thời Minh Trị đến nay</p> <p>3.2 Kawabata Yasunari</p> <p>3.3 Kenzaburo Oe</p>	CLO1,2,4,5

(1): Thông tin về buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục. (3): Liệt kê CDR liên quan của học phần (ghi ký hiệu CLO?).

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	Quá trình học tập	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	Các buổi học	CLO1, CLO5	40%
		Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	Các buổi học	CLO5	
		*Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. -Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đầy đủ các luận điểm, diễn đạt rõ ràng, rành mạch...	Giữa kỳ	CLO3, CLO4	
2	Thi kết thúc học phần	Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết. Bài thi được trình bày mạch lạc, sáng rõ, lập luận, diễn đạt chặt chẽ, thể hiện khả năng hiểu biết và diễn đạt của sinh viên.	Cuối kỳ	CLO1, CLO4, CLO5	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Thị Nguyệt Trinh
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: nguyettrinh76@gmail.com
- Điện thoại liên hệ: 0988450918

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Lê Minh Kha
- Chức danh, học hàm, học vị:Thạc sĩ
 - Email:minhkhadhqn@yahoo.com
 - Điện thoại liên hệ:

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	- Giảng dạy đúng giờ, đúng số tiết quy định - Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình môn học.
Yêu cầu đối với sinh viên	- Đi học đúng giờ, chuyên cần. - Đáp ứng các yêu cầu chuẩn bị bài vở của giảng viên. - Tích cực tham gia thảo luận. - Chủ động hợp tác trong hoạt động học tập.
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc trong học tập, tích cực chủ động tham gia xây dựng bài.
Quy định về học vụ	Có đầy đủ tài liệu học tập.
Các quy định khác	- Ăn mặc đàng hoàng, phù hợp với phong cách sinh viên khi vào lớp. - Không sử dụng điện thoại vào việc riêng và gây rối trong giờ học.



Bình Định, ngày 2 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Thị Nguyệt Trinh

TS. Võ Minh Hải

TS. Nguyễn Doãn Thuận



KỶ HIỆU TRƯỞNG
 ĐẠI HIỆU TRƯỞNG
 TS. Đinh Anh Tuấn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: VĂN HỌC CHÂU ÂU
Mã học phần: 2030084
Tên tiếng Anh: European Literature

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Văn học Châu Âu
- Mã học phần: 2030084 Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 40 tiết
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Tự học: 85 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Khoa học xã hội và nhân văn

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đặc văn học phương Tây trên các phương diện tiến trình lịch sử, trào lưu, thể loại... tập trung vào sáng tác của những tác gia tiêu biểu, những ảnh hưởng của văn học phương Tây đối với văn học Việt Nam

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức
 - + CO1: Trang bị cho sinh viên kiến thức về những đặc trưng cơ bản của văn hóa – văn học Phương Tây. Từ đó, giúp sinh viên có ý thức biết phát huy và sử dụng vốn tri thức vô giá này.
 - + CO2: Trang bị cho sinh viên cái nhìn liên ngành để có tầm nhìn khái quát và sâu rộng về phương Tây và thế giới, góp phần hình thành nên kỹ năng cho công việc và cho cuộc sống trong tương lai.
- Kỹ năng
 - + CO3: Giúp sinh viên rèn luyện cả kỹ năng bao quát liên ngành và kỹ năng chuyên sâu về một lĩnh vực cụ thể, cả hai kỹ năng này cùng bổ sung cho nhau.
 - + CO4: Giúp sinh viên có kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề một cách chủ động, độc lập.
- Mức tự chủ và trách nhiệm
 - + CO5: Giúp sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho tương lai.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Mục tiêu học phần(COs)	Chuẩn đầu ra học phần(CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT(PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Hiểu vận dụng một cách cơ bản văn học Phương Tây, ứng dụng vào dạy học văn trong nhà trường.	PLO4,5,6	M
CO2	CLO2	Có cái nhìn liên ngành và liên văn hóa để có tầm nhìn khái quát và sâu rộng về văn học Phương Tây	PLO5,10	M
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Có kĩ năng bao quát liên ngành và kĩ năng chuyên sâu về văn học phương Tây từ cổ đại đến hiện đại, ứng dụng vào giảng dạy văn ở trường phổ thông	PLO10	M
CO4	CLO4	Có kĩ năng phát hiện, giải quyết vấn đề một cách chủ động, độc lập.	PLO14	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kĩ năng nghiệp vụ cho	PLO13,14	M

tương lai.

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	1. Đặng Anh Đào, Hoàng Nhân, Lương Duy Trung, Nguyễn Đức Nam, Nguyễn Thị Hoàng, Nguyễn Văn Chính, Phùng Văn Tửu, <i>Văn học Phương Tây</i> , Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998
Tài liệu tham khảo thêm:	<ol style="list-style-type: none"> 1. Aristote, Lưu Hiệp, <i>Nghệ thuật thi ca & Văn tâm điều long</i>, Nxb Văn học, Hà Nội, 1999 2. Nguyễn Văn Khoá, <i>Anh hùng ca của Hômerô</i>, Nxb Văn học, Hà Nội., 2002 3. Nguyễn Mạnh Tường, <i>Aiskhylos (Eschyle) và bi kịch cổ đại Hi Lạp</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1996 4. Nguyễn Văn Dân, <i>Từ điển thần thoại Hi Lạp - La Mã</i>, Nxb Văn hoá - Thông tin, Trung tâm văn hoá ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2000 5. E.M. Meletinsky, <i>Thi pháp của huyền thoại</i>, Trần Nho Thìn, Song Mộc dịch, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004. 6. Nguyễn Thế Nghĩa, Đoàn Chính (chủ biên), <i>Lịch sử triết học, tập 1: Triết học cổ đại</i>, Nxb Khoa học xã hội, 2002. 7. Phan Quý, Đỗ Đức Hiều (chủ biên) (2005), <i>Lịch sử văn học Pháp</i> (tập 1), Nxb Đại học quốc gia Hà Nội. 8. Phùng Văn Tửu, Lê Hồng Sâm (chủ biên), <i>Lịch sử văn học Pháp</i> (tập 2), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. 9. Đặng Thị Hạnh (chủ biên)(2005), <i>Lịch sử văn học Pháp</i> (tập 1), Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
Các loại học liệu khác:	Trang web: Thư viện ebook t-ve4u.com

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
[Diễn giảng]	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2
[Đàm thoại, vấn đáp]	Tăng cường khả năng đối thoại mở rộng các vấn đề liên quan	CLO1, CLO4, CLO5
[Bài tập]	Rèn luyện kỹ năng, nâng cao năng lực thực hành, giải quyết vấn đề	CLO3, CLO4
[Nghiên cứu khoa học]	Rèn luyện tư duy nghiên cứu, tiếp cận các đối tượng khoa học	CLO4

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CDR học phần
(1)	(2)	(3)

1 (4 tiết)	<p>1. Khái quát về lịch sử, văn hóa của Hy Lạp</p> <p>1.1. Thời đại:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn gốc – Quá trình phát triển – Bối cảnh văn hóa chung - Thành tựu tiêu biểu <p>1.2. Thần thoại Hy Lạp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm thần thoại – nguồn gốc – quá trình hình thành – đặc trưng – các loại thần thoại 	CLO1, CLO2
2 (4 tiết)	<p>2. Sử thi Hômero:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời đại Hômero – Vấn đề Hômero – Những đặc trưng sử thi trong thời đại này. - Sử thi <i>Iliat</i>: giá trị hiện thực – tư tưởng – nghệ thuật - Sử thi <i>Ôđiôe</i>: giá trị hiện thực – tư tưởng – nghệ thuật * Thảo luận: (2 tiết) 	CLO1, CLO3, CLO5
3 (4 tiết)	<p>3. Bi kịch Hy Lạp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn gốc – quá trình ra đời – thành tựu - 3 tác gia tiêu biểu: Etsin, Xôphôclo, Ôripit 	CLO1, CLO2
4 (4 tiết)	<p>4. Khái quát văn hóa – văn học Phục hưng phương Tây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên gọi – bối cảnh lịch sử, văn hóa - Chủ nghĩa nhân văn * Thảo luận: (2 tiết) 	CLO1, CLO2
5 (4 tiết)	<p>5. Văn học Phục hưng Anh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời đại, bối cảnh - Nhà thơ, kịch tác gia tiêu biểu: W.Sêcxpia: cuộc đời – sự nghiệp sáng tác - Hai vở kịch của Sêcxpia: “Romeo và Juliet”, “Hamlet”. * Thảo luận: (2 tiết) 	CLO1, CLO2
6 (4 tiết)	<p>6. Văn học Pháp thế kỉ XVII</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hóa... Pháp thế kỉ XVII - Các khuynh hướng văn học - Các tác giả (Pierre Corneille, Jean Racine, Moliere) 	CLO3, CLO4
7 (4 tiết)	<p>7. Văn học Pháp và Châu Âu thế kỉ XVIII</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hóa... của Pháp và Châu Âu thế kỉ XVIII - Thuật ngữ Ánh sáng - Tác giả tiêu biểu (Montesquieu, V. Voltaire, Diderot) - Văn học Anh thế kỷ XVIII và Daniel Defoe - Văn học Đức thế kỷ XVIII và J.W.Goethe * Thảo luận: (2 tiết) 	CLO1, CLO2
8	8. Kiểm tra giữa kỳ	CLO1, CLO2, CLO3,

	- Văn học Anh thế kỷ XVIII và Daniel Defoe - Văn học Đức thế kỷ XVIII và J.W.Goethe * Thảo luận: (2 tiết)	
8 (2 tiết)	Kiểm tra giữa kỳ	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
9 (4 tiết)	9. Văn học Pháp và Châu Âu thế kỉ XIX - Hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hóa... Pháp và Châu Âu thế kỉ XIX; sự ra đời các trào lưu văn học lãng mạn, hiện thực, tượng trưng, tự nhiên chủ nghĩa. - Victor Hugo	CLO1, CLO2, CLO3
10 (4 tiết)	- H.Balzac - Văn học Anh thế kỷ XIX và Charles Dickens	CLO1, CLO2, CLO4,
11 (4 tiết)	10. Văn học Pháp và Châu Âu thế kỉ XX * Trào lưu đổi mới nghệ thuật ở Pháp và Châu Âu. - Bernard Shaw	CLO1, CLO2, CLO3
12 (4 tiết)	- B.Brecht, Kafka, Inonesco * Thảo luận: (2 tiết)	CLO1, CLO2, CLO3

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	Quá trình học tập	<i>Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học</i>	Các buổi học	CLO1, CLO5	40%
		<i>Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng</i>	Các buổi học	CLO5	
		<i>*Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. -Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đầy đủ các luận điểm, diễn đạt rõ ràng, rành mạch...</i>	Giữa kỳ	CLO3, CLO4	
2	Thi kết thúc học phần	<i>Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết. Bài thi được trình bày mạch lạc, sáng rõ, lập luận, diễn đạt</i>	Cuối kỳ	CLO1, CLO4, CLO5	60%

		chặt chẽ, thể hiện khả năng hiểu biết và diễn đạt của sinh viên.			
--	--	--	--	--	--

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Lê Minh Kha
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ
- Email: minhkhadhqn@yahoo.com Điện thoại liên hệ: 0985948714

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Thị Nguyệt Trinh
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: nguyettrinh76@gmail.com. Điện thoại liên hệ: 0988450918

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình môn học...
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, thực hiện các yêu cầu học tập từ giáo viên...
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc trong học tập, tích cực phát biểu tham gia xây dựng bài...
Quy định về học vụ	Có đầy đủ tài liệu học tập
Các quy định khác	Tình hình chuẩn bị bài ở nhà, tham gia thuyết trình trên lớp sẽ được đánh giá vào điểm quá trình

Bình Định, ngày 22 tháng 1 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

ThS. Lê Minh Kha

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Võ Minh Hải

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Doãn Thuận



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: VĂN HỌC CHÂU MỸ
Mã học phần: 2030087
Tên tiếng Anh: Literature of the Americas

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Văn học Châu Mỹ
- Mã học phần: 2030087 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần học trước: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 25 tiết
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Tự học: 60 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Khoa học xã hội và nhân văn

2. Mô tả học phần

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về đặc điểm văn học Mỹ, Mỹ La tinh thế kỷ XX trên các phương diện trào lưu, thể loại, tập trung vào sáng tác của những tác gia tiêu biểu, những ảnh hưởng của văn học Mỹ đối với văn học Việt Nam

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức
 - + CO1: Giúp cho sinh viên nhận thức được những đặc trưng cơ bản của văn hóa – văn học Mỹ và Mỹ Latinh. Từ đó, có ý thức biết phát huy và sử dụng vốn tri thức vô giá này.
 - + CO2: Có cái nhìn liên ngành để có tầm nhìn khái quát và sâu rộng về thế giới, góp phần hình thành nên kỹ năng cho công việc và cho cuộc sống trong tương lai.
- Kỹ năng
 - + CO3: Rèn luyện cả kỹ năng bao quát liên ngành và kỹ năng chuyên sâu về một lĩnh vực cụ thể, cả hai kỹ năng này cùng bổ sung cho nhau.
 - + CO4: Có kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề một cách chủ động, độc lập.
- Mức tự chủ và trách nhiệm
 - + CO5: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho tương lai.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Mục tiêu học phần(COs)	Chuẩn đầu ra học phần(CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT(PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

Kiến thức				
CO1	CLO1	Hiểu, vận dụng một cách cơ bản về văn hóa, văn học Mỹ - Mỹ Latinh vào hoạt động dạy học văn	PLO4,5,6	M
CO2	CLO2	Có cái nhìn liên ngành và liên văn hóa để có tầm nhìn khái quát và sâu rộng về văn học Mỹ - Mỹ Latinh	PLO5	M
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Có kỹ năng bao quát liên ngành và kỹ năng chuyên sâu về văn học Mỹ - Mỹ Latinh, ứng dụng vào giảng dạy văn học.	PLO10	M
CO4	CLO4	Có kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề một cách chủ động, độc lập.	PLO14	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho tương lai.	PLO13,14	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Lê Huy Bắc, <i>Văn học Mỹ</i> , Nxb Đại học Sư phạm, 2002
Tài liệu tham khảo thêm:	1. Đặng Anh Đào, Hoàng Nhân, Lương Duy Trung..., <i>Văn học phương Tây</i> , Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1999 2. Phùng Văn Tửu, Đỗ Ngoạn (1983), <i>Văn học thế kỉ phương Tây XVIII</i> , Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà Nội. 3. E.M. Meletinsky, <i>Thi pháp của huyền thoại</i> , Trần Nho Thìn, Song Mộc dịch, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004. 4. Lê Huy Bắc, <i>Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo và G.G.Marquez</i> , Nxb. Giáo dục, 2009. Nxb Khoa học xã hội, H. 2001.
Các loại học liệu khác:	Trang web: Thư viện ebook t-ve4u.com

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
[<i>Diễn giảng</i>]	<i>Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.</i>	CLO1, CLO2
[<i>Đàm thoại, vấn đáp</i>]	<i>Tăng cường khả năng đối thoại, mở rộng các vấn đề liên quan</i>	CLO1, CLO4, CLO5
[<i>Bài tập</i>]	<i>Rèn luyện kỹ năng, nâng cao năng lực thực hành, giải quyết vấn đề</i>	CLO3, CLO4
[<i>Nghiên cứu khoa học</i>]	<i>Rèn luyện tư duy nghiên cứu, tiếp cận các đối tượng khoa học</i>	CLO4

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
1 (4 tiết)	1. Khái quát về lịch sử, văn hóa của nước Mỹ - Quá trình hình thành dân tộc – sự dung hợp văn hóa – những đặc trưng tâm thức dân tộc Mỹ	CLO1, CLO2
2 (4 tiết)	2. Các giai đoạn phát triển của văn học Mỹ: - thời kỳ lập quốc – thời kỳ giành độc lập – thế kỷ XIX – thế kỷ XX Thảo luận (2 tiết)	CLO1, CLO3, CLO5
3 (4 tiết)	3. Mark Twain - Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác – quan niệm và phong cách nghệ thuật - Các tác phẩm: <i>Những cuộc phiêu lưu của Tom Sawyer</i> ; <i>Những cuộc phiêu lưu của Huck Finn</i> Thảo luận (2 tiết)	CLO1, CLO2

4 (3 tiết)	2.3 Văn học chịu ảnh hưởng sâu sắc của Phật giáo. Mối quan hệ giữa Thiên và Thơ. 2.4 Văn học chịu ảnh hưởng sâu sắc của Nho giáo (Trung Quốc, Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản).	CLO1, CLO2
5 (4 tiết)	4. O.Henry - Vài nét về tác giả: con người và số phận, sự nghiệp sáng tác - Nghệ thuật truyện ngắn của O.Henry Thảo luận (2 tiết)	CLO1, CLO2
6 (3 tiết)	5. Jack London - Vài nét về tác giả, quan điểm nghệ thuật và phong cách sáng tác - Các tác phẩm: Tiếng gọi nơi hoang dã, Nanh trắng.	CLO3, CLO4
7 (2 tiết)	Kiểm tra giữa kỳ	CLO1, CLO2
8 (4 tiết)	6. E.Hemingway - Cuộc đời và sự nghiệp của nhà văn - Nguyên lý “tảng băng trôi” - Truyện ngắn của Hemingway Thảo luận (2 tiết)	CLO1, CLO2, CLO3
9 (4 tiết)	- Các tiểu thuyết của E.Hemingway: <i>Giã từ vũ khí, Chuông nguyện hồn ai, Ông già và biển cả.</i> 7. Khái quát lịch sử, văn hóa, văn học Mỹ Latinh - Vùng đất huyền ảo – đặc trưng tâm thức – Chủ nghĩa hiện thực ảo Mỹ Latinh Thảo luận (2 tiết)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
10 (3 tiết)	9. Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo trong sáng tác của G.G.Marquez - “Trăm năm cô đơn” - Truyện ngắn	CLO4, CLO5

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	Quá trình học tập	<i>Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học</i>	Các buổi học	CLO1, CLO5	40%
		<i>Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy</i>	Các buổi học	CLO5	

		số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng			
		*Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. -Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đầy đủ các luận điểm, diễn đạt rõ ràng, rành mạch...	Giữa kỳ	CLO3, CLO4	
2	Thi kết thúc học phần	Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết. Bài thi được trình bày mạch lạc, sáng rõ, lập luận, diễn đạt chặt chẽ, thể hiện khả năng hiểu biết và diễn đạt của sinh viên.	Cuối kỳ	CLO1, CLO4, CLO5	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Lê Minh Kha
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ
- Email: minhkhadhqn@yahoo.com Điện thoại liên hệ: 0985948714

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Thị Nguyệt Trinh
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: nguyettrinh76@gmail.com. Điện thoại liên hệ: 0988450918

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình môn học...
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, thực hiện các yêu cầu học tập từ giáo viên...
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc trong học tập, tích cực phát biểu tham gia xây dựng bài...
Quy định về học vụ	Có đầy đủ tài liệu học tập
Các quy định khác	Tình hình chuẩn bị bài ở nhà, tham gia thuyết trình trên lớp sẽ được đánh giá vào điểm quá trình

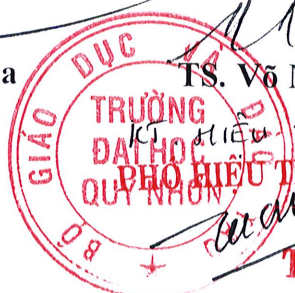
Bình Định, ngày tháng năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN TRƯỞNG BỘ MÔN


 ThS. Lê Minh Kha
 
 TS. Võ Minh Hải

TRƯỞNG KHOA


 TS. Nguyễn Doãn Thuận



TS. Đinh Anh Tuấn

-----o0o-----
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

**HỌC PHẦN: *KIỂU NHÂN VẬT TRONG TRUYỆN CỔ TÍCH VÀ
CÔNG THỨC NGÔN TỪ TRONG CA DAO***

Mã học phần: 2030176

**Tên tiếng Anh: The types of characters in fairy tales and the
form of language in folk poems**

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần:

***CHUYÊN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN
(KIỂU NHÂN VẬT TRONG TRUYỆN CỔ TÍCH VÀ CÔNG THỨC NGÔN TỪ TRONG
CA DAO)***

- Mã học phần: 2030176

Số tín chỉ: 2

- Loại học phần: Tự chọn

- Các học phần tiên quyết: *Văn học dân gian Việt Nam.*

- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):

- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 25 tiết

+ Thảo luận/thuyết trình nhóm: 10 tiết

+ Tự học: 60 giờ.

- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Khoa Ngữ văn

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về kiểu nhân vật nói chung và kiểu nhân vật *Nhân vật xấu xí mà tài ba, nhân vật chàng Ngốc, kiểu nhân vật Người em cụ thể* trong truyện cổ tích và một số công thức ngôn từ trong ca dao. Nội dung học phần được thiết kế theo các nhóm tri thức và kỹ năng sau:

- Chương một cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản: kiểu nhân vật, type truyện, mô típ (motif) nghệ thuật trong truyện cổ tích và công thức ngôn từ truyền thống trong ca dao

- Chương hai giúp người học hiểu biết cơ bản về kiểu nhân vật và tìm hiểu cụ thể một số kiểu nhân vật (type truyện) trong cổ tích Việt Nam: kiểu nhân vật xấu xí mà tài ba, kiểu nhân vật chàng Ngốc, kiểu nhân vật người em.

- Chương ba giúp cho người học hiểu biết cơ bản về những công thức ngôn từ trong ca dao.

3. Mục tiêu của học phần(ký hiệu COs)

- Kiến thức

+ CO1: Trang bị cho sinh viên những đặc trưng cơ bản của văn hóa – văn học dân gian Việt Nam. Từ đó, có ý thức biết phát huy và sử dụng vốn tri thức vô giá này.

+ CO2: Trang bị cho sinh viên cái nhìn liên ngành văn hóa – văn học để có tầm nhìn khái quát và sâu rộng, góp phần hình thành nên kỹ năng cho công việc và cho cuộc sống trong tương lai.

- Kỹ năng

+ CO3: Giúp sinh viên rèn luyện cả kỹ năng bao quát liên ngành và kỹ năng chuyên sâu về một lĩnh vực cụ thể, cả hai kỹ năng này cùng bổ sung cho nhau.

+ CO4: Giúp sinh viên rèn kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề một cách chủ động, độc lập.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO5: Giúp sinh viên rèn nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho tương lai.

4. Chuẩn đầu ra của học phần(ký hiệu CLOs)

Mục tiêu học phần(COs)	Chuẩn đầu ra học phần(CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT(PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Hiểu một cách cơ bản về đặc trưng, thể loại văn hóa, văn học dân gian Việt Nam	PLO3,4,5	M
CO2	CLO2	Có cái nhìn liên ngành và liên văn hóa để có tầm nhìn khái quát và sâu rộng về văn học, văn hóa dân gian	PLO3,4,5	M
Kỹ năng				
CO3	CLO3	Có kỹ năng bao quát liên ngành và kỹ năng chuyên sâu về văn học dân gian	PLO5,6	M

CO4	CLO4	Có kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề một cách chủ động, độc lập.	PLO5.6	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO5	CLO5	Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có ý thức trau dồi và tự nâng cao, bổ sung kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho tương lai.	PLO10,12	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	[1] Đinh Gia Khánh (chủ biên), Chu Xuân Diên, Võ Quang Nhơn (2002), <i>Văn học dân gian Việt Nam</i> . NXB Giáo dục, H..
Tài liệu tham khảo thêm:	[1] Nguyễn Đồng Chi (1956), <i>Lược khảo về thần thoại Việt Nam</i> , NXB Văn Sử Địa, H.. [2] Nguyễn Đồng Chi (2009), <i>Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam</i> (5 tập), NXB Trẻ, HCM. [3] Chu Xuân Diên, Lương Văn Đăng, Phương Trì, <i>Tục ngữ Việt Nam</i> , Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993. [4] Nguyễn Tấn Đắc (2001), <i>Truyện cổ dân gian đọc bằng type và motif</i> , NXB Khoa học xã hội, H.. [5] Cao Huy Đình (1976), <i>Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian Việt Nam</i> , NXB Khoa học xã hội, H.. [6] V. Guxep (1999), <i>Mĩ học Folklore</i> (Hàng Ngọc Hiến dịch), NXB Đà Nẵng. [7] Nguyễn Bích Hà (1999), <i>Thạch Sanh và kiểu truyện dũng sĩ ở Việt Nam và Đông Nam Á</i> , NXB Giáo dục, H..
Các loại học liệu khác:	Trang web: Thư viện ebook t-ve.edu.com

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp giảng dạy tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
[Diễn giảng]	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1, CLO2
[Đàm thoại, vấn đáp]	Tăng cường khả năng đối thoại, mở rộng các vấn đề liên quan	CLO1, CLO4, CLO5
[Bài tập]	Rèn luyện kỹ năng, nâng cao năng lực thực hành, giải quyết vấn đề	CLO3, CLO4
[Nghiên cứu khoa học]	Rèn luyện tư duy nghiên cứu, tiếp cận các đối tượng khoa học	CLO4

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CDR học phần
(1)	(2)	(3)
1 (3 tiết)	<p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp: Chương I. KHÁI NIỆM</p> <p>1. <i>Typ (type)- type truyện :</i></p> <p>2. <i>Mô típ nghệ thuật:</i></p> <p>3. <i>Công thức ngôn từ truyện thống trong cấu trúc của bài ca trữ tình dân gian</i></p> <p>Tự học ở nhà:</p> <p>+ Hiểu được các khái niệm: type, type truyện dân gian, công thức ngôn từ trong ca dao dù lịch.</p> <p>- Chuẩn bị các hiểu biết về truyện dân gian nói chung và truyện cổ tích nói riêng.</p>	CLO1, CLO2
2 (3 tiết)	<p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp</p> <p>Chương II. NHỮNG KIỂU NHÂN VẬT TRONG TRUYỆN CỔ TÍCH THẦN KÌ</p> <p>1. Truyện cổ tích</p> <p>2. Lý thuyết hình thái học Propp về truyện cổ tích thần kì</p> <p>Tự học ở nhà:</p> <p>+ Xác định các tiêu loại của truyện cổ tích, chú ý tiêu truyện cổ tích thần kì và cổ tích sinh hoạt</p> <p>+ Nắm được nội dung lí thuyết hình thái học Propp về truyện cổ tích thần kì</p>	CLO1, CLO3, CLO5

<p>3 (4 tiết)</p>	<p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp: Chương II. NHỮNG KIỂU NHÂN VẬT TRONG TRUYỆN CỔ TÍCH THẦN KỲ (tiếp) 3. Truyện cổ tích Tấm Cám và những truyện cổ tích cùng type truyện Tự học ở nhà: + Tập hợp và đọc các truyện cùng kiểu truyện Tấm Cám + Nắm những điểm giống và khác của kiểu truyện Tấm Cám trên thế giới + Đọc trước các truyện cổ tích thuộc 3 kiểu nhân vật sẽ học ở buổi sau</p>	<p>CLO1, CLO2</p>
<p>4 (3 tiết)</p>	<p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp: Chương II. NHỮNG KIỂU NHÂN VẬT TRONG TRUYỆN CỔ TÍCH THẦN KỲ (tiếp) 4. Kiểu nhân vật trong truyện cổ tích (Kiểu “NHÂN VẬT XẤU XÍ MÀ TÀI BA”, “NHÂN VẬT CHÀNG NGÓC”, “NGƯỜI EM”) Tự học ở nhà: + Nắm được nội dung, cốt truyện và những mô típ có trong 3 kiểu nhân vật trên + Chuẩn bị kiến thức về ca dao</p>	<p>CLO1, CLO2</p>
<p>5 (4 tiết)</p>	<p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp: Chương III. NHỮNG CÔNG THỨC NGÔN TỪ TRONG CA DAO 1. Biểu tượng nghệ thuật trong ca dao 1.1. Khái niệm biểu tượng, biểu tượng nghệ thuật, biểu tượng nghệ thuật trong ca dao. 1.2. Một số biểu tượng nghệ thuật 1.2.1. Biểu tượng nghệ thuật đơn 1.2.2. Biểu tượng nghệ thuật đôi Tự học ở nhà: + Nắm vững các khái niệm liên quan đến biểu tượng. Tìm hiểu một số biểu tượng nghệ thuật đôi và đơn trong ca dao</p>	<p>CLO1, CLO2</p>

	<p>– Tìm ví dụ về những câu ca dao có chung công thức mở đầu</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ</p>	
6 (3 tiết)	<p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp:</p> <p>Chương II. NHỮNG CÔNG THỨC NGÔN TỪ TRONG CA DAO (tiếp)</p> <p>2. Những công thức mở đầu trong ca dao: <i>Thân em như... Chiều chiều,Sáng ngày..., Đố ai..</i></p> <p>3. Những cấu trúc ngôn ngữ</p> <p>3.1. Cấu trúc địa danh</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Đi về + địa danh</i> - <i>Quôn về + địa danh + ăn...</i> <p>Tự học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng hiểu biết về cấu trúc địa danh trong ca dao để giới thiệu về một vùng đất nào đó. - Đọc, tìm hiểu một số công thức/ cấu trúc ngôn từ giảng viên cho trước 	CLO3, CLO4
7 (3 tiết)	<p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp:</p> <p>Chương III. NHỮNG CÔNG THỨC NGÔN TỪ TRONG CA DAO (tiếp)</p> <p>3.2. Các trúc: MỘT, HAI, BA...MƯỜI LÒ (THƯỜNG, YÊU, ...)</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3.2.1. Cấu trúc: MỘT A HAI B ... (B thuộc A) - 3.2.2. Cấu trúc: A BAO NHIÊU a... (THƯỜNG (NHỎ, SẼU...) BẤY NHIÊU (A, a: danh từ; a thuộc A) - 3.2.3. Cấu trúc: ĐÊM NĂM CANH..., NGÀY SAU KHẮC.... - 3.2.4. Cấu trúc: Ax, A', CŨNG x ; By, B' CŨNG y (A, A', B, B' là danh từ; x, y là vị từ) <p>Hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên:</p> <p>Vận dụng, dẫn chứng để bổ sung cho những</p>	CLO1, CLO2

	<p>3.3. Cấu trúc: MỘT A HAI B ... (B thuộc A)</p> <p>3.4. Cấu trúc: A BAO NHIÊU a... THƯƠNG (NHỎ, SẼU...) BẤY NHIÊU (A, a: danh từ; a thuộc A)</p> <p>3.5. Cấu trúc: ĐÊM NĂM CANH..., NGÀY SÁU KHẮC.....</p> <p>3.6. Cấu trúc: Ax, A', CŨNG x ; By, B' CŨNG y (A, A',B,B' là danh từ; x,y là vị từ)</p> <p>Tự học ở nhà: - Ôn bài cũ: + Đặc điểm nội dung và nghệ thuật truyện cười, truyện ngụ ngôn. - Chuẩn bị bài mới: + Hiểu tục ngữ là gì? + Giải thích một số câu tục ngữ</p>	
8 (2 tiết)	Ôn tập	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	Quá trình học tập	<i>Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học</i>	Các buổi học	CLO1, CLO5	40%
		<i>Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tỷ số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng</i>	Các buổi học	CLO5	
		<i>*Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. -Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đầy đủ các luận điểm, diễn đạt rõ ràng, rành mạch...</i>	Giữa kỳ	CLO3, CLO4	
2	Thi kết thúc học phần	<i>Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết. Bài thi được trình bày mạch lạc, sáng rõ, lập luận, diễn đạt chặt chẽ, thể hiện khả</i>	Cuối kỳ	CLO1, CLO4, CLO5	60%

		năng hiểu biết và diễn đạt của sinh viên.			
--	--	---	--	--	--

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Trần Xuân Toàn
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: txtoan2002@gmail.com Điện thoại liên hệ: 0914089171

9.2. Giảng viên 2

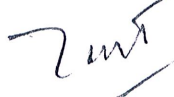
- Họ và tên: Võ Như Ngọc
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: vonhungoc82@gmail.com Điện thoại liên hệ: 0905.049.940

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình môn học...
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, thực hiện các yêu cầu học tập từ giáo viên...
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc trong học tập, tích cực phát biểu tham gia xây dựng bài...
Quy định về học vụ	Có đầy đủ tài liệu học tập
Các quy định khác	Tình hình chuẩn bị bài ở nhà, tham gia thuyết trình trên lớp sẽ được đánh giá vào điểm quá trình

Bình Định, ngày 23 tháng 9 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Trần Xuân Toàn

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Võ Minh Hải

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Doãn Thuận



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN: HỆ THỐNG THỂ LOẠI VĂN HỌC VIỆT NAM TRONG CHƯƠNG TRÌNH PHỔ THÔNG
Mã học phần: 2030085
Tên tiếng Anh: VIETNAM LITERATURE GENERATION SYSTEM IN THE GENERAL PROGRAM

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Hệ thống thể loại văn học Việt Nam trong chương trình phổ thông
- Mã học phần: 2030085 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Tự chọn
- Các học phần học trước: Các học phần Văn học dân gian Việt Nam, Văn học trung đại Việt Nam, Văn học hiện đại Việt Nam.
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 25 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp:
 - + Thảo luận: 10 tiết
 - + Thực hành, thực tập:tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: tiết
 - + Tự học: 55 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa học Xã hội và Nhân văn

2. Mô tả học phần

Học phần giúp sinh viên tiếp tục trang bị những kiến thức chung về thể loại văn học, các thể loại văn học cụ thể trong văn học Việt Nam nói chung và chương trình văn học Việt Nam được giảng dạy ở nhà trường phổ thông nói riêng. Trên cơ sở đó, học phần giúp người học tìm hiểu một số thể loại văn học Việt Nam tiêu biểu, một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu gắn liền với những thể loại đó, góp phần rèn luyện thêm kỹ năng phân tích tác phẩm, tác giả theo phương diện tích hợp một cách toàn diện, hệ thống.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu COs)

- Kiến thức

+ CO1: Giúp sinh viên nắm được những vấn đề lý luận chung về thể loại, quan niệm về thể loại, những cách phân chia thể loại khác nhau trong văn học thế giới và văn học Việt Nam.

+ CO2: Sinh viên nắm được những thể loại tiêu biểu cùng đặc điểm nổi bật của một số các thể loại trong văn học Việt Nam trải qua các quá trình lịch sử như: văn học dân gian, văn học trung đại, văn học hiện đại trong bối cảnh lịch sử - dân tộc cụ thể, sự vận động phát triển, đổi mới của các thể loại qua từng giai đoạn lịch sử.

+ CO3: Sinh viên tìm hiểu được sự vận động, khác biệt trong phong cách thể loại của các tác giả qua từng thời kì lịch sử dân tộc khác nhau, vai trò của họ đối với sự phát triển của lịch sử thể loại văn học.

- Kỹ năng

+ CO4: Hình thành kỹ năng phân tích thể loại, phân tích tác giả, tác phẩm từ góc nhìn thể loại.

+ CO5: Hình thành kỹ năng phân tích một tác phẩm, tác giả văn chương cụ thể tiêu biểu được giảng dạy trong chương trình phổ thông từ góc nhìn thể loại.

+ CO6: Hình thành kỹ năng vận dụng các kiến thức thể loại trong một giai đoạn lịch sử cụ thể để so sánh với những giai đoạn khác, thấy được sự kế thừa, vận động, phát triển liên tục của các thể loại văn học Việt Nam trong toàn bộ tiến trình phát triển của văn học.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO7: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng của môn học đối với những vấn đề mình sẽ học tập và nghiên cứu thuộc chuyên ngành của mình. Từ đó có thái độ học tập nghiêm túc, có cái nhìn hệ thống, liên hệ với các vấn đề trong đời sống.

+ CO8: Sinh viên phải biết phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập mới có khả năng hiểu sâu và vận dụng tốt các kiến thức chung của học phần này.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CLOs)

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLO: Program learning Outcomes) theo mức độ sau: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về khái niệm thể loại,	PLO4,5,6,7	M

		đặc điểm thể loại văn học nói chung, trong nhà trường phổ thông nói riêng		
CO2	CLO2	Hiểu biết về các vấn đề, tác giả, tác phẩm văn học thuộc những thể loại cụ thể, nhìn từ phong cách thể loại	PLO4,5,6,7	M
CO3	CLO3	Bồi dưỡng nhận thức, tình cảm của người học	PLO4,5,6,7	M
Kỹ năng				
CO4	CLO4	Kỹ năng phân tích một tác phẩm, tác giả văn học, nhìn từ phong cách thể loại	PLO8,10	M
CO5	CLO5	Kỹ năng phân tích, tổng hợp để rút ra đặc điểm chung	PLO8,10	M
CO6	CLO6	Kỹ năng vận dụng các kiến thức thể loại văn học trong giai đoạn này để so sánh với những giai đoạn khác, đặt ra cái nhìn hệ thống	PLO8,10	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO7	CLO7	Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, có thái độ học tập nghiêm túc.	PLO14	M
CO8	CLO8	Phát huy tính chủ động và tích cực của người học trong quá trình học tập.	PLO14	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	<p>[1]. Phan Cự Đệ – Trần Đình Hượu – Nguyễn Trác – Nguyễn Hoành Khung – Lê Chí Dũng – Hà Văn Đức (2005), <i>Văn học Việt Nam (1900 – 1945)</i> (tái bản lần thứ chín), NXB Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>[2]. Nguyễn Văn Long (chủ biên) – Nguyễn Thị Bình – Lê Quang Hưng – Trần Hạnh Mai – Mai Thị Nhung – Chu Văn Sơn – Trần Đăng Suyền (2017), <i>Văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945</i>, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.</p>
-------------------	--

	<p>[3]. Trần Đăng Suyên – Lê Quang Hưng (đồng chủ biên), <i>Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945</i>, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.</p> <p>[4]. Lã Nhân Thìn (chủ biên) – Đinh Thị Khang – Vũ Thanh (2001), <i>Giáo trình văn học trung đại Việt Nam, tập 1 và tập 2</i>, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.</p> <p>[5]. Phạm Thu Yên (chủ biên) – Lê Trường Phát – Nguyễn Bích Hà (1997), <i>Giáo trình văn học dân gian – NXB Đại học sư phạm</i>, Hà Nội.</p>
Tài liệu tham khảo thêm:	<p>[6]. Lê Đức Luận (2020), <i>Giáo trình Thi pháp văn học dân gian</i>, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.</p> <p>[7]. Trần Đình Sử (2005), <i>Thi pháp văn học trung đại Việt Nam</i>, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.</p> <p>[8]. Phan Cự Đệ (Chủ biên), Trần Đình Sử, Đinh Văn Đức, Mã Giang Lân, Phan Trọng Thương, Bùi Việt Thắng, Hà Văn Đức, Bích Thu, Lê Dục Tú (2004), <i>Văn học Việt Nam thế kỷ XX – Những vấn đề lịch sử và lý luận</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội.</p>
Các loại học liệu khác:	Các bài viết liên quan trên các tạp chí chuyên ngành.

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1,2,3,7,8
Đàm thoại, vấn đáp	Đặt vấn đề cho sinh viên suy nghĩ, rèn luyện năng lực phân tích, tổng hợp, so sánh cho sinh viên, đồng thời giải đáp những thắc mắc của sinh viên.	CLO4,5,6,7,8
Bài tập	Củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng vận dụng lý thuyết văn học vào việc tìm hiểu, khám phá một thể loại, tác giả, tác phẩm thuộc một thể loại cụ thể.	CLO1,2,3,4,5,6
Thuyết trình	Tạo cơ hội cho sinh viên chủ động tiếp cận kiến thức và thể	CLO7,8

	hiện khả năng trình bày trước tập thể.	
--	--	--

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CDR học phần
(1)	(2)	(3)
1 (6 tiết)	<p>Chương 1: Lý luận về thể loại văn học</p> <p>1.1. Thuật ngữ “thể loại văn học”</p> <p>1.1.1. <i>Khái niệm, đặc điểm</i></p> <p>1.1.2. <i>Vị trí của thể loại trong văn học</i></p> <p>1.2. Các cách phân chia thể loại</p> <p>1.2.1. <i>Các tiêu chí</i></p> <p>1.2.2. <i>Đặc điểm của các thể loại văn học tiêu biểu</i></p> <p>Tự học ở nhà:</p> <p>+ Tìm hiểu một số định nghĩa về thể loại văn học để thấy được sự khác nhau trong quan niệm của giới nghiên cứu.</p> <p>+ Thống kê những thể loại tiêu biểu của các tác phẩm được giảng dạy trong nhà trường phổ thông.</p>	<p>CLO1,2,3,7,8</p> <p>Sinh viên nắm được khái niệm và đặc điểm của thể loại trong văn học.</p> <p>Từ đó, có thể phân chia chính xác các thể loại của các tác phẩm văn học được giảng dạy trong nhà trường phổ thông.</p>
2 (7 tiết)	<p>Chương 2: Thể loại văn học dân gian Việt Nam</p> <p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp:</p> <p>2.1. Lý thuyết chung về văn học dân gian</p> <p>2.1.1. <i>Khái niệm</i></p> <p>2.1.2. <i>Hoàn cảnh xuất hiện</i></p> <p>2.1.3. <i>Đặc trưng</i></p> <p>2.1.4. <i>Sự phân chia các thể loại</i></p> <p>2.2. Hệ thống thể loại văn học dân gian trong chương trình trường phổ thông</p> <p>2.2.1. <i>Loại tự sự</i></p> <p>- Văn xuôi tự sự: thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn</p>	<p>CLO1,2,3,4,5,6,7,8</p> <p>Sinh viên được nhắc lại những lý thuyết chung của văn học dân gian: khái niệm, hoàn cảnh, thể loại đặc trưng. Từ đó, sinh viên có thể hệ thống hóa các tác phẩm trong từng cấp học và phân tích từng tác phẩm dưới góc nhìn</p>

	<p>- Thơ ca tự sự: sử thi, truyện thơ</p> <p>- Các câu nói vần: thành ngữ, tục ngữ, câu đố</p> <p>2.2.2. <i>Loại trữ tình</i></p> <p>- Thơ ca trữ tình nghi lễ</p> <p>- Thơ ca trữ tình sinh hoạt: ca dao lao động, ca dao giao duyên</p> <p>2.2.3. <i>Loại kịch</i>: chèo sân đình, tuồng, múa rối</p> <p>Tự học ở nhà:</p> <p>+ Đọc lại những sáng tác văn học dân gian tiêu biểu trong chương trình phổ thông và thực hành phân tích những tác phẩm ấy trên phương diện đặc điểm thể loại.</p> <p>+ So sánh một số tác phẩm văn học dân gian Việt Nam và nước ngoài trong chương trình phổ thông trên phương diện thể loại.</p> <p>+ Đọc trước chương 3.</p>	<p>thể loại</p>
<p>3 (7 tiết)</p>	<p>Chương 3: Thể loại văn học trung đại Việt Nam</p> <p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp:</p> <p>3.1. Lý thuyết chung về văn học trung đại</p> <p>3.1.1. <i>Khái niệm</i></p> <p>3.1.2. <i>Hoàn cảnh xuất hiện</i></p> <p>3.1.3. <i>Đặc trưng</i></p> <p>3.1.4. <i>Sự phân chia thể loại</i></p> <p>3.2. Hệ thống thể loại văn học trung đại trong chương trình trường phổ thông</p> <p>3.2.1. <i>Văn vần</i></p> <p>- Thơ Đường luật, truyện thơ</p> <p>3.2.2. <i>Tản văn</i></p> <p>- Truyện truyền kì, tiểu thuyết chương hồi, kí</p> <p>Tự học ở nhà:</p> <p>+ Tìm hiểu về một số tác phẩm tiêu biểu thuộc các thể loại phổ biến trong văn học trung đại được đưa vào giảng dạy trong chương trình phổ thông.</p> <p>+ Phân tích, so sánh một số tác phẩm văn học trung đại Việt Nam với một số tác phẩm văn học</p>	<p>CLO1,2,3,4,5,6,7,8</p> <p>Sinh viên được nhắc lại những lý thuyết chung của văn học trung đại: khái niệm, hoàn cảnh, thể loại đặc trưng. Từ đó, sinh viên có thể hệ thống hóa các tác phẩm trong từng cấp học và phân tích từng tác phẩm dưới góc nhìn thể loại</p>

	<p>trung đại Trung Quốc từ phương diện thể loại. + Đọc trước chương 4 và tự đặt câu hỏi về những nội dung chương 4 để thảo luận trên lớp.</p>	
4 (1 tiết)	Kiểm tra	CLO4,5,6,7,8
5 (7 tiết)	<p>Chương 4: Thể loại văn học hiện đại Việt Nam Giảng dạy lý thuyết trên lớp: 4.1. Lý thuyết chung về văn học hiện đại 4.1.1. <i>Khái niệm</i> 4.1.2. <i>Hoàn cảnh xuất hiện</i> 4.1.3. <i>Đặc trưng</i> 4.1.4. <i>Sự phân chia thể loại</i> 4.2. Hệ thống thể loại văn học hiện đại Việt Nam trong chương trình phổ thông 4.2.1. <i>Loại tự sự</i> - Tiểu thuyết, truyện ngắn, phóng sự, kí, tùy bút 4.2.2. <i>Loại trữ tình</i> - Thơ trữ tình, thơ trào phúng, trường ca 4.2.3. <i>Loại kịch</i> Tự học ở nhà: + Suy nghĩ về sự vận động, phát triển của một số thể loại văn học trong văn học Việt Nam từ thời kì trung đại sang thời kì hiện đại. + Phân tích một số tác phẩm thuộc những thể loại tiêu biểu trong văn học Việt Nam hiện đại được giảng dạy trong chương trình phổ thông.</p>	CLO1,2,3,4,5,6,7,8 Sinh viên được nhắc lại những lý thuyết chung của văn học hiện đại: khái niệm, hoàn cảnh, thể loại đặc trưng. Từ đó, sinh viên có thể hệ thống hóa các tác phẩm trong từng cấp học và phân tích từng tác phẩm dưới góc nhìn thể loại
6 (2 tiết)	Ôn tập và thảo luận	CLO4,5,6,7,8

(1): Thông tin về buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục. (3): Liệt kê CDR liên quan của học phần (ghi ký hiệu CLO?).

8. Đánh giá kết quả học tập

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CDR của HP	Trọng số
1	Quá trình học tập	Tính chủ động, tích cực tham gia các hoạt động trong giờ	Các buổi học	CLO7,8	20%

		học.			
		Đi học đầy đủ, vắng không quá 20% số tiết học.	Các buổi học	CLO7,8	
		Sinh viên thực hiện một bài kiểm tra theo đề của giảng viên.	Đầu buổi thứ 6	CLO1,2,3,4,5,6	20%
3	Thi kết thúc học phần	Thi viết. Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	Kết thúc học phần	CLO1,2,3,4,5,6	60%

9. Thông tin về giảng viên

9.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Đình Thu
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: nguyendinhthu84@gmail.com
- Điện thoại liên hệ: 0973 904 948

9.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Chu Lê Phương
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: chulephuongqn@gmail.com
- Điện thoại liên hệ: 0983 455 456

10. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	- Giảng dạy đúng giờ, đúng số tiết quy định - Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình môn học.
Yêu cầu đối với sinh viên	- Đi học đúng giờ, chuyên cần. - Đáp ứng các yêu cầu chuẩn bị bài vở của giảng viên. - Tích cực tham gia thảo luận. - Chủ động hợp tác trong hoạt động học tập.
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc trong học tập, tích cực chủ động tham gia xây dựng bài.
Quy định về học vụ	Có đầy đủ tài liệu học tập.

Các quy định khác	<ul style="list-style-type: none"> - Ăn mặc đàng hoàng, phù hợp với phong cách sinh viên khi vào lớp. - Không sử dụng điện thoại vào việc riêng và gây rối trong giờ học.
-------------------	---


Bình Định, ngày 17 tháng 5 năm 2022


GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA


 1. TS. Nguyễn Đình Thu


 TS. Võ Đình Hải


 TS. Nguyễn Dẫn Chuẩn



2. TS. Chu Lê Phương

K. HIỆU TRƯỞNG
 PH. HIỆU TRƯỞNG


 TS. Đinh Anh Tuấn



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN: ĐẶC TRUNG SONG NGỮ HÁN NÔM VỚI VẤN ĐỀ TIẾP NHẬN TÁC PHẨM VĂN HỌC Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

Mã học phần: 2030086

Tên tiếng Anh: **The feature of bilingual Sino – Nom texts and the reception of literary works in general school**

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: *Đặc trưng song ngữ Hán Nôm với vấn đề tiếp nhận tác phẩm văn học ở trường phổ thông*
- Mã học phần: 2030086 Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Tự chọn
- Các học phần học trước: *Nhập môn Ngữ văn Hán Nôm, Văn bản Hán Nôm, Văn học trung đại Việt Nam 1, 2, 3...*
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 25 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp:
 - + Thảo luận/thuyết trình nhóm: 10 tiết
 - + Tự học: 60 giờ.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa KHXH&NV

2. Mô tả học phần

- Học phần *Đặc trưng song ngữ Hán Nôm với vấn đề tiếp nhận tác phẩm văn học ở trường phổ thông* là chuyên đề nâng cao, giúp sinh viên ngành sư phạm KHXH & NV vận dụng linh hoạt hệ thống kiến thức về ngôn ngữ Hán và Nôm trong quá trình tìm hiểu, tiếp cận, giảng dạy các tác phẩm văn học cổ điển Việt Nam trong nhà trường hiện nay. Giúp sinh viên hệ thống hoá và vận dụng linh hoạt những kiến thức, kiến văn cơ bản về Hán Nôm học đã được trang bị, xây dựng tiền đề tri thức tiếp nhận và tìm hiểu, nghiên cứu những nội dung liên quan đến tác phẩm văn học cổ trung đại Việt Nam.

- Môn học giới thiệu cho sinh viên định hình những kiến thức cơ bản về đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ văn học Hán Nôm và những ảnh hưởng văn hoá của nó đến quá trình tiếp nhận, giảng dạy văn học cổ điển trong nhà trường

- Hình thành và phát triển các kỹ năng đọc hiểu, phân tích vốn từ Hán Việt, điển cố, thi liệu, ngữ liệu Hán Việt, giúp cho sinh viên sư phạm các khối ngành xã hội – nhân văn thuận lợi hơn trong việc tiếp nhận và hướng dẫn, giảng dạy các tác phẩm văn học Hán Nôm trong chương trình Ngữ văn đổi mới của nhà trường phổ thông hiện nay.

Nội dung học phần được thiết kế theo các nhóm tri thức và kỹ năng sau:

- Chương một cung cấp cho người học những kiến thức khái quát về đặc trưng song ngữ trong văn học trung đại Việt Nam và các vấn đề có liên quan
- Chương hai giúp người học hiểu biết cơ bản về đặc điểm ngôn ngữ văn học chữ Hán và chữ Nôm



- Chương hai, ba, bốn, năm giúp cho người học vận dụng linh hoạt những hiểu biết về đặc tính song ngữ của văn học cổ điển Việt Nam để tiếp nhận, giảng dạy những tác phẩm tiêu biểu trong chương trình Ngữ văn bậc THPT đổi mới hiện nay.

3. Mục tiêu của học phần

- Kiến thức:

+ CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành đặc tính song ngữ trong văn học cổ điển Việt Nam và các vấn đề liên quan...

+ CO2: Giúp cho sinh viên hiểu được những đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học chữ Hán, ngôn ngữ văn học chữ Nôm trong quá trình tiếp nhận các tác phẩm văn học Hán Nôm Việt Nam thuộc chương trình Ngữ văn bậc THPT hiện nay.

+ CO3: Giúp sinh viên có thể vận dụng linh hoạt và phát huy những hiểu biết cơ bản về ngôn ngữ Hán Nôm một cách hữu hiệu trong quá trình học tập, nghiên cứu và giảng dạy văn học cổ điển ở nhà trường phổ thông..

- Kỹ năng

+ CO4: Có kỹ năng đọc, viết và hiểu nghĩa của những chữ Hán, chữ Nôm cơ bản và nâng cao, những biến thể của nó trong tác phẩm văn học cổ điển.

+ CO5: Có kỹ nhận diện và phân tích, đánh giá về đặc trưng ngôn ngữ Hán và Nôm trong các thể loại văn học cổ điển Việt Nam.

+ CO6: Kỹ năng tư duy theo hệ thống và làm việc nhóm.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

+ CO7: Nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức vào làm việc, nghiên cứu sau này.

+ CO8: Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu học phần (COs)	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ đạt được
	Ký hiệu	Mô tả		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Kiến thức				
CO1	CLO1	-Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành đặc tính song ngữ trong văn học cổ điển Việt Nam và các vấn đề liên quan... - Giúp cho sinh viên hiểu được những đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học chữ Hán, ngôn ngữ văn học chữ Nôm trong quá trình tiếp nhận các tác phẩm văn học Hán Nôm Việt Nam thuộc chương trình Ngữ văn bậc THPT hiện nay.	PLO1	M

CO1	CLO2	Giúp sinh viên có thể vận dụng linh hoạt và phát huy những hiểu biết cơ bản về ngôn ngữ Hán Nôm một cách hữu hiệu trong quá trình học tập, nghiên cứu và giảng dạy văn học cổ điển ở nhà trường phổ thông..	PLO2	M
CO1	CLO3	-Có kỹ năng đọc, viết và hiểu nghĩa của những chữ Hán, chữ Nôm cơ bản và nâng cao, những biến thể của nó trong tác phẩm văn học cổ điển. -Có kỹ nhận diện và phân tích, đánh giá về đặc trưng ngôn ngữ Hán và Nôm trong các thể loại văn học cổ điển Việt Nam.	PLO1,2	M
CO2	CLO4	Nhận thức được vai trò của ngôn ngữ Hán và Nôm trong tiến trình vận động phát triển của nền văn hóa dân tộc Việt Nam.	PLO4	M
CO2	CLO5	Hiểu được vị trí của nền văn học Hán Nôm của dân tộc Việt Nam trong quá trình hội nhập với văn học thế giới.	PLO2,4	M
Kỹ năng				
CO3	CLO6	-Nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn bộ quá trình tích lũy kiến thức vào làm việc, nghiên cứu sau này. -Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu.	PLO4,9	M
CO4	CLO7	Có năng lực tự thiết kế, trình bày bài thuyết trình, kỹ năng phản biện các vấn đề liên quan đến Ngữ văn Hán Nôm.	PLO9	M
CO5	CLO8	Tự hệ thống hóa, tổng hợp kiến thức của môn học.	PLO9	M
Mức tự chủ và trách nhiệm				
CO6	CLO9	Nhận thấy được tầm quan trọng, vị trí môn học trong toàn	PLO12	M

		bộ quá trình tích lũy kiến thức vào làm việc, nghiên cứu sau này.		
CO7	CLO10	Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, chủ động lĩnh hội tri thức, hình thành thái độ nghiêm túc trong học tập và tự nghiên cứu.	PLO13	M

5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Võ Minh Hải (2009), <i>Văn bản Hán văn trích tuyển</i>, Giáo trình điện tử, Trường Đại học Quy Nhơn. 2. Lê Trí Viễn (chủ biên, 1979), <i>Cơ sở Ngữ văn Hán Nôm (tập 1)</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
Tài liệu tham khảo thêm	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Thị Thanh Chung (2019), <i>Giải nghĩa chữ Hán trong thơ Đường và thơ trung đại Việt Nam</i>, Nxb ĐHSP, Hà Nội. 2. Nguyễn Thị Thanh Chung (2019), <i>Khảo luận hồ sơ tác gia văn học Hán Nôm Việt Nam</i>, Nxb ĐHSP, Hà Nội. 3. Trương Đăng Dung (2013), <i>Tác phẩm văn học nhìn từ lí thuyết tiếp nhận</i>, Nxb KHXH, Hà Nội. 4. Biện Minh Điền (2015), <i>Loại hình văn học trung đại Việt Nam</i>, Nxb Đại học Vinh. 5. Đinh Thị Khang (2016), <i>Văn học trung đại Việt Nam (thể loại, con người, ngôn ngữ)</i>, Nxb ĐHQG, Hà Nội. 6. Phạm Văn Khoái (Chủ biên, 2001), <i>Một số vấn đề chữ Hán thế kỉ XX</i>, Nxb ĐHQG, Hà Nội. 7. Bùi Văn Nguyên, Hà Minh Đức (1971), <i>Thơ ca Việt Nam hình thức và thể loại</i>, Nxb KHXH Hà Nội. 8. Đặng Đức Siêu (2000), <i>Thực hành Ngữ văn Hán Nôm</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội. 9. Trần Đình Sử (1999), <i>Mấy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội. 10. Đinh Phan Cẩm Vân (2015), <i>Tiếp cận thể loại văn học Trung Quốc</i>, Nxb ĐHSP Tp. Hồ Chí Minh.
Các loại học liệu khác:	[phần mềm, cơ sở dữ liệu, trang web]

6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CLO1,2,3
Đàm thoại, vấn đáp	Đặt vấn đề cho sinh viên suy nghĩ, rèn luyện năng lực khái quát hóa và trừu tượng hóa cho sinh viên, đồng thời giải đáp những thắc mắc của sinh viên.	CLO 7

Bài tập	Củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng vận dụng lý thuyết khái quát về Hán văn và Hán văn ở Việt Nam để học tập các môn liên quan.	CLO 9, 10
Thuyết trình	Tạo cơ hội cho sinh viên chủ động tiếp cận kiến thức và thể hiện khả năng trình bày trước tập thể.	CLO 7, 8

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung	CĐR học phần
(1)	(2)	(3)
3 tiết/buổi		
1 (3 tiết)	<p>Chương 1. Đặc trưng song ngữ trong văn học cổ điển phương đông và Việt Nam Giảng dạy lý thuyết trên lớp 1.1. Tình trạng song ngữ trong văn học cổ điển phương Đông 1.2. Hình thức ngôn ngữ như là thủ pháp trong tác phẩm văn học cổ điển Việt Nam</p> <p>Tự học ở nhà + Tìm hiểu về tình trạng song ngữ trong văn học Nhật Bản và Hàn Quốc</p>	CLO1,2,3
2 (3 tiết)	<p>Chương 1. Tác phẩm văn học cổ điển Việt Nam như là hình thức ngôn ngữ đặc trưng 1.3. Đặc trưng song ngữ Hán Nôm với việc hình thành thi pháp văn học trung đại Việt Nam</p> <p>Tự học ở nhà + Bổ sung các ví dụ về quá trình hình thành phát triển của các đặc trưng ngôn ngữ trong thi pháp văn học Nôm + Chứng minh các khuynh hướng Nôm hoá trong văn học Việt Nam như là một hiện tượng văn hoá, lịch sử đặc biệt. * Thảo luận: (1 tiết)</p>	CLO1,2,3
3 (3 tiết)	<p>Chương 2. Đặc trưng song ngữ với việc tiếp nhận tác phẩm văn học Trung Quốc trong nhà trường phổ thông Giảng dạy lý thuyết trên lớp 2.1. Một số đặc điểm khu biệt của ngôn ngữ Hán văn của Trung Hoa và Việt Nam 2.2. Sự đọc và cắt nghĩa tác phẩm văn học Trung Quốc qua hình thức/ cách đọc Hán Việt</p> <p>Tự học ở nhà + Phân tích ví dụ chứng minh một số đặc điểm khác biệt về ngôn ngữ Hán văn ở Việt Nam</p>	CLO1,2,3,7,8

	+ Chuẩn bị bài thuyết trình nhóm về đặc trưng thơ chữ Hán Trung Hoa.	
4 (3 tiết)	<p>Chương 2. Đặc trưng song ngữ với việc tiếp nhận tác phẩm văn học Trung Quốc trong nhà trường phổ thông</p> <p>Sinh viên thuyết trình nhóm về đặc trưng và phân loại từ ghép trong Hán văn (3 tiết)</p> <p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp (1 tiết)</p> <p>2.3. Từ loại và sự linh hoạt của từ loại trong ngôn ngữ tác phẩm văn học Trung Quốc</p> <p>Tự học ở nhà</p> <p>+ Tìm hiểu thêm về sự vận dụng của từ loại Hán văn trong thơ Đường.</p> <p>* Thảo luận: (1 tiết)</p>	CLO1,2,3,7,8
5 (3 tiết)	<p>Chương 3. Tiếp nhận tác phẩm văn học Trung Quốc từ góc độ song ngữ Hán Nôm</p> <p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp:</p> <p>3.1. Hồi hương ngẫu thư (Hạ Tri Chương)</p> <p>3.1.1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm</p> <p>3.1.2. Hệ thống điển cố, thi liệu tiêu biểu</p> <p>3.1.3. Một số phương hướng tiếp nhận tác phẩm Hồi hương ngẫu thư</p> <p>Tự học ở nhà:</p> <p>+ Phân tích những ảnh hưởng văn hoá của Kinh thi đến quá trình hình thành các tác phẩm văn học Trung Quốc</p>	
6 (3 tiết)	<p>Chương 3. Tiếp nhận tác phẩm văn học Trung Quốc từ góc độ song ngữ Hán Nôm</p> <p>Giảng dạy lý thuyết trên lớp:</p> <p>3.2. Khuê oán (Vương Xương Linh)</p> <p>3.2.1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm</p> <p>3.2.2. Hệ thống điển cố, thi liệu tiêu biểu</p> <p>3.2.3. Một số phương hướng tiếp nhận tác phẩm Hồi hương ngẫu thư</p> <p>Tự học ở nhà:</p> <p>+ Phân tích những ảnh hưởng của trường phái biên tải trong thơ Đường đến quá trình hình thành các tác phẩm Chinh phụ ngâm khúc (Đặng Trần Côn)</p>	